

PETER SWANSON



8 LUẬN HOÀN HẢO

Fatass Racoon dịch

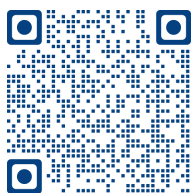
Vạch trần
tâm lý
kẻ phạm tội

Bebooks

Nhà xuất bản
Thanh Niên

8 VỤ ÁN HOÀN HẢO

Tác giả: PETER SWANSON



Sách đổi Ebook:

⇒ Cần ebook của sách mới

⇒ Mua 1 sách mới được 2 ebook

☎ 0907 060 886

Đây là một tác phẩm hư cấu, toàn bộ tên, nhân vật, địa điểm và sự kiện trong tác phẩm là kết quả từ trí tưởng tượng của tác giả và không có sự liên quan đến thực tế. Bất kỳ sự tương đồng nào với những sự kiện, địa điểm, tổ chức, con người dù còn sống hay đã mất đều đơn thuần chỉ là trùng hợp.

~ Viết tặng những công chúa và hoàng tử,
những vị vua và nữ hoàng -
Brian, Jen, Adelaide, Maxine, Oliver và Julius. ~

Dựa theo tình tiết trong những cuốn tiểu thuyết trinh thám kinh điển nổi tiếng bậc nhất, **"8 vụ án hoàn hảo - vạch trần tâm lý kẻ phạm tội"** là một câu chuyện kết hợp giữa thể loại tâm lý và kinh dị giết gần đây hồi hộp trên hành trình tìm ra kẻ sát nhân bí ẩn. Khi mà kẻ thủ ác ấy đã lần lượt gây ra những vụ án giết người theo đúng bản danh sách tám vụ án giết người hoàn hảo do một người kinh doanh sách tên là Malcolm Kershaw biên soạn ra, khiến cả FBI cũng phải đau đầu.

Vậy cuối cùng, kẻ đó là ai? Làm cách nào mà một kẻ giết người tinh ranh lại có thể thực hiện những hành vi giết người dựa theo một bản danh sách?

Tất cả sẽ được giải mã trong cuốn sách này.

Mục lục

Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19
Chương 20
Chương 21
Chương 22
Chương 23
Chương 24
Chương 25
Chương 26
Chương 27
Chương 28
Chương 29
Chương 30
Chương 31
Chương 32

Lời cảm ơn

Chương 1

Cửa chính bật mở, tôi nghe tiếng bước chân của người đặc vụ vang lên trước thềm. Ngoài trời tuyết vừa bắt đầu rơi, thứ không khí tràn vào bên trong cửa hàng qua cánh cửa đang mở mang theo cảm giác nặng nề và nhộn nhạo. Cánh cửa đóng lại phía sau người đặc vụ nọ. Từ lúc tôi đồng ý gặp mặt đến giờ mới chỉ có năm phút đồng hồ trôi qua mà thôi, nên hẳn cô ấy đã đứng chờ sẵn trước cửa lúc gọi điện cho tôi rồi.

Ngoại trừ tôi ra, cả gian hàng không một bóng người. Người ta đã dự báo rằng bắt đầu từ sáng nay đến tối ngày hôm sau tuyết sẽ rơi dày, có thể lên tới hơn nửa mét. Trường công lập Boston đã ra thông báo kết thúc sớm ca học buổi chiều và cho học sinh nghỉ cả ngày tiếp theo. Tôi gọi điện để hai nhân viên trực cửa hàng ngày hôm đó - Emily trực ca sáng và Brandon trực ca tối không cần tới làm. Tôi đăng nhập vào tài khoản Twitter của tiệm sách Old Devils định đăng thông báo rằng chúng tôi sẽ đóng cửa chờ bão qua nhưng không biết vì sao lại đổi ý. Có lẽ tôi không quá thích ý tưởng dành cả ngày trong nhà, một mình.

Nhà tôi chỉ cách cửa hàng có vài trăm mét thôi nên tôi quyết định đi làm, ít nhất như vậy tôi sẽ có thêm một chút thời gian dành cho Nero, sửa lại mấy cái giá sách trông có vẻ sắp oằn

xuống tới nơi hoặc gói xong mấy đơn hàng đặt trên mạng để chờ chuyển đi nữa.

Lúc tôi mở cửa căn nhà trên phố Bury ở khu Beacon Hill, bầu trời đục ngầu xám xịt như màu đá hoa cương, nặng nề như thể tuyết sẽ trút xuống bất cứ lúc nào. Tiệm sách Old Devils không nằm trên tuyến giao thông tấp nập nhưng điều đó chẳng có ảnh hưởng gì lớn tới chuyện làm ăn, bởi chúng tôi chỉ chuyên một dòng sách duy nhất là tiểu thuyết trinh thám mà thôi. Hầu hết khách của tiệm đều tự tìm đến hoặc đơn giản hơn là đặt mua trên mạng. Tôi sẽ chẳng lấy làm ngạc nhiên khi lượng khách đến tiệm vào một ngày thứ năm giữa tháng Hai không lên nổi tới hai con số, trừ khi chúng tôi có tổ chức một sự kiện gì đấy thì nơi đây mới sôi động hơn chút. Dẫu vậy ở đây chẳng bao giờ thiếu việc để làm cả. Nero - chú mèo của tiệm không hề thích việc phải ở một mình mà tôi cũng không nhớ hôm trước mình đã đổ cho nó thêm thức ăn và nước uống hay chưa nữa. Khi tôi vừa bước qua cửa chính thì con mèo đã phóng vèo theo hành lang gỗ cứng ra đón tôi rồi nên khả năng cao là tôi đã quên thật. Nero có bộ lông màu vàng cam, không rõ tuổi tác nhưng chắc chắn là một sự lựa chọn hoàn hảo cho nơi này, bởi lẽ nó có thể chấp nhận (thậm chí là háo hức) sự vuốt ve của người lạ. Tôi với tay bật đèn lên, cho Nero ăn rồi ủ cho mình một bình cà phê. Tầm mười một giờ, Margaret Lumm - một người khách quen, bước vào.

“Hôm nay mà anh vẫn mở cửa à?” Cô ấy hỏi.

“Hôm nay mà chị vẫn ra ngoài à?”

Cô ấy giờ lên hai túi đồ hình như mới gom về từ chỗ của hàng tạp hóa trên đường Charles. “Chuẩn bị không bao giờ là thừa.” Cô ấy nói với chất giọng đầy vẻ quý tộc.

Chúng tôi ngồi nói chuyện về cuốn tiểu thuyết mới nhất của Louise Penny. Hầu hết thời gian là cô ấy nói trong khi tôi ậm ừ cho qua làm như mình đã đọc nó rồi. Dạo gần đây, có rất nhiều cuốn sách tôi phải vờ là mình đã đọc. Đương nhiên là tôi mù tịt về nó, tôi có đọc trước phần nhận xét của những nhà phê bình và phát hành sách lớn cộng thêm một vài trang mạng cá nhân viết bài về nội dung sách nữa. Một trong số những trang mạng như vậy có tên là “*The Armchair spoiler*” với rất nhiều bài viết về nội dung của những cuốn sách mới ra gần đây, đi kèm với phần bàn luận về cái kết của câu chuyện. Tôi đã bội thực văn học trinh thám đương đại rồi, giờ chỉ thỉnh thoảng mới ngồi đọc lại một vài quyển tôi ưa thích từ hồi thơ bé. Đối với tôi mà nói, những trang cá nhân viết về sách kiểu như vậy giờ đã trở thành một phần không thể thiếu. Tôi nghĩ là mình luôn có thể lựa chọn thú thật với mọi người, rằng tôi đã không còn lửa dành cho văn học trinh thám nữa, rằng giờ đây tôi chủ yếu đọc sách lịch sử trước giờ lên giường để dỗ mình vào giấc ngủ, nhưng tôi thích những lời dối gian hơn. Chỉ có một số lượng người rất nhỏ thôi biết được sự thật và ai nấy cũng đều thắc mắc điều gì đã làm nguội đi nhiệt huyết trong tôi, nhưng đây không hẳn là một chủ đề tôi muốn đề cập đến.

Tôi tiến chân Margaret Lumm cùng một bản sách cũ của cuốn *Shake Hands Forever* mà cô ấy chắc chắn tới chín mươi phần trăm rằng mình chưa bao giờ đọc, sau đó tôi ăn bữa trưa

mình mang theo - bánh kẹp salad thịt gà. Tiếng chuông điện thoại vang lên đúng lúc tôi định đóng cửa đi về nhà.

“Xin chào, tiệm sách Old Devils xin nghe.” Tôi nhắc máy

“Làm ơn chuyển máy cho Malcolm Kershaw.” Một giọng nữ vang lên trong ống nghe.

“Là tôi đây.” Tôi trả lời.

“À vâng, tuyệt. Tôi là Đặc vụ Gwen Mulvey từ Cục Điều Tra Liên Bang FBI. Liệu anh có thể dành chút thời gian để trả lời một vài câu hỏi không?”

“À được chứ.” Tôi nói.

“Vậy ngay bây giờ có ổn không?”

“Không vấn đề gì” Tôi đáp và nghĩ rằng cô ấy muốn hỏi qua điện thoại, nhưng thay vào đó cô nói mình sẽ tới ngay và cúp máy. Tôi đứng đó một lúc với chiếc điện thoại trên tay, thử tưởng tượng xem người đặc vụ FBI tên Gwen trông sẽ như thế nào. Chất giọng trên điện thoại có vẻ cộc cằn, thế nên tôi hình dung ra một người phụ nữ gần đến tuổi về hưu, nghiêm túc, lừng lững trong chiếc áo mưa màu nâu tanin.

Một vài phút sau, đặc vụ Mulvey đẩy cửa bước vào với vẻ ngoài khác xa những gì tôi tưởng tượng. Cô ấy tầm ba mươi tuổi, có lẽ vậy, mặc một chiếc quần bò nhét ống bên trong đôi boot màu xanh đậm, một chiếc áo khoác mùa đông phồng to phối cùng chiếc mũ len đan tay có quả bông trên chóp. Cô giậm đôi boot xuống thảm chùi chân, cởi mũ ra và rảo bước qua quầy thanh toán. Tôi vòng ra đón cô ấy và thấy cô vươn tay ra. Một cái bắt tay rất chắc chắn nhưng bàn tay của cô thì lại hơi ươn ướt.

“Đặc vụ Mulvey?” Tôi hỏi.

“À vâng, xin chào.” Những bông tuyết đang dần tan ra trên chiếc áo khoác màu xanh lá, để lại những điểm sẫm màu. Cô lắc đầu và rũ tóc - phần đuôi mái tóc vàng mỏng vẫn còn ướt. “Tôi bất ngờ khi anh vẫn còn chưa đóng cửa đây.” Cô ấy nói.

“Thật ra là tôi cũng định đi về bây giờ.”

“À, ra vậy.” Cô ấy vừa nói vừa vươn tay nâng chiếc túi da đeo chéo trên lưng, nhấc quai qua đầu để tiện kéo khóa áo khoác xuống. “Nhưng mà anh có thời gian, đúng không?”

“Tôi có cả thời gian và sự tò mò nữa. Liệu chúng ta có nên nói chuyện này trong phòng làm việc của tôi ở phía sau không?”

Cô quay người liếc về phía cửa chính, phần gân trên cổ hiện lên rõ ràng trên làn da trắng. “Như vậy anh có thể nghe được tiếng khách bước vào không?” Cô hỏi.

“Tôi không nghĩ là sẽ có khách giờ này, nhưng có, tôi có thể nghe thấy được. Mời cô đi lối này.”

Thực ra văn phòng của tôi chỉ là một góc nằm phía sau tiệm. Tôi lấy ghế mời đặc vụ Mulvey ngồi xuống rồi vòng ra sau bàn làm việc và thả mình xuống chiếc ghế ngả bằng da. Chiếc ghế cũng không còn mới lắm bông dòn bên trong phồng lên nứt dọc theo đường chỉ. Tôi nhích người một chút để có thể nhìn thấy đặc vụ Mulvey qua khoảng trống giữa hai chồng sách trên bàn. “Xin lỗi, tôi hơi vô ý,” tôi nói, “Cô có muốn uống gì không? Tôi vẫn còn một ít cà phê.”

“À không, tôi ổn.” Cô nói trong lúc cởi áo khoác và đặt chiếc túi da - trông giống một cái va li hơn là túi - xuống bên chân.

Bên trong lớp áo khoác là áo len cổ tròn màu đen.

Giờ đây, khi tôi có thể nhìn thấy nhiều hơn về người đặc vụ, tôi nhận ra cô ấy không chỉ có nước da trắng mà ngay cả màu tóc, đôi môi, lông mi, mọi thứ về cô đều dường như trong suốt, ngay cả chiếc kính gọng mảnh cô đang đeo cũng gần như biến mất, hòa làm một với gương mặt. Cứ như thể người nghệ sĩ đã vẽ nên một bức chân dung rồi lấy ngón cái của mình di lên để đường nét của nó trở nên nhạt nhòa vậy, rất khó để mô tả một cách chính xác dung mạo của người phụ nữ đang ngồi trước mặt tôi đây. “Trước khi chúng ta bắt đầu, tôi cần phải làm rõ rằng nội dung của cuộc nói chuyện ngày hôm nay cần được bảo mật. Làm ơn đừng nói với bất cứ ai khác về nó bởi vì những tài liệu sau đây có một số chưa được công khai.”

“Giờ thì tôi thực sự tò mò rồi đấy.” Tôi nhận ra rằng nhịp của mình vừa tăng lên. “Và vâng, chắc chắn, tôi sẽ không tiết lộ điều gì cho bất kỳ ai.”

“Tuyệt vời, cảm ơn anh về sự hợp tác.” Cô nói. Sau đó đặc vụ Mulvey dường như thoải mái hơn với chỗ ngồi của mình, bờ vai cô hạ xuống và cô ấy quay mặt nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Anh đã bao giờ nghe đến cái tên Robin Callahan chưa?” Cô hỏi.

“Về vụ án?” Tôi nói. “Đương nhiên là biết.”

Robin Callahan là một phóng viên địa phương. Tám hơn một năm trước, người ta tìm thấy cô ấy tử vong vì đạn bắn tại nhà riêng ở Concord, cách Boston tám hai mươi lăm dặm về phía Tây Bắc. Vụ án mạng đã án ngữ tại trang đầu của những tờ báo địa phương kể từ đó. Mặc dù cảnh sát đã xác định nghi

phạm là chồng cũ của nạn nhân, nhưng họ không có đủ chứng cứ để tiến hành bắt giam.

“Thế còn Jay Bradshaw thì sao?”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi lắc đầu. “Không, tôi không nghĩ tôi biết.”

“Anh ta sống ở Dennis, gần Cape, được phát hiện đã bị đánh tới chết trong ga-ra.”

“Không” Tôi nói.

“Anh chắc chứ?”

“Chắc chắn.” Tôi khẳng định.

“Thế còn Ethan Byrd?”

“Cái tên nghe quen quen...”

“Cậu ấy là sinh viên trường UMass Lowell, được thông báo mất tích vào tầm một năm trước.”

“À đúng rồi.” Tôi có nhớ vụ án này mặc dù không thể nhớ nổi chi tiết của nó ra sao.

“Tầm ba tuần sau khi mất tích cậu ấy được tìm thấy ở Ashland, thi thể bị chôn ở công viên bang”

“À đúng vậy. Vụ này khá rùm beng trên sóng truyền hình. Ba vụ án này có gì liên quan với nhau sao?”

Cô ấy rướn người về phía trước, vươn tay xuống túi định lấy cái gì đó nhưng giật lại như vừa đổi ý. “Ban đầu chúng tôi không cho rằng ba vụ này có liên quan tới nhau dù cả ba đều là những vụ án chưa phá được. Nhưng rồi có người nhận ra những cái tên.” Cô ấy ngừng nói như thể cho tôi cơ hội để chen lời, sau đó tiếp tục. “Robin Callahan, Jay Bradshaw, Ethan Byrd.”

Tôi ngồi ngẫm nghĩ một lúc. “Tôi cảm thấy mình trượt bài kiểm tra này rồi.”

“Anh có thể từ từ nghĩ cũng được.” Cô nói. “Hoặc là để tôi bật mí luôn nhé.”

“Những cái tên này có liên quan đến các loài chim, phải không?” Tôi hỏi.

Người phụ nữ gật đầu. “Đúng vậy. Robin - chim cổ đỏ, Jay - chim giẻ cùi[*] và Byrd, giống với bird. Tôi biết là nghe có vẻ khiên cưỡng nhưng... nếu không đi vào chi tiết thì đại loại sau mỗi vụ án, đồn cảnh sát gần hiện trường nhất sẽ nhận được một thứ... có vẻ như là thông điệp từ kẻ thủ ác.”

“Vậy là chúng có liên quan tới nhau?”

“Nhìn bề ngoài thì có vẻ như vậy. Nhưng có thể ba vụ án này còn gắn kết với nhau theo cách khác nữa. Nó có gợi anh nhớ tới điều gì không? Tôi muốn hỏi vì anh là một chuyên gia về tiểu thuyết trinh thám.”

Tôi ngửa đầu nhìn lên trần nhà hồi lâu rồi nói. “Quả thực ba vụ án đều có chất tiểu thuyết, như thể khuôn mẫu được lấy ra từ một bộ truyện dài kỳ về một kẻ giết người hàng loạt vậy, hoặc kiểu tác phẩm của Agatha Christie.”

Cô ngồi thẳng người lên. “Có thể cụ thể hơn không? Quyển nào của Agatha Christie?”

“Bằng cách nào đó thì quyển đầu tiên tôi nghĩ tới là *Một nắm lúa mạch* (*A Pocket Full of Rye*). Quyển đó có liên quan đến chim chóc mà nhỉ?”

“Tôi không rõ nhưng đây không phải cái mà tôi đang nghĩ.”

“Nghe cũng có vẻ giống *Sát nhân A.B.C. (The A.B.C. Murders)* nữa.” Tôi nói.

Đặc vụ Mulvey nở nụ cười như thể vừa trúng xổ số vậy. “Đúng rồi, đó chính là quyển tôi đang nghĩ tới.”

“Bởi vì nạn nhân không có điểm liên quan nào khác ngoại trừ cái tên.”

“Chính xác, nhưng đó chưa phải là tất cả. Những bưu kiện được gửi tới đồn cảnh sát có vẻ giống những bức thư được kẻ sát nhân A.B.C. ký tên mà Poirot nhận được trong truyện.”

“Vậy là cô đã đọc rồi nhỉ?”

“Đương nhiên rồi, từ hồi mười bốn tuổi. Tôi đã đọc hầu hết mọi tác phẩm của Agatha Christie, nên hẳn quyển đó không thể nào bị bỏ sót được.”

“Một trong những quyển hay nhất của bà ấy đấy.” Tôi nói sau một thoáng ngập ngừng. Tôi chưa bao giờ quên tình tiết của cuốn truyện này. Một chuỗi những vụ giết người diễn ra và mối liên hệ duy nhất giữa các nạn nhân là cái tên. Đầu tiên là người có viết tắt là A. A bị giết trong một thị trấn có tên bắt đầu bằng chữ A, nạn nhân tiếp theo là B. B ở thị trấn B. Bạn biết tiếp theo là gì rồi đấy. Hóa ra kẻ thủ ác chỉ có một mục tiêu duy nhất thôi nhưng hẳn đã làm vậy để mọi việc trông giống như tác phẩm của một kẻ giết người hàng loạt với vấn đề về tâm thần.

“Anh nghĩ vậy sao?” Người đặc vụ hỏi.

“Vâng. Chắc chắn đó là một trong những quyển có cốt truyện hay nhất.”

“Tôi định đọc lại quyển đó, nhưng mà mới chỉ tìm trên Wikipedia để nhớ lại cốt truyện. Trong truyện còn có một vụ

án thứ tư nữa.”

“Tôi cũng nhớ là vậy.” Tôi nói. “Nạn nhân cuối cùng có chữ D trong tên và hóa ra kẻ sát nhân chỉ đang đánh lạc hướng điều tra sang một gã điên giết người hàng loạt trong khi mục tiêu thực sự của hắn chỉ có một mà thôi. Những vụ khác chỉ là vỏ bọc.”

“Đó là những gì được tổng hợp trên Wikipedia. Trong truyện thì nạn nhân thực sự là người mang cái tên C. C.”

“Đúng vậy.” Tôi bắt đầu thắc mắc tại sao cô ấy lại tới đây. Có phải bởi vì tôi có một tiệm sách chuyên về trinh thám không? Có phải cô ấy cần một ấn bản của quyển *Sát nhân A.B.C.* không? Nhưng nếu như thế thì đâu cần phải chỉ đích danh tôi để gặp mặt chứ, nhất là qua điện thoại nữa? Nếu cần một ai đó làm việc trong một tiệm sách về trinh thám thì cô ấy có thể tới đây và hỏi bất kỳ ai cơ mà.

“Anh có thể nói cho tôi biết thêm điều gì khác về quyển sách đó không?” Cô hỏi, ngừng một lúc rồi nói tiếp. “Anh là chuyên gia mà.”

“Vậy sao?” Tôi nói.

“Không hẳn, nhưng cô muốn biết thêm điều gì?”

“Tôi không biết nữa, điều gì cũng được. Tôi đang mong anh nói cho tôi biết mà”

“Ừ thì, ngoại trừ việc có một người đàn ông kỳ quặc tới tiệm sách mỗi ngày và mỗi lần đều rời đi với một quyển *Sát nhân A.B.C.* mới thì tôi không có gì thêm để tiết lộ cả.”

Lông mày cô nhướng lên một chút trước khi nhận ra rằng tôi đang đùa, ít nhất là đang cố tỏ ra hài hước, rồi nở một nụ

cười nhẹ tỏ ý công nhận. Tôi hỏi, “Cô cho rằng ba vụ án mạng này có liên quan tới quyền sách phải không?”

“Đúng vậy” Cô ấy nói. “Nó mang quá nhiều tính kịch, không thể nào bỏ qua được”

“Có phải cô đang nghĩ rằng có ai đó đang học theo cách thức trong sách để thoát tội không? Rằng có ai đó sát hại Robin Callahan, ví dụ thôi nhé, nhưng thực hiện thêm vài vụ để cả ba trông giống như tác phẩm của một kẻ giết người hàng loạt có nỗi ám ảnh với chim chóc?”

“Có lẽ vậy.” Đặc vụ Mulvey nói và đưa tay day day sống mũi chỗ gần trán. Ngay cả bàn tay nhỏ nhắn của cô ấy cũng trắng, móng tay không có vết sơn. Người phụ nữ lại yên lặng. Đây là một buổi phỏng vấn kỳ lạ với đầy những khoảng lặng. Cô ấy đang hy vọng tôi sẽ điền vào khoảng lặng này, tôi đoán vậy, nhưng tôi đã quyết định rằng mình sẽ không lên tiếng.

Cuối cùng thì cô ấy nói, “Có lẽ anh đang thắc mắc tại sao tôi lại tới đây và nói những chuyện này.”

“Đúng vậy.” Tôi trả lời.

“Trước khi tôi nói lên mục đích thực sự của mình thì tôi cần hỏi thêm về một vụ án khác diễn ra gần đây.”

“Tôi đang nghe đây.”

“Có lẽ anh chưa nghe tin về nó. Một người đàn ông tên Bill Manso được tìm thấy gần đường tàu ở Norwalk, Connecticut hồi đầu xuân. Một khách hàng định kỳ bình thường và chỉ đi trên một chuyến tàu cố định. Mới đầu trông mọi thứ có vẻ giống như ông ấy đã tự sát nhưng giờ thì chúng tôi nghi ngờ

rằng nạn nhân bị sát hại ở nơi khác rồi được đem tới gần đường ray.”

“Không” Tôi lắc đầu. “Tôi không nghe gì về vụ ấy cả.”

“Nó có gọi anh nhớ tới điều gì không?”

“Nó có thể khiến tôi gọi nhớ về điều gì cơ?”

“Cái chết của nạn nhân.”

“Không” Tôi trả lời, nhưng thực ra điều đó không hoàn toàn đúng, nó có gọi lên điều gì đó trong tôi, nhưng tôi không tài nào nhớ ra chính xác được. “Tôi không nghĩ vậy.” Tôi bổ sung.

Cô ấy lại chờ đợi và tôi hỏi. “Vậy mục đích của những câu hỏi này là gì vậy?”

Đặc vụ Mulvey kéo mở chiếc túi da và lấy ra một trang giấy. “Anh có nhớ bản danh sách mình đã đăng trên trang cá nhân của hiệu sách này hồi năm 2004 không? Danh sách mang tên *Tám vụ giết người hoàn hảo* ấy?”

Chương 2

Tôi chẳng lạ lẫm gì với các tiệm sách cả, bởi đó là nơi tôi đã làm việc kể từ hồi những năm 1999 khi mới tốt nghiệp đại học rồi. Đầu tiên là quãng thời gian ngắn ngủi ở tiệm sách Borders nằm ở khu trung tâm Boston, sau đó là trợ lý, quản lý, rồi quản lý cấp cao ở một vài cơ sở tư nhân nằm trong Quảng trường Harvard. Những tiệm sách nhỏ lẻ như vậy đều điều đứng khi gã khổng lồ Amazon chiến thắng trong cuộc chiến độc quyền, như những cúp lều mong manh đổ rạp trong gió bão. Tiệm sách Redline là một trong những chiến binh hiếm hoi còn sót lại, một phần do những khách hàng của nó đa phần là thế hệ trước - những người vẫn còn thiếu một chút tâm thời để hiểu được mua hàng trực tuyến là gì. Phần lớn nguyên nhân còn lại là do người chủ tiệm tên Mort Abrams chẳng cần phải lo tới chi phí thuê mặt bằng vì ông ấy chính là chủ sở hữu mặt bằng đó luôn. Thực ra cả tòa nhà hai tầng đó đều thuộc về Mort cả. Tôi làm việc ở tiệm Redline chừng năm năm, hai năm đầu tiên là trợ lý quản lý, ba năm sau đó được thăng lên làm quản lý cấp cao và là người mua sách bán thời gian nữa. Tôi ưa thích tiểu thuyết, cụ thể hơn là tiểu thuyết trinh thám.

Cũng trong quãng thời gian ấy mà tôi gặp được người phụ nữ sau này sẽ trở thành vợ tôi - Claire Mallory. Cô ấy được thuê làm thu ngân không lâu sau khi bỏ dở con đường học hành ở

Trường Đại học Boston. Năm chúng tôi kết hôn cũng là năm Mort Abrams mất đi người vợ đã chung sống cùng ông suốt ba mươi lăm năm vì căn bệnh ung thư vú. Mort và Sharon sống cách cửa tiệm chừng hai con phố, đã trở nên thân thiết với chúng tôi như những người bạn, thậm chí là cha mẹ thứ hai, và sự ra đi của Sharon giống như chiếc búa tạ giáng vào tất cả mọi người, nhất là khi nó tước đi tất cả nghị lực sinh tồn của Mort. Một năm sau khi bà mất, ông nói với tôi rằng ông dự tính đóng cửa, trừ khi tôi muốn mua lại nó và tự mình vận hành. Tôi đã suy nghĩ, nhưng vào lúc ấy Claire đã rời Redline để làm việc tại một trạm truyền hình cáp ở địa phương còn tôi thì không muốn dành thời gian cho những rủi ro về tiền bạc khi tự mình kinh doanh.

Tôi liên lạc với Old Devils, một tiệm sách trình thám ở Boston và được John Haley - người chủ tiệm lúc đó nhận vào làm việc. Công việc chính của tôi là tổ chức sự kiện, nhưng đồng thời cũng quản lý nội dung trên trang blog cá nhân đang nổi như cồn của cửa hàng - một nơi cho những người yêu trình thám đến bàn luận. Ngày cuối cùng tôi làm việc ở Redline cũng là ngày mở cửa cuối cùng của nó. Mort và tôi cùng nhau khóa lại cửa chính, rồi tôi theo chân ông vào văn phòng, cùng nhau khai chai rượu whiskey mạch nha đơn phủ đầy bụi mà Robert Parker đã gửi tặng từ lâu lắm rồi. Tôi còn nhớ mình đã lo rằng Mort giờ đây khi không còn Sharon bên cạnh, cũng chẳng còn hiệu sách mà ông yêu quý nữa sẽ chẳng thể trụ nổi qua mùa đông. Tôi đã nhầm. Ông ấy đã sống qua mùa đông và cả mùa xuân nữa, nhưng ra đi vào mùa hè năm đó trong ngôi nhà ven

hồ ở Winnepesaukee, một tuần trước khi tôi và Claire dự định ghé thăm.

“Tám vụ giết người hoàn hảo” là bài viết đầu tiên của tôi trên trang của tiệm Old Devils. Lúc ấy John Haley - ông sếp mới đã nhờ tôi viết ra một danh sách những cuốn tiểu thuyết trinh thám mà tôi thích nhất nhưng thay vào đó tôi nảy ra ý tưởng về một danh sách những vụ án hoàn hảo nhất từng được viết. Tôi không biết tại sao lúc đó mình lại không muốn chia sẻ về những quyển sách mình ưa thích, nhưng tôi đã cho rằng viết về những vụ án hoàn hảo có thể thu hút nhiều người đọc hơn. Hồi ấy có những người bỗng nhiên nhờ blog mà đổi đời, trở nên giàu có và nổi tiếng. Tôi còn nhớ có người viết blog về việc mỗi ngày thử nấu một công thức của nữ hoàng văn hóa ẩm thực thế giới - Julia Child, sau đó được xuất bản thành sách, rồi chuyển thể thành phim nữa. Tôi nghĩ lúc đó mình cũng ôm một chút ảo tưởng rằng nền tảng blog cũng có thể giúp mình trở thành một gương mặt đại diện của giới trinh thám hay điều gì đó tương tự. Claire đổ thêm dầu vào ngọn lửa cuồng nhiệt trong tôi, lặp đi lặp lại rằng những bài viết đó có thể trở nên nổi tiếng, rằng tôi đã tìm được định mệnh của mình và trở thành một nhà phê bình văn học trinh thám. Trên thực tế, đam mê của tôi, hoặc ít nhất tôi tin là thế, nằm ở việc kinh doanh sách, thích thú với những giờ phút bận rộn đi kèm với cuộc sống thường nhật của người bán sách, và trên hết, tôi thích đọc - đó mới là đam mê thực sự.

Dẫu vậy, bằng cách nào đó tôi bắt đầu thấy bài viết về những vụ án hoàn hảo còn chưa thành hình của tôi quan trọng hơn so

với thực tế. Tôi sẽ định hình phong cách của cái blog này, biến nó thành một bản tuyên ngôn đồng dạng với thế giới. Tôi muốn nó phải thật hoàn hảo, không chỉ ở câu chữ, mà ngay cả bản danh sách đó cũng phải hoàn hảo. Những quyển sách được lựa chọn phải có cả những cuốn nổi tiếng và cả những “viên ngọc ít người biết tới”. Nó phải đại diện cho thời kỳ hoàng kim của văn học trinh thám nhưng cũng không được bỏ qua những gì thuộc về đương đại. Tôi dành nhiều ngày không ngủ để nặn ra nó, đẽo gọt nó, thêm quyển sách này, bớt cuốn sách kia, nghiên cứu đầu sách nọ mà tôi chưa kịp đọc. Tôi nghĩ nguyên nhân duy nhất tôi có thể hoàn thành bài viết là do John bắt đầu càu nhàu hỏi vì sao tôi chưa đăng lên một bài nào. “Nó chỉ là một cái blog thôi!” Ông ấy nói. “Cứ viết ra cái danh sách đi mà đăng lên, có ai chấm điểm đâu mà sợ.”

Bài viết được đăng lên vừa kịp vào dịp Halloween. Giờ đây mỗi lần đọc lại nó tôi lại thấy gai người. Tôi viết đao to búa lớn quá, đôi chỗ sắc mùi kiêu căng, khao khát mong được công nhận hiện lên rõ mồn một. Tôi đã viết như thế này:

Tám vụ giết người hoàn hảo

Viết bởi Malcolm Kershaw

Trích lời những ngôn từ đã trở thành bất tử của Teddy Lewis trong cuốn Body Heat - cuốn neo-noir^[] tuyệt vời bị người đời quên lãng của Lawrence Kasdan ra đời vào năm 1981: “Mỗi một tội ác ra trò có đến cả năm mươi cách để đổ bể, anh chỉ cần nghĩ được một nửa số đó thôi là đã có thể coi là thiên tài rồi... mà anh thì không*

phải.” Không sai, tuy nhiên lịch sử trình thám đã chứng kiến sự xuất hiện của những tên tội phạm lớn gan dám thách thức điều gần như là bất khả thi mang tên tội ác hoàn hảo, chấp nhận trả giá bằng tính mạng hoặc tù tội. Rất nhiều trong số đó đã thử thực hiện thứ tội ác hoàn hảo tối thượng - là giết người.

Những đầu sách tôi lựa chọn dưới đây là những vụ sát nhân tài tình nhất, khôn ngoan nhất và rõ ràng nhất trong lịch sử dòng tiểu thuyết trình thám. Tôi không nói đây là những cuốn mình ưa thích, cũng không tuyên bố đây là những cuốn hay nhất trong dòng sách mà chỉ đơn thuần là tập hợp những vụ án đã gần chạm tới ranh giới lý tưởng của một vụ giết người hoàn hảo.

Và đây, một danh sách của riêng tôi về những “vụ giết người hoàn hảo.” Tôi xin cảnh báo trước rằng dù bản thân đã rất cố gắng, bài viết sau đây vẫn có những tình tiết nội dung có thể làm hỏng trải nghiệm đọc sách của bạn. Vì vậy nếu bạn chưa từng đọc những quyển sách dưới đây và muốn có một trải nghiệm thật trọn vẹn, tôi đề nghị bạn đọc sách trước khi đến với danh sách của tôi.

The Red House Mystery – Bí ẩn ngôi nhà đỏ (1922) của A. A. Milne

Rất lâu trước khi Alan Alexander Milne viết nên di sản để đời của mình là chú gấu Winnie the Pooh, nếu bạn chưa biết, thì ông đã viết một cuốn tiểu thuyết trình thám hoàn hảo. Cốt truyện nói về một vụ án xảy ra ở miền đồng quê, người anh thất lạc đã lâu của Mark Ablett xuất hiện và hỏi vay tiền. Phát súng oan nghiệt vang lên trong căn phòng khóa kín, người anh thiệt mạng, còn Mark

Ablett biến mất. Cuốn sách này có lắm thứ ly kỳ như những nhân vật cải trang và lối đi bí mật, nhưng nền tảng cơ bản đằng sau kế hoạch của kẻ sát nhân thật sự tài tình.

Malice Aforethought – Kế hoạch hiểm độc (1931) của Anthony Berkeley Cox

Nổi tiếng là cuốn tiểu thuyết trinh thám “ngược” đầu tiên (chúng ta biết nạn nhân và kẻ sát nhân là ai ngay từ trang đầu), đây gần như là một nghiên cứu điển hình về cách đầu độc vợ bạn và thoát tội. Đương nhiên kẻ sát nhân có lợi thế khi là một bác sỹ có thể tiếp xúc với những loại chất độc chết người. Bà vợ khó tính của ông ta chỉ là người đầu tiên, bởi lẽ khi bạn đã thành công trong vụ giết người hoàn hảo đầu tiên, rất khó để tránh khỏi sự cám dỗ thử thêm lần nữa.

The A.B.C. Murders – Sát nhân A.B.C. (1936) của Agatha Christie

Poirot đang theo đuổi một gã “điên” có vẻ như bị ám ảnh với những chữ cái. Nạn nhân đầu tiên là Alice Ascher ở Andover, sau đó là Betty Barnard ở Bexhill và tiếp tục. Đây có thể coi là ví dụ điển hình trong sách giáo khoa về việc che giấu mục tiêu thực sự trong những vụ án khác nhau nhằm đánh lạc hướng điều tra sang một kẻ sát nhân tâm thần giết người hàng loạt.

Double Indemnity – Khoản bồi thường gấp đôi (1943) của James M. Cain

Đây là tác phẩm của Cain mà tôi thích nhất, phần nhiều là do cái kết ảm đạm đậm tính nhân quả. Trọng tâm của vụ án - một nhân viên bảo hiểm và người phụ nữ xinh đẹp lên kế hoạch ám sát chồng cô ta - được thực hiện vô cùng tài tình. Đây là một tình huống dàn cảnh giết người điển hình. Người chồng bị giết trong vụ đâm xe rồi đặt lên đường ray xe lửa để tạo hiện trường như thể ông ta vô tình rời khỏi toa, đi hút thuốc phía đuôi tàu. Walter Huff - tên tình nhân là nhân viên bảo hiểm của người vợ đã hóa trang thành người chồng và cố tình để nhân chứng trên tàu nhìn thấy.

Strangers on a Train - Người lạ trên tàu (1950) của Patricia Highsmith

Tôi coi đây là vụ án khéo léo nhất trong tất cả. Hai người đàn ông lên kế hoạch trao đổi mục tiêu cho nhau, đảm bảo rằng người kia có bằng chứng ngoại phạm trong thời gian người còn lại gây án. Bởi vì cả hai không có mối liên quan nào cả - họ tình cờ gặp nhau và nói chuyện thoáng qua trên tàu - những vụ án sau đó lâm vào bế tắc, ít nhất ý tưởng là vậy. Tác giả Highsmith dù đã nghĩ ra một cốt truyện tài tình lại ưa thích khía cạnh lương tâm và áp bức hơn, về một người áp đặt ý muốn của mình lên người khác. Cuốn tiểu thuyết này vừa thú vị vừa sa đọa tới tận gốc rễ, giống như hầu hết những tác phẩm khác của Highsmith.

The Drowner-Chết trong làn nước (1963) của John D.MacDonald

MacDonald, tôi lựa chọn ông là một bậc thầy ít tiếng tăm về thể loại trinh thám giả tưởng bối cảnh những năm giữa thế kỷ XX. Ông quá mức tập trung vào tâm lý kẻ thủ ác để giữ kín danh tính của hắn tới cuối cùng. Chết trong làn nước là một ngoại lệ, và là một ngoại lệ tuyệt vời. Kẻ thủ ác sáng tạo ra cách để chìm chết nạn nhân nhưng trông giống hệt như tai nạn.

Deathtrap – Bẫy tử vong (1978) của Ira Levin

Đây không phải là tiểu thuyết mà là một vở kịch nhưng tôi vẫn khuyến khích bạn đọc nó và xem bộ phim chuyển thể tuyệt vời sản xuất vào năm 1982. Bạn sẽ không bao giờ nhìn Christopher Reeve với con mắt cũ nữa. Đây là một vở kịch trinh thám tài tình hòa trộn hoàn hảo cả tính chân thực và trào phúng. Vụ án đầu tiên - người vợ với bệnh tim - được xây dựng một cách tài tình nhưng không hề khó hiểu. Đột quy được coi là nguyên nhân tử vong tự nhiên dù cho có người cố tình gây ra.

The Secret History – Bí sử (1992) của Donna Tartt

Giống như cuốn Kế hoạch hiểm độc, đây cũng là một quyển trinh thám ngược. Một nhóm học sinh ở Đại học New England đã sát hại bạn học. Ta biết được kẻ sát nhân là ai trước khi biết được động cơ. Cách thức giết người cũng đơn giản - Bunny Corc bị đẩy xuống khe núi trong chuyến chạy bộ định kỳ mỗi Chủ Nhật. Điều làm nó trở nên nổi bật là lời giải thích của kẻ đầu sỏ Henry Winter, rằng họ đã “cho phép Bunny tự chọn mình sẽ chết trong bối cảnh như thế nào.” Cả nhóm không hề chắc chắn về lộ tuyến chạy bộ của

nạn nhân ngày hôm đó nhưng đã chờ ở những địa điểm khả thi khiến cho vụ án trông giống tai nạn nhất có thể. Những gì diễn ra sau đó là những khám phá lạnh người cùng đau thương và tội lỗi.

Thực tế là lập nên danh sách này không hề dễ. Những tưởng rằng tìm ra những vụ giết người hoàn hảo trong tiểu thuyết không khó nhưng hóa ra tôi đã nhầm. Đó là lý do tại sao tôi lại cho *Bầy tử vong* vào danh sách dù cho nó là một vở kịch chứ không phải tiểu thuyết. Tôi chưa từng đọc kịch bản gốc của biên kịch Ira Levin, thậm chí chưa từng xem vở kịch đó nữa mà chỉ ưa thích bộ phim thôi. Giờ nhìn lại, rõ ràng là *Chết trong làn nước* - cuốn sách ưa thích của tôi không thực sự phù hợp trong danh sách này. Kẻ thủ ác trốn dưới đáy hồ với bình oxy, sau đó kéo nạn nhân xuống. Nó là một ý tưởng thú vị nhưng không chắc chắn và cũng không rõ ràng. Làm sao mà kẻ thủ ác có thể biết được cần chờ đợi ở đâu? Nếu có người khác ở cùng trong ao thì sao? Tôi cho rằng nếu thực hiện thành công thì hiện trường trông sẽ giống như một vụ tai nạn thật, nhưng nguyên nhân tôi cho nó vào danh sách là do tôi ưa thích John D. MacDonald. Tôi muốn một thứ gì đó không quá nổi tiếng, chưa được chuyển thể thành phim rạp.

Sau khi tôi đăng bài lên, Claire nói rằng cô ấy thích cách hành văn của tôi và sếp John thì thở phào vì cuối cùng cũng có bài đăng. Tôi chờ đợi những bình luận xuất hiện, cho phép mình tưởng tượng ra viễn cảnh bài viết khơi mào cả một trào lưu trên mạng, người đọc tràn vào để bình luận về những vụ án họ ưa thích, NPR - Đài Phát thanh Quốc gia sẽ mời tôi lên sóng để bàn luận về chủ đề này. Cuối cùng thì bài viết chỉ có vồn vện

hai bình luận. Đầu tiên là *SueSnowden* viết: “Ôi giờ tôi có thêm nhiều sách muốn đọc quá!”, còn lại là *ffolliot123* viết: “Bất cứ ai lập danh sách những vụ án hoàn hảo mà không có ít nhất một cuốn của John Dickson Carr thì rõ ràng là họ chẳng biết cái quái gì cả.”

Vấn đề là tôi không cách nào thích được truyện của John Dickson Carr, mặc dù bình luận đó không hẳn là vô lý. Carr là chuyên gia về những vụ giết người trong phòng kín, những vụ án không tưởng. Bây giờ thì nghe có vẻ kỳ quặc chứ hồi đó tôi cực kỳ bận tâm cái bình luận đó, có lẽ là vì tôi cũng đồng ý với nó phần nào. Thậm chí tôi đã suy nghĩ đến việc viết thêm một bài đăng khác kiểu như “*Thêm tám vụ giết người hoàn hảo nữa*”. Nhưng thay vào đó, bài viết tiếp theo tôi đăng là danh sách những cuốn tiểu thuyết ưa thích của tôi trong năm vừa qua và tôi chỉ mất tầm một giờ để viết. Tôi cũng tìm ra cách dẫn link tới cửa hàng trực tuyến của tiệm Old Devils làm John mừng húm. “Đúng rồi Mal ạ, chúng ta đang cố bán sách mà,” ông nói, “đâu phải khơi mào tranh cãi đâu.”

Chương 3

Ước vụ Mulvey đưa ra tờ giấy với bài viết của tôi in phía trên. Tôi nhận lấy nó, nhìn lướt qua rồi nói: “Tôi có nhớ, nhưng đã lâu lắm rồi.”

“Anh có nhớ những quyển sách mình đã chọn không?”

Tôi liếc xuống tờ giấy thêm lần nữa, ánh mắt dừng lại ngay dòng chữ “*Khoản bồi thường gấp đôi*” và tôi bất ngờ nhận ra lý do tại sao cô ấy lại đến đây. “Ồ.” Tôi nói. “Người đàn ông trên đường tàu, có phải cô cho rằng vụ án đó ăn theo tình huống trong quyển *Khoản bồi thường gấp đôi*?”

“Tôi cho rằng điều đó có khả năng xảy ra. Nạn nhân thường xuyên đi tàu. Cho dù địa điểm tử vong là ở nơi khác, rõ ràng có ai đó đã làm hiện trường trông giống như ông ấy đã nhảy tàu tự sát. Khi tôi vừa nghe đến đây, tôi ngay lập tức liên tưởng đến *Khoản bồi thường gấp đôi*. Bộ phim thì đúng hơn, vì tôi chưa đọc cuốn này.”

“Và cô đến gặp tôi bởi vì tôi đã đọc nó rồi?” Tôi hỏi.

Đặc vụ Mulvey chớp chớp mắt rồi lắc đầu. “Không, nguyên thực sự là do tôi cho rằng những vụ án này có thể cố tình học theo phim ảnh, hoặc tiểu thuyết. Tôi đã tìm kiếm trên google xem có những kết quả nào chứa cùng lúc cả *Khoản bồi thường gấp đôi* lẫn *Sát nhân A.B.C.* hay không. Tôi đã tìm ra danh sách của anh như thế đấy.”

Cô đặc vụ nhìn tôi với ánh mắt mong đợi, nhìn thẳng vào mắt tôi, trong khi tôi thì lảng tránh và nhìn vào vầng trán cùng đôi lông mày mờ nhạt như không có của cô. “Vậy tôi cũng là một nghi phạm sao?” Tôi nói, rồi bật cười.

Cô ấy hơi ngả người ra sau một chút. “Anh không phải là một nghi phạm chính thức, nếu không thì đã không chỉ có mình tôi ở đây và đặt câu hỏi. Tuy nhiên, quả thật tôi đang điều tra khả năng rằng tất cả những vụ án này đều có cùng hung thủ, và kẻ đó đang bắt chước bản danh sách của anh một cách có chủ đích.”

“Làm sao mà chỉ có mỗi bản danh sách của tôi là đề cập đến cả hai quyển *Khoản bồi thường gấp đôi* và *Sát nhân A.B.C.* được?”

“Không hẳn nhưng thực ra cũng gần gần như vậy. Dù sao thì bản danh sách của anh cũng là bản ngắn nhất trong tất cả. Cả hai quyển sách đều tồn tại trong những bản danh sách khác nữa, nhưng chúng đều dài hơn, kiểu như “Một trăm đầu sách trình thám bạn phải đọc ít nhất một lần trong đời” ấy, hơn nữa chủ đề viết về những vụ án mạng hoàn hảo làm anh nổi bật hơn hẳn. Anh nhắc tới tám quyển sách, anh làm ở một tiệm sách trình thám ở Boston còn tất cả những vụ án mạng này đều diễn ra ở New England. Nghe này, mọi thứ đều có thể chỉ là trùng hợp nhưng tôi cho rằng nó đáng bỏ công sức ra điều tra”

“Tôi hiểu rằng quả thực trông có vẻ như có ai đó đang ăn theo quyển *Sát nhân A.B.C.* nhưng còn thi thể ở gần đường ray thì sao? Bảo nó lấy từ trong quyển *Khoản bồi thường gấp đôi* có hơi khiên cưỡng không?”

“Anh còn nhớ rõ nội dung quyển đó chứ?”

“Có, nó là một trong những quyển sách ưa thích của tôi.” Điều này là thật. Tôi đọc được quyển *Khoản bồi thường gấp đôi* vào năm mười ba tuổi, nó làm tôi rung động tới mức tìm kiếm cả bản phim của Fred MacMurray và Barbara Stanwyck ra đời vào những năm 1944. Bộ phim đó kéo tôi xuống hố sâu của dòng phim noir^[*]. Suốt những năm tháng thiếu niên tôi đã sục sạo khắp các tiệm băng đĩa chất đầy những thước phim kinh điển. Những bộ phim dòng noir sau này tôi xem không thể nào áp đảo được cảm giác lần đầu ấy. Đôi khi tôi đã nghĩ rằng những gì Miklós Rózsa đã làm được trong bộ phim vĩnh viễn in sâu vào trong tim tôi rồi.

“Vào ngày Bill Manso được tìm thấy trên đường ray, một trong những cửa sổ thoát hiểm khẩn cấp của con tàu bị ai đó phá mở, gần với vị trí của thi thể”

“Vậy có thể ông ấy đã tự sát?”

“Không thể nào, chuyên viên điều tra hiện trường có thể thấy được nạn nhân bị sát hại ở một nơi khác rồi mới bị bỏ lại trên đường ray, bên giám định pháp y cũng nói rằng nguyên nhân tử vong là chấn thương vùng đầu do tác động của một vật cùn, có thể là một loại vũ khí nào đó.”

“Vậy sao?” Tôi nói.

“Điều đó có nghĩa là có ai đó, khả năng cao là hung thủ hoặc đồng phạm, đã có mặt trên tàu và phá cửa sổ để nguy tạo hiện trường thành vụ tự sát.”

Lần đầu tiên trong suốt quãng thời gian nói chuyện tôi có cảm giác lo lắng. Trong cuốn tiểu thuyết và phim đều có một

nhân viên bảo hiểm phải lòng vợ của ông giám đốc điều hành ngành dầu khí và họ cùng nhau âm mưu sát hại ông ta cả vì tình lẫn tiền. Nhân viên bảo hiểm nợ - Walter Huff đã làm giả một chính sách bồi thường tai nạn về Nirdlinger - chính là nạn nhân. Trong đó bao gồm điều khoản “bồi thường gấp đôi” trong trường hợp tử vong ở trên tàu. Walter và Phyllis - người vợ đã bẻ cổ nạn nhân ở trên ô tô, sau đó Walter đóng giả nạn nhân và lên tàu. Anh ta đeo một lớp bó bột giả ở chân và chống nạng vì Nirdlinger thật sự cũng bị gãy chân trong khoảng thời gian gần đây. Lớp bó bột là bằng chứng hoàn hảo vì nó sẽ thu hút cái nhìn của những nhân chứng trên tàu. Hành khách sẽ nhớ một người đàn ông phải bó bột ở chân nhưng sẽ không mấy ai chú ý đến gương mặt của Nirdlinger giả. Anh ta đi tới khoang hút thuốc ở cuối tàu và nhảy xuống, sau đó Walter và Phyllis bỏ lại thi thể của nạn nhân ở bên đường ray để mọi thứ trông giống như người chồng đã chết khi ngã khỏi tàu.

“Vậy ý của cô là có người cố tình làm nó giống với vụ án trong *Khoản bồi thường gấp đôi* sao?” Tôi nói.

“Đúng vậy.” Cô ấy trả lời. “Dù thực ra chỉ có mỗi mình tôi là tin vào sợi dây liên kết này thôi.”

“Còn những người khác thì sao?” Tôi hỏi. “Những nạn nhân khác ấy.”

Đặc vụ Mulvey nhìn lên rìa nghiêng của trần văn phòng rồi nói, “Tất cả những gì chúng tôi biết là không có mối liên kết nào khác giữa những vụ án đó ngoại trừ việc nó cùng xảy ra ở New England và trông giống như ăn theo những vụ án trong tiểu thuyết.

“Những cuốn trong bản danh sách của tôi.”

“Đúng vậy, bản danh sách của anh là một câu nổi khả thi, nhưng nó vẫn còn một đầu dây liên kết nữa... không hẳn là một mối liên hệ nhưng tôi có cảm giác rằng tất cả nạn nhân cho đến nay đều... dù không làm gì đến mức không thể tha thứ nhưng cũng chẳng thể coi là tốt đẹp. Tôi không chắc có ai trong số họ được nhiều người ưa thích đâu.”

Tôi ngồi nghĩ một lúc. Căn phòng dần dần tối lại trong ánh trời chiều làm tôi vô thức nhìn xuống đồng hồ nhưng thực tế thì giờ mới chỉ là đầu giờ chiều mà thôi. Tôi nhìn lại căn phòng làm kho có hai cánh cửa sổ hướng tới con ngõ sau tối tăm. Tuyệt đã bắt đầu động trên bậc cửa, phần còn lại thì tối đen như mực. Tôi bật đèn bàn lên.

“Lấy ví dụ,” cô ấy tiếp tục, “Bill Manso là một nhà môi giới đầu tư đã ly hôn. Điều tra viên cho biết các con của ông ta nói rằng mình đã không gặp bố trong hơn hai năm trở lại đây, và ông ta không phải là bậc phụ huynh lý tưởng. Rõ ràng là họ không ưa bố mình lắm. Còn Robin Callahan - như anh đã đọc được rồi đấy, là một người gây khá nhiều tranh cãi.”

“Nhắc lại về người đó đi.”

“Tôi đoán là cách đây vài năm cô ta đã làm tan vỡ cuộc hôn nhân của đồng nghiệp, sau đó là đập đổ hôn nhân của chính mình và gần đây mới viết một cuốn sách phản đối chế độ một vợ một chồng. Rất nhiều người không ưa cô ta và nếu gõ cái tên trên google thì...”

“Kết quả không được tốt đẹp lắm nhỉ?”

“Đúng, chẳng ai làm hài lòng tất cả mọi người cả, nhưng để trả lời cho câu hỏi của anh thì tôi cho rằng tất cả những nạn nhân cho tới thời điểm này đều không hẳn là những công dân mẫu mực.”

“Cô cho rằng có ai đó đã đọc danh sách những vụ án của tôi, sau đó quyết định học theo những cách thức giết người trong đó? Và kẻ đó cho rằng theo một cách nào đó nạn nhân là những kẻ đáng chết? Giả thuyết của cô là như vậy phải không?” Tôi nói.

Cô ấy bậm môi làm chúng càng trở nên tái nhợt rồi nói, “Tôi biết nó nghe thật nực cười...”

“Hay cô cho rằng tôi, người đã viết nên danh sách đó, quyết định tự mình đem nó ra thử nghiệm?”

“Nghe cũng nực cười không kém.” Cô ấy nói. “Tôi biết là thế. Nhưng rõ ràng mọi thứ không đơn thuần chỉ là trùng hợp đúng không? Rằng một ai đó học theo cốt truyện trong cuốn tiểu thuyết của Agatha Christie, cùng lúc đó lại có một kẻ khác ngụy tạo hiện trường tai nạn trên đường tàu như trong...”

“Trong cuốn tiểu thuyết của James Cain.” Tôi tiếp lời.

“Đúng vậy.” Cô nói. Trong thứ ánh sáng vàng tỏa ra từ chiếc đèn bàn trông mặt đặc vụ Mulvey như thể đã không ngủ trong suốt ba ngày vậy.

“Cô tìm thấy mối liên quan giữa những vụ án từ bao giờ?”

“Ý anh là tôi tìm thấy danh sách của anh lúc nào sao?”

“Phải, có thể coi là vậy.

“Ngày hôm qua. Tôi cũng đặt mua hết những quyển đó và đọc trước phần tổng kết cốt truyện trên mạng rồi, nhưng sau

đó tôi quyết định trực tiếp đến tìm anh. Tôi đã hy vọng anh có thể cung cấp một vài thông tin mới, rằng có lẽ anh có thể liên kết một vài vụ án chưa được phá gần đây với danh sách mình đã viết. Tôi biết nó là hy vọng xa vời, nhưng...”

Tôi nhìn xuống tờ giấy in cô ấy đưa, gọi bản thân nhớ lại về tám cuốn sách mình đã chọn. “Một số trong những vụ án này...” tôi nói, “cô không thể học theo chúng một cách chính xác hoàn toàn được, kể cả có thể thì cũng rất khó phát hiện ra.”

“Ý anh là sao?” Cô hỏi.

Tôi nhìn lướt qua danh sách. “Bấy tử vong, vở kịch của Ira Levin, cô có biết về nó không?”

“Tôi có nhưng anh cứ nhắc lại đi.”

“Nguyên nhân tử vong của cô vợ là do bị hù dọa gây nên cơn đau tim. Tất cả đều là do người chồng và gã bạn trai của anh ta dàn dựng cả. Đây là một vụ giết người hoàn hảo, đương nhiên, bởi vì chẳng ai có thể chứng minh được một người chết vì đau tim thực ra là bị sát hại. Giả dụ có người định bắt chước nó đi, thì điều đầu tiên là làm một ai đó lên cơn đau tim không hề dễ và đưa nó ra ánh sáng còn phức tạp hơn. Tôi cho rằng cô chưa tìm thấy một nạn nhân tử vong vì đau tim một cách đáng ngờ đâu nhỉ?”

“Thực ra là có đấy.” Cô nói, và lần đầu tiên kể từ khi bước vào cửa hàng đến giờ tôi thấy một vệt thỏa mãn ánh lên trong mắt người đặc vụ. Cô ấy thực sự tin rằng mình đã nắm bắt được đầu mối ẩn giấu.

“Tôi không thực sự biết nhiều về vụ đó, nhưng...” cô tiếp tục, “có một người phụ nữ tên Elaine Johnson đến từ Rockland,

Maine tử vong vì lên cơn đau tim tại nhà hồi tháng Chín vừa qua. Bà ấy vốn có bệnh tim nên trông nó có vẻ như đây là cái chết tự nhiên, nhưng có dấu hiệu cho thấy có kẻ đã đột nhập vào căn nhà.”

Tôi vân vê phần dải tai, “Như một vụ trộm?”

“Đó là kết luận của phía cảnh sát. Có kẻ đã đột nhập vào căn nhà để trộm cắp hoặc tấn công người phụ nữ, nhưng cô ấy lên cơn đau tim ngay khi nhìn thấy những tên trộm nên bọn chúng đã bỏ trốn.

“Căn nhà không mất gì sao?”

“Phải, căn nhà không mất thứ gì.”

“Tôi không chắc.” Tôi nói.

“Nhưng nghĩ thử mà xem nhé.” Cô ấy nhích một chút về phía trước. “Giả dụ anh muốn giết một ai đó bằng cách lợi dụng bệnh tim. Đầu tiên, anh chọn một người có tiền sử bệnh tim, như trong vụ này là Elaine Johnson. Sau đó anh lẻn vào nhà nạn nhân - nơi bà ta sống một mình, đeo đồ hóa trang kinh dị rồi nhảy bổ ra từ trong tủ quần áo. Bà ta chết, anh thành công giết người, y như trong truyện.”

“Thế nhờ mọi chuyện không suôn sẻ thì sao?”

“Thì bọn chúng chỉ cần bỏ chạy thôi, bà ấy cũng đâu có nhận dạng được lũ trộm đâu.”

“Nhưng người ta vẫn có thể gọi điện báo cảnh sát mà”

“Đương nhiên rồi.”

“Có báo cáo nào về vụ việc tương tự xảy ra không?”

“Không, ít nhất là tôi không thấy có tình huống nào tương tự nhưng điều đó chỉ cho thấy rằng chúng đã thành công ngay

từ lần thử đầu tiên rồi.”

“Có thể lắm.”

Đặc vụ Mulvey lại im lặng một lúc. Tôi nghe thấy tiếng móng gõ lên mặt sàn chứng tỏ Nero đang chạy về phía chúng tôi dọc theo mặt sàn gỗ cứng. Cô ấy nghe tiếng và quay lại nhìn chú mèo của tiệm, để cho nó ngửi tay mình và vuốt ve chú mèo cực kỳ điệu nghệ. Nero co người và nằm lăn ra sàn rên gừ gừ.

“Cô hẳn là có nuôi mèo phải không?”

“Tôi có hai bé. Bé mèo này về nhà cùng anh hay ở luôn lại tiệm?”

“Nó ở luôn tại đây đây. Đối với nó, cả thế giới là hai căn phòng ngập sách và hàng tá người lạ, thỉnh thoảng vài người trong số họ lại cho nó đồ ăn.”

“Nghe thích nhỉ”

“Tôi nghĩ vậy, phải đến một nửa số khách đến đây chỉ vì nó thôi đấy.”

Nero ngồi dậy, cẳng người và lần lượt duỗi chân sau ra rồi đứng đĩnh đi ra ngoài quầy.

“Vậy đó là những gì cô cần ở tôi phải không?” Tôi hỏi.

“Nếu như thực sự có kẻ nào đó đang lợi dụng bản danh sách của anh để giết người thì anh chính là chuyên gia chúng tôi cần..”

“Tôi không chắc lắm.”

“Ý tôi là, anh là chuyên gia về những đầu sách trong danh sách đó, đây là những quyển sách ưa thích của anh mà.”

“Chắc là vậy.” Tôi nói. “Tôi viết cái danh sách đó từ lâu lắm rồi, còn có quyển này quyển nọ nữa đấy.”

“Dẫu vậy thì ý kiến của anh cũng không bao giờ là thừa. Tôi hy vọng anh sẽ xem qua một vài vụ án mà tôi đã tổng hợp lại - một danh sách những vụ án chưa có lời giải ở khu vực New England trong vài năm trở lại đây. Tôi mới làm nó tối qua thôi, thông tin chung chung” Cô ấy lôi ra một tập hồ sơ từ trong cặp ra. “Và tôi hy vọng anh sẽ nhìn qua một chút, xem có bất kỳ ai trong số các nạn nhân có vẻ liên quan đến những quyển sách anh đã chọn hay không.”

“Không vấn đề gì.” Tôi vừa nói vừa nhận lấy tập hồ sơ. “Những giấy tờ này cũng cần bảo mật sao?”

“Hầu hết những thông tin tôi tổng hợp lại đều đã được công khai. Tôi sẽ xem kỹ hơn những vụ án anh cho là tiềm năng. Thật lòng mà nói thì tôi đang cầu may thôi. Tôi đã xem qua những vụ án đó rồi, chỉ là bởi vì anh đã đọc hết những quyển sách.”

“Tôi cũng sẽ phải đọc lại một vài quyển nữa.” Tôi nói.

“Vậy là anh sẽ giúp tôi.” Cô ấy ngồi thẳng dậy và gần như nở nụ cười. Đặc vụ Mulvey có phần môi trên hơi ngấn và tôi có thể nhìn thấy phần lợi mỗi khi cô nói.

“Tôi sẽ cố.” Tôi nói.

“Cảm ơn, và còn một điều nữa. Tôi đã đặt mua hết những đầu sách đó rồi nhưng nếu anh có ngay tại đây thì tôi có thể bắt đầu luôn.”

Tôi kiểm tra danh mục lưu trữ trên máy tính và thấy rằng mình còn một vài quyển *Khoản bồi thường gấp đôi*, *Sát nhân A.B.C.* và *Bí sử*, cộng thêm một quyển *Bí ẩn ngôi nhà đỏ*. Tôi có một quyển Người lạ trên tàu, nhưng nó thuộc đợt in đầu tiên

hồi năm 1950, được bảo quản hoàn hảo và trị giá ít nhất 10.000 đô la. Chúng tôi có một chiếc tủ an toàn ngay chỗ quầy thu ngân để đựng tất cả những cuốn sách có giá trị từ năm mươi đô la trở lên nhưng riêng quyển đó thì không nằm ở đấy. Nó nằm trong văn phòng tôi, trong một tủ kính khóa kín cùng với những quyển sách mà tôi chưa sẵn sàng sang tay. Tôi cũng hơi có máu sư tâm, không hẳn là điều tốt với những người làm ở trong một tiệm sách còn giá sách ở nhà đã đầy lên tới nóc. Tôi suýt chút nữa đã bảo với đặc vụ Mulvey rằng mình không có quyển sách đó của Highsmith nhưng quyết định nói thật vào phút cuối, không đáng để nói dối một đặc vụ FBI về một thứ bình thường như vậy. Tôi nói rõ giá trị của quyển sách và cô ấy bảo sẽ chờ bản bìa mềm của mình được chuyển tới. Còn lại *Chết trong làn nước* thì tôi nhớ là mình có một bản ở nhà, *Kế hoạch hiểm độc* thì không chắc nhưng chắc chắn là không có bản nào của *Bầy tử vong* cả. Tôi kể hết với đặc vụ Mulvey.

“Dù sao thì tôi cũng không đọc hết được chỗ sách đó trong một đêm mà.” Cô ấy nói.

“Vậy cô định quay về...”

“Tối nay tôi sẽ ở lại ở khách sạn Flat of the Hill gần đây. Tôi đã hy vọng là sau khi anh nhìn qua danh sách, và sáng hôm sau chẳng hạn... chúng ta có thể gặp lại và trao đổi xem liệu anh có ý tưởng gì mới không.”

“Đương nhiên.” Tôi nói. “Nhưng tôi không chắc mình sẽ mở cửa vào sáng mai hay không, còn tùy vào thời tiết nữa..”

“Anh có thể đến chỗ khách sạn cũng được, FBI sẽ mời anh bữa sáng”

“Nghe ổn đấy.” Tôi nói.

Đứng ở cửa chính, đặc vụ Mulvey nói rằng mình sẽ trả tiền cho những quyển sách mình đang cầm.

“À không cần đâu.” Tôi nói. “Cô có thể trả lại cho tôi sau khi xong việc cũng được.”

“Cảm ơn anh.” Cô nói.

Cô ấy mở cửa ngay khi một cơn gió cuốn tới dọc theo phố Bury. Tuyết đã rơi dày, bị gió thổi động thành từng đụn đồng lù lù ở những góc đón gió trên đường.

“Cô đi đường cẩn thận.” Tôi nói.

“Đường cũng không xa.” Cô đáp. “Vậy là mười giờ sáng mai phải không?” Cô ấy bổ sung, xác nhận lại giờ cho cuộc gặp ngày mai.

“Đúng vậy.” Tôi nói và đứng ở cửa nhìn bóng dáng người đặc vụ dần biến mất trong màn tuyết rơi dày đặc.

Chương 4

Tôi sống một mình ở mặt sau con phố Charles, phía trên đồi, trong một căn hộ áp mái ở khu nhà ở hạng sang được bà Boston Brahmin chín mươi tuổi cho thuê mà không hề biết về giá trị thực sự của căn nhà. Tiền thuê hàng tháng tôi cần trả thấp một cách đáng kinh ngạc và tôi vẫn có một nỗi sợ ích kỷ thầm kín về ngày bà cụ về trời và trao lại nó cho anh con trai bớt ngô nghê hơn về mặt tài chính.

Bình thường thì từ hiệu sách về nhà tôi mất tầm mười phút, nhưng hôm nay tôi đang đi ngược chiều gió bão trong đôi giày mòn đế. Tuyết chích mặt tôi nhoi nhói, gió thổi oằn cả cây cối và rít lên dọc theo những con phố vắng hoe. Về đến đầu phố Charles, tôi định xem thử liệu quán Seven còn mở không để vào làm một ly nhưng cuối cùng lại đi vào một cửa tiệm bán pho mát và rượu vang để mua một bịch sáu lon bia Old Speckled Hen cùng một chiếc bánh mỳ kẹp phô mai với thịt xông khói về làm bữa tối. Tôi đã định nấu miến sườn lợn mình đặt ra ngoài rã đông từ sáng nhưng đổi ý vì bồn chồn muốn dành thời gian xem bản danh sách của đặc vụ Mulvey vào tối nay.

Về đến tòa nhà nơi tôi sống, tôi leo lên những bậc thang phủ đầy tuyết lên chỗ cửa lớn nặng nề làm từ gỗ óc chó với tay nắm bằng sắt đúc. Tôi đẩy cửa bước vào sau khi đã giữ hết mớ tuyết bám trên giày. Một cô giúp việc, chắc là Mary Ann đã sắp xếp và

phân loại hết thư từ và đặt chúng trên chiếc bàn nằm bên phòng hành lang. Tôi nhặt tờ giấy chốt dư nợ thẻ tín dụng ẩm ướt của mình lên trong khi bản thân đang nhỏ nước ra sàn nhà lát gạch vuông, sau đó leo ba tầng lầu lên tầng áp mái.

Ngay cả trong những tháng mùa đông thì phòng của tôi vẫn nóng bức ngọt ngào như thường lệ, tôi cởi áo khoác và áo len ra rồi mở hé hai cửa sổ nằm đối diện nhau trên hai bức tường xiên vừa đủ để cho gió lạnh lùa vào. Tôi đặt năm lon bia vào tủ lạnh và bật nắp lon thứ sáu. Mặc dù căn hộ của tôi giống như một cái xưởng nghệ thuật hơn nhưng tôi vẫn có đủ chỗ cho một gian riêng làm phòng khách. Tôi nằm dài trên ghế sofa, gác chân lên bàn cà phê và bắt đầu đọc danh sách của đặc vụ Mulvey. Những vụ án được trình bày khá thống nhất, sắp xếp theo thứ tự thời gian với ngày tháng, vị trí và tên của nạn nhân nằm ngay trên tiêu đề. Mặc dù đây chỉ là một bản tóm tắt được làm vội vào phút cuối, nó vẫn có câu cú hoàn chỉnh, đọc lên giống như một quyển sách giáo khoa ngành báo chí vậy. Đặc vụ Mulvey có lẽ chưa bao giờ nhận dưới điểm A trong suốt quãng đời đi học. Tôi tò mò không biết điều gì đã đưa cô đến với FBI? Cô ấy có vẻ phù hợp hơn với giới học thuật, một giáo sư ngành ngôn ngữ Anh hoặc một nhà nghiên cứu chẳng hạn. Đặc vụ Mulvey gợi tôi nhớ đến Emily Barsamian - một nhân viên của tiệm, thuộc kiểu người cực kỳ mọt sách, hướng nội, không thể nhìn thẳng vào mắt ai khi nói chuyện. Cô đặc vụ không đến mức nhút nhát như vậy, chỉ là còn trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm thôi, có lẽ thế. Tôi không thể nào không liên tưởng đến Clarice Starling (cái tên cũng được đặt theo một loài chim)

trong quyển *Sự im lặng của bầy cừu* được. Sách và phim luôn là nơi tâm trí tôi tìm đến và đã luôn như thế kể từ ngày đầu tiên tôi biết đọc rồi. Đặc vụ Mulvey, giống như cô đồng nghiệp trong cuốn tiểu thuyết nọ vậy, trông quá “mềm” cho công việc hành pháp. Tôi không hình dung được cảnh cô ấy rút ra khẩu súng từ trong bao hay ép hỏi nghi phạm một cách thô bạo.

Nhưng cô ta có thẩm vấn nghi phạm còn gì. Chính mày vừa bị thẩm vấn đấy.

Tôi đẩy cái suy nghĩ đó ra khỏi đầu, nhấp ngụm bia rồi tiếp tục đọc lướt qua từ đầu tới cuối bản danh sách một lần trước khi đi vào cụ thể. Tôi biết ngay rằng mình sẽ chẳng thu hoạch được gì nhiều ở đây, ít nhất nhìn qua thì không có gì quá nổi bật cả. Khá nhiều những vụ trong số này liên quan đến súng, phần lớn nạn nhân là thanh niên ở thành phố. Có một nạn nhân trông có vẻ tiềm năng nhưng phần mô tả không nói lên được gì nhiều. Một người đàn ông tên là Daniel Gonzalez bị bắn chết trong lúc dắt chó cưng đi dạo ở Middlesex Fells. Vụ việc xảy ra vào rạng sáng một ngày tháng Chín và chưa có manh mối nào - theo như tờ ghi chú mà cô để lại. Lý do duy nhất làm tôi chú ý tới vụ này nằm ở quyển Bí sử. Nhóm sát nhân trẻ tuổi của tác giả Donna Tartt quyết định trừ khử người bạn học Bunny Corcoran để cậu ta không tiết lộ bí mật về vụ giết người trước đó. Nhóm sinh viên tụ tập uống rượu trong rừng, mô phỏng theo bữa tiệc hoang đàn của Dionysus và vô tình (hoặc cố ý) gây ra cái chết của một người nông dân. Mặc dù không tham gia, Bunny lại biết được điều gì đó và dùng nó để tống tiền đám sinh viên nhà giàu - những bữa tối sang chảnh, chuyến du lịch tới Ý,

đại loại vậy. Cả nhóm lo rằng cậu ta sẽ vô tình để lộ điều đó trong lúc say xỉn nên đã lên kế hoạch giết người diệt khẩu. Henry Winter, người thông minh nhất trong cả nhóm đã hoàn thiện kế hoạch đó. Họ biết rằng Bunny thường đi bộ đường dài vào mỗi chiều Chủ Nhật nên đã phục kích ở một góc cậu ta có thể đi qua - một con đường mòn bên mép vực. Khi nạn nhân xuất hiện, cả nhóm xô cậu ta xuống vực, hy vọng mọi thứ trông giống như một vụ tai nạn và việc Bunny không thường đi theo một tuyến đường cố định sẽ che giấu manh mối của vụ giết người.

Liệu vụ án của Daniel Gonzalez - bị giết khi chạy bộ buổi sáng có liên quan gì không? Chi tiết nạn nhân tử vong do đạn bắn dù khác biệt hoàn toàn với nguyên tác, nhưng có lẽ ý tưởng của kẻ ăn theo kia là sát hại nạn nhân trong lúc họ đang thực hiện những hoạt động thường nhật thì sao? Tôi lấy máy tính xách tay ra để tra cứu thông tin về nạn nhân. Anh ta đã từng làm giáo sư thỉnh giảng bộ môn tiếng Tây Ban Nha cho một trường cao đẳng cộng đồng ở địa phương. Dù không sang chảnh như tiếng Latin hay Hy Lạp thì anh ta cũng là một giáo sư hàng thật giá thật. Thà báo nhầm còn hơn bỏ sót nên tôi quyết định sẽ nói về vụ này với đặc vụ Mulvey vào sáng hôm sau.

Tôi tiếp tục đọc những vụ án còn lại, tập trung tìm kiếm những vụ chết đuối trong lúc nghỉ về cuốn sách của John D. MacDonald - *Chết trong làn nước*. Nhưng, đương nhiên, nếu có ai chết đuối theo những cách thức giống như tai nạn thì khó có

khả năng nó lọt được vào danh sách những vụ án chưa có lời giải.

Trong bản danh sách cũng không có vụ nào liên quan đến sốc thuốc phiện do quá liều như trong *Kế hoạch hiểm độc*. Trong truyện thì kẻ sát nhân là một bác sỹ, cố tình làm vợ mình nghiện morphine và cố tình để lộ cho mọi người xung quanh đều biết về tình hình nghiện ngập của cô vợ, biến nó trở thành đề tài bàn tán. Sau đó hẳn chỉ việc cho quá liều là người vợ trở thành dĩ vãng mà chẳng có ai mảy may nghi ngờ. Vài năm qua ở New England đã phát sinh hàng trăm nếu không muốn nói tới hàng ngàn ca sốc thuốc tương tự, liệu có phải một trong số những vụ tai nạn đó thực chất là giết người có chủ đích hay không? Vấn đề của bản danh sách tôi lập ra chính là ở đó, khi tôi viết ra nó tôi cố gắng tìm những vụ án tài tình nhất có thể, nơi kẻ giết người sẽ không bao giờ bị bắt. Nếu thực sự có kẻ thành công thực hiện những vụ án ăn theo thì tìm ra hẳn gần như là bất khả thi.

Tôi cắn hai miếng bánh rồi mở thêm một lon bia nữa. Căn hộ quá mức yên ắng mà tôi không muốn bật ti vi nên quyết định mở nhạc, cả Album *24 Postcards in Full Colour* của Max Richter. Tôi ngã người trên ghế sofa và nhìn lên vết nứt nhỏ xíu trên trần nhà chạy ngoằn ngoèo từ bên dưới lớp hình điêu khắc, một cảnh tượng quen thuộc trên chiếc trần nhà thân quen. Tôi nghĩ về những gì mình sẽ kể cho đặc vụ Mulvey vào sáng hôm sau. Tôi sẽ nói về vụ của Daniel Gonzalez, đương nhiên rồi, đề nghị cô ấy xem xét những vụ tai nạn đuối nước,

đặc biệt là những vụ xảy ra ở trong ao hồ, cả những vụ tử vong do sốc thuốc nữa, nhất là khi nạn nhân sử dụng xi-lanh.

Album kết thúc và tôi mở nó lại lần nữa rồi nằm lại xuống ghế. Tâm trí tôi đang nghĩ về nhiều phương hướng khác nhau nên tôi quyết định chậm lại và nhâm lại những ý chính, đầu tiên là các giả định đã có.

Giả định thứ nhất là, có ai đó đang dùng bản danh sách của tôi để sát hại nhiều người một cách ngẫu nhiên. À có lẽ không hẳn là ngẫu nhiên, ít nhất đối với hung thủ thì nạn nhân đều “đáng” chết theo một cách nào đó.

Giả định thứ hai là, dù tôi nằm trong diện tình nghi, tôi chắc chắn không nằm trong danh sách nghi phạm chính. Ngay cả đặc vụ Mulvey cũng đã chỉ ra rằng cô ấy sẽ không đến đây một mình nếu tôi thuộc diện điều tra. Mục đích của cuộc nói chuyện lúc chiều thực ra là để thử xem tôi là người như thế nào, để hiểu tôi. Nếu cô ấy cho rằng tôi có một chân trong vụ này thì lần gặp mặt tiếp theo - bữa sáng ngày hôm sau hoặc bất kỳ lúc nào sau đó - cô ấy sẽ đồng hành cùng với một đặc vụ FBI khác.

Giả định thứ ba là, bất kể hung thủ là ai thì kẻ đó không chỉ đơn thuần là mượn tạm bản danh sách của tôi mà thôi, gã hẳn phải biết tôi, không nhiều thì ít.

Lý do tôi cho rằng - lý do tôi biết rằng giả định thứ ba có thể là đúng nằm ở nạn nhân thứ năm mà đặc vụ Mulvey đã đề cập. Người phụ nữ tử vong vì đau tim tại nhà riêng ở Rockland, Elaine Johnson đó, tôi có quen bà ta, không phải ở mức độ thân thiết nhưng ngay khi vừa nhắc đến tôi đã biết ngay đó chính là Elaine Johnson từng sống ở Beacon Hill, là khách quen của tiệm

và chưa bao giờ vắng mặt ở bất kỳ sự kiện đọc thử tác phẩm nào chúng tôi tổ chức cả. Tôi biết mình nên nói điều này với đặc vụ Mulvey ngay lúc đó nhưng tôi đã không làm vậy, và dự định sẽ không tiết lộ điều đó cho đến khi cảm thấy thật cần thiết.

Tôi chắc rằng cô ấy cũng giấu đi một vài thông tin không cho tôi biết, vì thế tôi sẽ giữ lại những thông tin này.

Tôi cũng phải bắt đầu tự bảo vệ bản thân mình chứ.

Chương 5

Tôi bắt đầu gà gật trên ghế sofa nên phải đứng dậy, đem dọn mấy chai bia, vớt chỗ bánh còn dư, đánh răng và thay sang đồ ngủ. Xong xuôi đâu đấy tôi tới chỗ giá sách và tìm cuốn *Chết trong làn nước*. Tôi có bản bìa mềm gốc của Gold Medal in vào năm 1963. Bìa sách mang đặc nét giật gân đặc trưng của những cuốn sách do John D. MacDonald viết vào thời trung niên. Bìa quyển này là hình một người phụ nữ trong bộ đồ bơi hai mảnh màu trắng bị những bàn tay tím lầy đôi chân xinh đẹp kéo xuống làn nước xanh đục ngầu. Giống như những cuốn sách khác cùng thời, hai thứ rõ ràng nhất trên bìa là tình dục và cái chết. Tôi đưa ngón tay rà dọc theo mép sách, lật nhanh qua những trang giấy để thử mùi mốc ngai ngái đặc trưng của những quyển sách cũ ập vào mũi. Tôi vẫn luôn ưa thích thử mùi này dù phần nhà sưu tầm bên trong tôi biết rằng đó là dấu hiệu của một quyển sách được bảo lưu sai cách trong thời gian dài, một quyển sách nằm trong thùng cát-tông đặt trên sàn của một căn hầm ẩm thấp qua nhiều năm tháng. Thế nhưng thử mùi đó ngay lập tức đưa tôi trở lại với tiệm sách Annie's Book Swap, nơi tôi mua những quyển sách đầu tiên hồi năm lớp sáu.

Tôi lớn lên ở Middleham, cách Boston tầm bốn mươi lăm phút chạy xe về phía Tây. Năm tròn mười một tuổi tôi cuối cùng cũng được phép đạp xe trên con đường gần hai cây số rưỡi dọc

theo đường Dartford tới trung tâm thị trấn Middleham. Ở đó chỉ có ba cửa tiệm thôi, một cửa hàng tạp hóa tự đặt cho mình cái tên Middleham General để nghe cho có vẻ sang chảnh, một cửa hàng đồ cổ nằm trong tòa nhà bưu điện cũ và cửa hàng bán, trao đổi sách mang tên Annie's Book Swap - chuỗi cửa hàng sách cũ của một người Anh tên là Anthony Blake. Tiệm chủ yếu hướng tới thị trường đại chúng với những quyển sách bìa mềm be bé vừa đủ đút vào túi sau. Đó là nơi tôi mua những cuốn tiểu thuyết của Ian Fleming, rồi Peter Benchleys và cả Agatha Christie nữa - những cuốn sách đã đưa tôi đi suốt thời niên thiếu. Gần như chắc chắn tôi đã mua một bản *Chết trong làn nước* ở đó sau khi đã sở hữu mọi cuốn tiểu thuyết về Travis McGee - bộ truyện nổi tiếng của John D. MacDonald. Truyện lẻ của John D. MacDonald thì hiếm lắm nhưng có lẽ một vài độc giả trinh thám lão làng ở khu vực quanh Massachusetts này đây đã qua đời vào đúng tầm thời gian tôi bắt đầu đạp xe đi mua sách. Tại sao ư? Bởi vì khi đó những sách vở họ dành cả đời để sưu tầm mới lại rơi vào tay những tiệm sách cũ, mà hồi đó tiệm Annie bỗng nhiên đầy tràn từng chồng từng chồng sách trinh thám giật gân in giá rẻ trên giấy cũ. Không chỉ có John D. MacDonald, cả sách của Mickey Spillane, Alistair MacLeans và bộ truyện *87th Precinct* của Ed McBain nữa. Tôi chỉ cho phép mình mua ba quyển sách mỗi chuyến đi thôi, chừng đó là đủ ngón gằn hết số tiền tiêu vặt tôi tích cóp được rồi. Hồi ấy tôi chỉ mất gằn một tuần để ngón hết ba quyển sách, đôi khi là ba ngày, nhưng sau đó sẽ vui vẻ đọc đi đọc lại. Có lẽ tôi chưa sờ vào

Chết trong làn nước từ hồi đó đến giờ nhưng cốt truyện của nó vẫn còn khắc sâu trong trí nhớ.

Nhân vật phản diện được khắc họa khá xuất sắc, là một cô thư ký sùng đạo, đem tất cả những dồn nén về năng lượng tình dục của mình vào việc luyện tập thể dục thể thao. Cô ta hạ sát những người mình cho là đầy tội lỗi, bao gồm một người phụ nữ có chồng quan hệ ngoài luồng với cấp trên. Cô thư ký phục kích trong đồ lặn ở đáy hồ nơi người phụ nữ nọ thường bơi, sau đó túm lấy chân cô ta và kéo xuống làn nước sâu. Tình tiết vụ án đó khắc sâu vào trong đầu tôi và hiện lên ngay khi bản danh sách bắt đầu thành hình. Tôi không cần đọc lại cả cuốn sách, chỉ mất chút thời gian để nhớ lại thôi.

Tôi mang cuốn *Chết trong làn nước* lên giường, mở nó ra và đọc đoạn đầu tiên. Những từ ngữ quen thuộc tới ám ảnh. Đọc sách là du hành thời gian, những độc giả đích thực đều biết điều đó, nhưng sách không chỉ đem bạn về với thời điểm nó được viết ra đâu, nó có thể đưa bạn về với những phiên bản khác của chính mình. Lần cuối cùng tôi mở cuốn sách này ra tôi chỉ tám mười một, mười hai tuổi. Tôi thích nghĩ rằng đó là vào một đêm mùa hè, tôi nằm trong phòng ngủ chật chội của mình, trùm chiếc chăn mỏng tránh con muỗi đang vo ve ở góc nhà. Bố tôi đang bật đài ở trong phòng khách, tiếng nhạc quá to, to đến đâu thì tùy vào mức độ say xỉn của ông lúc đấy. Gần như mọi buổi tối đều có cùng cái kết, mẹ tôi sẽ vặn nhỏ tiếng nhạc đi, thường là nhạc Jazz, nhưng đôi khi cũng là dòng kết hợp như của Frank Zappa hoặc Weather Report và bố sẽ căn nhắc rằng bà chẳng hiểu ông gì cả. Thế nhưng đó chỉ là âm thanh nền thôi

vì tôi có thực sự ở đó đâu. Tâm trí tôi đang ở trong những trang sách, ở Florida những năm 1963, chơi bời cùng những tay buôn bất động sản đầy mờ ám và những người phụ nữ đơn thân đầy gợi cảm, uống rượu Bourbon trong ly cao. Giờ tôi lại ở đây, gần bốn mươi tuổi - đôi mắt lại chạm vào những dòng chữ quen thuộc, cầm quyển sách quen thuộc như hai mươi tám năm trước, quyển sách có lẽ đã từng qua tay một gã doanh nhân hay bà nội trợ nào đó cách đây cả nửa thế kỷ. Đây, du hành thời gian đây.

Tôi đọc xong cuốn sách vào lúc bốn giờ sáng. Suýt chút nữa tôi đã rời giường đi lấy thêm một quyển khác trong danh sách, nhưng cuối cùng lại thôi và quyết định cố chìm vào giấc ngủ. Tôi nằm sấp xuống, nghĩ về cuốn sách, nghĩ về cảm giác sẽ ra sao khi đang bơi thì có thứ gì đó túm lấy mình, kéo mình xuống làn nước sâu, vào bàn tay của cái chết. Sau đó, bởi vì cơn buồn ngủ dần tới, tôi nhìn thấy gương mặt vợ mình, như mọi khi. Nhưng tôi không mơ về cô ấy, cũng chẳng mơ về cuốn *Chết trong làn nước*. Tôi mơ thấy mình đang chạy, mơ thấy có người đang đuổi theo mình.

Cùng một giấc mộng tôi mơ thấy hàng đêm.

Khi tôi rời nhà vào sáng hôm sau, tuyết vẫn còn rơi nhưng không còn nặng hạt như ngày hôm trước. Lớp tuyết đọng trên đường đã dày tới hơn nửa mét, lòng đường được dọn sạch sẽ nhưng vỉa hè vẫn còn nguyên lớp tuyết trắng xóa. Tôi đi giữa lòng đường, rón rén trên con đường dốc hướng tới phố Charles. Tuyết vẫn còn rơi nhưng bầu trời có vẻ sáng hơn, có lẽ một

phần là nhờ lớp tuyết mới trắng tinh phản chiếu lại ánh mặt trời. Trên vai tôi là chiếc túi đeo cũ kỹ.

Tôi đến sớm, khách sạn Flat of the Hill là một điểm đến mới toanh ở bên này Boston, không lớn nhưng mang phong cách độc đáo, nằm trong khuôn viên nhà kho được tái quy hoạch ở gần phố Charles. Nó có nhà hàng sang trọng và một quán bar không tẻ, nơi tôi vẫn thường lui tới vào mỗi tối thứ Hai khi hầu vẫn còn có giá một đô-la cho mỗi con.

Tôi nói với cô phục vụ duy nhất ở đó - một người phụ nữ với đôi mắt buồn đằng sau quầng lỗ tăn rằng mình có cuộc hẹn. Cô ấy hướng dẫn tôi đến khu vực ăn uống, không lớn, chỉ có tám bàn. Không có người xếp chỗ nên tôi tự chọn một chiếc bàn trong góc, bên cạnh cửa sổ lớn và ngồi xuống. Cả phòng ăn không còn ai khác, tôi tự hỏi liệu thực sự có ai đang làm việc không hay mọi nhân viên đều đã nghỉ vì bão tuyết. Ngay lúc đó, một người đàn ông trong chiếc áo sơ mi trắng và quần âu đen bước ra ngay lúc đặc vụ Mulvey rảo bước tiến đến qua lối vào nhà ăn. Cô ấy nhìn thấy tôi và bước tới, cùng lúc người phục vụ mang thực đơn ra. Cả hai chúng tôi đều gọi cà phê và nước trái cây.

“Ngân sách đi lại của FBI cũng khá nhả.” Tôi nói.

Cô ấy nhìn tôi bối rối mất một lúc rồi nói, “À, tôi tự đặt phòng ở đây vì nó gần với tiệm sách của anh. Cũng chả biết liệu có được hoàn ứng hay không nữa.”

“Đêm qua cô ngủ có ngon không?” Tôi hỏi. Cô ấy có một vòng bọng mắt xanh tím ngay dưới mắt.

“Không ngủ được mấy, tôi đọc sách cả đêm.

“Tôi cũng thế, cô đọc quyển nào vậy?”

“*Bí ẩn ngôi nhà đỏ*. Tôi nghĩ mình nên bắt đầu từ đầu danh sách.”

“Cô nghĩ sao về nó?” Tôi nhấp một ngụm cà phê rồi hỏi, đầu lưỡi bỏng rát.

“Rất hay, tình tiết rất khéo, tôi nghĩ vậy, tôi cũng không đoán được cái kết.” Đặc vụ Mulvey chạm vào cạnh chiếc cốc cà phê sứ rồi cúi xuống, mím môi và hớp lớp cà phê trên bề mặt - hành động này làm tôi liên tưởng tới một chú chim.

“Thực lòng mà nói, tôi biết rằng mình đã đưa nó vào danh sách nhưng tôi không còn nhớ được những tình tiết cụ thể nữa, đã lâu quá rồi.” Tôi nói.

“Thì nó cũng gần giống như mô tả của anh vậy, một án mạng đồng quê và hơi phóng đại một chút. Tôi vẫn không ngừng nghĩ về Clue, về trò chơi...”

“Đại tá Mustard trong thư viện.”

“Chính xác, nhưng mà không chỉ thế.” Cô ấy tóm tắt cho tôi cốt truyện cơ bản và tôi bắt đầu nhớ lại. Có một người đàn ông giàu có tên là Mark Ablett sống trong căn nhà ở vùng nông thôn - kiểu nhà mang phong cách Anh quốc với thiết kế quá mức thích hợp để án mạng diễn ra. Một ngày nọ Ablett nhận được một bức thư từ người anh trai xa cách đã lâu thông báo rằng anh ta sẽ đến thăm. Khi người anh đến nơi, anh ta được bảo chờ trong phòng đọc sách của Mark Ablett, sau đó một tiếng súng vang lên. Người anh mới trở về từ nước Úc đã chết còn Mark Ablett thì mất tích. Dường như kết luận hợp lý nhất ở đây là Mark đã sát hại anh mình rồi bỏ trốn.

Vị thám tử trong truyện thực chất chỉ tình cờ nghỉ lại trong nhà khách quận. Tony Gillingham cùng bạn mình là Bill bắt tay vào điều tra và phát hiện ra một hệ thống đường hầm bí mật nằm bên dưới căn nhà dẫn ra tới tận sân golf, số lượng nghi phạm cũng vì thế mà tăng lên.

“Không có người anh nào cả, đúng không?” Tôi ngắt lời cô.

“Phải, chính xác là vậy. Người anh thật sự đã chết từ nhiều năm trước rồi, hoàn toàn không có liên quan gì tới những sự kiện hiện tại cả. Có ai đó đã thuyết phục Mark Ablett tạo ra màn giả mạo này và sau đó bị sát hại. Nhưng đây chưa phải là chỗ tôi cảm thấy tài tình, anh thì sao?” Cô ấy nói một tràng làm tôi không nhận ra rằng cô đang chờ đợi một câu trả lời.

“Tôi nghĩ lúc đó mình đặt nó vào danh sách bởi vì vụ án này đã đưa ra nạn nhân và hung thủ cùng một lúc, là cùng một người và không một ai khác biết điều đó cả.”

“Tôi có thể đọc phần mà mình đã đánh dấu vào đêm qua không?”

“Được chứ.” Tôi nói, và cô ấy lôi cuốn sách ra từ trong túi và bắt đầu lật nhanh các trang. Từ chỗ đang ngồi tôi cũng có thể thấy được rất nhiều chỗ ghi chú. Tôi nghĩ về vợ mình, cô ấy không bao giờ đọc sách mà không có cây bút kè kè bên cạnh, sẵn sàng viết vào bất cứ thứ gì cô ấy đang cầm lúc đó. Tôi bỗng mừng thầm vì đã không cho đặc vụ Mulvey mượn phiên bản đầu tiên cực kỳ đắt tiền của cuốn *Người lạ trên tàu*.

“Đây rồi!” Cô ấy vừa nói vừa đặt quyển sách xuống bàn rồi rướn người về đằng trước để cả hai cùng đọc. “Thanh tra đã đến đó, tôi nghĩ anh ấy đang nói đến ngôi nhà kia, để thấy một

người đàn ông đã chết và tìm một người khác đang mất tích” cô ấy bắt đầu đọc. “Có khả năng cao là người đàn ông mất tích chính là người đã nổ súng. Gần như chắc chắn rằng thanh tra sẽ coi giả thuyết cực kỳ khả thi này là chân tướng của sự việc, điều đó làm làm anh ta cân nhắc một cách thiếu khách quan về những trường hợp khác có thể xảy ra nếu có.” Cô ấy gấp sách lại. “Đoạn này làm tôi suy nghĩ,” đặc vụ Mulvey tiếp tục. “Nếu anh muốn thực hiện một vụ án dựa trên cuốn sách này, anh sẽ làm thế nào?”

Chắc lúc đó gương mặt tôi lộ vẻ bối rối, bởi vì cô ấy phải bổ sung thêm rằng, “Liệu anh có nổ súng vào một ai đó trong căn phòng đọc sách ở một căn nhà vùng quê không?”

“Không” Tôi trả lời. “Tôi nghĩ là mình sẽ giết hai người, sau đó giấu đi một thi thể và ngụy tạo tình huống kẻ thủ ác đã tẩu thoát và đang lẩn trốn”

“Chính xác.” Cô nói.

Người phục vụ đã lượn qua đây mấy lần rồi nên chúng tôi đều gọi món. Đặc vụ Mulvey gọi món trứng Florentine. Dù không đói lắm tôi vẫn gọi hai quả trứng chiên và bánh mì nướng cùng với hoa quả. Sau khi đã gọi xong, cô ấy trầm ngâm, “Điều này làm tôi suy nghĩ về luật chơi ở đây.”

“Luật chơi là ý gì?”

“Thế này nhé,” cô ngẫm nghĩ một lát rồi nói. “Nếu tôi là người nọ, tự đặt ra cho mình một thử thách rằng mình phải thực hiện đủ tám vụ án mà anh đã liệt kê trong danh sách, vậy thì hẳn là tôi phải đặt ra một vài nguyên tắc nào đó - đặt ra luật chơi. Tôi có muốn bắt chước giống hệt những vụ án đó không

hay chỉ làm theo ý tưởng đằng sau nó thôi? Tôi cần phải làm giống tới mức độ nào?”

“VẬY cô cho rằng luật chơi mà kẻ thủ ác đề ra bắt hấn phải làm sát với nguyên tác nhất có thể, phải không?”

“Không, không phải giống nhau ở chi tiết vụ án, mà là triết lý đằng sau chúng. Như thể tên sát nhân kia đang kiểm tra những quyển sách này trong tình huống thực tế vậy. Nếu hấn chỉ đơn thuần muốn bắt chước quyển sách thì hấn chỉ cần tìm bản một ai đó ở trong phòng đọc sách của một căn nhà ở miền quê nào đó là đủ. Hay là như cuốn *Sát nhân A.B.C.* chẳng hạn, hấn sẽ bắt chước theo từng con chữ, tìm một ai đó tên là Abby Adams sống ở thị trấn Acton, giết chết rồi tiếp tục. Nhưng hấn không làm vậy, hấn muốn làm thật đúng. Luật chơi của hấn chắc chắn có tồn tại.”

“VẬY lấy ví dụ quyển *Bí ẩn ngôi nhà đỏ*, ý tưởng ở đây là dặt mũi cảnh sát hướng về một nghi phạm mà họ sẽ không bao giờ tìm thấy được, không bao giờ ngờ tới.”

“Phải, chính là như thế.” Đặc vụ Mulvey nói. “Thực ra nó khá là tài tình đấy. Tôi đã nghĩ về nó cả đêm qua. Giả dụ tôi muốn giết một ai đó... gã bạn trai cũ chẳng hạn.”

“Ừ.” Tôi nói.

“Nếu tôi chỉ giết anh ta thôi thì tôi sẽ trở thành nghi phạm. Nhưng nếu giả dụ tôi giết hai người - bạn trai cũ và người yêu mới của gã chẳng hạn - và tôi đảm bảo rằng người ta sẽ không thể tìm được thi thể của cô ả kia. Như vậy tôi có thể làm mọi chuyện giống như là hung thủ đã bỏ trốn. Phía cảnh sát sẽ

không bỏ công đi tìm kiếm danh tính của hung thủ nữa vì họ cho rằng họ đã biết điều đó rồi.”

“Sẽ không dễ đâu, cô biết đấy.” Tôi nói.

“Ha!” Cô trả lời. “Tôi cũng đâu có thật sự làm vậy đâu.”

“Bởi vì hung thủ sẽ phải sẵn sàng giết hai người.”

“Đúng vậy”

“Và chuyện giấu xác cũng chẳng hề dễ dàng nữa.”

“Đừng nói là anh đang nói dựa trên kinh nghiệm cá nhân đấy nhé?” Cô nói.

“Đọc nhiều tiểu thuyết trinh thám để làm gì?”

“Tôi nghĩ rằng mình cần phải xem lại những vụ án mà nghị can chính đã biến mất.”

“Có nhiều vụ như thế không?” Tôi hỏi.

“Thực ra là không. Để biến mất trong thời đại này đâu có dễ, sẽ luôn có manh mối để lần theo, nhưng cũng không phải là không thể.”

“Tôi nghĩ là ta đang đi đúng hướng rồi.” Tôi nói. “Vấn đề là có thể ta phải tìm kiếm hai nạn nhân - tội phạm chẳng hạn, một người đã chết và người kia mất tích. Nếu như giả thiết của cô là đúng thì ta nên gọi nghi phạm là gì đây? Ta cần có một cái tên”

“Sao ta không gọi hắn là....” Cô ấy ngừng lại.

“Một thứ gì đó liên quan đến chim chóc?”

“Không, như thế thì rối quá. Cứ gọi hắn là Charlie đi.” Cô nói.

“Tại sao lại là Charlie?”

“Tự nhiên tôi nghĩ đến nó thôi. Mà cũng không phải tự nhiên đâu. Tôi nghĩ về cái tên rồi nghĩ về kẻ bắt chước

(copycat), rồi điều đó làm tôi nghĩ đến lũ mèo, rồi nhớ về chú mèo đầu tiên tôi có hồi còn bé, và tên nó là Charlie.”

“Charlie tội nghiệp. Nó có tội tình gì mà bị lấy tên ra dùng theo cách này?”

“Thực ra thì đáng tội lắm. Nó bắt chuột bắt chim tha về nhà mỗi ngày luôn đấy.”

“Hoàn hảo.” Tôi nói.

“Thế ta chốt cái tên Charlie”

“Tôi nói đến đâu rồi nhỉ? À, đúng rồi, hãy tìm một cặp nạn nhân tiềm năng. Charlie có vẻ không thích xuống tay với người vô tội.”

“Ta chưa có gì để chứng minh giả thiết đó nhưng cũng không loại trừ khả năng này. Cô vừa nói vừa đẩy người ra sau để lấy chỗ cho món ăn vừa ra. “Cảm ơn!” Cô nói với người phục vụ và cầm lấy chiếc đĩa. “Tôi có thể vừa ăn vừa nói được không? Tôi bỏ bữa tối qua nên giờ đang đói gần chết rồi.”

“Không, không sao cả.” Tôi nói. Món trứng chần của tôi cũng được mang lên. Nhìn lớp lòng trắng trứng vẫn còn hơi trong suốt làm dạ dày tôi nhộn nhạo. Tôi chọc lấy một miếng dưa lưới với cái đĩa.

“Có thể là tôi đoán sai, nhưng,” Đặc vụ Mulvey nói trong lúc đang bận nhai miếng đầu tiên, “có lẽ chuyện này ít nhiều có liên quan đến anh đấy. Có ai đó muốn anh chú ý, có thể là muốn gài bẫy anh.” Cô nói. Tôi đưa môi dưới ra, ra chiều suy nghĩ.

“Nếu thật là như vậy,” tôi trầm ngâm một lúc, “thì giả thiết rằng kẻ sát nhân học theo những tựa sách trong danh sách đó là hoàn toàn hợp lý.

“Đúng vậy.” Cô ấy nói. “Thế nên tôi muốn điều tra kỹ hơn về cái chết của Elaine Johnson, nạn nhân có tiền sử bệnh tim đó...”

“Người có thể thiệt mạng dưới tay Charlie, hoặc không.” Tôi nói.

“Nhưng nếu bà ấy đúng là bị sát hại thì tôi cần phải tới hiện trường. Có lẽ có thứ gì đó cho ta thấy đầu mối liên kết với Bầy tử vong.

“Tôi phải thú thực là.” Tôi nói và nhìn gò má của đặc vụ Mulvey ửng hồng chờ đợi. “Thực ra tôi chưa từng xem vở diễn đó, kịch bản cũng không, nhưng đã xem phim rồi và tôi khá chắc là nó trung thành với bản gốc. Tôi khá xấu hổ, nhưng sự thật là vậy.”

“Anh nên thế.” Cô ấy bật cười, gò má đã thôi đỏ.

“Ồm, trong phim, đấy là tất cả những gì tôi có thể nói,” tôi nói, “nạn nhân chết vì nhồi máu cơ tim khi nhìn thấy một người đàn ông mà cô ta tin là đã chết lơ mờ xuất hiện trong phòng ngủ. Có phải thi thể của Elaine Johnson được tìm thấy trong phòng ngủ không?”

“Cái này thì tôi phải kiểm tra lại.” Cô nói. “Tôi không nhớ ra ngay bây giờ được. Anh biết đấy, khi anh nói mình có điều này cần thú nhận, tôi đã cho rằng anh sẽ nói cái gì đó khác cơ.”

“Cô nghĩ là tôi định thú nhận rằng mình là Charlie hả?” Tôi nói với một vẻ mà tôi hy vọng là hài hước.

“Không” Cô ấy nói. “Tôi đã nghĩ là anh định thú nhận rằng mình quen biết Elaine Johnson.”

Chương 6

Tôi ngần ngừ một lát rồi nói, “Có phải là Elaine Johnson từng sống ở Boston không?”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì tôi có biết bà ấy, không thân quen lắm, nhưng Elaine từng thường xuyên đến hiệu sách và các buổi gặp mặt tác giả.”

“Sao anh không nói những điều này cho tôi biết vào chiều qua?”

“Thành thực mà nói thì đến tận lúc này tôi mới sực nghĩ đến có thể Elaine mà tôi biết và nạn nhân là một. Cái tên nghe quen quen nhưng nó khá phổ thông mà.”

“Ừm.” Cô ấy nói nhưng trong ánh mắt vẫn còn vẻ nghi ngờ. “Bà ấy là người như thế nào vậy? Elaine Johnson ấy.”

Tôi ra vẻ ngẫm nghĩ, chủ yếu là để câu giờ thôi chứ thực ra Elaine là một người rất khó quên. Bà ấy đeo một cặp kính dày cộp - tôi nghĩ là người ta hay gọi nó là cặp đít chai - với mái tóc thưa, luôn luôn mặc cái áo len trông có vẻ như là đồ thủ công bất kể đông hay hè, nhưng nhiều đó thôi thì chưa đủ đáng nhớ. Elaine là kiểu người sẽ tận dụng việc các nhân viên bán hàng bắt buộc phải lắng nghe khách hàng để bắt họ nghe những cuộc độc thoại bất tận, như người ta nói chuyện phiếm vậy, về chủ đề mà bà ấy ưa thích. Elaine thích nói về những nhà văn trịnh

thám, ai là người giỏi, ai là người kém (“thứ rác rưởi kinh tởm” là cụm từ mà bà ấy hay dùng). Bà ấy từng đến tiệm của tôi mỗi ngày và vô lấy nhân viên đầu tiên mình thấy. Thật là mỗi mệ và khó chịu, nhưng chúng tôi tìm ra cách tốt nhất để đối phó là cứ làm việc trong lúc bà ta mãi huyên thuyên rồi tầm mười phút sau thì nói băng quơ rằng đã hết thời gian rồi là xong. Nghe khá là thô lỗ nhưng chính Elaine Johnson cũng chẳng phải người nhã nhặn gì cho cam. Bà ấy tuôn ra những điều thái quá về những tác giả mình không thích. Phân biệt chủng tộc, kỳ thị đồng tính một cách công khai và ưa thích bình phẩm về vẻ ngoài của người khác dù cho bản thân mình cũng chẳng lấy gì làm tươm tất. Tôi nghĩ rằng bất kỳ ai làm ở trong một tiệm sách, hoặc bất kỳ cửa hàng nào nói chung cũng từng phải đối mặt với kiểu khách quen khó tính nhưng Elaine Johnson là một mình một kiểu. Bà ta có mặt ở mọi buổi gặp gỡ tác giả, lúc nào cũng là người đầu tiên giơ tay đặt những câu hỏi thiếu tế nhị hoặc trực tiếp xúc phạm người tác giả tội nghiệp trên sân khấu kia. Mọi tác giả đều được chúng tôi cảnh báo trước về con người này nhưng thực tế là Elaine luôn mua sách để xin chữ ký kể cả người tác giả kia bị bà ta coi là “kẻ lừa đảo bất tài.” Tôi thấy rằng hầu hết các tác giả đều chấp nhận đối mặt với một một độc giả khó chịu miễn là bán thêm được sách, đặc biệt là những bản bìa cứng.

Tôi biết rằng Elaine Johnson đã chuyển đến Rockland, Maine dựa vào những gì bà ta đã lải nhải trong suốt khoảng thời gian chuẩn bị chuyển đi, về cô chị đã mất có để lại một căn nhà. Hôm

Elaine rời đi tôi đã cùng mấy người nhân viên rủ nhau ăn mừng.

“Một người khá cộc cằn thô lỗ.” Tôi nói với đặc vụ Mulvey. “Đến tiệm sách mỗi ngày, dồn một người trong chúng tôi vào góc mà luyện thuyết về quyển sách mình đang đọc. Giờ tôi nhớ ra là bà ấy đã chuyển tới Maine, nhưng ban đầu thì ko nhận ra cái tên đó, Tôi biết cái tên Elaine thôi, không biết đầy đủ là Elaine Johnson.

“Bà ấy có đáng chết không?” Cô hỏi.

Tôi nhướn mày. “Đáng chết hay không sao? Cô hỏi ý kiến cá nhân của tôi ấy hả? Không, đương nhiên là không”

“À, xin lỗi, ý tôi là anh nói bà Elaine này là một người cộc cằn thô lỗ, cho đến giờ những nạn nhân ta có đều không phải là kiểu người dễ mến, bà ấy có thuộc nhóm này không?”

“Chắc chắn Elaine không phải người dễ mến. Bà ấy từng nói với tôi rằng người đồng tính nữ là những tác giả tệ hại vì họ không dành thời gian ở bên giới nam - những người có trí tuệ siêu việt hơn.”

“Ồ..”

“Tôi nghĩ bà ấy là kiểu người hồi trẻ quen dùng mồm miệng đỡ chân tay. Cuối cùng trở nên cô đơn và cáu bẳn chứ không hẳn là sinh ra đã tồi tệ”

“Anh có biết rằng bà ấy bị bệnh tim không?”

Sau khi phẫu thuật tôi nhớ bà ta đã từng kéo trễ cổ áo len xuống để khoe với tôi vết sẹo lõm lõ lổ trên bộ ngực nhăn nheo. Tôi còn nhớ mình đã thốt lên rằng “Xin đừng làm thế một lần nào nữa”, đổi lại một trận cười ha hả từ người đối diện. Đôi khi

tôi nghĩ rằng hành vi của Elaine Johnson chỉ là một vở kịch, điều bà ta khao khát là có một ai đó bật lại với sự thô lỗ tương đương.

“Tôi nhớ mang máng.” Tôi nói với đặc vụ Mulvey. “Tôi nhớ rằng có một thời gian Elaine không tới tiệm - chúng tôi ai cũng mừng - nhưng rồi bà ấy lại xuất hiện trở lại. Nghe đâu là do điều gì đó đáng đáng tới y tế.”

Người phục vụ đi qua, chiếc đĩa của đặc vụ Mulvey đã sạch bong trong khi tôi còn chưa đụng tới chỗ trứng của mình. Anh chàng hỏi tôi đồ ăn có vấn đề gì không.

“Xin lỗi.” Tôi nói. “Tôi ổn, tôi vẫn chưa ăn xong.”

Anh chàng dọn đĩa của đặc vụ Mulvey và cô ấy gọi thêm cà phê. Tôi quyết định cố nuốt ít nhất là một miếng trứng nếu không thì trông sẽ kỳ lắm. Đặc vụ Mulvey nhìn xuống đồng hồ đeo tay và hỏi tôi có định đi làm không.

“Tôi sẽ mở cửa.” Tôi nói. “Nhưng tôi không nghĩ là hôm nay sẽ có khách, tôi chỉ muốn xem con Nero có ổn không thôi.”

“À Nero.” Cô ấy nói với một vẻ cứng chiều.

Tôi nhớ rằng đặc vụ Mulvey cũng nuôi mèo, bèn hỏi, “Ai đang chăm mèo cho cô thế?” và ngay sau đó tôi nhận ra rằng mình đã hỏi một câu quá riêng tư. Nó nghe như tôi đang cố tìm hiểu xem cô ấy còn độc thân hay không vậy. Tôi tò mò không biết cô có nghĩ rằng mình đang giở trò tán tỉnh hay không. So với cô, tôi không hơn nhiều tuổi đến thế, chỉ tầm mười tuổi thôi, dù tôi biết rằng mái tóc bạc sớm làm cho tôi trông già hơn tuổi một chút.

“Đám mèò ổn cả.” Cô ấy nói, né tránh câu hỏi. “Bọn nó có nhau mà.”

Tôi tiếp tục ăn, cô ấy liếc vào điện thoại và lại úp nó xuống mặt bàn.

“Tôi phải hỏi anh rằng anh đã ở đâu vào buổi tối ngày mười ba tháng Chín, đêm mà Elaine Johnson thiệt mạng”

“À đương nhiên là được.” Tôi trả lời. “Đêm nào ấy nhỉ?”

“Đêm ngày mười ba.”

“Không, ý tôi là thứ mấy trong tuần ấy.”

“Để tôi xem xem.” Cô ấy nhấc điện thoại lên, gạt gạt tầm mười giây rồi nói. “Là tối thứ bảy.”

“Thế thì tôi lúc đó đang đi xa.” Tôi nói. “Đến London.” Năm nào tôi cũng đi nghỉ vào tầm đó, hai tuần ở London, thường thì vào tầm đầu tháng Chín. Đó không phải là mùa du lịch vì là lúc đám trẻ tựu trường nhưng thời tiết vẫn còn đẹp, hơn nữa đi vào tầm đó sẽ không ảnh hưởng mấy đến tiệm sách.

“Anh có nhớ chính xác mình đi từ ngày bao nhiêu tới ngày bao nhiêu không?” Cô hỏi.

“Nếu ngày mười ba là thứ bảy thì tôi bay về vào ngày hôm sau, vào chủ nhật ngày mười bốn. Tôi có thể gửi cho cô thông tin chuyến bay nếu cần. Tôi chỉ nhớ rằng nó là hai tuần đầu tiên của tháng Chín thôi.”

“Cảm ơn. Cô ấy nói, tôi cho rằng nó đồng nghĩa với việc cô muốn tôi gửi thông tin chính xác về chuyến bay.”

“Nếu như Elaine Johnson là nạn nhân của Charlie...” Tôi nói.

“VẬY?”

“Vậy thì khả năng Charlie đang bắt chước danh sách của tôi càng cao hơn.”

“Đúng vậy, và điều đó cho thấy rằng hẳn không chỉ biết anh là ai mà còn biết cả những người xung quanh anh nữa. Tôi cho rằng việc một trong những nạn nhân là người quen của anh không thể là sự việc tình cờ được.”

“Tôi không nghĩ vậy.” Tôi bảo.

“Liệu có ai đó mang thù hằn cá nhân với anh không? Một cựu nhân viên chẳng hạn, một ai đó có thể biết được Elaine Johnson là khách quen của tiệm Old Devils?”

“Theo tôi biết thì không.” Tôi nói. “Tiệm này không có nhiều nhân viên cũ đâu. Tôi chỉ cần thêm hai nhân viên thôi mà cả hai người bây giờ đều đã làm việc ở đây được hơn hai năm rồi.”

“Anh có thể cho biết tên được không?” Đặc vụ Mulvey vừa nói vừa lấy quyển sổ ra từ trong túi. Tôi cung cấp cho cô ấy họ tên đầy đủ của Emily và Brandon.

“Anh có thể nói đôi điều về họ không?” Cô hỏi.

Tôi kể những gì mình biết. Cũng không nhiều lắm. Emily Barsamian tốt nghiệp Đại học Winslow có trụ sở ở ngoại ô Boston vào tầm bốn năm trước và đang thực tập tại thư viện Boston Athenæum - một thư viện độc lập có tiếng và bề dày lịch sử. Cô ấy kiếm thêm thu nhập bằng cách làm thêm ở Old Devils hai mươi giờ mỗi tuần. Sau khi kỳ thực tập kết thúc, cô ấy nâng số giờ mỗi tuần lên và làm việc từ đó tới giờ. Tôi hầu như không biết gì về đời tư của Emily vì cô ấy khá ít nói. Chủ đề của những cuộc hội thoại hiếm hoi giữa chúng tôi cũng chỉ về sách và

thỉnh thoảng là phim ảnh. Tôi nghĩ rằng cô ấy ngấm ngấm làm một nhà văn tự do nhưng chưa có gì để xác nhận cả. Brandon Weeks là một người nhân viên vui tính. Cậu ấy vẫn sống cùng với mẹ và em gái ở Roxbury và có lẽ cả tôi và Emily đều biết gần như tường tận mọi thứ về cậu, từ gia đình tới bạn gái hiện tại. Phải thú thật là mùa lễ tầm hai năm trước tôi tuyển Brandon vào làm vì quá thiếu người chứ không hề ôm chút hy vọng nào rằng anh chàng này có thể tuân thủ nội quy. Tuy vậy mà đã hơn hai năm trôi qua, mà nếu tôi nhớ không nhầm thì cậu ta chưa hề đi muộn hay nghỉ làm không phép dù chỉ một lần.

“Có thể thôi sao?” Đặc vụ Mulvey hỏi.

“Với những nhân viên hiện tại thì đúng. Tôi đi làm mỗi ngày mà. Lúc nào tôi có kỳ nghỉ thì hoặc là thuê nhân viên thời vụ, hoặc là Brian - đồng sở hữu của tiệm, đến làm thay một vài ca. Nếu cô muốn, tôi có thể lên danh sách những nhân viên cũ và gửi lại.”

“Brian ở đây là Brian Murray phải không?” Cô ấy hỏi.

“Phải, cô biết anh ấy sao?”

“Tôi nhìn thấy tên trên trang web, cũng có nghe nói về anh ta một chút.”

Brian cũng là một nhà văn khá nổi tiếng sống ở South End, tác giả của bộ truyện *Ellis Fitzgerald*. Giờ chắc anh ấy phải viết được tầm hai mươi lăm cuốn rồi, nó không còn bán chạy như xưa nữa nhưng Brian vẫn tiếp tục viết, giữ cho cô nàng thám tử Ellis vĩnh viễn ở tuổi ba mươi lăm với lối kể chuyện cổ điển. Bộ sách lấy bối cảnh ở Boston những năm cuối thập niên 80 và loạt phim truyền hình *Ellis* đã giúp Brian kiếm được căn nhà mặt

phố ở South End, một căn nhà bên hồ ở phía bắc vùng Maine và còn dư ra một chút để đầu tư vào Old Devils.

“Hãy thêm vào trong danh sách đó những người mà anh thấy khả nghi nhé, như những người khách không hài lòng chẳng hạn? Hay người yêu cũ chẳng hạn?”

“Nó sẽ là một bản danh sách ngắn đấy.” Tôi nói. “Người yêu cũ duy nhất của tôi là vợ tôi, và cô ấy mất rồi.”

“Ồ, xin lỗi.” Cô nói, nhưng mà từ nét mặt của cô tôi có thể thấy đây là một thông tin không hề mới.

“Và tôi sẽ tiếp tục suy nghĩ về mấy cuốn trong danh sách.

“Cảm ơn.” Cô nói. “Đừng giấu giếm gì cả. Hãy cho tôi biết mọi suy nghĩ của anh, kể cả nếu nó có vẻ không đáng kể hoặc ít khả thi. Thừa còn hơn thiếu.”

“Được.” Tôi vừa nói vừa gấp khăn ăn lại và phủ nó lên phần còn thừa trên đĩa. “Cô trả phòng luôn hay tiếp tục ở lại?”

“Trả phòng luôn.” Cô nói. “Nếu chuyến tàu bị hủy vì lý do nào đó thì tôi sẽ phải ở lại thêm một đêm. Nhưng mà tôi chưa đi ngay bây giờ đâu, anh vẫn chưa nói gì về mấy vụ án chưa phá được mà tôi đưa anh tối qua.”

Tôi nói rằng không có vụ nào làm tôi chú ý cả, họa chăng thì có vụ của Daniel Gonzalez - người bị bắn trong lúc đi bộ thôi.

“Điều gì làm anh nghĩ nó tương đồng với các vụ án trong danh sách của anh.” Cô hỏi.

“Có thể là không có sự tương đồng nào ở đây cả nhưng nó làm tôi nhớ đến quyển *Bí sử* của Donna Tartt. Hung thủ đã chọn một nơi có thể đi qua lúc chạy bộ và phục kích tại đó.”

“Tôi đã đọc quyển này hồi đại học.” Cô nói.

“Vậy cô có nhớ tình tiết của nó không?”

“Nhớ mang máng, tôi tưởng đám sinh viên đó giết người khi thực hiện một nghi thức tình dục trong rừng chứ.”

“Đó là vụ án đầu tiên, bọn nó giết một người nông dân. Vụ án thứ hai mới là vụ tôi nhắc đến trong danh sách, cậu bạn học bị đẩy ngã xuống vách đá.”

“Daniel Gonzalez bị bắn mà.”

“Tôi biết, nghe cũng hơi miễn cưỡng thật. Tôi liên tưởng đến điều đó vì anh ta bị bắn trong lúc dắt chó đi dạo. Đó có thể là tuyến đường anh ta đi qua hàng ngày, hoặc ít nhất là có tính định kỳ. Dù sao thì nó cũng có thể chẳng có liên quan gì đến...”

“Không, cái này có ích đấy. Tôi sẽ điều tra thêm xem. Có một vài nghi phạm trong vụ của Daniel Gonzalez, bao gồm cả một cựu học sinh hiện tại vẫn đang bị điều tra. Dù sao thì nó cũng là một giả thiết không thể bỏ qua.”

“Daniel Gonzalez... có phải là một gã khốn không?” Tôi hỏi. “Tôi không có từ nào khác hợp lý hơn...”

“Điều đó thì tôi không thể nói chắc chắn nếu không kiểm tra lại. Nhưng mà có vẻ là vậy, nếu không thì đã không có nhiều người có động cơ gây án đến thế. Đó là vụ án duy nhất anh để ý sao? Chỉ vụ Gonzalez thôi?”

“Phải.” Tôi nói. “Tôi cũng nghĩ là cô không nên chỉ tập trung vào những vụ giết người, hãy xem xét cả những vụ tai nạn nữa, như chết đuối hoặc chơi thuốc quá liều. À, nhắc đến vụ đó..” Tôi mở túi và lấy ra hai cuốn sách, một bản bìa mềm của cuốn *Chết trong làn nước* mà tôi đọc vào đêm hôm trước và cuốn *Kế hoạch hiểm độc* tôi tìm thấy trong bộ sưu tập cá nhân vào sáng nay. Nó

là bản của Panbooks, ở trong tình trạng khá tệ, bìa sách đã sắp rời ra rồi. Tôi đẩy cả hai quyển sách về chỗ đặc vụ Mulvey. “Cảm ơn.” Cô ấy nói. “Tôi chắc chắn sẽ trả lại cho anh.”

“Không cần lo lắng về chuyện đó.” Tôi nói. “Cả hai quyển này đều không có gì đặc biệt cả. Tôi đọc quyển *Chết trong làn nước* vào đêm qua, ý tôi là đọc lại, bởi vì lần cuối cùng tôi đọc nó cũng đã lâu rồi.

“À, phải.” Cô ấy nói. “Anh có thấy điều gì thú vị không?”

“Có hai vụ án xảy ra trong truyện. Đầu tiên là một người phụ nữ bị chìm chết trong lúc đi bơi. Cô ấy bị kéo xuống từ bên dưới - cơ bản là như những gì mà bìa sách cho ta thấy đây. Nhưng vụ án thứ hai thật sự làm cho người ta khó chịu. Hung thủ là một người phụ nữ rất khỏe, gần như là siêu nhân, giết chết một người đàn ông bằng cơn đau tim nhân tạo, kiểu như thế này...” Tôi vừa nói vừa giơ tay ra, các ngón tay xò rộng, “Và đẩy lên từ bên xương sườn cho đến khi có thể sờ thấy trái tim của người kia, rồi cô ta tóm lấy nó.”

“Ôi chao!” Đặc vụ Mulvey thốt lên.

“Tôi không biết rằng liệu trong thực tế chuyện đó có khả thi không?” Tôi nói. “Và ngay cả khi nó có khả thi thì cũng không đời nào qua mắt được bên pháp y.”

“Tôi nghĩ là thế.” Cô ấy nói. “Tôi vẫn cho rằng chúng ta nên tập trung vào những vụ đuối nước. Tôi nghĩ Charlie của chúng ta sẽ muốn bắt chước vụ đó, nhất là khi nó nằm trên tiêu đề của quyển sách”

“Đúng vậy.” Tôi đồng ý.

“Anh còn biết được điều gì nữa không?”

Tôi không nhắc đến việc những vụ án này mang hơi hướng tình dục đến mức nào. Rằng Angie, kẻ sát nhân điên loạn của chúng ta, tưởng tượng rằng mình có hai nhân cách, một bên thánh khiết như Joan d’Arc^[*], giúp cô ta không cảm thấy đau đớn, bên còn lại được đặt tên là “hồng mã”, với cái cảm giác làm cho lưng cô ta muốn uốn cong và núm vú dựng lên cương cứng. Cô ta trải nghiệm cả hai nhân cách này khi giết người và điều đó làm tôi thắc mắc liệu có phải mọi kẻ sát nhân đều phải làm vậy hay không, tách biệt bản thân trong quá trình hành ác, trở thành một ai đó khác. Có phải Charlie cũng giống vậy?

Nhưng tất cả những gì tôi nói với đặc vụ Mulvey chỉ là “Thực ra đây không phải là một cuốn sách hay. Tôi thích John D. MacDonald nhưng quyển này không thể coi là viết tốt, ngoại trừ nhân vật Angie ra.”

Cô ấy nhún vai và bỏ cả hai quyển sách vào trong túi. Tôi nhận ra rằng những lời nhận xét của mình về cuốn sách không hoàn toàn phù hợp trong tình huống này. Thế nhưng cô ấy vẫn ngẩng đầu lên và nói, “Anh đã giúp ích rất nhiều trong quá trình điều tra, liệu tôi có thể gửi anh xem xét và cho ý kiến về những tiến triển tôi có về vụ này hay không? Và nếu anh tiếp tục đọc lại những cuốn sách đó thì...”

“Đương nhiên rồi.” Tôi nói.

Chúng tôi trao đổi email rồi đứng dậy đi cùng nhau ra ngoài cửa. “Tôi muốn xem thời tiết thế nào.” Cô ấy vừa nói vừa cùng tôi bước ra ngoài. Tuyết gần như đã ngừng rơi nhưng thành phố đã thay đổi hoàn toàn, tuyết đọng ở từng góc ngách, cây

cối cong mình và bức tường gạch của tòa nhà gần đó cũng được phủ một lớp màu trắng xóa.

“Lên đường bình an.” Tôi nói.

Chúng tôi bắt tay nhau. Đặc vụ Mulvey bảo tôi từ giờ hãy gọi cô ấy là Gwen. Tôi từ từ bước đi trong lớp tuyết dày tới mắt cá chân, vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Việc cô ấy muốn tôi gọi bằng tên có vẻ là một tín hiệu đáng mừng.

Chương 7

Khi tôi đến cửa hàng sau tầm hai mươi phút đi bộ, Emily Barsamian đã đang đứng nghịch điện thoại ở dưới mái hiên rồi.

“Cô đứng chờ bao lâu rồi?” Tôi hỏi.

“Tầm hai mươi phút. Tôi không thấy anh thông báo gì nên nghĩ là cửa hàng vẫn mở cửa như bình thường”

“Xin lỗi, mà đáng ra cô cứ nhắn tin hỏi trước cho đỡ mất công chứ.” Nói thì nói vậy thôi chứ bốn năm nay cô ấy chưa từng gửi cho tôi một tin nhắn nào và chắc sẽ không bao giờ làm vậy.

“À tôi cũng không ngại phải đợi đâu.” Cô ấy nói trong lúc tôi mở cửa. “Tại tôi quên không mang chìa khóa đây chứ.” Cô ấy vừa nói vừa bước vào trong.

Nero chạy ra kêu meo meo chào chúng tôi, Emily cúi xuống gãi cằm nó trong lúc tôi bước ra đằng sau quầy thanh toán và bật đèn lên. Emily đứng lên, cởi chiếc áo khoác dài màu xanh lá để lộ trang phục quen thuộc mà tôi nghĩ cô ấy đã coi là đồng phục - váy lửng tối màu, bột, áo len cổ lọ trùm ra ngoài áo sơ mi hoặc áo phông. Những chiếc áo phông đó là manh mối hiếm hoi về gu sách của Emily. Cô ấy có một chiếc áo in hình bìa gốc quyển *Cuộc sống trong lâu đài* (*We Have Always Lived in the Castle*) của Shirley Jackson - hình một con mèo đen đứng trong

bãi cỏ cao xanh mướt, cùng với một vài cái khác in hình ban nhạc The Decemberists. Mùa hè năm ngoái cô ấy mặc một chiếc áo phông in hình quảng cáo *Summerisle may day 1973*^[*] làm cả ngày hôm đó tôi cứ thắc mắc sao nó nhìn quen quen. Hỏi ra mới biết là nó liên quan đến bộ phim kinh dị *The Wicker Man* của những năm 1970 mà tôi đã xem từ rất lâu rồi. Lúc đó tôi đã hỏi có phải cô ấy thích thể loại kinh dị hay không.

Bình thường khi chúng tôi nói chuyện, cô ấy thường không nhìn thẳng vào mắt tôi mà nhìn vào đâu đó trên trán hoặc dưới cằm và lần này cũng không ngoại lệ. “Kiểu vậy” Cô ấy trả lời.

“Top năm bộ phim ưa thích nhất của cô là gì?” Tôi hỏi, hy vọng có thể kéo dài cuộc hội thoại.

Cô ấy nhíu mày suy nghĩ rồi nói, “Đứa con của Rosemary, Quỷ ám, Giáng sinh đen - bản gốc ấy, Tạo vật của thiên đường, và, ờm... Ngôi nhà gỗ trong rừng, chắc vậy.”

“Tôi đã xem hai trong số đó rồi. Thế còn *The Shining* thì sao?”

Emily lắc đầu quầy quậy, tôi cứ nghĩ là cô ấy sẽ nói thêm điều gì nhưng cuộc nói chuyện của chúng tôi kết thúc tại đó. Tôi không thấy phiền khi Emily là một người sống khép kín vì chính bản thân tôi cũng vậy. Người thích sống lặng lẽ khá hiếm trong thời buổi bây giờ. Dẫu vậy tôi vẫn có một chút tò mò về thế giới nội tâm của cô gái, không biết cô ấy có tham vọng nào khác bên cạnh việc bán sách hay không.

Tôi hỏi thăm về quãng đường đi làm có khó khăn gì không trong lúc Emily treo chiếc áo khoác ẩm ướt lên giá. “Tôi đi xe

buýt, cũng bình thường.” Cô ấy nói. Nhà của Emily ở bên kia sông, gần Quảng trường Inman, Cambridge. Tôi chỉ biết rằng cô ấy sống trong một căn hộ ba phòng ngủ cùng với hai người khác cũng là cựu sinh viên trường Đại học Winslow.

Emily đi ra đằng sau, đến cái bàn nơi tôi chất chỗ sách mới. Công việc chính của cô ấy là cập nhật và theo dõi cửa hàng trực tuyến. Chúng tôi bán sách cũ qua eBay, Amazon, một trang mạng khác tên là Alibris cùng một vài trang khác mà tôi còn chẳng biết tên. Tôi từng tự mình làm mấy việc tương tự kiểu như soạn đơn hàng nhưng giờ thì Emily thầu toàn bộ công việc đó rồi. Đây chính là một trong những lý do tôi quan tâm về kế hoạch tương lai của cô ấy bởi tôi sẽ chìm trong rắc rối nếu như Emily nghỉ việc.

Tôi đi ra sau quầy và kiểm tra hộp thư thoại, không có gì mới cả, sau đó đăng nhập vào trang blog của tiệm Old Devils - tôi đã bỏ bê nó bấy lâu nay, nhưng chuyến viếng thăm của Gwen Mulvey đã khơi dậy hứng thú trong tôi. Có 211 người để lại bình luận, người cuối cùng là tám hai tháng trước trong bài đăng có tên là “Bình chọn của nhân viên.” Thỉnh thoảng tôi bắt Emily và Brandon vào viết đôi dòng về quyển sách gần nhất họ đọc và ưa thích. Brandon đã chọn quyển mới nhất trong bộ sách *Jack Reacher* của Lee Child còn Emily cũng viết đôi dòng về quyển *Cõi cô đơn (In a lonely place)* của Dorothy B. Hughes. Tôi chọn quyển *Started Early, Took My Dog* của Kate Atkinson. Đương nhiên là tôi chưa đọc nhưng đã duyệt qua đủ thứ tóm tắt rồi nhận xét về quyển đó để tự coi như mình đã đọc. Tiêu đề sách khá là thú vị.

Tôi dành một giờ đồng hồ sau đó liệt lại những bài viết cũ, như thể tua ngược mười năm cuộc đời mình vậy. Có bài viết duy nhất của John Haley vào tuần anh ấy rời cửa hàng và để tôi trở thành quản lý. Anh ấy bán tiệm Old Devils, cổ phần và hàng hóa bên trong cho ray và tôi vào năm 2012. Brian là người chi phần lớn số tiền nhưng vẫn chia cho tôi 50% quyền sở hữu vì tôi sẽ là người điều hành nó. Cho đến giờ thì mọi thứ vẫn diễn ra ổn thỏa. Tôi cho rằng ban đầu Brian muốn tham gia nhiều hơn nhưng cuối cùng lại thôi. Anh ấy chỉ đến tiệm vào tiệc liên hoan cuối năm cùng với hầu hết các buổi đọc thử sách mới và khoảng thời gian hai tuần mỗi năm lúc tôi nghỉ phép để đến London, còn đâu thì tôi nắm toàn quyền quyết định. Dầu vậy tôi vẫn gặp Brian khá thường xuyên. Bình thường anh ấy dành tầm hai tháng để viết sách, bổ sung thêm vào bộ truyện *Ellis Fitzgerald*, phần còn lại trong năm là thời gian để nghỉ ngơi. Phần lớn thời gian đó anh ấy dành trên lớp đệm bọc da của quán rượu nhỏ trong khuôn viên khách sạn Beacon Hill. Tôi thường tạt qua cùng anh đối ẩm và cố gắng có mặt vào tầm chiều tối chứ không quá muộn. Brian là một người thích kể chuyện, mỗi lần tôi đến muộn là một lần anh ấy tường thuật lại về những câu chuyện mình ưa thích nhất - thứ mà tôi đã nghe đến cả trăm lần rồi.

Tôi tiếp tục liệt theo dòng thời gian xem mình đã bỏ lỡ những gì trong quãng thời gian năm năm vừa qua kể từ lúc vợ tôi qua đời. Bài viết cuối cùng của tôi là một danh sách mang tên “Những cuốn tiểu thuyết trinh thám cho một buổi tối mùa đông lạnh giá. Đăng vào ngày 22 tháng 12 năm 2009. Vợ tôi

mất vào rạng sáng ngày mừng một năm 2010 trong một vụ tai nạn giao thông. Cô ấy rơi khỏi cầu vượt trên Đường 2 trong khi say rượu. Tôi được xem ảnh để nhận diện, một tấm vải trắng phủ trên mặt cô ấy che đi phần trán. Gương mặt cô ấy ít xây xát dù tôi biết rằng hộp sọ của vợ mình đã đập nát khi va đập.

Tôi đọc lại danh sách những đầu sách mình đã chọn, tất cả đều có những vụ án xảy ra vào mùa đông, trong cơn bão tuyết. Vào thời điểm này của sự nghiệp viết lách, tôi chỉ liệt kê đầu sách mà chẳng buồn thêm một chữ mô tả nào nữa.

The Sittaford Mystery (1931), tác giả Agatha Christie

The Nine Tailors (1934) tác giả Dorothy L. Sayers

The Corpse in the Snowman (1941) tác giả Nicholas Blake

Tied Up in Tinsel (1972) tác giả Ngaio Marsh

The Shining (1977) tác giả Stephen King

Gorky Park (1981) tác giả Martin Cruz Smith

Smilla's Sense of Snow (1992) tác giả Peter Hoeg

A Simple Plan (1993) tác giả Scott Smith

The Ice Harvest (2000) tác giả Scott Phillips

Raven Black (2006) tác giả Ann Cleeves

Tôi còn nhớ lúc lập bản danh sách này tôi đã đắn đo không biết có nên cho *The Shining* vào hay không, bởi vì nó là tiểu thuyết kinh dị chứ không phải trinh thám, cuối cùng thì vẫn để vào, đơn giản vì tôi thích thế. Chẳng hiểu sao tôi cứ nhớ những chi tiết tởn mủn như vậy, những suy nghĩ thoáng qua đáng ra phải nhanh chóng bị lãng quên. Chưa đầy hai tuần sau đó cuộc đời tôi sẽ thay đổi mãi mãi. Nếu tôi có thể quay ngược thời gian về lại những ngày cuối tháng Mười Hai năm ấy, tôi sẽ không bao

giờ viết những dòng này. Tôi sẽ dành tất cả thời gian mình có cho vợ mình, níu kéo cô ấy, nói rằng tôi đã biết chuyện cô ấy ngoại tình, việc cô ấy lại sa vào thuốc phiện, nói rằng tôi tha thứ mọi điều cô ấy làm, rằng cô ấy có thể trở về bên tôi. Chẳng ai biết được liệu nó có thể thay đổi được kết cục hay không, nhưng ít nhất thì tôi đã cố.

Tôi kéo lên thêm một đoạn nữa, tìm thấy một danh sách khác, “Những cuốn trinh thám về chủ đề ngoại tình” và kiểm tra ngày tháng. Lúc đó tôi chưa chính thức phát hiện ra chuyện về vợ mình, nhưng tôi đã đoán được phần nào, linh cảm đã cho tôi biết có điều gì đó không ổn. Tôi lại tiếp tục lùi về sau, những bài viết trở nên dày đặc hơn khi tôi tiến dần về những năm tháng mình còn giỏi trong việc nghĩ ra cái để mà viết. Tôi lại nghĩ, không phải lần đầu tiên: *Tại sao lại cứ phải lập danh sách mãi thế? Điều gì khiến tôi làm như vậy?* Tôi đã làm thế kể từ khi trở thành một độc giả cứng của dòng sách này, kể từ lúc tôi bắt đầu dành dụm rồi đốt hết tiền tiết kiệm của mình ở tiệm sách Annie’s Book Swap. Mười quyển sách ưa thích. Mười quyển sách có tình tiết ghê rợn nhất. Mười cuốn tiểu thuyết hay nhất về Jame Bond. Những cuốn sách hay nhất của Roald Dahl. Hồi đó thì tôi biết tại sao, có lẽ vậy. Không cần phải có tấm bằng tâm lý học mới biết được rằng nó là cách để tôi trao cho mình một danh tính. Bởi vì nếu như tôi không phải là một thằng nhóc mười hai tuổi đã đọc hết mọi cuốn tiểu thuyết của Dick Francis (và kể tên năm cuốn hay nhất) thì tôi chỉ là một đứa nhóc cô đơn chẳng có bạn bè, với một người mẹ xa cách và người cha nát rượu. Tôi là vậy, nhưng ai lại muốn một cái tôi như thế chứ

Cho nên tôi nghĩ câu hỏi ở đây phải là, tại sao tôi lại tiếp tục làm thế, lên danh sách, ngay cả khi tôi đã chuyển đến sống ở Boston, có một công việc tốt, đã kết hôn và đang yêu? Tại sao những điều đó lại là chưa đủ?

Cuối cùng, tôi dừng lại ở bài viết đầu tiên, ở bản danh sách *“Tám vụ giết người hoàn hảo”*. Trong hai mươi tư giờ qua tôi đã đọc nó quá nhiều lần, tôi chẳng cần đọc lại nữa.

Cửa trước mở ra và tôi ngẩng đầu lên, nhìn thấy một cặp vợ chồng trung tuổi, cả hai đều được bọc trong lớp áo khoác to sụ ấm áp có mũ che. Có lẽ khổ người bên dưới lớp áo đó cũng không nhỏ nhưng lớp áo cộng thêm làm cả hai trông tròn ung ủng. Họ cởi mũ, mở khóa áo và tiến về chỗ tôi, vừa mỉm cười vừa tự giới thiệu về mình. Mike và Becky Swenson, đến từ Minnesota. Tôi ngay lập tức nhận ra rằng họ là kiểu khách hàng chúng tôi thỉnh thoảng sẽ gặp - những độc giả tiện đường đến đây trong chuyến du lịch Boston. Old Devils không phải là một cửa tiệm nổi tiếng nhưng có thể coi là có số má trong một số cộng đồng người đọc.

“Chà, hai anh chị mang theo cả thời tiết chỗ mình tới đây đó.” Tôi nói làm cả hai bật cười, nói rằng họ đã dự định tới Boston suốt nhiều năm rồi.

“Phải đến quán Cheers, thưởng thức món trai hầm thịt muối và ghé thăm Old Devils chứ.” Người đàn ông nói.

“Nero đâu rồi?” Người vợ lên tiếng và như thể nghe tiếng gọi, Nero lò dò xuất hiện từ đằng sau giá trưng bày sách mới và tới chào hỏi cả hai người. Ở đây ai cũng phải cố gắng mà, kể cả mèo, tôi đoán nó nghĩ vậy.

Mike và Becky rời đi sau tầm một tiếng rưỡi. Khoảng 90% thời gian dùng để nói, còn lại mới là mua sách, dù gì họ cũng đã mua lượng sách bìa cứng có chữ ký giá trị tầm một trăm đô la, để lại địa chỉ nhà ở phía Tây Grand Forks để tôi gửi sách theo đường chuyển phát. “Chúng tôi quên mất không để dư chỗ trong va ly mất rồi.” Becky nói.

Cặp vợ chồng rời đi lúc tuyết đã ngừng rơi, lấy thêm một vài chiếc kẹp đánh dấu sách của chúng tôi làm quà lưu niệm. Tôi chỉ họ đến một vài nhà hàng khác trong khu vực lân cận có đồ ăn ngon hơn quán Cheers. Lúc tôi ra giữ cửa thì vừa hay Brandon cũng đến nơi, mặc phong phanh mỗi một cái áo nỉ có mũ dù bên dưới có găng tay và mũ len. Tôi đã quên mất là theo lịch thì hôm nay cậu ta cũng đi làm. “Trông anh có vẻ ngạc nhiên thế.” Cậu ấy nói. “Hôm nay là thứ sáu mà”

“Ừ tôi biết.” Tôi nói.

“Tạ ơn Chúa hôm nay là thứ sáu.” Cậu ta bổ sung với chất giọng sang sảng, kéo dài nguyên âm trong chữ “Chúa” ra đáng kể. “Và tạ ơn Chúa cho con được đi làm chứ không phải ở nhà cả ngày.”

“Hôm nay lớp nghỉ hà?” Tôi hỏi.

“À vâng” Cậu trai trả lời. Cậu ta đã đang theo học lớp kinh doanh kể từ hồi mới bắt đầu làm trong tiệm, hầu hết lớp học diễn ra vào buổi sáng. Tôi nhớ là sắp đến lúc tốt nghiệp rồi và khả năng cao là tôi sẽ mất đi một nhân viên mẫn cán. Thực ra tôi nghĩ mình sẽ ổn thôi nhưng vẫn sẽ nhớ cái môm liến thoắng của Brandon - một đối trọng không tệ cho sự trầm lặng của Emily, và của tôi nữa.

Cậu lôi ra từ túi bụng cái áo nỉ một quyển sách bìa mềm - *The Hunter* của Richard Stark và đưa cho tôi. “Hay đỉnh luôn sắp ả.” Cậu ấy nói. Hồi mới vào làm tôi liên tục phải nhắc nhở Brandon không được vắng tục, vì khách hàng, nên cậu ta cũng thu bớt lại phần nào. Brandon mượn quyển này theo lời gợi ý của tôi từ cửa hàng tầm hai ngày trước. Ngay cả khi làm việc toàn thời gian, đến trường và duy trì một đời sống xã hội tương đối náo nhiệt (theo như cậu ấy mô tả) thì bằng cách nào đó Brandon vẫn có thể đọc được tầm ba quyển sách mỗi tuần. Tôi nhìn xuống bìa sách, tên sách đã được đổi thành *Point Blank!* để gợi nhớ đến bộ phim của Lee Marvin hồi những năm 1967.

“Em nhận sao thì trả y như vậy đó, Mal.” Cậu ấy nói về tình trạng của quyển sách. Ở đây cho phép nhân viên mượn sách về nhà đọc tùy ý miễn là lúc trả lại không có thêm hư hại gì.

“À, không, trông nó ổn mà.” Tôi nói.

“Đương nhiên rồi.” Brandon gạt gù rồi lớn tiếng gọi “Emily” với ba âm tiết cao chót vót. Cô ấy đi ra từ phía sau và Brandon tặng cô một cái ôm, cậu ta thỉnh thoảng vẫn làm vậy nếu như hai phiên làm việc cách nhau hơn một ngày. Cậu ta chỉ ôm tôi ở bữa tiệc cuối năm hoặc khi tôi đóng cửa dắt cả hai đi làm châu bìa ở quán Sevens. Tôi không phải là một người thích ôm ấp dù cho nó là cử chỉ chào hỏi bình thường giữa cánh đàn ông ở tầm tuổi tôi. Tôi không thể hiểu được tại sao người ta phải làm thế, đã ôm ấp rồi còn thỉnh thoảng vỗ bôm bốp vào lưng nhau nữa. Claire, vợ tôi, khi nghe tôi kể về chuyện này thì ra vẻ lo lắng lắm và bắt tôi luyện tập. Có một thời gian chúng tôi chào nhau với tên gọi là cái ôm của cánh đàn ông.

Brandon theo Emily ra phòng phía sau để nhận danh sách đặt hàng qua mail và sắp xếp mấy chồng sách đó theo từng đơn. Một trong số những ưu điểm của việc có nhân viên kỳ cựu là tôi chẳng mấy khi phải dấn dò bất cứ điều gì. Họ làm cùng tôi đã lâu rồi nên tôi trả lương cao hơn khá nhiều so với mức mặt bằng chung mà tôi nghĩ những nơi khác sẽ trả. Tôi không cần tiệm sách này kiếm đậm, tôi cũng không nghĩ Brian Murray để tâm nhiều đến chuyện tiền nong lắm đâu. Chỉ cần có một cửa hàng sách trình thám thuộc về mình, hoặc ít nhất một nửa thuộc về mình là anh ấy đã thỏa mãn rồi.

Tôi nghe tiếng Brandon kể cho Emily từ đầu đến đuôi về tình tiết trong quyển *The Hunter* trong khi tôi sắp xếp lại khu vực Sách Mới. Có thêm bốn khách hàng bước vào, đều là khách lẻ cả: Một du khách người Nhật, một khách quen tên là Joe Stailey, một cậu trai tầm hai mươi tuổi tôi nhớ là vẫn hay lượn lờ quanh khu sách kinh dị nhưng không bao giờ mua và một người phụ nữ rõ ràng vào đây để trốn cái lạnh ngoài trời. Tôi rút điện thoại ra kiểm tra nhiệt độ. Tuyết đã ngừng rơi nhưng nhiệt độ trong vài ngày tới chỉ ở mức đầu một[*] mà thôi. Chỗ tuyết đã rơi kia sẽ cứng lại thành từng đống băng rồi chuyển thành màu đen đúa với khói bụi thị thành.

Tôi quay lại chỗ chiếc máy tính xem có thư mới không rồi nhìn lại sang bên trang blog, vẫn đang mở danh sách “*Tám vụ giết người hoàn hảo*.” Có mấy dòng nhỏ nhỏ bên cạnh viết rằng bài đăng được đăng bởi Malcolm Kershaw đi kèm với ngày tháng và số bình luận là ba. Tôi nhớ là nó vốn chỉ có hai thôi,

bình luận mới nhất được đăng chưa tới hai mươi tư giờ trước, lúc ba giờ sáng, từ một người dùng tên là Doctor Sheppard, nội dung như sau:

“Tôi đã qua một nửa danh sách rồi đó. *Người lạ trên tàu*, xong. *Sát nhân A.B.C.*, mãi mới xong. *Khoản bồi thường gấp đôi*, đã diệt sạch. Bấy từ vong, đã xem phim. Khi mà tôi xong xuôi với danh sách này (không lâu nữa đâu) tôi sẽ liên lạc lại. Hay là anh đã biết tôi là ai rồi nhỉ?”

Chương 8

Tối hôm đó tôi đem phần sườn heo trong tủ lạnh ra nấu nhưng do vẫn còn chưa tỉnh tâm lại được nên bị quá lửa, làm cho miếng thịt vừa khô vừa cứng như cao su.

Kể từ lúc đầu giờ chiều cho đến khi đóng cửa vào bảy giờ tối tôi vẫn không thể ngừng nghĩ về chiếc bình luận thứ ba trên bài đăng “*Tám vụ giết người hoàn hảo*” đó được. Tôi đã đọc đi đọc lại phải đến ba mươi lần rồi, nghiền ngẫm từng chữ một. Dù là ai đã để lại bình luận đó thì cái tên “Doctor Sheppard” cũng làm tôi lấn cấn, mãi cho đến khi tôi gõ vào thanh tìm kiếm trên google. Đó là tên của người dẫn truyện trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd* (*The Murder of Roger Ackroyd*) của Agatha Christie. Có thể nói đó là quyển sách đầu tiên mang lại tiếng vang và tên tuổi cho Agatha. Được viết vào năm 1926, người ta biết đến nó với nút thắt mở bất ngờ cực kỳ tài tình. Quyển sách được viết ở ngôi thứ nhất, dưới góc nhìn của Sheppard - một bác sỹ ở ngôi làng nhỏ và là hàng xóm của thám tử Hercule Poirot. Thật lòng mà nói thì tôi đã quên sạch về tình tiết vụ án trừ cái tên của nạn nhân nhưng vẫn còn nhớ là ở cuối quyển sách hóa ra chính người dẫn chuyện lại là kẻ giết người.

Khi về đến nhà, tôi ngay lập tức lao đến chỗ giá sách và tìm được cuốn cần tìm. Tôi có phiên bản bìa mềm do Penguin xuất

bản từ những năm 1950 với bìa sách màu xanh lá đơn giản và không có hình vẽ minh họa. Tôi đọc lướt một lượt xem có thứ gì có thể gợi tôi nhớ về cốt truyện không nhưng bất thành nên tôi quyết định dành buổi tối để đọc lại.

Liệu có khả năng rằng người đã để lại bình luận chỉ đơn thuần là một người đọc bình thường đang đọc dần từng quyển trong danh sách của tôi không? Tôi nghĩ đây là một khả năng, dù không nhiều. Bởi vì những quyển sách được nhắc đến cho đến giờ phút này đều đã có vụ án ăn theo ngoài đời thực. *Sát nhân A.B.C.*, *Khoản bồi thường gấp đôi*, *Bẫy tử vong*. Cả *Người lạ trên tàu* nữa dù Gwen Mulvey chưa biết về vụ này. Nhưng tôi biết, và có người khác cũng biết về nó.

Chắc hẳn những ai đang đọc dòng này đều đoán rằng mối liên quan của tôi đến những vụ án đã xảy ra mật thiết hơn những gì tôi đã kể. Có nhiều manh mối chỉ ra điều đó, ví dụ như tại sao nhịp tim tôi lại đập nhanh hơn khi Gwen Mulvey bắt đầu phỏng vấn?

Hay, tại sao tôi lại không nói ngay lập tức những gì mình biết về Elaine Johnson?

Tại sao tôi chỉ ăn có hai miếng bánh vào đêm trước khi được người đặc vụ FBI ghé thăm?

Tại sao tôi lại mơ thấy mình bị đuổi bắt?

Tại sao tôi lại không báo với Gwen ngay lập tức về bình luận của Doctor Sheppard?

Và một độc giả sắc sảo hẳn đã nhận ra rằng tên tôi khi viết ngắn lại là Mal - trong tiếng Pháp có nghĩa là “xấu xa”. Cái này thì hơi khiên cưỡng một chút vì đó là tên thật của tôi. Tôi đã

thay đổi một vài cái tên vì vài lý do nhưng riêng tên tôi thì không.

Giờ là lúc để nói sự thật rồi.

Sự thật về Claire.

Đó cũng là tên thật của cô ấy. Claire Mallory, lớn lên trong một thị trấn không nhỏ ở Hạt Fairfield, Connecticut trong một gia đình có ba chị em. Bố mẹ cô ấy không hẳn là người tốt nhưng cũng không tồi tệ đến mức trở thành hình mẫu trong câu chuyện này. Họ khá giả, nhưng nông cạn. Đặc biệt là mẹ của Claire, bị ám ảnh với sức hấp dẫn và cân nặng của cả ba chị em, kéo theo ông bố - một người không hề có chính kiến - cũng ủng hộ nó một trăm phần trăm. Họ đưa con mình đến trại hè ở Maine, học trong một trường tư thục danh giá và Claire - chị cả, quyết định đăng ký học ở Đại học Boston vì cô ấy muốn được trải nghiệm thành phố mà cả New York lẫn Hartford đều quá gần nơi cô lớn lên.

Ở Đại học Boston, Claire học ngành phim và truyền hình, mong muốn trở thành một nhà sản xuất phim tài liệu. Năm đầu tiên trôi qua yên ổn, nhưng vào năm thứ hai, cô ấy phải lòng gã bạn trai chuyên ngành nghệ thuật sân khấu nên đã vương vào các loại chất kích thích, đặc biệt là ma túy. Khi sử dụng thường xuyên hơn, Claire bắt đầu gặp phải những cơn hoảng loạn kéo theo việc uống rượu mất kiểm soát. Cô ấy dừng đến trường, bảo lưu, đi học lại trong một thời gian ngắn và cuối cùng bỏ học ở năm cuối. Cha mẹ Claire đã cố gắng kéo cô ấy về nhà nhưng Claire đã chọn ở lại Boston, thuê một căn hộ ở

Allston và kiếm việc làm ở Hiệu sách Redline đúng lúc tôi được thăng chức lên làm quản lý.

Đó là tình yêu sét đánh, ít nhất với tôi là như thế. Khi Claire bước vào phỏng vấn tôi có thể thấy được là cô ấy đang căng thẳng, bàn tay hơi run rẩy và liên tục ngáp, trông có vẻ kỳ lạ nhưng tôi nhận ra đó là biểu hiện cho sự lo âu tột cùng. Cô ấy ngồi xuống chiếc ghế xoay trong văn phòng của Mort, bàn tay đặt trên đùi, mặc một chiếc váy nhung kẻ và quần tất tối màu cùng với một chiếc áo cổ tròn, để lộ dáng người cao gầy và cần cổ thon dài. Đầu cô trông có vẻ quá khổ so với cơ thể, gương mặt tròn trịa, đôi mắt màu nâu tối, mũi cao và nhỏ, đôi môi đầy đặn và căng mọng. Mái tóc của Claire có màu tối, được cắt ngắn theo kiểu đầu bob nhưng lại có nét cổ điển, như kiểu tóc phổ biến của những nữ thám tử tập sự gan dạ trong phim ảnh của những năm 1930. Cô ấy trông thật xinh xắn, đến nỗi lòng ngực tôi có cảm giác ê ẩm từng hồi.

Tôi hỏi về kinh nghiệm làm việc của Claire, không nhiều, nhưng cô ấy đã có kinh nghiệm làm thêm mùa hè ở tiệm Waldenbooks trong một siêu thị địa phương ở Connecticut.

“Em có tác giả ưa thích nào không?” Tôi hỏi, và cô ấy trông khá ngạc nhiên.

“Janet Frame.” Cô ấy trả lời. “Virginia Woolf, Jeanette Winterson nữa.” Cô ấy ngẫm nghĩ một lúc rồi bổ sung. “Em có đọc cả thơ nữa, Adrienne Rich, Robert Lowell và Anne Sexton.”

“Sylvia Plath thì sao?” Tôi hỏi và khẽ rùng mình. Câu hỏi nghe thật ngu ngốc khi nhắc đến nữ thi sĩ thể loại tự tình nổi tiếng nhất thời đó, nghe như thể tôi đang cố thể hiện vậy.

“Đương nhiên rồi.” Cô ấy nói rồi hỏi tôi về những tác giả mà tôi ưa thích.

Tôi trả lời và chúng tôi tiếp tục tán gẫu như vậy về các tác giả văn thơ trong suốt một giờ đồng hồ tiếp theo. Tôi nhận ra rằng tôi mới đặt ra một câu hỏi duy nhất liên quan đến công việc.

“Em có thể đi làm vào những giờ nào?” Tôi hỏi.

“Ồ.” Cô ấy đưa tay lên má trong lúc suy nghĩ. Tôi ngay lập tức chú ý đến cử chỉ nhỏ đó, đương nhiên là lúc đó tôi chưa biết rằng rồi mình sẽ nhìn thấy hành động đó rất nhiều lần nữa, cũng sẽ dần dần cảm thấy nó từ đáng yêu chuyển thành đáng lo.

“Em không biết tại sao mình lại phải nghĩ nữa.” Claire cười. “Giờ nào cũng được hết.”

Sáu tuần sau tôi mới có gan rủ cô ấy đi chơi lần đầu tiên mà vẫn phải lấy danh nghĩa công việc. Tôi rủ Claire đi cùng tới một sự kiện nhỏ của Ruth Rendell ở Thư viện Công cộng Boston. Cô ấy đồng ý, rồi nói thêm, “Em chưa đọc sách của cô ấy, nhưng nếu anh thích thì có lẽ em nên thử.” Tôi đã phân tích câu nói đó rất nhiều lần trong đầu, như cách một sinh viên phân tích vở Sonnet của Shakespeare vậy. “Có lẽ sau đó chúng ta có thể đi đâu đó và làm một ly, vậy được không?” Tôi hỏi, với chất giọng tôi tự thấy là khá bình tĩnh.

“Nhất trí.” Cô ấy trả lời.

Đó là một buổi tối tháng Mười Một, trời đã tối đen khi chúng tôi rảo bước qua Quảng trường Copley để đến thư viện và công viên đã lác đác lá khô. Chúng tôi ngồi ở phía cuối khán phòng

nhỏ, nghe Ruth Rendell được người phát thanh viên địa phương phỏng vấn. Dù là một người tự phụ, anh chàng kia cũng đã khơi gợi thành công một cuộc hội thoại thú vị. Tôi và Claire đi bộ tới quán Pour House, ngồi ở bàn trong góc cho đến tận khi đóng cửa. Chúng tôi nói về sách, đương nhiên rồi, và về những nhân viên ở cửa hàng nữa, không có gì quá riêng tư cả. Khi chúng tôi đứng trước cửa căn hộ của cô ở Allston vào lúc hai giờ sáng, lúc gió lạnh thổi qua làm cả hai run rẩy, cô ấy lên tiếng, rằng, “Em là một lựa chọn tồi tệ đấy” từ trước cả khi môi chúng tôi có cơ hội chạm nhau.

“Ý em là sao?” Tôi cười.

“Ý em là, dù cho anh có ý định gì đi nữa thì nó cũng là một ý tưởng tồi, em có nhiều vấn đề lắm.”

“Anh không quan tâm.” Tôi trả lời.

“Vâng.” Cô ấy nói và chúng tôi bước vào nhà.

Tôi đã từng có hai cô bạn gái thời đại học, một người là học sinh diện trao đổi một năm giữa Đức và Amherst, người còn lại là một sinh viên năm nhất đến từ Houlton, Maine khi tôi đang học năm cuối - cô ấy tham gia tạp chí văn học mà tôi đang làm biên tập viên. Cảm giác của tôi với hai người ấy tựa tựa như nhau. Tôi thích họ bởi vì họ bị tôi thu hút. Cả hai đều không giỏi nói chuyện và vì bản thân tôi cũng là một người trầm tính nên mọi thứ trôi qua không quá tệ. Khi Petra phải quay về Đức, tôi nói rằng tôi sẽ đến thăm cô ấy sớm nhất có thể. Khi nhận được câu trả lời rằng cô ấy chưa bao giờ hy vọng mối quan hệ này tiếp tục sau khi cô rời nước Mỹ, tôi vừa bối rối vừa thở phào nhẹ nhõm. Tôi đã tưởng rằng cô ấy yêu tôi say đắm. Hai năm sau đó,

khi tôi tốt nghiệp, tôi nói với cô bạn gái năm nhất của mình rằng cả hai nên chấm dứt mối quan hệ này vì tôi sẽ chuyển tới Boston còn em ấy ở lại Amherst. Tôi cứ tưởng em ấy sẽ vui vẻ chấp nhận hoặc thờ ơ nhưng em lại trao cho tôi cái nhìn sững sờ như thể tôi vừa tặng cho em một viên đạn vào bụng vậy. Sau rất nhiều cuộc trò chuyện căng thẳng, cuối cùng chúng tôi chia tay trong vật vã và tôi nhận ra rằng mình đã làm tan nát trái tim em ấy. Tôi quyết định rằng mình không giỏi đọc vị phụ nữ, có lẽ là con người nói chung, nên khi tôi bước vào căn hộ của Claire Mallory, khi mỗi chúng tôi cuốn lấy nhau trước cả khi tôi kịp cởi áo khoác, tôi đã nói rằng, “Cảnh báo trước nhé, anh không thể hiểu được những tín hiệu phi ngôn ngữ đâu nên em phải nói ra thì anh mới biết được.”

Cô ấy bật cười. “Anh chắc chứ?”

“Chắc chắn.” Tôi nói, và đó là tất cả những gì tôi có thể gồng để không phun ra rằng tôi đã yêu cô ấy rồi.

“Được rồi, vậy em sẽ kể cho anh tất cả.”

Chuyện tình của chúng tôi bắt đầu vào đêm hôm đó, trên giường. Khi ánh bình minh ngập tràn hai cửa sổ phòng ngủ đầy bụi, Claire kể cho tôi về gã giáo viên khoa học ở trường trung học đã quấy rối mình trong suốt hai năm.

“Em không kể với ai sao?” Tôi hỏi.

“Không” Cô ấy trả lời. “Nghe thì có vẻ sáo rỗng nhưng em xấu hổ. Dù cho đó không phải là lỗi của em và em hết lần này đến lần khác bảo với mình rằng đó không phải là quan hệ tình dục, ít nhất với em là vậy. Chúng em không hề hôn nhau. Trên thực tế, cả ông ấy và vợ đều đối xử tốt với em theo một cách nào

đó. Nhưng khi chúng em ở một mình, ông ta sẽ lần ra đằng sau em, ôm lấy em, một tay mò vào trong áo em, tay còn lại mò xuống quần. Em nghĩ ông ta đã ra bằng cách đó. Nhưng quần áo em vẫn nguyên vẹn, quần áo của ông ta cũng chẳng bị cởi ra. Khi xong xuôi ông ta luôn trưng ra vẻ mặt bẽn lẽn và nói gì đó kiểu như “vừa rồi thật tuyệt” rồi chuyển chủ đề.”

“Chúa ơi.” Tôi thốt lên.

“Cũng không có gì là to tát cả đâu.” Cô ấy nói. “Có nhiều thứ tồi tệ xảy ra trong suốt cuộc đời em và đó chỉ là một trong số đó thôi. Đôi khi em thấy mẹ em còn làm đời em khổ sở hơn cả những kẻ quấy rối nữa.”

Cô ấy có hình xăm ở mặt trong cánh tay và hai bên sườn. Những đường thẳng mỏng và đậm. Khi tôi hỏi về chúng, Claire nói rằng cô ấy thích cảm giác xăm mình nhưng chẳng bao giờ chọn được hình ảnh nào đủ thích để in lên da mãi mãi cả. Vì thế nên cô ấy chỉ dùng các đường thẳng thôi, mỗi lần một đường. Tôi thấy chúng thật đẹp, như cái cách tôi thấy cơ thể cô ấy thật đẹp dù có hơi gầy yếu. Tôi cho rằng mối quan hệ của mình rất ổn bởi vì tôi không phán xét, không thắc mắc về những gì cô ấy kể. Tôi biết cô ấy có nhiều vấn đề, cô ấy nghiện rượu (đã thôi dùng thuốc phiện được một năm rồi), và ăn quá ít. Đôi khi, lúc chúng tôi làm tình, tôi có thể cảm nhận được cô ấy muốn tôi thô bạo hơn nữa, rằng chỉ quan hệ một cách yêu thương, bình thường thôi thì không đủ, cô ấy muốn nhiều hơn. Trong cơn say, Claire sẽ quay lưng về phía tôi, kéo tay tôi vòng qua người mình từ phía sau, ép chặt cơ thể mình vào lòng tôi làm tôi

không thể không nghĩ về gã giáo viên trung học nọ và tự hỏi có phải Claire cũng đang nghĩ về gã hay không.

Nhưng tất cả những thứ đen tối này, nếu có thể gọi nó như vậy chỉ là một phần của những gì chúng tôi đã có trong ba năm đầu bên nhau. Hầu hết quãng thời gian đó là sự gần gũi khăng khít và hạnh phúc khi bạn tìm được một ai đó phù hợp với mình như chìa khóa nằm trong ổ khóa vậy. Đó là phép so sánh duy nhất tôi có thể nghĩ tới, tôi biết nghe nó sáo rỗng, nhưng mà nó đúng. Đó duy nhất tôi có được một mối liên kết như vậy, lần duy nhất tôi hạnh phúc với chính mình kể từ khi sinh ra.

Chúng tôi kết hôn ở Las Vegas, người làm chứng là một tay chia bài xì dách chúng tôi vừa mới gặp tầm năm phút trước. Lý do chính khiến chúng tôi bỏ trốn và kết hôn trong bí mật là vì Claire không thể chịu được viễn cảnh mẹ ruột làm loạn đám cưới của mình. Tôi hoàn toàn ổn, vì mẹ tôi đã mất từ ba năm trước vì ung thư phổi dù bà chưa bao giờ động vào một điều thuốc nào trong suốt cuộc đời. Còn cha tôi, người nghiện thuốc lá nặng thì vẫn còn sống. Hiện tại ông đang ở Fort Myers, Florida và nếu như tôi không nhầm thì ông vẫn nghiện rượu và hút ba bao thuốc Winston một ngày.

Sau khi kết hôn, chúng tôi cùng nhau chuyển đến Somerville, thuê một căn hộ tầng giữa của một tòa nhà ba tầng gần Quảng trường Union. Lúc này Claire đã nghỉ việc tại tiệm sách Redline, nhận một công việc hành chính ở đài truyền hình cáp địa phương và bắt đầu làm các phim tài liệu ngắn. Một năm sau, sau khi Redline đóng cửa, tôi được nhận vào Old Devils năm hai mươi chín tuổi, cảm thấy mình đã tìm được công việc

để gắn bó suốt phần đời còn lại. Đối với Claire thì mọi thứ diễn ra không mấy suôn sẻ. Vợ tôi ghét công việc mình đang có nhưng lại không có bằng cấp cần thiết để xin việc ở bất kỳ vị trí nào khác mà cô ấy quan tâm. Claire quyết định đi học lại lớp tại chức ở trường Cao đẳng Emerson và hoàn thành chương trình đại học trong lúc làm pha chế bán thời gian trong một câu lạc bộ nhỏ ở Quảng trường Trung tâm. Tôi vẫn thường đến thăm Claire, ngồi nhiều giờ ở quán bar, chịu đựng những ban nhạc punk âm ỉ, uống rượu Guinness và nhìn vợ mình bị mấy gã hipster đeo kính đen và quần bò bó sát soi mói. Tôi đã học được cách đọc hết cả một cuốn tiểu thuyết trong khi lơ đãng những âm thanh chát chúa của đám nghiệp dư trên sàn diễn. Tuổi tác của tôi cũng sần sần những người hay lui tới nơi đây, nhưng tôi thấy mình già hơn, với quyển sách trong tay và mái tóc ngày càng có nhiều sợi bạc. Những người pha rượu khác gọi tôi là ông già của Claire và chẳng bao lâu sau Claire cũng gọi tôi là “ông già của em”. Tôi nghĩ rằng đã có thời vợ tôi thích sự hiện diện của tôi ở quán bar nhỏ đó, cuối mỗi ca chúng tôi sẽ cùng nhau thưởng thức một chai bia rồi cùng nhau đi bộ về nhà, tay trong tay, qua những con phố tối đen lộn xộn của Cambridge và Somerville. Nhưng vào năm 2007, có thứ gì đó đã thay đổi. Julie, em gái của Claire sắp kết hôn, cô ấy đột nhiên bị kéo về với gia đình, làm một bước đệm giữa cô em gái út và người mẹ. Vợ tôi mất hết chỗ cân nặng đã tích cóp được trong mấy năm qua và đôi lông mày thêm một vài đường xăm lên mặt trong đôi mắt trái.

Và, cô ấy đã yêu tay pha chế mới của quán tên là Patrick Yates.

Chương 9

Sau khi cố ăn cho xong bữa tối tồi tệ, tôi ôm theo cuốn *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd* lên giường nhưng không tài nào tập trung được. Tôi cứ đọc đi đọc lại trang đầu tiên, tâm trí không ngừng nghĩ về vợ mình và tự hỏi ai là người đã để lại dòng bình luận đó trên bài đăng ấy. Tôi hít đầy lồng ngực thứ không khí ngai ngái của căn nhà rồi chậm chậm thở ra. Tại sao người đó lại tự xưng là Doctor Sheppard? Bởi vì đó là tên của một gã tội phạm, đúng chứ? Có thể đi chẳng nữa thì tôi cũng đâu cần đọc lại cuốn này làm gì? Tôi đặt quyển sách lên mặt chiếc tủ đầu giường, gần chỗ mấy tập thơ. Đó là tất cả những gì tôi đọc vào buổi tối trong thời gian gần đây. Dạo này tôi khá có hứng thú với tiểu sử văn học (dù không đọc sách trinh thám nữa tôi vẫn thích đọc về tiểu sử của các tác giả trinh thám), hoặc lịch sử châu Âu, những lời cuối cùng tôi đọc trước khi chìm vào giấc ngủ là lời của những nhà thơ.

Đối với tôi, mọi bài thơ, mọi tác phẩm nghệ thuật đều giống như lời kêu cứu vậy. Những bài thơ hay, và tôi tin rằng số lượng thơ hay không nhiều đâu, làm tôi có cảm giác rằng một người xa lạ đã chết từ lâu đang thì thầm vào tai mình, cố nói cho tôi một điều gì đó. Tôi xuống giường, đi về chỗ giá sách và tìm tuyển tập thơ có chứa bài thơ yêu thích của tôi - *Winter Nightfall* của Sir John Squire. Tôi có thể đọc thuộc lòng nó,

nhưng tôi muốn được nhìn thấy những con chữ. Khi tôi tìm được bài thơ ưa thích, tôi sẽ đọc đi đọc lại nó. Suốt cả một năm trời, có lẽ tôi đã đọc bài thơ *Black Rook in Rainy Weather* của Sylvia Plath vào mỗi đêm trước khi say ngủ. Gần đây, tôi đang đọc *An Exequy* của Peter Porter dù chỉ có thể hiểu được phân nửa bài. Tôi không có một bộ não sắc sảo để bình thơ, nhưng có thể cảm nhận được cảm xúc bên trong chúng.

Tôi nằm trên giường, đọc bài thơ ưa thích và để những dòng cuối cùng nhấn chìm bản thân mình.

*"and the slop of my footsteps in
this desolate country's cadaverous clay"*

Tôi nhắm đi nhắm lại nó như một câu thần chú. Tôi nghĩ về vợ mình, về quyết định của chính mình. Tôi nhớ rõ ngày hôm đó khi Patrick Yates bước vào đời cô ấy, ngày 31 tháng 3 - sinh nhật tôi. Tôi đã có linh cảm rằng chắc chắn đã có chuyện gì đó xảy ra với Claire. Ngày hôm đó cô ấy làm ca chiều để tôi có thể tận hưởng bữa tối sinh nhật ở quán đồ nướng East Coast Grill. "Bọn em vừa mới thuê một người pha chế mới đây." Cô ấy nói.

"Ồ."

"Patrick. Hôm nay em bắt đầu huấn luyện cậu ta, không tệ chút nào."

Cái cách mà cô ấy gọi tên gã, một chút ngập ngừng, một chút táo bạo làm tôi biết ngay rằng gã đã gây nên ấn tượng mạnh với vợ tôi. Tôi cảm thấy như thể có một luồng điện chạy xuyên qua người mình.

"Cậu ta có kinh nghiệm không?" Tôi vừa hỏi vừa lật ngửa một con hầu.

“Cậu ta một năm kinh nghiệm làm việc trong quán rượu ở Australia nên cũng ra gì lắm. Em nghĩ tới anh vì Patrick có hình xăm ngài Edgar Allan Poe trên vai phải.”

Tôi không phải một ông chồng hay ghen, nhưng tôi cũng nhận thức được rằng Claire, không giống tôi, không mấy xa lạ với cuộc sống có nhiều đàn ông vây quanh. Cô ấy đã từng cặp kè với nhiều người trong quãng thời gian học đại học và thừa nhận rằng có những giai đoạn mỗi khi cô ấy lướt qua một người đàn ông trên phố, cô ấy sẽ tự hỏi không biết gã đó có muốn lên giường với mình không rồi bị ám ảnh bởi những hình ảnh tưởng tượng, về những gì gã đàn ông nọ có thể làm với cô ấy. Tôi đã lắng nghe những lời thú nhận ấy và tự nhủ rằng ít ra cô ấy đã nói thật với tôi, rằng sự thật thì tốt hơn những bí mật.

Claire có đi gặp bác sỹ tâm lý, bác sỹ Martha, theo như cách cô ấy gọi. Một tuần hai lần vợ tôi sẽ đi điều trị và về nhà với tâm trạng u tối đôi khi kéo dài tới vài ngày làm tôi tự hỏi không biết như thế có đáng không.

Một phần trong tôi luôn tự nói với mình rằng đến một ngày Claire sẽ ngoại tình, có thể không ngoại tình thân thể nhưng sẽ phải lòng một ai đó khác. Tôi đã chấp nhận và ngay khi nghe vợ nói về Patrick tôi đã biết rằng ngày đó đã đến. Tôi sợ, nhưng tôi đã chuẩn bị tinh thần từ lâu lắm rồi. Claire là vợ tôi, và cô ấy sẽ luôn là vợ tôi, tôi sẽ đứng bên cô ấy bất kể có chuyện gì xảy ra đi nữa. Nó tạo nên một chút cảm giác thanh thản, biết rằng đường dài mới biết ngựa hay.

Cô ấy đã ngoại tình với Patrick, ít nhất là ngoại tình tư tưởng dù tôi nghĩ có đôi lần họ đã có quan hệ xác thịt. Tôi đã

chờ đợi một cách kiên nhẫn, như người vợ của một vị thuyền trưởng kiên nhẫn chờ chồng, hy vọng rằng anh ta sống sót qua cơn bão. Đôi khi tôi tự hỏi liệu có phải mình nên đấu tranh nhiều hơn không, như dọa bỏ nhà đi chẳng hạn? Hay mắng mỏ khi cô ấy về nhà muộn hai tiếng sau giờ đóng cửa, quần áo sặc mùi thuốc lá American Spirits mà gã hút cùng hơi thở nồng nặc mùi rượu Gin. Nhưng tôi đã không làm thế, tôi đã không lựa chọn như thế. Tôi chờ cô ấy quay về bên tôi. Vào một buổi tối mùa hè nóng nực của tháng Tám, điều đó đã thành sự thực. Khi tôi về nhà đã thấy vợ ngồi trên ghế sofa, đầu cúi gằm và đôi mắt nhòa lệ.

“Em đã là một kẻ khốn nạn.” Cô ấy nói.

“Một chút.”

“Liệu anh có bao giờ tha thứ cho em không?”

“Anh sẽ luôn tha thứ cho em.” Tôi nói.

Đêm hôm đó Claire hỏi rằng liệu tôi có muốn nghe chi tiết mọi chuyện, tôi đã trả lời rằng tôi sẽ nghe nếu như cô ấy cần phải nói ra cho nhẹ bớt.

“Ôi Chúa ơi, không?” Cô ấy nói. “Không một lần nào nữa.”

Sau đó tôi biết được, không phải từ Claire, rằng gã Patrick Yates đã biến mất sau khi vét sạch ngân đưng tiền vào một đêm thứ bảy, làm ít nhất ba nữ pha chế khác phải điêu đứng theo.

Sau lần đó, chuyện giữa tôi và Claire trở nên tốt đẹp hơn nhưng đời sống cá nhân của cô ấy thì ngày càng tồi tệ. Cô ấy nghỉ việc và bỏ học ở trường Cao đẳng Emerson, làm một vài ca tại Old Devils rồi lại nhận một công việc pha chế khác ở một nhà hàng khá sang trọng ở Back Bay. Tiền bạc thì rủng rỉnh

nhưng Claire không thể chịu nổi lối sống thiếu sáng tạo đó. “Em không muốn pha rượu suốt cuộc đời mình đâu. Em muốn làm phim, nhưng em phải đi học mới làm phim được.”

“Em đâu cần phải có bằng cấp mới được làm phim.” Tôi nói. “Cứ thế mà làm thôi chứ.”

Và cô ấy đã làm theo thật. Claire làm ca tối ở nhà hàng và quay phim tài liệu ngắn vào ban ngày. Có phim về người thợ xăm, về cộng đồng nhỏ ở Quảng trường Davis, thậm chí là về tiệm sách Old Devils nữa và đăng hết lên youtube. Đó là nơi Eric Atwell tìm thấy cô ấy. Atwell điều hành một dự án tự gọi là “An innovation incubator - Vườn ươm sự đổi mới” ở vùng ngoại ô Boston, bên trong một nông trại miền Southwell đã được sửa sang lại. Ông ta cung cấp không gian làm việc miễn phí (thỉnh thoảng là chỗ ngủ) cho những nhà sáng tạo nội dung trẻ tuổi để đổi lấy một phần lợi nhuận từ sản phẩm của họ. Ông ấy liên lạc với Claire, nói rằng mình rất thích phim ngắn về người thợ xăm và ngỏ ý muốn mời cô ấy quay một phim ngắn giới thiệu về dự án của mình. Không giống như Patrick Yates, tôi không có linh cảm xấu nào về Eric Atwell khi Claire kể với tôi về ông ta. Cô ấy bảo đó là một kẻ sáo rỗng, tuổi tầm năm mươi nhưng hành xử như mới ba mươi, ưa thích giao tiếp với người trẻ tuổi, đặc biệt là những kẻ khéo mồm.

“Nghe như một kẻ biến thái vậy.” Tôi nói.

“Em không biết nữa, nghe giống một kẻ lừa đảo hơn. Em cho rằng ông ta mong mình sẽ đào được một viên ngọc quý chưa được mài giũa rồi dựa vào đó mà phát lên.”

Vợ tôi dành ngày cuối tuần ở trang trại để quay phim quảng cáo cho công ty của Atwell - Black Barn Enterprises và khi cô ấy trở về, tôi cảm giác được có thứ gì đó không đúng. Cô ấy dễ giật mình hơn, hay cáu gắt nhưng cũng có phần tình cảm hơn. Vài ngày sau đó, có lần Claire thức dậy giữa đêm và hỏi tôi, “Tại sao anh lại yêu em?”

“Anh không biết nữa.” Tôi nói. “Tự nhiên yêu thôi.”

“Anh phải có lý do chứ.”

“Nếu anh có lý do để yêu em, vậy anh cũng sẽ có lý do để không yêu em nữa.”

“Như thế nghĩa là sao?”

“Anh không biết, anh mệt lắm.”

“Đừng mà, nói cho em biết đi, em tò mò lắm.”

“Ừ thì. Nếu như anh yêu em bởi vì em xinh đẹp, tức là anh sẽ không yêu em nữa nếu em gặp một tai nạn làm mặt em biến dạng.”

“Hoặc là em già đi.”

“Ừ, hoặc là già đi. Và nếu anh yêu em bởi vì tính cách của em tốt, có phải nó có nghĩa là anh sẽ thôi yêu em nếu em làm điều gì đó xấu xa không? Nhưng điều đó sẽ không xảy ra đâu.”

“Anh quá tốt với một người như em.” Cô ấy bật cười.

“Thế em yêu anh ở điểm gì nào?” Tôi hỏi.

“Anh trẻ và đẹp trai nè.” Cô ấy cười lớn hơn. “Thực ra, em yêu anh bởi vì anh mang một tâm hồn già cỗi trong một thân xác trẻ trung.

“Và sẽ đến một ngày nào đó anh mang một tâm hồn già cỗi trong thân xác già nua.”

“Em mong chờ ngày đó đến.” Cô ấy trả lời.

Bởi vì tôi hầu như làm ca sáng còn Claire thì hay làm ca tối nên phải mất một thời gian tôi mới nhận ra rằng cô ấy vẫn hay qua lại chỗ Southwell vào ban ngày. Tôi bắt đầu để ý ghi lại công tơ mét trên chiếc Subaru, cảm giác thật tồi tệ khi sẫm soi như thế nhưng hóa ra nghi ngờ của tôi là đúng.

Cô ấy đến Southwell hai, ba lần mỗi tuần. Tôi đã tưởng rằng Claire đang ngoại tình với Atwell hoặc là một trong những người thuê nhà ở đó. Tôi không ngờ tới, ít nhất là trong vài tuần đầu tiên, rằng cô ấy đến Black Barn Enterprises vì một nguyên nhân khác. Mãi cho đến khi tôi nhận ra chiếc quần bò bó sát vợ tôi hay mặc dần trở nên rộng thùng thình. Tôi tìm thấy thuốc phiện mà Claire giấu đi, cùng với một lọ thuốc chứa đủ thứ thuốc viên kỳ lạ trong ngăn nhỏ chiếc hộp trang sức cô ấy được thừa kế từ bà nội.

Sau đó, chúng tôi nói chuyện thẳng thắn với nhau và tôi biết được rằng lần đầu tiên Claire tới Black Barn, Atwell có tổ chức một bữa tiệc tối thân mật với rất nhiều rượu ngon. Khi Claire nói rằng mình muốn đi ngủ, lão đã thuyết phục cô ấy dùng một ít thuốc phiện để bữa tiệc được tiếp tục. Ngày hôm sau, sau khi hoàn thành những cảnh quay cần thiết cho bộ phim, lão cảm ơn cô ấy bằng nửa chai rượu Sancerre hôm trước và nửa gam thuốc phiện. Atwell giải thích rằng lão đã tìm ra được cách dùng thuốc phiện an toàn, chia nhỏ liều dùng ra để không gây nghiện. Cô ấy bị thuyết phục rằng miễn là dùng theo liều chỉ định thì mọi thứ đều sẽ ổn.

Nếu như tôi biết rằng những lần Claire đến Southwell là vì thuốc phiện chứ không phải tình dục, có lẽ tôi đã can thiệp sớm hơn. Lúc tôi biết chuyện, vợ tôi đã nghiện nặng trở lại rồi. Tôi quyết định làm điều mình vẫn làm, chờ đợi, với hy vọng rằng cô ấy cuối cùng sẽ đồng ý tự cai thuốc hoặc đi cai nghiện. Tôi biết rằng nghe nó rất tệ, tôi biết rằng nếu mình chịu làm gì đó - ra tối hậu thư, gọi cho bố mẹ vợ, nhờ bạn bè can thiệp, hoặc bất cứ điều gì, thì kết quả có thể đã khác. Tôi vẫn luôn trăn trở về điều đó đến tận bây giờ.

Ngày còn niên thiếu, tôi nhớ mình đã từng hỏi mẹ tại sao lại dung túng cho thói nghiện rượu của chồng mình.

Bà nhăn mày, không phải vì tức giận mà là vì bối rối. “Mẹ có lựa chọn nào khác chứ?” Bà lên tiếng sau một hồi im lặng.

“Mẹ có thể bỏ ông ấy.”

Mẹ tôi lắc đầu. “Mẹ thà chờ ông ấy còn hơn.”

“Ngay cả khi ông ấy không chịu quay đầu?” Tôi hỏi.

Và mẹ tôi gật đầu.

Đó là những gì tôi làm với Claire trong những giây phút cô ấy không hoàn toàn thuộc về tôi. Tôi chờ đợi cô ấy.

Khi hai sỹ quan cảnh sát gõ cửa nhà tôi vào rạng sáng ngày đầu năm 2010, tôi biết rằng cô ấy đã ra đi từ trước khi cả hai lên tiếng.

“Vâng.” Tôi nhớ mình đã nói như thế sau khi họ thông báo tin dữ, rằng có một vụ tai nạn giao thông vào ba giờ sáng, vợ tôi đã tử vong tại hiện trường.

“Có ai khác bị thương trong vụ tai nạn không?” Tôi hỏi.

“Không có, cô Claire chỉ có một mình và xung quanh không có phương tiện nào khác cả.”

“Vâng, tôi hiểu.” Tôi nhắc lại và toan đóng cửa khi thấy rằng cả hai đã không còn gì muốn nói nữa nhưng họ ngăn lại và giải thích rằng tôi cần đến đồn cảnh sát để xác nhận danh tính nạn nhân.

Ba tháng sau, tôi tìm thấy quyển nhật ký của Claire, được giấu sau mấy quyển sách bìa cứng ở phần giá sách Claire giành riêng cho mình. Tôi suýt chút nữa thì đã đem nó đi thiêu mà không mở ra đọc, nhưng tôi tò mò. Vậy nên vào một buổi tối mùa xuân ẩm ướt, tôi mua một lốc sáu lon bia Newcastle Brown, ngồi xuống, và đọc nó.

Chương 10

Mặc dù không còn đọc văn học trinh thám hiện đại nữa nhưng tôi vẫn thường xuyên cập nhật xu hướng truyện mới. Cuốn *Cô gái mất tích* (*Gone Girl*) của Gillian Flynn đang làm mưa làm gió trên thị trường và thay đổi cả ngành công nghiệp sách. Có vẻ như bây giờ là thời đại của những cuốn tiểu thuyết liên quan đến bí mật gia đình, những người dẫn truyện không đáng tin làm cho người ta phải đặt câu hỏi liệu ta có thể tin tưởng ai đó được không? Dù cho đó là người thân đi chăng nữa. Tôi đọc được một vài đánh giá tâng bốc nó lên thành một hiện tượng mới nổi gần đây, như thể mô típ kiểu một nhân vật phát hiện ra bạn đời của mình che giấu nhiều bí mật là cái gì đó mới mẻ lắm vậy. Chuyện người dẫn truyện cố tình bỏ qua một vài thông tin để thao túng người đọc thậm chí đã được khai thác và phát triển trong văn học trinh thám từ cách đây cả thế kỷ rồi. Như trong cuốn *Rebecca* được xuất bản vào năm 1938, độc giả còn chẳng xác minh được danh tính người dẫn chuyện nữa kia.

Có thể đây là thiên kiến của riêng tôi nhưng dựa trên rất nhiều năm đọc thứ văn học trinh thám được xây dựng trên nền tảng là sự dối lừa, tôi không tin lời kể của người dẫn chuyện, y như cách không tin bất kỳ ai trong mình vậy. Chúng ta không bao giờ được biết toàn bộ sự thật từ lời kể của một ai đó. Khi chúng ta gặp một người, trước khi âm thanh đầu tiên vang lên

thì những dối lừa và sự thật nửa vời đã tồn tại rồi. Quần áo chúng ta mặc che giấu đi sự thật về cơ thể, và nó cũng là công cụ thể hiện con người mà mình muốn người ta nhìn thấy. Chúng là sự hư cấu theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Vì thế nên tôi chẳng ngạc nhiên khi tìm thấy cuốn nhật ký bí mật của vợ mình, cũng chẳng ngạc nhiên khi bên trong nó có những điều cô ấy chưa từng kể cho tôi nghe. Rất nhiều là đăng khác. Để phục vụ cho cuốn sách này, cho câu chuyện của tôi, tôi sẽ không đi sâu vào mọi thứ tôi tìm hiểu được trong cuốn nhật ký đó. Cô ấy không mong nó bị phơi bày ra cho cả thế giới nhìn, và tôi cũng thế.

Nhưng mà tôi vẫn cần phải ghi lại những gì xảy ra giữa Claire và Eric Atwell. Không ngạc nhiên khi dính dáng đến tình dục, nhưng nó không phải là một mối quan hệ lãng mạn. Claire tái nghiện, và sau một thời gian cung cấp miễn phí, lão đòi cô ấy phải mua bằng tiền. Hai vợ chồng tôi có tài khoản chung dành cho tiền thuê nhà, tiền sinh hoạt và tiết kiệm cho những kỳ nghỉ, nhưng cả hai đều có tài khoản riêng. Chỉ trong ba tuần Claire đã nướng sạch tiền trong tài khoản của mình. Kể từ đó cô ấy đã trả cho thuốc phiện bằng tình dục. Đó là ý tưởng của Atwell. Nói một cách qua loa thì có nhiều yêu cầu của gã thực sự là làm nhục cô ấy. Sau khi Claire kể cho gã về trải nghiệm với tay giáo viên thời trung học, “Mình có thể thấy rõ sự phấn khích trong mắt hắn” - Claire đã viết.

Tôi đọc phần còn lại của nhật ký rồi cuối tuần sau đó tôi lái xe tới hồ Walden Pond ở Concord, đi qua Southwell. Lô đất gần như trống rỗng, nhiệt độ bên ngoài chỉ tầm 10 độ F, mặt hồ

đóng băng và bầu trời trên đầu mang màu trắng bột như phấn bảng. Tôi bước dọc theo con đường mòn quanh co dẫn lên một rặng núi gần đó, nhúng cuốn nhật ký vào dầu hỏa rồi đem thiêu ở bãi đất trống. Khi lửa tắt, tôi dẫm đạp phần còn lại cho đến khi chẳng còn gì ngoài một vết muội đen trên mặt tuyết và tro bụi bay trong không khí.

Tôi chưa bao giờ hối hận vì đã đốt cuốn nhật ký của Claire dù đến giờ tôi vẫn thỉnh thoảng mong mình chưa bao giờ đọc nó. Khi tôi chuyển khỏi căn hộ ở Somerville và tới Beacon Hill, tôi đã đem bỏ đi những gì còn lại của vợ mình, quần áo của cô ấy, đồ nội thất chúng tôi mua cho căn nhà, quyển kỷ yếu... Tôi giữ lại một vài quyển sách, một phiên bản cũ của cuốn *Nếp gấp thời gian* (*A Wrinkle in Time*), tuyển tập thơ của Anne Sexton cô ấy mua hồi năm nhất ở Đại học Boston. Cuốn sách đó vẫn còn nằm trên tủ đầu giường của tôi, luôn ở đó. Thỉnh thoảng tôi đọc những bài thơ bên trong nhưng phần lớn thời gian tôi mở nó ra để nhìn những dòng chú thích và hình vẽ nguệch ngoạc của Claire, những đường nét và từ ngữ cô ấy đánh dấu. Đôi khi tôi đưa tay rờ theo những vết hằn do đầu bút bi để lại trên mặt giấy.

Những ngày này tôi gần như chỉ ưa thích sự hiện diện của nó trong tầm tay mình mà thôi. Đã năm năm trôi qua nhưng giờ tôi nói chuyện với Claire trong đầu mình nhiều hơn cả ngày cô ấy mất. Vào đêm tôi đi ngủ với cuốn *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd* của Agatha Christie, tôi đã kể về danh sách, về việc đặc vụ Mulvey ghé thăm và cảm xúc của tôi khi đọc những quyển sách này một lần nữa.

Tôi thức dậy vào tầm tám rưỡi sáng, ngạc nhiên khi nhận ra mình vậy mà lại chớp mắt được một lúc. Ánh sáng chói chang và gay gắt tràn vào qua khung cửa sổ quên buông rèm. Tôi đến bên cửa sổ, nhìn ra bên ngoài, ngắm mái nhà bên kia đường vẫn đang bị tuyết phủ trắng xóa, rãnh thoát nước đóng băng cứng ngắc.

Băng đóng như mạng nhện bên ngoài cửa sổ, đường phố bên dưới có màu xanh xám báo hiệu nhiệt độ bên ngoài cực kỳ thấp. Tôi lấy điện thoại ra xem, 1 độ. Tôi gần như đã xem xét đến việc báo cho Emily và Brandon nghỉ ở nhà ngày hôm nay vì tiết trời quá lạnh nhưng lại đổi ý.

Tôi ôm mớ đồ đạc và đi bộ dọc theo phố Charles, tới một tiệm cà phê có phục vụ bữa sáng với yến mạch, ngồi xuống chiếc bàn trong góc và cầm tờ báo Globe của ngày hôm qua trên bàn lên đọc. Đúng lúc đó, điện thoại tôi vang lên.

“Malcolm, tôi là Gwen.”

“Chào Gwen.” Tôi nói.

“Anh đang ngủ sao?”

“À không, tôi đang ăn sáng, chuẩn bị đến cửa hàng. Cô vẫn còn ở Boston à?”

“Không, tôi về đến nhà từ chiều qua và nhận được chỗ sách đã đặt rồi. Tôi dành cả đêm qua để đọc cuốn *Người lạ trên tàu*.

“Và?”

“Tôi muốn nói chuyện về nó một chút, anh có lúc nào rảnh không?”

“Tôi có thể gọi lại khi về đến tiệm.” Tôi nói, vừa lúc bát yến mạch cũng được bung ra, tỏa khói nghi ngút.

“Được đó.” Cô ấy trả lời. “Vậy tôi chờ anh gọi lại.”

Sau khi ăn xong bữa sáng tôi đi thẳng đến cửa hàng. Emily đã có mặt và cho Nero ăn xong xuôi đâu đó rồi.

“Đến sớm vậy.” Tôi nói.

“Anh không nhớ rằng hôm nay tôi về sớm à.”

“À ừ, đúng rồi.” Tôi nói, mặc dù đúng là tôi đã quên bém vụn đó thật.

“Ông Popovich lại vừa mới than phiền.” Cô ấy vừa nói vừa xoa hai bàn tay vào nhau. “Ông ấy muốn trả lại lô sách vừa rồi.”

“Cả lô sao?”

“Vâng, ông ấy bảo rằng cả lô đều không đủ chất lượng”

David Popovich là một nhà sưu tầm sách sống ở New Mexico nhưng quen thuộc với dân buôn sách chúng tôi như ông lão nhà bên vậy. Ông ấy hay mua sách, số lượng nhiều nhưng bao giờ cũng trả lại đến một nửa. Thỉnh thoảng David sẽ gọi điện đến để phàn nàn còn đâu sẽ gửi cho chúng tôi hàng tá những email khó hiểu.

“Dẹp ông ta đi.” Tôi nói.

“Cái gì cơ?”

“Viết thư trả lời rằng chúng ta sẽ nhận lại bất cứ quyển nào ông ta gửi trả và từ giờ sẽ không nhận đơn hàng từ lão nữa. Tôi nhịn đủ rồi.”

“Anh nghiêm túc đấy hả?”

“Phải, cô có muốn tôi viết mail không?”

“Không, tôi rất sẵn sàng. Có cần cc cho anh không?”

“Được.” Tôi nói. Đưa Popovich vào sổ đen có thể mang lại một vài tác động xấu nhưng hiện tại thì tôi không mấy quan

tâm, cảm giác thật tuyệt.

Trước khi gọi lại cho Gwen, tôi gửi một email cho một trợ lý xuất bản của nhà Random House tôi đã chờ đi mấy hôm nay, để xác nhận ngày tác giả mà cô ấy phụ trách đến tổ chức buổi đọc sách vào tháng Ba.

Tôi mở hộp kính và lấy cuốn *Người lạ trên tàu* bản in đầu tiên quý giá đó ra và đem đến chỗ điện thoại. Nó có bìa màu xanh đậm cùng hình minh họa đặc sắc với chân dung của một người đàn ông và hình dáng một người phụ nữ trông có vẻ ốm yếu với mái tóc đỏ.

Một hồi chuông vang lên, Gwen nhắc máy.

“Chào Gwen.” Tôi nói, cảm thấy là lạ khi âm thanh của cái tên thoát ra khỏi miệng.

“Cảm ơn vì đã gọi lại, vậy thì, cuốn sách này.”

“Cô nghĩ sao về nó?”

“Không có gì nhiều. Tôi biết cốt truyện của nó nhờ xem phim nhưng trong truyện thì khác hẳn. Nó đen tối hơn, tôi nghĩ thế, trong phim cả hai người đàn ông đều đã giết người đúng không?”

Tôi cố gắng nhớ lại. “Tôi không nghĩ vậy.” Tôi nói. “Không, chắc chắn là không. Tôi nghĩ là nhân vật chính của bộ phim - tay vận động viên quần vợt ấy - suýt nữa đã giết hại ông bố rồi nhưng anh ta đã không làm vậy. Cái này phụ thuộc vào yêu cầu của nhà đài hơn là những gì Hitchcock thực sự muốn làm. Tôi không nghĩ là họ muốn cho lên sóng một bộ phim mà kẻ thủ ác có thể thoát tội trót lọt.” Tôi đã không đọc quyển này nhiều

năm rồi, cũng không xem lại phim nhưng vẫn còn nhớ khá rõ ràng.

“Nguyên tắc Hays.” Cô ấy nói. “Giá mà nó được như vậy trong đời thực.”

“Phải”

“Hơn nữa trong sách anh ta cũng không phải là một vận động viên quần vợt.”

“Ai cơ?”

“Guy, nhân vật chính ấy, trong truyện anh ta là kiến trúc sư.”

“À đúng vậy” Tôi nói. “Đọc cuốn sách có giúp ích gì không?”

“Anh đã nói trong danh sách của mình rằng đây là ví dụ điển hình của một vụ giết người hoàn hảo.” Cô ấy phớt lờ câu hỏi của tôi. “Chính xác thì ý anh ở đây là gì?”

“Đó là một tội ác hoàn hảo.” Tôi nói. “Bởi vì khi hoán đổi mục tiêu của mình với người khác, một người về cơ bản là xa lạ thì sẽ không có mối liên hệ nào giữa hung thủ và nạn nhân cả, không có động cơ gây án, đó là điểm tài tình của nó.”

“Đấy chính là những gì tôi đang suy nghĩ.” Cô nói. “Điều đặc biệt của vụ án trong cuốn sách,” cô ấy tiếp tục, “nằm ở chỗ hung thủ không có mối liên quan nào tới vụ án cả, mấu chốt ở đây không nằm ở phương thức gây án.”

“Ý cô là sao?” Tôi hỏi.

“Bruno giết vợ của Guy ở công viên giải trí, siết cổ tới chết, nhưng chẳng có gì thể hiện trí tuệ ở đây cả. Tôi đã nghĩ về những quy luật của gã Charlie của chúng ta. Nếu như anh là

Charlie, giả dụ nhé, vậy thì anh sẽ thực hiện vụ giết người dựa trên *Người lạ trên tàu* như thế nào đây?”

“Tôi hiểu ý của cô, sẽ rất khó để thực hiện được.”

“Đúng vậy. Anh có thể đi siết cổ một ai đó ở công viên giải trí nhưng nó sẽ không phù hợp với tinh thần của vụ án anh đang mô phỏng.”

“Hắn sẽ phải tìm một ai đó làm công sự.”

“Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng không hẳn, thật đấy.” Gwen nói. “Nếu tôi là Charlie, nếu tôi đang cố học theo cuốn *Người lạ trên tàu* vậy thì tôi sẽ chọn nạn nhân là một người đang có nguy cơ bị sát hại. Tôi nhất thời không nghĩ ra nhưng ví dụ như một ai đó vừa trải qua cuộc ly hôn cay đắng chẳng hạn, hoặc.”

“Cái gã ở New York mà cô nhắc tới, kẻ lấy trộm tiền ấy ư?” Tôi nói.

“Bernie Madoff?”

“Đúng vậy, gã đó.”

“Hợp lý đấy, nhưng có quá nhiều người muốn mạng gã nên nếu là tôi thì tôi sẽ chọn một nửa của cặp đôi vừa mới ly hôn, chờ đợi cho đến khi người kia không có mặt rồi sát hại người còn lại. Tôi nghĩ thế là hợp với tinh thần của cuốn sách nhất”

“Có lý lắm.” Tôi nói.

“Tôi cũng nghĩ thế, đáng để điều tra thêm. Còn anh thì sao? Có ý tưởng nào mới sau đêm qua không?”

“Tối qua tôi hơi mệt do vừa mới thức trắng đêm hôm trước nên là không. Nhưng tôi sẽ tiếp tục đào sâu suy nghĩ.”

“Cảm ơn.” Cô ấy nói. “Anh đã giúp đỡ tôi rất nhiều”, rồi bổ sung thêm với giọng điệu hơi khác, “Đừng quên gửi cho tôi

thông tin chuyến bay và chuyển đi tới London mùa thu vừa rồi nhé.”

“Tôi sẽ gửi trong hôm nay.” Tôi nói.

Sau khi tôi cúp máy, Nero bước lạch bạch dọc lối đi lát gỗ cứng và nằm xuống bên chân tôi. Tôi nhìn nó, hơi sững sờ, mãi miết suy nghĩ về cuộc điện thoại vừa qua.

“Tôi làm xong rồi đó.” Giọng Emily vang lên, tôi quay lại, cô ấy đang tiến về phía tôi, trên mặt nở nụ cười hiếm hoi.

“Đã làm gì cơ?”

“Gửi mail cho Popovich, ông ta có vẻ sốc.”

“Cô trông có vẻ rất vui.”

“Không, tôi... anh biết lão ta làm tôi ức chế đến mức nào mà.”

“Tốt rồi, thành thật mà nói, tôi nghĩ ông ta cần chúng ta hơn là ngược lại. Không phải lúc nào khách hàng cũng đúng đâu, cô biết đấy.”

Emily lại cười toe rồi nói, “Anh ổn chứ?”

“Tôi ổn, sao thế?”

“À, không có gì. Anh có vẻ hớn vía lên mây, chỉ có vậy thôi. Tôi không biết là có phải có chuyện gì không ổn hay không”

Tôi phải hành xử bất thường lắm thì mới làm cho cô ấy chú ý đến mức độ này, Emily mà tôi biết thường sẽ không làm thế. Tôi luôn nghĩ bản thân mình như một người khắc kỷ, không bao giờ để lộ quá nhiều về bản thân, giờ đây tôi lo lắng vì điều đó không đúng như tôi nghĩ.

“Nếu bây giờ tôi đi dạo một lát thì có ổn không?” Tôi hỏi.
“Mình cô xử lý được hết không?”

“Được.”

“Chỉ một lát, nhanh thôi.” Tôi nói.

Bên ngoài vẫn lạnh buốt nhưng mặt trời đã ló rạng, bầu trời là một màu xanh lam nặng nề đặc sệt, vỉa hè đã được dọn sạch sẽ. Tôi đi bộ về phía phố Charles, định bụng tạt vào công viên Public Garden, lòng vẫn mãi suy nghĩ về cuộc nói chuyện với Gwen về cuốn *Người lạ trên tàu*, cuốn sách tôi đã không nghĩ đến trong suốt nhiều năm nay. Công viên đông người hơn tôi nghĩ, nhất là ở cái mức nhiệt độ này. Một người cha đang gạt tuyết trên mô hình nhân vật trong *Make Way for Ducklings*^[*] bằng đồng để đặt đứa nhỏ mới chập chững biết đi nhà mình lên chụp ảnh. Tôi chắc đã đi qua đám mô hình vịt con ấy cả ngàn lần rồi, lúc nào cũng sẽ có những bậc phụ huynh ngồi chụp ảnh con mình ở đó. Vào mùa hè người ta thường phải xếp hàng chờ tới lượt. Tôi luôn tự hỏi người ta thấy có gì thú vị mà nhất định phải lưu giữ cái khoảnh khắc cụ thể này. Tôi không hiểu, bởi vì tôi chưa có con, đây là điều mà cả tôi và Claire chẳng bao giờ đề cập đến. Tôi đã tự nhủ rằng điều đó tùy thuộc vào cô ấy, nhưng có lẽ vợ tôi cũng đã đợi tôi khơi mào câu chuyện. Tôi đi vòng quanh cái ao đóng băng và bắt đầu quay lại cửa hàng, gió vờn những chiếc lá khô bay bay trong không khí. Có đôi khi tôi tự cho phép mình chìm đắm trong thứ suy nghĩ xa xỉ rằng mình trong sạch, nhưng thực tế thì tôi còn xa mới được tính là vô tội. Nếu Gwen Mulvey phát hiện ra sự thật đó, tôi sẽ buộc phải chấp nhận nó dù muốn hay không.

Chương 11

Ngay khi đọc xong cuốn nhật ký của Claire tôi đã muốn giết Eric Atwell, nhưng phải vài tháng sau đó mới gom đủ can đảm để thừa nhận với bản thân mình.

Tôi cũng biết rằng mình sẽ trở thành nghi phạm chính sau khi Atwell chết. Vào đêm xảy ra tai nạn, vợ tôi đang trên đường trở về từ nhà hân. Atwell thậm chí đã thú nhận rằng mình cung cấp thuốc phiện cho Claire Kershaw née Mallory và cảnh sát kết luận rằng cô ấy đang ngoại tình cùng với ông chủ giàu có của tập đoàn Black Barn.

Tôi nghĩ đến việc thuê sát thủ rồi đi đến nơi nào đó thật xa (ra nước ngoài chẳng hạn) vào thời điểm vụ án xảy ra, nhưng kế hoạch đó có quá nhiều khả năng đổ bể. Đầu tiên, tôi không nghĩ rằng mình có đủ tiền để thuê một sát thủ chuyên nghiệp, kể cả có đủ tiền đi nữa thì một khoản lớn biến mất đột ngột khỏi tài khoản cũng là một bằng chứng rõ ràng. Tôi không biết làm sao để thuê được sát thủ, cũng không muốn liên quan gì đến một kẻ giết người chuyên nghiệp. Tôi không thích những kẻ lấy mạng tiền, cũng không ưa gì ý tưởng trao cho người khác một phần không nhỏ quyền kiểm soát cuộc đời mình.

Vì vậy tôi quyết định không thuê sát thủ, nhưng tôi thích ý tưởng xa xôi mà Eric Atwell đến mạng.

Một năm trước, tầm năm 2009, một người phụ nữ trẻ đến với tiệm Old Devils cùng với một chồng sách toàn những bản in đầu tiên cực kỳ giá trị. Phần lớn những đầu sách trong đó không phải là tiểu thuyết trinh thám nhưng nó có một ấn bản *Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes (The adventures of Sherlock Holmes)* năm 1892 của nhà xuất bản Harper & Brothers mà tôi đã khao khát từ lâu. Có khoảng mười cuốn tất cả - bao gồm hai cuốn đầu tay của Mark Twain chắc phải có giá đến cả nghìn đô, vậy mà người phụ nữ nọ, với mái tóc dày bết và đôi môi khô nẻ để nó lung tung trong mấy chiếc túi ni lông. Tôi không thể không hỏi xem cô ấy lấy chúng ở đâu.

“Anh có lấy hay không đây? Không hả?” Cô ấy nói.

“Không, nếu cô không thể cung cấp được nguồn gốc của những cuốn sách này.”

Cô ấy rời khỏi cửa hàng cũng nhanh như lúc bước vào. Giờ ngẫm lại tôi ước rằng thà tôi cứ trả tiền và mua hết chỗ sách đó đi, sau đó tôi có thể tìm thấy chủ sở hữu thực sự của những cuốn sách này - chắc chắn cô gái đã ăn trộm từ đâu đó để hoàn trả. Tôi gọi cho cảnh sát báo cáo vụ việc và được thông báo rằng họ sẽ để mắt đến những báo cáo liên quan đến trộm sách. Tôi chưa bao giờ nhận được phản hồi, cũng không bao giờ thấy người phụ nữ nọ một lần nào nữa. Hồi đó tiệm Old Devils có một nhân viên tên là Rick Murphy làm các ca cuối tuần. Rick là một nhà sưu tầm, chủ yếu quan tâm đến mảng kinh dị.

Tôi kể với cậu ấy về người phụ nữ đã đến đây với những cuốn sách đắt tiền ấy.

“Cô ta có thể thử bán chúng trên mạng. Rick nói.

“Trông cô ấy không giống như người hay lên mạng”

“Cũng đáng để thử mà.” Anh ấy nói. “Tôi biết trang mạng nhỏ này, nó giống một chỗ trên dark web hơn, nơi người ta bán những đồ sưu tầm như ở chợ đen vậy.”

Rick - đã từng làm việc trong ngành công nghệ thông tin và bảo hiểm toàn thời gian đã cho tôi xem một trang mạng tên là Duckburg. Đối với tôi, thứ này trông thật quá sức khó hiểu, như bảng thông báo từ thuở ban đầu của internet vậy, nhưng Rick tìm được một phần danh sách những đồ sưu tầm hiếm được rao bán. Người bán đều ẩn danh cả. Chúng tôi tìm thử những đầu sách hôm nọ nhưng chẳng thấy gì hiện lên.

“Ở đây còn gì nữa không?” Tôi hỏi.

“A, quý ông đây đã bị hấp dẫn rồi đấy, chủ yếu thì đây chỉ là một nơi để giao tiếp ẩn danh mà thôi. Thật ra đây không được tính là darkweb đích thực nhưng nó cũng tựa tựa như thế, đủ bảo mật.”

Trong lúc Rick quay đi lấy chai nước giải khát có ga to bự, tôi nhanh tay lưu lại đường dẫn đến trang web này, định bụng sẽ tìm hiểu thêm về nó sau nhưng lại quên mất.

Cuối năm 2010, sau khi quyết định bắt Eric Atwell đến mạng, tôi tìm kiếm trong những trang web đã đánh dấu và phát hiện ra là đường dẫn vẫn còn ở đó. Một tối nọ, sau khi đóng cửa, tôi dành nhiều giờ khám phá các cổng thông tin khác nhau và tạo ra cho mình một danh tính giả mang tên “Bert Kling”. Tôi đăng nhập vào một cổng thông tin mang tên “Swaps”. Tôi không thực sự biết nó dùng để làm gì nhưng có nhiều yếu tố tình dục, kiểu như:

Một người đàn ông sáu mươi tuổi muốn mua cho bạn 1000 đô la tiền quần áo. Chỉ cần trẻ và đẹp là được, cho phép đi cùng tới phòng đồ, không đụng chạm, chỉ nhìn thôi.

Nhưng cũng có những yêu cầu kiểu như *Tìm người giúp việc muốn được trả công bằng cổ phiếu.*

Tôi mở một hộp thoại lên và gõ.

Ở đây có ai hâm mộ cuốn Người lạ trên tàu không? Muốn đề nghị một sự hoán đổi cho cả hai.

Tôi đăng nó lên và đăng xuất.

Tôi tự nhủ rằng mình sẽ chờ đủ hai mươi tư giờ đồng hồ trước khi quay lại nhưng chỉ giữ mình được tầm mười hai giờ. Hôm đó là một ngày vắng khách, tôi đăng nhập lại vào Duckburg với bí danh của mình. Có phản hồi.

Rất thích cuốn sách đó, muốn thảo luận thêm, đi đến trò chuyện riêng tư được không?

Được thôi!

Tôi trả lời và ấn vào mục chọn để cho hội thoại chỉ hiện ra với hai người liên quan. Hai giờ sau, có một tin nhắn mới.

Cậu muốn gì?

Tôi viết:

Có một kẻ đáng phải biến mất khỏi thế giới này. Tôi không thể tự mình làm được. Không hiểu sao tôi không thể viết ra được chữ “chết”.

Tôi cũng có cùng vấn đề, tin nhắn mới đến ngay tức khắc.

Vậy cùng giúp nhau nhé?

Được.

Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực, hai bên tai nóng rực. Liệu có phải tôi đang bị gài bẫy không? Có thể, nhưng tôi đâu có cần cung cấp thông tin của bản thân đâu, tôi đưa ra thông tin của lão Eric Atwell cơ mà. Sau khoảng chừng năm phút đắn đo, tôi quyết định mạo hiểm và viết lại:

Eric Atwell, số 255 Phố Elsinore, Southwell, Mass. Bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 6 tháng 2 đến 12 tháng 2. Tôi dự định tham gia một sự kiện quy tụ những nhà buôn sách cổ ở Sarasota, Florida vào khoảng thời gian đó, vé đã đặt xong xuôi hết rồi.

Tôi nhìn chăm chăm vào màn hình, cảm tưởng như cả tiếng đồng hồ đã trôi qua, nhưng thực tế chỉ mới mười phút. Cuối cùng, một dòng tin nhắn hiện lên.

Norman Chaney, số 42 đường Community, Tickhill, New Hampshire. Bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 19 tháng 3.

Ba mươi giây sau, thêm một dòng tin nhắn nữa hiện lên.

Chúng ta không nên tiếp tục liên lạc nữa.

Tôi trả lời là *đồng ý*, rồi viết lại địa chỉ của Norman Chaney vào mặt sau một chiếc kẹp sách đặt riêng của Old Devils. Từ những gì tôi hiểu về chính sách của Duckburg, cuộc hội thoại đó giờ đã biến mất vĩnh viễn. Ý nghĩ đó an ủi tôi phần nào dù tôi không thực sự tin tưởng vào tính xác thực của nó. Tôi hít một hơi thật sâu, nhận ra hơi thở mình đã rối tung lên trong suốt hai mươi phút vừa qua. Tôi nhìn chăm chăm vào cái tên và địa chỉ mình đã viết xuống và suýt chút nữa đã gõ vào thanh tìm kiếm trên máy tính nhưng đổi ý vào phút chót. Tôi cần phải

cẩn thận hơn, có nhiều cách khác để tìm ra người này. Bây giờ thì chỉ cần cái tên là đủ. Tôi cảm thấy mừng vì đó là tên của một người đàn ông, tôi không muốn phải xuống tay với phụ nữ. Tôi càng mừng hơn nữa khi thỏa thuận của mình đến sau. Rõ ràng là tôi chỉ cần phải tuân thủ nó nếu Eric Atwell chết khi tôi đang ở Sarasota.

Tháng Hai năm 2011, tôi tham dự sự kiện nọ. Tôi chưa bao giờ tới Sarasota và ngay giây phút đặt chân đến đây tôi đã phải lòng thị trấn đượm màu gạch cũ này. Tôi thực hiện thứ mà tôi coi như cuộc hành hương tới thăm nhà của John D. MacDonald ở Siesta Key, hé mắt nhìn qua cánh cổng khóa kín để nhìn thấy một khối kiến trúc trung cận đại với cây cối xanh tốt bao quanh. Tôi tham dự một số bài thuyết trình, ăn tối với người bạn hiếm hoi tôi có trong giới sách cổ, Shelly Bingham, sở hữu một tiệm sách cũ trên Quảng trường Harvard trước khi tới Bradenton “nghỉ hưu” và bán sách cũ ở hội chợ hàng tuần trên đảo Anna Maria. Chúng tôi làm vài ly martini ở quán Gator Club. Sau ly thứ hai, Shelly hỏi, “Mal, tôi đã giật mình khi nghe chuyện xảy ra với Claire hồi năm ngoái, cậu ổn chứ?”

Tôi há miệng định nói chuyện, nhưng thay vào đó, tôi bắt đầu khóc, khóc rất to, làm cho vài người ngoài đầu nhìn sang. Mọi thứ đổ ập đến như cơn bão làm tôi choáng váng. Tôi đứng dậy và đi vào nhà vệ sinh ở đằng sau quán rượu tối tăm, chỉnh trang lại bản thân, quay vào trong quán và nói “Xin lỗi vì điều đó, Shel.”

“Ồ không, không sao. Xin lỗi vì đã nhắc lại chuyện đó. Làm thêm ly nữa nhé? Rồi chúng ta nói về quyển sách mà mình

đang đọc.”

Đêm đó, tôi trở lại phòng khách sạn của mình, lôi máy tính xách tay ra và nhìn trang mạng trực tuyến của tờ “Boston Globe”. Những câu chuyện đầu tiên trên trang nhất liên quan đến vụ chuyển giao trái mùa mà đội Red Sox vừa mới thực hiện, nhưng bản tin thứ hai nói về một vụ giết người ở Southwell. Tên của nạn nhân vẫn chưa được cảnh sát tiết lộ. Tôi đã định ngồi ôm máy và làm mới trang web cho đến khi tên nạn nhân trở thành Eric Atwell, nhưng thay vào đó tôi buộc bản thân phải đi ngủ. Tôi mở cửa sổ phòng khách sạn, nằm trên giường nghe gió thổi cùng tiếng xe tải đêm thỉnh thoảng vọng lại từ cao tốc gần đó. Tầm rạng sáng thì tôi thiếp đi và tỉnh dậy sau vài tiếng, đánh nhóp mồ hôi, tấm chăn nhàu nhĩ cuốn quanh người. Tôi mở lại trang web của tờ Globe, thi thể được tìm thấy đã được xác nhận là Eric Atwell, một doanh nhân nổi tiếng và một nhà hoạt động từ thiện ở địa phương. Tôi nằm lại xuống giường và trong một chốc lát tôi nhăm nháp tư vị của sự thật rằng Atwell đã nhận được kết cục xứng đáng.

Lúc quay lại Boston tôi mới biết rằng Eric Atwell đã được báo mất tích từ đêm thứ ba. Lão ra ngoài đi bộ như thường ngày rồi không thấy quay trở lại. Sáng hôm sau cảnh sát tổ chức một cuộc tìm kiếm và thấy thi thể Atwell nằm gần một con đường mòn trên khu đất bảo tồn cách nhà ông ta chừng một dặm. Thi thể có nhiều vết đạn bắn, ví cùng với cặp tai nghe đắt tiền và điện thoại đã bị lấy đi. Phía cảnh sát đang điều tra khả năng đây là một vụ giết người cướp của và đang nhờ sự hỗ trợ của những

hộ dân sống gần đó. Có ai thấy đối tượng khả nghi quanh đây không? Có ai nghe thấy tiếng súng không?

Bài báo tiếp tục nhắc đến việc Atwell là một nhà từ thiện, một người quan tâm đến việc phát triển nghệ thuật địa phương, thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt gây quỹ tại trang trại được cải tạo ở Southwell, nông hê đề cập đến ma túy, tổng tiền hay bất cứ vai trò nào của Atwell trong vụ tai nạn của Claire Mallory. Tôi rất mừng vì điều đó. Một tuần trôi qua, tôi đã bắt đầu tin rằng không một ai liên tưởng đến bất kỳ mối liên hệ nào giữa tôi và cái chết của Atwell cho đến buổi chiều chủ nhật nọ. Khi đang nằm bẹp trong nhà vì cảm lạnh, tôi bất ngờ nghe thấy tiếng chuông, tôi đã nghĩ là cảnh sát đến bắt mình từ trước khi đứng lên mở cửa.

Tôi lên đây cót tinh thần. Đứng ngoài cửa quả thật là một sỹ quan cảnh sát - một người phụ nữ cao lớn, vẻ ngoài lạnh lùng, điều tra viên James, thế nhưng trông cô ấy không có cái nhìn của một sỹ quan chuẩn bị bắt giữ nghi phạm. Sỹ quan James nói rằng mình cần đặt một vài câu hỏi. Tôi mời cô ấy vào và được giải thích rằng cô ấy thuộc Tổ điều tra của Sở cảnh sát Boston đang phụ trách lần theo một vài đầu mối trong vụ án chưa có lời giải diễn ra ở Southwell.

“Anh có biết Eric Atwell không?” Cô hỏi, sau khi ngồi xuống bên mép chiếc ghế sofa.

“Không, nhưng vợ tôi thì có. Đáng tiếc là vậy.”

“Tại sao lại đáng tiếc?”

“Tôi chắc rằng cô đã biết điều này rồi nếu không thì cô đã chẳng ở đây. Vợ tôi sản xuất một video cho Eric Atwell, sau đó

họ trở thành bạn bè. Cô ấy... Claire... vợ tôi chết trong một tai nạn ô tô khi trở về từ nhà riêng của ông ta ở Southwell.”

“Anh có cho rằng Eric Atwell phải chịu trách nhiệm cho tai nạn đó không?”

“Tôi có, không phải toàn bộ, nhưng có. Tôi biết rằng vợ tôi bắt đầu tái nghiện sau khi gặp ông ta.”

Sỹ quan James chậm chậm gật đầu. “Có phải ông ta cung cấp chỗ thuốc phiện đó không?”

“Phải, như thế này đi, tôi biết chuyện này sẽ đi đến đâu. Tôi ghét... tôi đã từng ghét... Eric Atwell, nhưng tôi không mong ông ta phải chết. Sự thật là vợ tôi có vấn đề với ma túy và rượu, cứ cai rồi tái nghiện. Ông ta không dụ dỗ cô ấy đến với ma túy, cũng chẳng ép uống cô ấy dùng lại ma túy. Cuối cùng thì đó cũng chỉ là quyết định của riêng vợ tôi mà thôi. Tôi đã tha thứ cho ông ta. Khó khăn lắm mới có thể làm được, nhưng sau mọi chuyện xảy ra, tôi quyết định tha thứ.”

“Vây giờ anh cảm thấy ra sao khi biết rằng ông ta đã bị giết?”

Tôi nhìn chăm chăm lên trần nhà ra vẻ trầm tư suy nghĩ. “Thực lòng mà nói, tôi không biết nữa. Tôi đang nói sự thật đây, rằng tôi tha thứ cho ông ta, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi sẽ ưa con người đó. Tôi không đau buồn, cũng không hẳn là vui vẻ. Chỉ thế mà thôi. Nói thật lòng mình thì tôi cho rằng kết cục hôm nay là tự lão chuốc lấy.”

“Vây là anh cho rằng động cơ gây án có thể là trả thù, phải không?”

“Ý cô là tôi có cho rằng đây là một vụ giết người có chủ đích thay vì một vụ giết người cướp của thông thường đúng

không?”

“Đúng, ý tôi là vậy.” Người sỹ quan ngồi im lặng, gần như không nhúc nhích trên ghế sofa.

“Ý kiến cá nhân thì tôi chắc chắn rằng vợ tôi không thể là người duy nhất nhận được ma túy từ tay ông ta, cũng không phải là người duy nhất lão tổng tiền sau khi trở thành con nghiện. Ông ta hẳn phải làm điều tương tự với những người khác nữa. Sau khi dứt lời tôi nhận ra rằng mình đã nói quá nhiều với người sỹ quan. Sự bình tĩnh của cô ấy có gì đó làm cho tôi muốn trả lòng. Cô ấy lại gật đầu, nhận ra rằng tôi không nói gì thêm nữa, cô tiếp tục, “Có phải vợ anh đã chi rất nhiều tiền cho Atwell hay không? Số tiền mà anh không có?”

“Hai vợ chồng tôi có tài khoản riêng nên ban đầu tôi không hề nhận ra, nhưng đúng là cô ấy bắt đầu đưa tiền cho Atwell để mua thuốc phiện.”

“Xin lỗi khi phải hỏi anh điều này, anh Kershaw, nhưng theo như những gì anh biết thì vợ anh và Atwell có mối quan hệ nào liên quan đến tình dục không?”

Tôi ngần ngừ. Một phần trong tôi chỉ muốn kể cho sỹ quan cảnh sát trước mặt tôi đây mọi thứ tôi biết được từ nhật ký của Claire, nhưng tôi cũng biết rằng mình càng nói nhiều thì cảnh sát sẽ càng cho rằng tôi có động cơ để sát hại Atwell. Tôi nói, “Tôi không biết, nhưng nói thật lòng thì tôi tin rằng là có.” Những từ ngữ đó làm cổ họng tôi nghẹn lại, nước mắt như thể sắp trào ra, tôi liền ấn cườm tay của mình lên mắt.

“Tôi hiểu rồi.” Sỹ quan James nói.

“Cô ấy không phải là chính mình.” Tôi nói, không thể kiểm chế bản thân mình lại được. “Ý tôi là, vì thuốc phiện.” Tôi gạt một giọt nước mắt khỏi gò má.

“Tôi hiểu, xin lỗi vì tới đây và bắt anh trải qua chuyện đó một lần nữa, anh Kershaw. Tôi không hề muốn làm vậy một chút nào nhưng đây là quá trình điều tra cần thiết để loại bỏ bớt nghi phạm và thu hẹp phạm vi điều tra. Anh có nhớ mình đã ở đâu vào chiều ngày mừng tám tháng Hai hay không?”

“Tôi ở Florida, ở đó có sự kiện.”

“Ồ” Sĩ quan James nói, gương mặt gần như giãn ra. “Sự kiện gì vậy?”

“Sự kiện dành cho những người buôn sách cổ. Tôi có một tiệm sách ở Boston.”

“Tiệm Old Devils, đúng rồi, tôi đã từng tới đó.”

“Thật sao? Cô cũng ưa thích truyện trinh thám?”

“Tôi có đọc, thỉnh thoảng thôi.” Người sĩ quan nói rồi lần đầu tiên nở nụ cười kể từ khi bước vào căn hộ. “Tôi đến tham dự buổi đọc sách của tác giả Sara Paretsky, tầm một năm trước thì phải.”

“Đúng vậy.” Tôi nói. “Cô ấy là một tác giả không tệ.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Anh là người giới thiệu cô ấy phải không nhỉ?”

“Vâng. Thực ra tôi không giới thiệu trước đám đông nên mọi người không nhớ là chuyện bình thường”

“Tôi nhớ là anh làm tốt lắm.” Cô ấy nói.

“Cảm ơn cô về điều đó.”

Sỹ quan James đặt tay lên đầu gối và nói, “Trừ khi anh có thêm điều gì cần phải nói, tôi nghĩ chúng ta có thể kết thúc ở đây rồi.”

“Tôi không có.” Tôi nói, và chúng tôi đứng dậy cùng lúc, chiều cao của chúng tôi không chênh nhau bao nhiêu.

“Tôi sẽ cần thêm lời khai về chuyến đi tới Florida nữa.”

Tôi hứa sẽ gửi cho cô ấy chi tiết về chuyến này, đồng thời cung cấp tên và địa chỉ của Shelly Bingham.

Người sỹ quan để lại một tấm danh thiếp, tên cô ấy là Roberta.

Chương 12

Tám biển chào đón tôi đến thị trấn Tickhill miền New Hampshire cho tôi biết rằng tổng số dân ở đây là 730 người. Hôm đó là ngày 14 tháng 3 năm 2011, một ngày thứ hai. Tôi vừa rời Boston lúc năm giờ sáng và đến nơi lúc tám giờ ba mươi. Tickhill nằm ngay gần rặng núi White Mountains về phía bắc. Tôi đã tìm hiểu về thị trấn nhỏ này và thêm một chút về Norman Chaney - người đàn ông tôi cần phải giết nhưng không thấy gì nhiều. Tôi đã tranh thủ sử dụng một chiếc máy tính ở thư viện khi có người rời đi mà quên không đăng xuất, rồi ghi vào sổ tay mọi thông tin tìm kiếm được.

Theo như những gì tôi biết thì Tickhill có một nhà hàng và hai nhà trọ đều khá nổi tiếng vì nằm ngay gần khu trượt tuyết. Tôi lấy ra tấm bản đồ và tìm vị trí nhà của Norman Chaney trên đường Community, trông nó có vẻ khá cô lập với phần còn lại của thị trấn. Sau khi vẽ phác lại bản đồ và đánh dấu trong sổ, tôi bắt đầu tìm hiểu về Norman Chaney, người đàn ông này đã mua một căn nhà ở Tickhill tầm ba năm trước với cái giá 225 nghìn đô la. Tôi không tìm thêm được thông tin nào khác liên quan đến gã ngoại trừ tờ cáo phó của Margaret Chaney vào năm 2007. Cô ấy là một giáo viên đến từ Holyoke nằm ở phía tây Massachusetts, thiệt mạng trong một vụ hỏa hoạn, hưởng dương bốn mươi bảy tuổi, để lại hai đứa con là Finn - hai mươi

hai tuổi và Darcy - mười chín tuổi cùng người chồng đã chung sống 23 năm - Norman Chaney. Không có nhiều thông tin nhưng nó làm tôi tự hỏi liệu có phải Norman Chaney là kẻ gây nên cái chết của vợ ông ta hay không, nếu đúng là thế thì có phải đó là lý do ông ta cần phải chết? Có phải đó là nguyên nhân ông ta rời Holyoke để đến sinh sống ở một thị trấn có không tới một nghìn cư dân?

Tôi đã nghĩ rằng mình không thực sự cần phải giết Norman Chaney, bởi vì nếu Duckburg - nền tảng giúp chúng tôi thực hiện vụ sát nhân chéo này đảm bảo được tính ẩn danh như lời quảng cáo thì người bên kia không thể nào biết được tôi là ai. Thực ra muốn biết cũng không phải là không có cách, ngay cả khi anh chàng kia - cái bóng của tôi - không biết gì về tôi cả thì anh ta cũng biết được rằng tôi muốn Eric Atwell phải chết. Có lẽ người muốn lão ta chết không hề ít và tôi sẽ không rơi vào tầm ngắm nhưng đó vẫn là một mối hiểm họa khôn lường. Tôi quyết định mình sẽ giữ đúng lời cam kết, đó có vẻ là điều an toàn nhất tôi có thể làm, theo một tư duy vụn vẹo nào đó thì tôi nên giữ chữ tín và thực hiện phần thỏa thuận của mình, dù nó dính tới mạng người.

Trước khi tắt máy, tôi đã tranh thủ tìm kiếm về cả Finn Chaney và Darcy Chaney. Không giống như ông bố, cả hai người này đều có rất nhiều thông tin trên mạng. Nếu tôi tìm đúng người thì hiện tại Finn Chaney đang làm việc tại một ngân hàng nhỏ ở Pittsfield, đồng thời là một người dẫn chương trình ở quán rượu địa phương. Darcy Chaney hiện đang sống ở ngoại ô Boston, theo học tại trường Đại học Lesley ở Cambridge. Tôi

có ảnh của cả hai người, chắc chắn họ là anh em chứ không lẫn đi đâu được. Mái tóc đen nhánh, lông mày rậm, mắt xanh, miệng nhỏ. Cả hai đều không sống với bố và đó là thông tin quan trọng nhất tôi có. Nếu như Norman Chaney sống một mình thì công việc của tôi trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

Lúc tôi vào Tickhill, tuyết bắt đầu rơi, những bông tuyết nhỏ bay đầy trong không khí dường như không chạm đất. Tôi tìm thấy đường Community, một con đường thừa thớt dân cư với lớp nhựa đường nham nhở dẫn lên đồi. Tôi lò dò đi tới số nhà bốn mươi hai, hòm thư gia đình được sơn đen với chữ màu trắng là thứ duy nhất đánh dấu rằng ở đây có một ngôi nhà. Tôi lái xe chậm chậm qua, cố gắng căng mắt nhìn con đường đất dẫn vào nhà nhưng không thể nào tách bạch được ngôi nhà và rừng cây. Ở cuối đường, tôi quay xe và quyết định đi ngược lại, đánh lái theo con đường đất và nhìn thấy căn nhà. Đó là một ngôi nhà mái chữ A với rất nhiều cửa sổ làm nó trông giống như một cái chòi cho dân trượt tuyết. Tôi rất mừng khi không thấy ga-ra và phương tiện duy nhất quanh đó là một chiếc xe kiểu SUV đỗ ngay trước cửa. Khả năng Norman Chaney sống một mình vừa được nâng cao lên khá nhiều.

Tôi đeo găng tay, trùm khăn bịt mặt lên đầu như mũ nhưng không kéo hẳn xuống, bước ra ngoài, cầm theo cái xà beng thả xuôi theo chân. Tôi lại gần căn nhà, bước hai bậc thang lên thêm, tới cửa trước. Cửa chính được làm từ gỗ cứng nhưng có hai miếng kính mài hai bên. Sau khi nhấn chuông, tôi ghé mắt nhìn vào bên trong căn nhà tối om lờ mờ qua lớp kính sần. Tôi quyết định rằng nếu bất kỳ ai không phải là một người đàn ông

ở tầm cuối tuổi trung niên bước ra cửa thì tôi sẽ kéo khăn xuống che mặt và quay lại xe. Tôi đã trét đủ bùn lên biển số xe để không ai có thể nhìn ra được con số hay nơi đăng ký của nó.

Không có tiếng trả lời, tôi bấm chuông lần nữa, bốn cái nhần rõ ràng, rồi thấy một người đàn ông to lớn nặng nề lù lù bước xuống cầu thang. Nhìn qua lớp kính tôi cũng có thể thấy được ông ta mặc chiếc quần nỉ màu ghi và áo sơ mi nhung. Gương mặt đỏ hồng, mái tóc sẫm màu bắt dính được búi lên như thể đã lâu chưa gội. Người đàn ông mở cửa ra, không có sự cảnh giác, sợ hãi hay do dự nào. “Gì?” Ông ta gằn một tiếng.

“Ông có phải là Norman Chaney không?” Tôi hỏi.

“Phải, sao?” Ông ta lại gằn một tiếng nữa. Người đàn ông này cao tầm mét tám. Ngay cả khi đang khom người, tôi vẫn có thể thấy người ông ta hơi lệch làm một bên vai cao hơn vai còn lại.

Tôi vung xà beng lên, nhắm tới bên thái dương nhưng Chaney giật lùi lại làm đầu xà beng chỉ đập vào sống mũi.

Có tiếng nứt vỡ vang lên, ông ta loạng choạng, máu chảy thành hàng đổ xuống cằm. Chaney đưa tay lên ôm mặt và chửi rủa qua làn máu chảy đầm, “Mẹ kiếp.”

Tôi lao vào nhà, vung xà beng lên một lần nữa nhưng Chaney dễ dàng chặn nó lại với cánh tay trái to béo rồi tung một cú đấm móc phải trúng vào vai tôi. Không đau lắm nhưng nó làm tôi mất thăng bằng trong chốc lát, tạo cơ hội cho Chaney lao lên tóm lấy bộ đồ tôi đang mặc và dúi tôi vào tường. Có cái gì đó, khả năng cao là móc treo áo khoác đâm vào lưng tôi. Máu nóng phun ra từ mũi của Chaney, bắn vào mặt tôi. Có

một vài thứ, có thể là một vài chi tiết trong tiểu thuyết của Ian Fleming, xẹt qua bộ óc đang hoảng loạn của tôi lúc bấy giờ. Tôi nhấc chân phải lên và giáng mạnh chiếc ủng nặng trĩu xuống mu bàn chân Chaney làm lão rên lên một tiếng và nới lỏng tay. Tôi đẩy lão về phía sau làm lão lảo đảo, được vài bước thì cả hai cùng ngã xuống. Tôi ngã đè lên người lão một cái rất mạnh, có tiếng gì đó kêu răng rắc vang lên. Gương mặt Chaney nhăn lại, miệng lão co giật như cá mắc cạn. Tôi ngồi dậy, đè một đầu gối lên ngực lão rồi cúi xuống. Lão thở một cách khó khăn. Tôi đưa tay bóp lấy cần cổ béo múp thô kệch của lão rồi siết lại, hai ngón cái ấn xuống mạnh nhất có thể. Lão cố gắng kéo tay tôi ra, nhưng lúc đó đã xuống sức rồi nên vô ích. Tôi nhắm mắt lại và tiếp tục lấy hết sức bình sinh mà bóp cổ lão. Tầm một phút sau, có lẽ là lâu hơn, tôi dừng lại và lăn sang một bên, thở hồng hộc rồi nhận ra rằng miệng mình có vị mặn mặn và đặc quánh của máu. Tôi đưa lưỡi rà qua hàm răng, đầu lưỡi cộm và đau nhói. Có lẽ tôi đã cắn phải lưỡi trong lúc vật lộn, máu chảy đầy miệng tôi làm tôi phải cố nuốt xuống. Nhổ ra một ngụm máu vào chính hiện trường vụ án thì chẳng khác gì lạy ông tôi ở bụi này, dù cho có thể tôi đã để lại khá nhiều dấu vết ADN ở quanh đây rồi. Khom người trước mặt Chaney, không nhìn thẳng vào mặt lão, tôi kiểm tra mạch đập ở cổ và cổ tay. Không có gì cả.

Tôi đứng lên, thế giới xung quanh quay cuồng trong một thoáng, sau đó cúi người xuống và nhặt cây xà beng lên. Tôi đã quyết là mình sẽ cần lòng sục căn nhà, lấy đi vài thứ đồ đáng giá sau khi Chaney đã chết nhưng tôi không chắc mình có dừng

khí để làm vậy. Tôi chỉ muốn quay ra xe và rời khỏi chỗ này càng xa càng tốt.

Tôi vừa định quay đi thì nhìn thấy thứ gì đó qua khóe mắt. Nhìn qua tiền sảnh về phía phòng khách với cửa kính lớn trong suốt từ sàn tới trần, tôi thấy một con mèo vàng đang đi chậm chậm tới, móng vuốt không được cắt va lạch cạch xuống nền sàn lát gỗ cứng. Con mèo dừng lại và hít ngửi thi thể của Chaney, sau đó nhìn về phía tôi và lớn tiếng kêu meo meo, bước lại gần thêm hai bước rồi nằm phịch xuống sàn, vươn người khoe cái bụng đầy lông trắng hếu. Sóng lưng tôi lạnh toát rồi cảm giác ấy lan ra khắp toàn thân. Tôi có linh cảm rằng hình ảnh độc nhất vô nhị này sẽ ám ảnh tôi suốt phần đời còn lại. Con mèo đang đòi nựng bên cạnh thi thể của chủ nhân nó trên sàn nhà. Tôi chẳng suy nghĩ gì được nữa, cứ thế cúi xuống bế con mèo lên, mang nó ra xe rồi lái đi.

Tuyết rơi nặng hạt hơn và mặt đường cũng bắt đầu mang màu trắng. Tôi lái xe chậm rãi theo con đường quay về trung tâm thị trấn Tickhill, tới đường cao tốc dẫn qua rừng White Mountains, hướng về phía nam đến Massachusetts. Tôi cảm giác mọi hành động của mình đều chậm rãi và đầy toan tính, thậm chí cả chiếc xe cũng đang di chuyển trong thứ không khí gần như đặc quánh. Thời gian trôi chậm lại và mọi thứ đều có cảm giác phi thực tế. Tôi nhìn sang ghế lái phụ nơi con mèo đang ngồi rất ngoan ngoãn, Một phần nào đó trong tôi đang gào thét lên rằng lấy đi bất kỳ thứ gì ở hiện trường đều là điều tối kỵ, rằng tôi vừa ký án tử cho chính mình, nhưng tôi không dừng lại. Con mèo nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm những bông

tuyệt bay bay bên ngoài, không có vòng cổ. Vươn tay ra vuốt ve dọc theo sống lưng con mèo, tôi mới nhận ra là nó gầy hơn tôi nghĩ. Phần lớn vẻ mập mạp của nó đến từ lớp lông dày màu vàng cam. Tôi nghĩ mình có thể cảm thấy được nó gù gù trong cổ họng qua những ngón tay.

Sau khi vượt qua rặng núi và đầu óc bắt đầu thanh tỉnh hơn một chút, tôi định tạt vào một thị trấn nào đó, tìm kiếm một cửa hàng hoặc nhà trọ hay bất cứ nơi nào không khóa cửa và lùa con mèo vào bên trong. Nó sẽ được người ta tìm thấy và đưa tới một trạm cứu hộ chó mèo. Đương nhiên có rủi ro rất lớn rằng tôi sẽ bị ai đó phát hiện, nhưng tôi phải thử. Tôi không nên ôm nó theo, cũng chẳng hiểu tại sao mình lại làm thế nữa, nhưng giờ đây con mèo đang ở trên xe rồi, ai có thể nhẫn tâm ném nó ra lề đường được? Có lẽ những người thiện trọng hơn tôi có thể làm thế nhưng mạng sống của con mèo sẽ rất mong manh.

Tôi tiếp tục lái xe, đến đâu đó gần phía nam New Hampshire thì con mèo cúi đầu xuống ngủ. Tôi chẳng rẽ vào một thị trấn nào trên đường cả và tôi bất ngờ nhận ra rằng mình sẽ không làm vậy. Đến khi tôi về tới Beacon Hill và tìm được chỗ để xe ngay trước tòa nhà, con mèo vẫn ở đó. Tôi ôm nó lên và đi lên nhà, lúc đó là mười giờ rưỡi sáng.

Trong khi con mèo đi lòng vòng quanh căn phòng nhỏ, hít ngửi rồi cọ má vào mọi góc ngách và đồ đạc trong nhà, tôi lột quần áo trên người xuống, đặt chúng vào một túi rác loại dày cùng với cái xà beng rồi đi tắm. Tôi xoa xà phòng, xả nước, lặp đi lặp lại ít nhất ba lần cho đến khi hết sạch nước nóng.

Kế hoạch ban đầu của tôi là lái xe về phía bắc sau khi rời nhà Chaney, tới một tiệm sách bên trong một nhà kho được tân trang lại. Tôi đã tới đó nhiều lần và đã từng may mắn tìm được những ấn bản hiếm của một vài đầu sách trinh thám. Nếu bằng một lý do nào đó tôi trở thành kẻ tình nghi trong cái chết của Chaney, nếu như tình cờ có ai đó nhìn thấy xe của tôi thì ít nhất tôi cũng có lý do để có mặt ở New Hampshire vào thứ hai. Nó là một bằng chứng ngoại phạm không mấy chắc chắn nhưng có còn hơn không. Giờ thì tôi không thể dùng được lý do đó nữa, có lẽ đành phải nói rằng mình định lái xe tới tiệm sách ưa thích nhưng phải quay đầu vì tuyết rơi vậy.

Đương nhiên nhiều đó không thể giải thích được sự hiện diện của con mèo nhà nạn nhân giờ đang dụi đầu vào chân tôi ở trong căn hộ này. Tôi tìm thấy một hộp cá ngừ, đổ ra bát và thêm đầy nước vào một cái bát khác, lấy một cái nắp thùng cát tông, rải một ít đất từ chậu cây vào đó và hy vọng con mèo sẽ đi vệ sinh đúng chỗ. Trong khi nó ăn, tôi bật máy tính lên tìm kiếm cách phân biệt giới tính của mèo và đoán chừng nó là mèo đực sau một hồi ngó nghiêng. Cả ngày hôm đó chỉ có tôi và nó, con mèo cuộn mình nằm bên chân tôi lúc cả hai cùng nhau ngủ trên ghế sofa. Lúc trời tối, bằng cách nào đó nó mò được lên giường và nằm cuộn tròn trên quyển sách tôi đang đọc dở - cuốn *Too Many Cooks (Nero Wolfe)* của Rex Stout với bìa mềm.

Tôi đặt tên con mèo là Nero.

Một tháng đã trôi qua kể từ ngày tôi bỏ cái xác của Norman Chaney lại Tickhill, New Hampshire - tôi nhận ra được hai điều. Một là cảnh sát vẫn chưa lần tới tôi. Dù tôi chưa lên mạng tìm

kiếm thông tin về vụ án của Chaney, tôi cảm thấy từ sâu trong xương tủy rằng mọi thứ đã trót lọt. Điều thứ hai là Nero - giờ đây đã vui vẻ sống trong căn nhà mới, cần được tiếp xúc với nhiều người hơn. Tôi thường vắng nhà suốt mười hai giờ và khi tôi quay lại thì lúc nào Nero cũng chờ ở cửa đòi được yêu thương. Mary Anne ở nhà dưới nói với tôi rằng bà ấy có thể nghe tiếng mèo kêu khóc vào ban ngày.

Và tôi bắt đầu nghĩ rằng Nero sẽ là một con mèo hoàn hảo cho tiệm Old Devils.

Chương 13

Ưam mê truyện trinh thám từ tuổi vị thành niên không giúp bạn có sự chuẩn bị sẵn sàng để bước vào cuộc sống thực. Tôi đã từng nghĩ tuổi trưởng thành của tôi sẽ diễn ra gần với những gì sách viết hơn là thực tế. Lấy ví dụ nhé, tôi đã tưởng sẽ có những lúc tôi phải gọi taxi để bám theo ai đó khả nghi, sẽ tham dự nhiều buổi đọc sách hơn bất kỳ ai và phải biết làm thế nào để bẻ khóa. Mỗi lần tôi đi du lịch (đặc biệt là tới một nhà trọ cũ kỹ ọp ẹp hoặc nhà thuê ven hồ) sẽ có điều gì đó đáng ngờ xảy ra. Tôi đã từng cho rằng kiểu gì những chuyến tàu cũng sẽ dính dáng tới án mạng và tội lỗi sẽ diễn ra ở mỗi đám cưới cuối tuần, bạn cũ sẽ liên tục gọi điện nhờ tôi giúp đỡ vì mạng sống của họ đang bị đe dọa. Tôi thậm chí đã từng nghĩ cát lún cũng là một hiểm họa chết người.

Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho những điều như thế mà chẳng mảy may chú tâm đến những thứ có sức phá hoại tâm hồn hơn, tử như những hóa đơn hay ngày ngày lăn vào bếp trong sự tẻ nhạt, nấu ra những món ăn chẳng mấy mặn mà. Nhận thức đến từ từ rằng người lớn sống trong một cái bong bóng nhằm chần mà chính họ tạo ra. Cuộc sống không có gì bí hiểm, cũng chẳng có tính phiêu lưu. Đương nhiên đây là những gì tôi rút ra được trước khi trở thành một kẻ giết người nhưng làm tội phạm không hề giúp tôi thỏa mãn những tưởng tượng của thời thơ ấu

đâu. Tôi chưa từng hình dung mình sẽ là một kẻ giết người, tôi luôn đứng về phe chính nghĩa, là vị thám tử (tập sự, thường thì là thế), người phá án, chứ chẳng bao giờ là kẻ xấu.

Một trong những kỹ năng tôi đã tưởng mình phải sử dụng thường xuyên khi trưởng thành là kỹ năng theo dõi một ai đó, và ngược lại là nhận biết lúc nào mình đang bị theo dõi, nhưng trên thực tế chẳng có gì xảy ra cả, mãi cho đến một ngày nọ. Đó là một buổi tối thứ bảy, sau khi đóng cửa tiệm Old Devils, tôi bước qua công viên Boston Common trong cái gió lạnh cắt da cắt thịt và dừng bước ở quán rượu Jacob Wirth, uống bia Đức và ăn món Wiener schnitzel - thịt cốt lết Vienne. Đang là giữa tháng Hai nhưng vẫn còn những dải đèn Giáng Sinh chẳng đầy khắp trần nhà sảnh chính và bằng một cách nào đó, nơi đây làm tôi cảm thấy ổn với việc ngồi ăn một mình. Tôi đánh giá những nhà hàng ở quanh khu vực của mình như thế đấy, có những quán làm bạn cảm thấy cô đơn như những nhà hàng cao cấp chen chúc ở khu Back Bay, nhưng cũng có những nơi như Jacob Wirth với một nhà hàng nhỏ mang tên Stoddard mang lại sự náo nhiệt và thứ ánh sáng lơ mờ dịu nhẹ để việc ở một mình cũng không phải là chuyện gì ghê gớm lắm.

Chính vào lúc tôi rời quán và bắt đầu lội qua cái lạnh để về nhà thì tôi cảm thấy có ai đó đang theo dõi mình. Có lẽ tôi đúng là đã đọc quá nhiều sách thật, nhưng cổ tôi gần như cảm thấy một cảm giác chân thực rằng có ai đó đang nhìn mình. Tôi quay đầu lại, lướt qua đám đông những cư dân địa phương và khách du lịch nhưng chẳng thấy gì khả nghi cả. Cảm giác đó vẫn tồn tại mãi cho đến tận phố Charles, khi tôi ngẩng đầu nhìn về phía

căn hộ của mình, tôi liếc về sau và nhìn thấy một người đàn ông trong ánh đèn mờ ảo, đang chậm rãi bước qua ngã tư, ánh mắt dán vào tôi, gương chìm trong bóng tối. Thứ duy nhất tôi có thể nhận ra là anh ta đội một cái mũ có vành hẹp. Người đó vẫn tiếp tục bước đi một cách từ tốn và trong một khoảnh khắc, tôi gần như đã nghĩ đến việc quay đầu lại và đối mặt, nhưng rồi tôi đổi ý khi anh ta biến mất sau một tòa nhà. Bất kỳ ai đi qua phố Charles đều sẽ liếc qua nhà dân hai bên đường, nhất là vào mùa đông khi chúng trở nên đẹp đẽ hơn hẳn bình thường.

Khi lên đến nhà, tôi tiếp tục suy nghĩ về người đàn ông nọ và quả quyết rằng đó chỉ là tưởng tượng mà thôi. Chẳng có ai theo dõi tôi cả. Thế nhưng không bị theo dõi không đồng nghĩa với việc không bị giám sát, cũng không loại trừ khả năng đây là một trò đùa dai.

Kể từ lúc Gwen Mulvey đến tiệm Old Devils và hỏi tôi về danh sách những vụ giết người hoàn hảo, tôi liên liên tưởng đến cái bóng của tôi, người đàn ông (tôi luôn cho rằng đó là một người đàn ông) mà tôi gặp khi đăng tin về cuốn *Người lạ trên tàu* - người đã trừ khử Eric Atwell thay tôi, người muốn Norman Chaney phải chết.

Nếu như anh ta đã tìm ra được danh tính của tôi thì sao? Nó cũng đâu khó đến thế nhì. Có lẽ anh ta tìm ra tôi bằng cách nghiên cứu về Eric Atwell. Chỉ cần tìm hiểu một chút là anh ta đã có thể biết về vụ tai nạn của Claire cùng người chồng mất vợ hiện đang làm ở một tiệm sách chuyên về trinh thám. Không chỉ như thế, người chồng đó còn từng đăng lên một danh sách về tám vụ án mạng ưa thích, trong đó bao gồm cả *Người lạ trên*

tàu. Tìm ra tôi thì dễ lắm, nhưng sau đó thì sao? Lẽ nào anh ta trở nên thích thú với việc giết người sau khi đã hạ sát Eric Atwell và giờ muốn tiếp tục công việc? Nếu như anh ta quyết định bắt chước những vụ án ưa thích của tôi thì sao? Đó là một cách rất tốt để làm tôi chú ý. Tôi đang bận lòng vì nó đây còn gì? Có phải đây là một trò chơi nào đó hay không?

Tôi càng nghĩ càng bị thuyết phục rằng Charlie - người dàn dựng vụ *Sát nhân A.B.C.*, vụ đường tàu trong *Khoản bồi thường gấp đôi* và có thể đã dọa Elaine Johnson đến chết ở Rockland, Maine chính là người đã giúp tôi trừ khử Eric Atwell.

Và anh ta biết tôi là ai.

Những gì Charlie làm đã đưa FBI đến tận cửa nhà tôi. Có thể đó chính là một trong những gì anh ta muốn.

Charlie, rốt cuộc thì anh muốn gì?

Tôi tiếp tục nghĩ về *Người lạ trên tàu*. Cuốn sách tập trung vào những người đã chết, nó nói về Bruno và Guy, hai kẻ sát nhân, và mối quan hệ giữa họ. Có lẽ đối tác của tôi qua trang web đó cũng có cảm giác rằng hai chúng tôi giờ đây đã có một mối liên kết kỳ lạ. Tôi nhớ tới bình luận trên bài viết của mình, Bác sỹ Sheppard. Rõ ràng là anh ta muốn biết thêm về tôi và ngược lại, muốn tôi biết về anh ta.

Điện thoại đổ chuông, tôi cầm lên và thấy Gwen đang gọi tới.

“Xin chào.” Tôi nói.

“Xin lỗi, tôi gọi điện muộn quá, anh còn thức không?”

“Không sao.” Tôi nói. “Tôi chưa ngủ.”

“Tuyệt vời, tôi cần nói vài điều thôi. Tôi đã điều tra một chút về vụ của Elaine Johnson, người chết vì đau tim ấy.”

“Ừm.”

“Tôi đã nói chuyện với người phụ trách điều tra có mặt tại hiện trường và cô ấy nói rằng căn nhà của nạn nhân đầy chật những sách”

“Cũng không có gì ngạc nhiên.”

Gwen ngừng lại rồi nói tiếp. “Tôi cần nhờ anh, dù có vẻ hơi kỳ lạ, nhưng tôi nghĩ là như vậy sẽ có ích. Chiều mai tôi sẽ lái xe tới Rockland, anh có thể theo cùng được không?”

“Tôi nghĩ là được” Tôi nói. “Nhưng tôi không chắc rằng mình có thể giúp gì được. Tôi có thể nhìn ra được cái gì mà cô không thể điều tra ra chứ”

“Tôi đã nghĩ rồi.” Gwen nói. “Có thể anh sẽ không thấy gì đặc biệt nhưng cũng có khả năng anh sẽ thấy được rất nhiều thứ. Anh biết nạn nhân, anh biết về trình thám, anh biết về những quyển sách. Tôi không chắc là nó sẽ có ích nhưng thử một chút thì cũng đâu gây hại gì. Nghe vậy có hợp lý không?”

“Một chút.” Tôi nói.

“Vậy anh đồng ý chứ?”

“Được, chắc vậy. Cô bắt đầu đi vào lúc nào?”

“Tuyệt vời, tôi phải ở lại New Haven cả buổi sáng. Tôi nghĩ rằng mình có thể rời đi vào tầm buổi trưa, tạt qua Boston đón anh vào tầm một rưỡi chiều và đến Rockland vào tầm năm giờ, như vậy có được không?”

“Cũng được.” Tôi nói. “Tôi có thể nhờ người thay ca ở tiệm, chúng ta có ở lại qua đêm không?”

“Tôi còn chưa nghĩ đến vụ đó. Tôi chỉ mới quyết định đi đến đó tầm năm phút trước thôi.” Cô ấy ngẫm nghĩ một chút. “Vậy hãy lên kế hoạch ở lại qua đêm đi, điều tra viên ở đó bảo rằng cô ấy sẽ gặp chúng ta lúc năm giờ, nhưng có lẽ ta sẽ cần nhiều hơn một lần tới căn nhà hiện trường, có thể có nhân chứng để phỏng vấn vào ngày hôm sau nữa. Anh đi qua đêm có được không?”

“Cũng được.” Tôi nói.

“Tốt lắm, bao giờ rời khỏi New Haven tôi sẽ nhắn tin. Tôi qua đón anh ở cửa hàng hay ở nhà riêng đây?”

Tôi bảo rằng mình sẽ ở cửa hàng rồi cúp máy.

Tôi đứng yên một lúc rồi đi tới tủ lạnh lấy ra một lon bia. Tôi không thực sự hiểu tại sao Gwen lại muốn tôi đi cùng tới nhà của Elaine Johnson nữa. Có lẽ tôi là cộng rơm mà tham vọng của cô ấy giữ lấy mong có thể giúp bắt được một tên sát nhân hàng loạt. Cũng có thể cô ấy hy vọng tôi sẽ sẩy chân để lộ sơ hở gì đó khi đến hiện trường vụ án. Đương nhiên là linh cảm của Gwen đã đúng. Elaine Johnson là một nạn nhân trong danh sách. Cái bóng của tôi, người giúp tôi giết Eric Atwell đã quyết định tiếp tục giết người và học theo bản danh sách của tôi. Việc chọn Elaine làm nạn nhân đã chứng minh được rằng anh ta muốn gửi đến tôi một thông điệp gì đó, nhưng rốt cuộc thì người đó biết đến Elaine bằng cách nào? Sao Charlie lại biết được bà ta từng là khách quen của tiệm? Anh ta ở gần tôi đến mức nào chứ?

Tôi không có câu trả lời cho những câu hỏi đó, nhưng trực giác mách bảo tôi rằng Gwen Mulvey sẽ tìm ra sự thật. Cho đến

giờ cô ấy đã liên kết được những sự kiện đó với nhau và sẽ tiếp tục làm thế cho đến khi sáng tỏ. Mọi thứ sẽ chỉ hướng về tôi, tới hung thủ thực sự trong vụ án của Eric Atwell, tới những gì tôi làm với Norman Chaney ở New Hampshire. Cô ấy sẽ tìm ra, tức là tôi cần phải tìm được *cái bóng* của mình trước. Tôi cần phải nhanh chân hơn Gwen.

Chương 14

Tôi dậy rất sớm sau giấc ngủ chập chờn, chuẩn bị đồ đạc, bỏ vào ba lô và đi đến tiệm Old Devils. Tôi không thể ngừng nghĩ về anh ta, đương nhiên rồi. Tôi thấy rằng mình nên gán cho người này một cái tên chính thức thay cho cách gọi cái bóng của tôi như từ trước đến nay, nghe nó giống nhân vật truyện tranh quá. Tôi nghĩ mình sẽ lấy tên Charlie - cái tên mà tôi và Gwen cùng nghĩ ra. Charlie, cũng được đấy.

Sau khi tôi mở khóa cửa chính, Nero thò đầu ra khỏi ô cửa dành cho mèo dẫn xuống tầng hầm. Thỉnh thoảng nó sẽ chui xuống đó ngủ cho gần lò sưởi nhưng chỉ khi xung quanh không có người thôi. Nó nằm phịch xuống và lăn ra trước mặt tôi, tôi cúi xuống xoa bụng và gỡ cằm cho nó. Có lẽ sẽ có một lúc nào đó khi Nero vươn người làm nũng, tôi sẽ thôi nhớ tới thi thể bê bết máu của Norman Chaney, nhưng ngày đó vẫn chưa tới.

Tôi mở máy tính lên và kiểm tra email, sau đó gửi nhanh một bức thư cho Brandon xem cậu ta có thể giúp tôi đóng cửa sau khi tan ca hay không. Tôi biết là kiểu gì cậu ta cũng làm thôi nhưng muốn chắc chắn một chút. Hôm nay là Chủ Nhật, vẫn còn sớm nên tôi không nghĩ là mình sẽ nhận được thư phản hồi ngay đâu.

Tôi ngồi uống cà phê và tiếp tục suy nghĩ về kế hoạch của mình cho sáng nay. Tám chín giờ, hoặc tám rưỡi có vẻ là lúc phù

hợp để gọi điện cho Marty Kingship - một cựu sĩ quan cảnh sát mà tôi quen, giờ đang làm cố vấn an ninh bán thời gian cho mấy khách sạn hạng sang ở khu trung tâm. Tôi gặp Marty tầm ba năm trước khi anh ấy đến tham dự buổi ký tặng sách của Dennis Lehane. Khi tác giả đã rời đi rồi anh ấy vẫn ở lại khá lâu và hỏi nhiều điều về truyện trinh thám, bảo rằng mình cũng muốn viết truyện dựa vào quãng thời gian trong ngành. Tối hôm đó lúc rời đi, anh ấy rủ tôi thỉnh thoảng đi làm vài ly. Tôi đồng ý và càng ngạc nhiên hơn khi Marty ngay lập tức đề nghị thời gian và địa điểm: một quán rượu tên là Marliave nằm bên cạnh công viên trung tâm vào tối thứ năm lúc tám giờ.

Tôi chưa từng đến chỗ đó bao giờ, quán Marliave, nằm khuất trong con phố nhánh gần khu mua sắm Downtown Crossing. Đi qua lối vào chật hẹp là một quán rượu lát gạch vuông mang phong cách Pháp - không giống nơi một cựu sĩ quan sẽ muốn ngồi uống. Marty Kingship ngồi ngay trên quầy và nói chuyện với người pha chế. Anh ấy trông khá kinh ngạc khi tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, như thể đã quên mất cuộc hẹn của chúng tôi rồi vậy.

“Cậu đến thật hả?” Anh ấy hỏi.

“Dĩ nhiên rồi.”

“Cậu muốn uống gì nào? Tôi đang làm một chai bia Miller Lite nhưng anh chàng Robert đây” - anh ấy nói đến người pha chế - “nói rằng khẩu vị của tôi chả ra sao cả.”

Tôi gọi một vài bia Hefeweizen. Marty cũng gọi thêm một ly bia nữa cùng một ít đồ ăn - món sên escargot và một đĩa bánh kẹp thịt viên.

Tôi chưa bao giờ giỏi kết bạn cả. Đôi khi tôi cho rằng đó là do tôi là con một, bố mẹ tôi (trừ lúc say) cũng không phải người quảng giao. Nhưng có lẽ vấn đề nằm sâu hơn thế, tôi không có khả năng kết nối một cách chân thành với mọi người. Tôi càng nói chuyện với ai lâu thì tôi càng cảm thấy xa cách hơn. Tôi có thể cảm thấy thân thiết với một du khách lớn tuổi người Đức đến tiệm của mình trong mười phút và mua một cuốn tiểu thuyết cũ của Simon Brett nhưng cảm giác đó sẽ nhạt dần. Cứ như thế khi tôi bắt đầu hiểu ai thì hào quang của họ cũng dần lụi tắt, giống như giữa tôi và họ có một bức vách ngăn bằng kính mờ ngày càng dày thêm. Càng hiểu về họ, tôi càng khó nhìn nhận và lắng nghe một cách ý nghĩa và sâu sắc. Đương nhiên có những ngoại lệ, như Claire là một, hoặc cậu bạn thân của tôi hồi trung học tên Lawrence Thibaud là hai - cậu ấy đã chuyển đến Brazil hồi cuối năm lớp tám. Đương nhiên cả những nhân vật trong truyện và thơ cũng là ngoại lệ, tôi càng đọc càng thấy thích họ.

Marty - tôi gặp anh ấy lần đầu tiên khi đang tìm kiếm bạn bè, và có một thời gian tôi cố gắng làm tốt vai trò đó. Anh ấy từng là sỹ quan cảnh sát ở vùng tây Mass nhưng rời khỏi ngành không lâu sau khi các con bỏ nhà đi và vợ anh ký đơn ly dị. Anh ấy chuyển tới một căn hộ nhỏ một phòng ngủ gần quảng trường Dudley và tự coi như mình đã nghỉ hưu sớm, dù thỉnh thoảng vẫn làm mấy công việc liên quan tới an ninh. Marty đang viết dàn ý cho một cuốn tiểu thuyết trinh thám nhưng tôi khá chắc rằng anh ấy sẽ không bao giờ hoàn thành nó. Marty là một người vui tính, cũng thông minh hơn rất nhiều so với mái

đầu đình, cái mũi gãy và thân hình quả lê bên ngoài. Anh ấy dễ dàng đọc được năm cuốn sách mỗi tuần và có một thời gian thường xuyên đến tiệm sách sát giờ đóng cửa để mua thêm vài đầu sách mới trước khi chúng tôi dắt nhau đi đâu đó làm vài ly. Anh ấy luôn có chuyện để kể, hoặc những câu đùa vui vui. Chúng tôi không bao giờ thiếu cái để nói với nhau. Ban đầu mọi thứ đều đầu vào đó nhưng giống như mọi mối quan hệ khác của tôi, một thời gian sau tôi cảm thấy giữa chúng tôi có một bức tường, nhưng thể chúng tôi đã đạt tới giới hạn tự nhiên của tình bạn và nó sẽ không bao giờ tiếp tục phát triển thêm nữa. Bây giờ tôi và Marty chỉ thỉnh thoảng tụ tập ăn uống vào dịp Giáng Sinh mà thôi.

Tôi không biết liệu Marty có giúp tôi không, nhưng thử thì cũng không mất gì. Anh ấy có cả thời gian và tài nguyên để tìm ra thông tin về Norman Chaney. Mạo hiểm thật đó, nhưng đây là rủi ro tôi cần chấp nhận. Charlie, dù là ai đi nữa, cũng mong muốn Norman Chaney phải chết, tôi cũng biết rằng anh ta không muốn tự mình làm điều đó. Điều này cho thấy Charlie hẳn là người nằm trong diện tình nghi của cảnh sát trong vụ án năm ấy.

Tôi gọi cho Marty vào lúc chín giờ.

“Ô chào người lạ.” Anh ấy nói.

“Tôi đánh thức anh hả?”

“Không, vừa mới tắm xong thôi. Mất bà nó tắm hai mươi phút mới làm cho mảnh xà phòng cũ dính vào bánh mới đây này. Chắc là tôi mua nhầm loại khác nên tụi nó chả dính được vào nhau. Mà có phải là mua hai màu khác hẳn nhau đâu chứ,

trông màu giống hết mà sao lại kị nhau thế không biết. Tôi nghĩ là vì thế nên cậu mới gọi hà? Để xem tôi tắm rửa như nào đúng không?”

“Không hẳn. Nhưng giả thuyết đó không tệ đâu, cuộc sống của anh có vẻ bận rộn ghê nhỉ?”

“Ờ, thực ra là đúng, Cindy sẽ đến và ở đây vào kỳ nghỉ xuân. Thật luôn, không đùa, con bé hình như cảm nắng thẳng rãnh nào đó ở đại học Boston. Ít nhất cuộc sống vẫn có gì đó đáng để mong đợi nhỉ.”

Cindy là con gái của Marty, là thành viên duy nhất trong gia đình còn giữ liên lạc với anh ấy.

“Ồ tin tốt đấy. Marty này, thực ra tôi cần nhờ anh một việc.”

“Ồ, vụ gì thế?”

“Nếu như nó là một việc gì đó ngoài khả năng, hoặc cảm thấy không ổn thì cứ nói nhé, cũng không phải cái gì quan trọng lắm đâu.”

“Cậu cần tôi giết ai à?” Anh ấy bật cười.

“Không, nhưng thực ra tôi cần thông tin của một người đã bị sát hại. Anh làm được không, với đầu mối liên lạc của một cựu cảnh sát?”

“Kiểu thông tin như thế nào?”

“Chuyện bí mật giữa hai ta thôi nhé.” Tôi nói. “Anh không thể kể cho ai khác đâu.”

“Không vấn đề gì, cậu gặp rắc rối à?”

“Không, không” Trong lúc nói chuyện, tôi dần nhận ra rằng tôi sẽ cần một vài lý do cho những điều mình đang hỏi. Tôi quyết định bịa ra một câu chuyện dựa trên một phần sự thật.

“Bên FBI liên lạc với tôi nhờ trợ giúp điều tra một vụ án cũ, một người đàn ông ở New Hampshire bị sát hại tầm bốn năm trước. Norman Chaney. C-H-A-N-E-Y. Họ không nói hết mọi thông tin nhưng có vẻ là ông ta có rất nhiều sách từ tiệm này và họ nghĩ là có thể có liên hệ nào đó ở đây.”

“Mối liên hệ kiểu gì?”

“Họ có nói đâu mà biết. Chỉ là... tôi bị vụ này làm cho quay cuồng nên mới hỏi xem liệu anh có thể ngó qua một chút giúp tôi xem có thể tìm hiểu được gì về gã này hay không. Tôi cho rằng họ không tiết lộ hết toàn bộ câu chuyện, rằng có thể nó có gì đó liên quan đến Claire hay đại loại như thế.”

“Ừ thì tôi có thể nhờ vả vài người, được chứ.” Marty nói, giọng có vẻ bối rối. “Chắc là không có gì đâu Mal. Thỉnh thoảng sẽ có những người được giao mấy vụ án treo từ lâu rồi xem có manh mối nào bị bỏ sót hay không, như kiểu sách của nạn nhân được mua từ đâu chẳng hạn và quyết định điều tra thử xem. Kiểu chết đuối vớ cọng rơm thôi. Cậu bảo rằng bên FBI đến tìm cậu hả?”

“Đúng thế. Kỳ lạ ghê nhỉ?”

“Đừng lo lắng. Để tôi gọi thử xem. Chắc là không có gì đâu.”

“Cảm ơn nhiều, Marty”

“Dạo này cậu ổn không?”

“Cũng bình thường, mua sách, bán sách thôi.”

“Thế thì đi làm cốc bia đi, tôi sẽ gọi lại cho cậu khi tìm được thông tin gì đó về gã Donald Chaney này nhé, lúc đó thì gặp nhau.

“Norman Chaney.”

“Ừ, ừ, Norman Chaney.”

“Ừ. Cứ vậy đi.” Tôi nói. “Đi làm vài ly.”

Tôi cúp máy. Xong xuôi đâu đó tôi mới nhận ra rằng từ này đến giờ mình gồng cứng hai vai, quai hàm ê ẩm. Norman Chaney là cái tên tôi đã cố quên hàng năm trời rồi. Chỉ nói ra mồm thôi cũng làm cơ thể tôi căng thẳng. Tôi lại một lần nữa phân vân không biết mình lôi Marty vào vụ này là đúng hay sai nhưng tôi cần biết là ai muốn Chaney phải chết. Tôi xoay vai, cổ làm cơ bắp căng cứng giãn ra, đúng lúc Emily bước qua cánh cửa và cởi chiếc khăn quàng cổ. Đến giờ mở cửa rồi, tôi bật hết đèn trong tiệm lên, ra cửa xoay tám biển “Đã mở” ra ngoài. Có một chồng sách mới ở nhà sau cần xếp lên giá và sau khi Emily hoàn tất việc tháo bỏ lớp vỏ bên ngoài, hai chúng tôi bắt đầu làm việc, gần như là trong im lặng. Khi chúng tôi nói chuyện, tôi cảm thấy giọng cô ấy hơi khàn, như kiểu đi làm khi bị cảm lạnh hoặc là do nói quá nhiều vào đêm hôm trước. Tôi nhớ là cô ấy có nói cái gì về cuộc hẹn nhưng thật khó để hình dung Emily nói chuyện với ai đó nhiều tới mức đau họng. Khó mà hình dung được Emily cũng hẹn hò.

“Dạo này có gì mới à?” Tôi hỏi.

“Ý anh là sao?” Cô ấy nói.

“Không có gì. Tôi chỉ tò mò không biết dạo này cuộc sống của cô có gì thay đổi không thôi. Cô vẫn sống ở Cambridge nhỉ? Có đang hẹn hò ai không?”

“Ừm.” Cô ấy ậm ừ.

“Có xem được bộ phim nào hay không?” Tôi hỏi, cho cô ấy một cái cớ để thoát khỏi khoảng lặng im kéo dài đến khó chịu.

“Tôi mới xem *Under the skin*.” Cô ấy nói.

“Ồ, đúng, bộ phim mà Scarlett Johansson đóng người ngoài hành tinh đúng không?”

“Chính xác.”

“Phim hay không?”

“Hay cực kỳ.”

“Ô thế thì tốt.” Tôi nói và quyết định không hỏi thêm câu nào nữa. Tôi không có con cái nên cũng chịu không biết được có một đứa con tuổi teen tự dưng không nói một lời là như thế nào, nhưng đôi khi tôi nghĩ chắc nó cũng không khác tôi với Emily là mấy.

Chúng tôi lại tiếp tục xếp sách lên giá, tâm trí tôi lại trôi về cuộc nói chuyện với Marty. Có lẽ tôi đã sai khi nhờ anh ấy tìm hiểu về Norman Chaney nhưng tôi cảm thấy mình cần phải làm thế. Chaney là sợi dây kết nối tôi và Charlie. Ừm, cả Elaine Johnson nữa, nhưng có lẽ bà ấy trở thành nạn nhân vì Charlie biết đấy là người quen của tôi. Nếu tôi giả định rằng những vụ án khác cũng không phải là trùng hợp ngẫu nhiên thì đầu mối dẫn tôi tới danh tính của Charlie chắc chắn là vụ Norman Chaney. Nếu tìm được nguyên nhân Chaney phải chết thì tôi có thể biết được Charlie là ai.

Tầm buổi trưa thì chuông điện thoại tôi reo lên. Là Gwen, nhắn tin để báo cho tôi biết rằng cô ấy đang trên đường tới. Tôi đã báo với Emily là hôm nay tôi phải về sớm, Brandon sẽ đóng cửa tiệm và có khả năng cô ấy sẽ phải mở cửa vào sáng hôm sau. Cả Brandon và Emily đều có chìa khóa riêng vào tiệm.

Emily không có vẻ gì là tò mò xem tôi định đi đâu, nếu có thì cũng không hề biểu hiện ra mặt.

Tầm một giờ tôi bắt đầu để ý nhìn ra cửa chính hướng về phố Bury. Tôi đã chuẩn bị ba lô đầy đủ quần áo và đồ dùng cá nhân cho hai ngày một đêm. Dầu cho vẫn còn lo lắng về tình hình hiện tại, về những điều mà Gwen có thể phát giác ra tôi vẫn khá mong đợi chuyến đi này. Tôi cảm thấy gò bó và tù túng ở Boston vào mùa đông năm nay. Tôi mong đợi được nhìn thấy đường cao tốc, cảnh vật phủ tuyết trắng xóa và tới thăm nơi tôi chưa từng tới.

Tầm một giờ ba mươi tôi ngó đầu ra cửa trước và nhìn thấy Gwen đi một chiếc Chevy Equinox màu be, đang đánh lái vào chỗ trụ cứu hỏa. Tôi tạm biệt Emily và bước ra ngoài ngay khi điện thoại bắt đầu đổ chuông. Tôi thấy số điện thoại của Gwen, lờ nó đi và bước sang đường tới bên ghế lái phụ và gõ lên kính xe. Cô ấy liếc thấy tôi, ngắt cuộc gọi và vào trong xe. Mùi xe còn mới làm tôi thắc mắc liệu đây có phải là xe riêng của cô ấy không. Tôi cài dây an toàn và đặt cái ba lô của mình xuống chỗ sàn giữa hai chân.

“Chào.” Cô ấy nói. “Tôi đã đặt sẵn hai phòng ở Rockland rồi, để để phòng thôi. Anh mang đủ đồ dùng chưa?”

“Đủ rồi.” Tôi nói.

Cô ấy lái xe xuôi theo phố Burry hướng về đường Storrow. Cả hai chúng tôi đều im lặng, tôi không định lên tiếng trước, cô ấy đang tập trung hết sức để ra được khỏi Boston. Khi chúng tôi rẽ vào đường 93 phố Bắc, thì Gwen lại cảm ơn vì tôi đã đi cùng.

“Thực ra thì thỉnh thoảng ra khỏi thành phố cũng hay mà.” Tôi nói. Tôi quay sang và nhìn cô ấy lần đầu tiên kể từ khi vào trong xe. Cô ấy đã cởi áo khoác ra cho dễ lái và giờ đang mặc một chiếc áo len đan vãn loại sợi to và quần bò tối màu. Hai bàn tay đặt chuẩn xác ở vị trí hai giờ và mười giờ trên bánh lái và đôi mắt nhìn chăm chú vào con đường trước mặt như thể người bị cận cố nheo mắt nhìn cho rõ vậy. Cô ấy quá tập trung nên tôi có thể nghiên cứu khuôn mặt cô một chút. Mũi hơi hếch, vầng trán cao và mịn màng, làn da nhợt nhạt và đôi chỗ ửng hồng, Gwen hiện tại dễ phân biệt hơn hẳn, không còn mờ nhạt nữa. Bất cứ khi nào chăm chú quan sát một người tôi cũng không thể ngăn mình hình dung ra họ rất già hoặc rất trẻ. Với Gwen, tôi thấy cô ấy như một đứa trẻ năm tuổi, mắt tròn xoe mở thao láo, bặm môi dưới, trốn sau chân bố mẹ. Sau đó tôi lại hình dung cô ấy như một bà lão, mái tóc dài bạc phơ tết lại sau lưng, làn da mỏng như giấy và nhăn nheo khá bình thường ở người già nhưng trông vẫn đẹp lão với đôi mắt to lạnh lợi. Trông cô ấy khá quen, đặc biệt là khuôn mặt trái xoan nhưng tôi vẫn chưa nhớ ra được mình từng thấy gương mặt này ở đâu.

“Chúng ta có hẹn với sỹ quan Cifelli ở nhà của Elaine Johnson lúc sáu giờ. Anh đã ăn trưa chưa vậy?”

Tôi bảo rằng mình ăn sáng muộn và chúng tôi dừng chân ở trạm nghỉ nằm đâu đó giữa Kennebunk, Maine. Có một tiệm Burger King và Popeyes ở đó. Cả hai chúng tôi đều gọi bánh kẹp và cà phê, ngồi xuống bàn gần cửa sổ và ăn thật nhanh. Thời tiết bên ngoài khá đẹp, bầu trời không có mây và mặt đất phủ trong tuyết mới, ánh sáng được phản chiếu càng thêm chói

chàng khiến cả hai phải nheo mắt lại. Sau khi ăn xong cái bánh và mở nắp cốc cà phê, Gwen nói, “Hôm qua có người đã bị bắt vì vụ của Daniel Gonzalez, cụ thể là tối qua.

“Ồ” Tôi nói. “Anh chàng bị bắt trong lúc dắt chó đi dạo ấy hả.”

“Đúng vậy, hóa ra gã đó cũng đang buôn ma túy đá MDMA cho đám học sinh ở trường mình, kẻ nổ súng là đối thủ cạnh tranh của gã. Tôi cho rằng chúng ta đã sai về vụ đó rồi.”

“Nhưng mà vẫn còn những vụ khác.” Tôi nói.

“Đúng vậy, chúng ta vẫn còn những vụ đã được xác định. *Sát nhân A.B.C.* là chắc chắn rồi, *Khoản bồi thường gấp đôi* cũng được xác nhận và tôi cảm thấy rằng chúng ta sẽ tìm được gì đó khi đến nhà Elaine Johnson à Rockland.”

“Tìm gì mới được?” Tôi hỏi.

“Bất cứ thứ gì. Gã đó sẽ để lại gì đó. Tên này kịch lắm, Charlie ấy. Như thể giết ba người thôi là chưa đủ, hắn còn phải đánh tiếng nữa, như vụ gửi lông vũ.”

“Lông vũ gì cơ?” Tôi hỏi.

“Ồ, xin lỗi, tôi quên là mình chưa kể cho anh. Đồn cảnh sát thụ lý vụ án của Robin Callahan, Ethan Byrd và Jay Bradshaw có nhận được một phong bì chứa một sợi lông vũ. Tôi đáng ra không nên nói với anh vụ này vì nó không được công bố với giới báo chí nhưng giờ tôi nghĩ rằng anh có thể tin được.”

“Tin tốt đấy, tôi nghĩ thế.” Tôi nói.

“Giờ thì anh hiểu sao tôi lại nói gã này rất kịch rồi đấy. Đó là lý do tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm được gì đó ở hiện trường vụ án. Và vì anh biết nạn nhân, vì kẻ đang thực hiện những vụ giết

người mô phỏng này biết anh. Tôi không có ý nói rằng anh biết về họ... ý tôi là, có thể, nhưng họ có biết anh. Charlie biết về anh. Tôi nghĩ rằng ta sẽ tìm thấy đó. thứ gì đó liên kết vụ án tới bản danh sách, một thứ chứng cứ chắc chắn. Tôi có linh cảm không tệ về lần này. Anh ăn xong chưa đây?”

Tôi nhận ra rằng mình đã cầm nửa cái bánh suốt hai phút vừa qua. “Ồ, xin lỗi.” Tôi vừa nói vừa cắn một miếng to mặc dù không còn thấy đói nữa. Tôi biết mọi thứ Gwen vừa nói đều đúng nhưng nghe thấy nó được nói thành tiếng thay vì vang lên trong đầu mình kể cũng rờn rợn.

“Anh có thể mang theo ăn dọc đường nếu muốn nhưng chúng ta phải lên đường thôi. Ít nhất còn phải lái thêm hai tiếng nữa mới tới được Rockland cơ.”

Chương 15

Nhà của Elaine Johnson cũng không khác những gì tôi tưởng tượng là mây, lộn xộn và bụi bặm, toàn sách là sách.

Đó là một căn nhà xây theo lối Cape với lớp sơn màu xám bong tróc loang lổ. Nó nằm trên con phố nhỏ cách đường 1 tầm nửa dặm, khuất dưới những cây thông và gần như không thể tiếp cận được sau trận tuyết vừa qua. Gwen đậu chiếc xe Equinox trên con đường lầy lội, ngay phía sau chiếc xe cảnh sát đã đỗ sẵn ở đó. Sĩ quan Laura Cifelli là một người phụ nữ trung niên với gương mặt tròn xinh đẹp, đội chiếc mũ trùm đầu lót lông của chiếc áo khoác khổng lồ.

Lúc ấy trời đã chạng vạng, mặt trời đã xuống thấp ở phía chân trời, hơi thở của chúng tôi hóa thành làn khói trong nhiệt độ không khí đã hạ xuống số âm. Chúng tôi chào nhau qua loa rồi lội qua lớp tuyết tới cửa chính, chờ đợi tầm năm phút trong khi sĩ quan Cifelli tìm kiếm chìa khóa trong túi áo. Có một chiếc xe đỗ trên lối vào, một trong những mẫu Lincolns cũ kỹ thô kệch, hơi quá khổ để nhét vừa nhà để xe cá nhân. Sau khi vào trong, người sĩ quan bảo với chúng tôi rằng ngôi nhà hiện đang là tài sản vô thừa nhận vì nạn nhân Elaine Johnson không để lại di chúc và cũng không có người thân nào.

“Đây là công tắc đèn đúng không?” Gwen hỏi và sĩ quan Cifelli trả lời bằng cách bấm công tắc gần nhất làm cả căn bếp

sáng bừng lên với thứ ánh sáng đèn trần gay gắt.

“Điện nước vẫn chưa bị cắt.” Cô nói. “Và tôi nghĩ là họ cũng đang bật hệ thống sưởi vừa đủ để đường ống không bị đóng băng”

Tôi nhìn quanh căn bếp và ngạc nhiên khi nhìn thấy lọ bơ lạc đã mở nằm lẩn lóc trong đường viền phần, được đánh dấu tên với con dao nằm trong lọ. Tôi không ưa gì Elaine Johnson nhưng điều đó không có nghĩa là tôi vui mừng khi bà ấy chết đi trong cô độc.

“Có nhân viên giám định hiện trường nào ghi chép báo cáo về vụ này chưa?” Gwen hỏi.

“Không có, sau khi giám định tai nạn thì nguyên nhân tử vong được xếp vào lý do tự nhiên. Nhồi máu cơ tim. Kể từ khi họ chuyển thi thể đi thì chưa có ai quay lại đây, theo tôi biết là thế.”

“Lúc đó cô có mặt ở đây phải không?”

“Phải, tôi nhận cuộc gọi thông báo mà. Thi thể ở trong phòng ngủ, nằm giữa tủ quần áo và giường. Tôi có thể chỉ cho hai người nếu muốn. Một tuần sau khi chết thi thể mới được phát hiện nên vừa bước vào đến bếp là đã ngửi thấy mùi tử thi rồi”

“Xin lỗi.” Gwen nói. “Ai đã gọi điện báo vậy?”

“Người hàng xóm ở bên kia đường gọi điện thông báo rằng thư từ bưu phẩm của bà ấy đang chất đống. Hòm thư của hai nhà được đặt cạnh nhau. Khi tôi tới kiểm tra thì cửa chính không khóa nên tôi tiến vào. Ngay lúc đó tôi đã biết có sự bất thường rồi.”

“Người hàng xóm đó có nói thêm gì nữa không? Như hoạt động bất thường ở khu này chẳng hạn?”

“Theo tôi biết thì không. Chúng tôi không cho rằng đây là một vụ án mạng nên cũng không hỏi thêm gì từ nhân chứng. Nhưng cô có thể yêu cầu họ tường trình, vào ngày mai chẳng hạn? Đêm nay cô ở lại đây đúng không?”

“Đành phải vậy thôi.” Gwen trả lời. “Có lẽ tôi cũng cần phải nói chuyện với nhân viên giám định tai nạn nữa, tùy thuộc vào manh mối có thể tìm thấy trong căn nhà này.”

Tôi lẳng lặng đứng nhìn hai người trao đổi nhưng cũng chú ý quan sát xung quanh nhà bếp. Có hai ngăn tủ nằm ở sát tường phía xa của căn bếp, có lẽ vốn được dùng để đựng dụng cụ nấu ăn hoặc nguyên liệu thô nhưng Elaine đã nhồi vào trong đó toàn tiểu thuyết bìa cứng. Tôi nhìn qua gáy sách, rất nhiều cuốn trong này là sách của Elizabeth George và Anne Perry - hai tác giả yêu thích của bà ấy. Một số cuốn còn lại tôi có thể xếp loại vào dạng trinh thám tình cảm, nội dung chủ yếu là tình cảm nhưng có yếu tố trinh thám - thể loại sách mà Elaine Johnson khinh bỉ ra mặt.

“Như vậy cũng được.” Sĩ quan Cifelli nói rồi bổ sung. “Vậy thì, tôi rất vui được ở đây cùng hai người để hỗ trợ, nhưng cũng rất hân hạnh được trao lại chìa khóa và không can thiệp vào quá trình điều tra, miễn là chìa khóa được hoàn trả vào sáng hôm sau.”

“Cô không cần ở lại đâu.” Gwen nói. “Rất cảm ơn vì sự hợp tác, nhưng thế này là đủ rồi.”

“Tuyệt, vậy thì tôi sẽ để hai người ở đây nhé. Sáng mai ghé qua đồn lúc nào cũng được.”

“Được rồi.” Chúng tôi chào tạm biệt và đứng nhìn viên sỹ quan lợi tuyết trở ra.

Gwen quay sang nhìn tôi. “Sẵn sàng chưa?” Cô ấy nói.

“Sẵn sàng, giờ thì chúng ta nhìn loanh quanh mọi chỗ hay có kế hoạch khoanh vùng cụ thể.”

“Tôi nghĩ anh có thể tập trung vào đồng sách, tôi sẽ để ý những thứ còn lại.”

“Cũng được.” Tôi nói.

Chúng tôi bước vào một khu vực mà mục đích sử dụng ban đầu có vẻ là nhà ăn và Gwen tìm thấy công tắc bật chùm đèn trần chập chờn nhấp nháy lên. Sách nằm khắp mọi nơi, chen chúc ở mọi nơi có thể, hầu hết là được xếp thành chồng lộn xộn và cầu thả trên mặt đất và mặt bàn chữ nhật. “Có lẽ tôi sẽ cần giúp đỡ với đồng sách này.” Tôi nói.

“Anh không cần phải nghiên cứu chúng đâu, hãy cứ tìm kiếm những điểm kỳ lạ bất hợp lý thôi. Tôi sẽ lên tầng xem phòng ngủ thế nào.”

Tôi ở lại trong nhà ăn. Thật khó để nhìn đồng sách trình thám của Elaine Johnson mà không suy nghĩ về giá trị của chúng. Có nhiều quyển vô giá trị, bản in hàng loạt trong điều kiện bảo tồn tệ hại, nhưng tôi nhanh chóng phát hiện ra bản in đầu cuốn *Postmortem* của Patricia Cornwell và *The Black Echo* của Michael Connelly. Tôi tự hỏi số phận những quyển sách này rồi sẽ đi về đâu rồi giật mình tự nhắc nhở mình rằng mục đích đến đây là để điều tra chứ không phải định giá.

“Malcolm.” Tiếng của Gwen vọng xuống từ tầng hai.

“Đây.” Tôi hô lên trả lời.

“Anh lên đây được không?”

Tôi đi lên cầu thang, sách cũng đặt thành đống ở hai bên cạnh mỗi bậc và thấy Gwen đứng trong phòng ngủ, nhìn chăm chăm vào chiếc còng tay được đóng đinh treo trên trên tường. Tôi chỉ vào nó.

“Đừng chạm vào.” Gwen vội vàng nói. “Tôi nghĩ chúng ta cần lấy dấu vân tay.”

“Trong nội dung của vở *Bầy tử vong* cũng có một chiếc còng tay treo trên tường. Nó đóng một vai trò rất quan trọng trong cốt truyện đấy.”

“Tôi biết.” Cô ấy nói. “Tôi mới xem lại bộ phim vào tối qua, nhìn xuống sàn đi.”

Dưới sàn là một bức tranh đóng khung - một bức hình ngọn hải đăng được dựa vào tường. “Ý cô là Charlie đã mang theo còng tay, gỡ bức tranh xuống và treo nó lên để chúng ta chắc chắn rằng vụ này mô phỏng theo *Bầy tử vong*?”

“Đúng vậy.” Gwen vừa nói vừa quay lại nhìn về phía tử. “Hắn đã trốn, có thể là ở trong tủ quần áo, có thể đeo mặt nạ hoặc không, rồi nhảy ra dọa bà ấy đến chết.”

“Lạ thật đấy.” Tôi nói. “Theo như những gì chúng ta đã biết thì đây là lần đầu tiên gã thay đổi hiện trường để chỉ đích danh cuốn sách trong danh sách ta có.”

“Cũng là lần đầu tiên gã sát hại một ai đó mà anh quen.

Chúng tôi đứng sững vai nhìn về chiếc tủ quần áo. Gwen lên tiếng. “Thực lòng mà nói thì tôi nghĩ mình đã quan sát đủ rồi.

Tôi chỉ cần chụp ảnh cái còng tay và lấy mẫu vân tay trên đó thôi.”

“Khả năng cao là hấn đeo găng tay.”

“Không kiểm tra thì không biết chắc chắn được, nhưng đúng là khả năng đó rất dễ xảy ra. .

Tôi nhìn xung quanh căn phòng trong khi Gwen rút điện thoại ra và nhìn chăm chú vào cái gì đó giống như là tin nhắn mới. Có một chiếc giường khung phủ trướng cũ kỹ, vô cùng lỏng lẻo với lớp ga màu hồng có viền ren. Sàn nhà gỗ cứng được trải những tấm thảm đã bạc phếch do năm tháng, chỗ gần chân giường bám đầy lông.

“Bà ấy có nuôi thú cưng không?” Tôi hỏi.

“Tôi không nhớ trong báo cáo có đề cập đến thú nuôi.” Gwen nói. Tôi cố gắng nhớ lại thời gian Elaine Johnson thường lui tới tiệm Old Devils, dường như bà ấy chẳng bao giờ chú ý tới Nero cả. Tôi cho rằng người chị hấn có nuôi chó hoặc mèo và không bao giờ thay hay giặt thảm. Thực ra thì cả căn nhà này chẳng có thứ gì sạch sẽ cả. Tôi đi tới nhìn bức ảnh được đóng khung trên tường ngay chỗ bàn làm việc. Khung ảnh màu trắng, cạnh viền trên của nó đen bóng với bụi bẩn. Bức ảnh chụp một gia đình trong chuyến nghỉ mát, người cha mặc áo đánh gôn, người mẹ mặc váy ngắn và đeo kính gọng sừng. Có bốn đứa trẻ, hai anh trai và hai em gái. Cả nhà đứng trước một cái cây cao lớn, có vẻ là cây gỗ đỏ, nằm đâu đó ở California. Tôi cố gắng xem trong hai cô gái trẻ ai là Elaine nhưng bức ảnh quá mờ lại bạc dần theo thời gian. Dầu vậy tôi nghĩ rằng Elaine là cô em - người đeo

kính và ôm theo một con búp bê - người duy nhất không cười trong tấm hình.

“Ổn chứ?” Gwen nói.

“Không có vấn đề gì”

Khi chúng tôi đi đến chân cầu thang, tôi nhìn vào phòng khách được xếp đầy kệ sách. “Tôi có thể ngó qua một chút những cuốn sách ở đây không? Nhanh thôi.” Tôi hỏi. Gwen nhún vai và gật đầu.

Rõ ràng người chị của Elaine cũng là người thích đọc sách và hầu hết những cuốn sách xếp đầy trên kệ trong phòng khách đều thuộc về bà ấy. Tiểu thuyết hư cấu và tiểu thuyết lịch sử, sách của tác giả James Michener chiếm đa số nhưng có một tủ sách cao hơn hẳn được đẩy vào trong góc chắc là thuộc về Elaine. Nhiều ngăn đặt đầy những cục chặn giấy thủy tinh kiểu cổ điển, những ngăn còn lại là sách trinh thám được sắp xếp theo tên tác giả. Tôi ngạc nhiên khi phát hiện ra ấn bản sưu tầm trọn bộ truyện của Thomas Harris, một cây viết mà Elaine từng nhận xét là “một kẻ biến thái bất tài ăn may.” Càng kinh ngạc hơn nữa là có một quyển *Chết trong làn nước*, hai bên là *Người lạ trên tàu* và *Bầy tử vong*. Sóng lưng tôi lạnh toát. Cả tám cuốn sách trong danh sách của tôi, theo đúng thứ tự đều ở đây. Tôi gọi Gwen tới và mắt cô ấy trợn trừng khi nhìn thấy những quyển sách, tay vội vàng giờ điện thoại lên chụp ảnh.

“Anh nghĩ rằng hung thủ đã đem sách đến hay nó đã có sẵn ở đây rồi?” Cô ấy hỏi.

“Tôi nghĩ là hẳn đã mua chúng, khả năng là thế. Elaine có thể có tất cả tám cuốn nhưng tôi không tin lắm.”

“Chúng ta có thể kết luận được gì dựa trên những cuốn sách này không?” Cô ấy hỏi.

“Có thể.” Tôi nói. “Hầu mua sách ở đâu đó, có thể ở chỗ tôi, có thể ở chỗ khác. Thường thì khi mua sách cũ ta sẽ có giá bán được viết bằng bút chì ở bìa lót, có khi là cả hình dán cùng tên của người buôn sách nữa.”

“Tôi không muốn anh chạm vào chúng, nhưng chỉ dựa vào gáy sách thôi thì có thể nói lên được điều gì không?”

Tôi ngắm nghía một lúc, cả tám cuốn sách trong danh sách của tôi, đặt cạnh nhau theo thứ tự như một lời buộc tội. Duy nhất gáy cuốn *Kế hoạch hiểm độc* là nổi bật. Tôi nhận ra nó là phiên bản bìa mềm phát hành ở Anh ăn theo bộ phim trên ti vi tầm mười năm trước. Bản này chắc chắn đã từng qua chỗ tôi, bởi vì tôi còn nhớ mình đã khinh bỉ nó như thế nào. Nhìn chung thì tôi ghét mọi phiên bản bìa sách ăn theo. Tôi bảo với Gwen rằng tôi nhận ra được một cuốn trong số đó, có thể nó đã từng qua tay tiệm Old Devils.

“Tuyệt.” Cô ấy nói. Tôi có thể nghe thấy sự hào hứng trong giọng nói của Gwen. “Sau khi lấy dấu vân tay tôi sẽ cho chụp ảnh lại và chúng ta có thể cùng nghiên cứu sau. Giờ thì đi lấy phòng chỗ khách sạn thôi.

Gwen đặt cho chúng tôi hai phòng ở khách sạn Hampton cách trung tâm thị trấn Rockland tầm một dặm, đối diện một quán McDonald. Tôi đã sợ mình phải ăn tối ở đó nhưng may sao cô ấy nhắc đến quán ăn ưa thích của mình ở phố Main. “Tôi đặt bàn cho hai người rồi nhưng... nếu anh muốn thì mình đi chỗ khác cũng được..”

“Không” Tôi nói. “Cứ theo ý cô là được rồi.”

Chúng tôi lấy phòng và gặp lại nhau ở sảnh sau một giờ đồng hồ rồi lái xe vào thị trấn. Giờ không phải là mùa du lịch nên tôi khá ngạc nhiên khi thấy ở đây có nhà hàng còn mở cửa. Chúng tôi dừng xe trước một tòa nhà hai tầng, chỉ cách cổng tòa thị chính có vài bước chân, tự quảng cáo là “ngôi nhà của hàu và bia.” Bây giờ là tối chủ nhật nên nhà hàng khá vắng vẻ đúng như dự đoán, chỉ có hai cặp đôi đang ngồi trên quầy. Bà chủ, một người phụ nữ trông có vẻ còn trẻ trong chiếc áo len hiệu Bruins, dẫn chúng tôi đến chỗ ngồi.

“Chỗ này được chứ?” Gwen hỏi.

“Không tệ, cô có nói mình từng đến đây rồi đúng không?”

“Ông bà tôi có một căn nhà bên hồ Megunticook, không xa chỗ này. Tôi dành ít nhất hai tuần mỗi mùa hè ở đó. Thực ra thì ông nội tôi rất thích quán này vì họ nướng hàu theo đúng cách mà ông thích.

Cô phục vụ bần đi tới. Tôi gọi một ly Gritty McDuff đắng kiểu Anh và tôm hùm cuộn, Gwen gọi món Harpoon và bánh mỳ kẹp thịt kiểu Rueben.

“Không gọi hàu nướng sao?” Tôi hỏi.

Gwen quay sang cô phục vụ. “Chúng tôi có thể gọi trước sáu con hàu làm món khai vị không?”

Sau khi người phục vụ rời đi, Gwen nói “Dành cho ông nội... Tôi sẽ báo cho ông.”

“Bình thường trong năm thì hai cụ sống ở đâu?” Tôi hỏi.

“Phía Bắc New York. Ông bà vẫn hay nói về việc chuyển hẳn tới đây sống nhưng họ sẽ phải mua một căn nhà mới vì căn nhà

bên hồ không thể ở vào mùa đông. Anh đã đến vùng này của Maine bao giờ chưa?”

“Tôi từng đến Camden, một lần. Chỗ đó cũng gần đây nhỉ?”

“Là thị trấn kế tiếp đấy. Từ bao giờ vậy?”

“Tôi không chắc nữa, tầm mười năm trước. Một kỳ nghỉ ngắn ngày thôi.” Đương nhiên là tôi đi cùng Claire rồi, hồi đó chúng tôi vẫn thỉnh thoảng đi phượt với nhau trên khắp New England.

Đồ uống đã ra cùng với một ổ bánh mì. Chúng tôi mỗi người nhấp một ngụm rồi Gwen hỏi, “Tôi có thể hỏi về vợ anh được không? Anh có phiền không?”

“Không sao, tôi không để ý đâu.” Tôi cố tỏ ra bình thường nhưng nhận ra rằng cả hai đã không còn nhìn vào mắt nhau nữa.

“Cô ấy mất vào lúc nào?”

“Năm năm trước, tính đến hiện tại, mặc dù tôi không cảm giác được rằng chuyện đã qua lâu thế rồi.”

“Hẳn nhiên rồi.” Gwen vừa nói vừa đưa tay lau đi lớp bọt trên miệng. “Chuyện xảy ra hẳn phải tồi tệ lắm, cô ấy ra đi khi còn quá trẻ, cả vụ tai nạn nữa.”

“Cô đã ngó qua hồ sơ nhỉ?”

“Nhìn qua một chút thôi. Lần đầu tôi tìm được bản danh sách và thấy tên anh tôi đã kiểm tra trong hồ sơ lưu trữ.”

“Vậy hẳn cô cũng biết tôi đã cung cấp lời khai trong lúc điều tra về vụ của Eric Atwell?”

“Tôi có thấy.”

“Tôi đáng lẽ đã giết hắn nếu có cơ hội. Nhưng cơ hội lại không đến với tôi.”

“Tôi biết mà”

“Không biết cũng không sao cả. Tôi hiểu là cô chỉ đang làm việc mình phải làm thôi, tôi cũng biết là cô đang suy nghĩ xem liệu có mối liên quan nào giữa tôi và những vụ án này hay không. Sự thật là tôi không thấy có mối liên hệ nào ở đây cả, nếu có thì tôi cũng không hề biết. Sau khi cô ấy ra đi, tôi tự nhủ rằng mình sẽ sống một mình, tiếp tục công việc, đọc sách. Tôi muốn sống một đời bình lặng, thế thôi.”

“Tôi tin anh.” Cô ấy nói và nhìn tôi với thứ cảm xúc tôi không phân biệt được. Nó giống như yêu mến, cũng có thể là thương hại.

“Cô chắc chứ?”

“Ừ thì, hiện trường vụ này, nơi Elaine Johnson bị giết cũng thay đổi giả thuyết của chúng ta một chút. Nó rất khác biệt so với những vụ án khác, chĩa thẳng mũi dùi về phía anh, về bản danh sách.”

“Tôi biết, cảm giác thật bất thường”

“Anh có thể kể thêm về Brian Murray không. Anh ta có biết Elaine Johnson hay không?”

“Thực ra là có.” Tôi nói. “Tôi không biết họ đã từng nói chuyện với nhau chưa nhưng chắc chắn là hai người họ có biết nhau bởi vì Brian có mặt ở mọi buổi đọc thử của tác giả, Elaine cũng không hay bỏ lỡ những sự kiện như vậy, ít nhất là đã từng”

“Làm sao mà hai người lại chung tiền mua lại tiệm sách vậy?”

“Chúng tôi là bạn bè, không hẳn là thân thiết nhưng anh ấy từng bám rễ ở tiệm suốt. Thỉnh thoảng chúng tôi rủ nhau đi làm vài ly. Khi người chủ trước có ý định dẹp tiệm, chắc tôi đã kể với Brian và than thở rằng mình sẽ mua lại nó nếu có tiền. Anh ấy đồng ý ngay lập tức, bảo luật sư soạn thảo hợp đồng để tôi phụ trách việc kinh doanh còn anh ấy lo phần lớn chi phí chuyển nhượng. Một thỏa thuận hoàn hảo, đến giờ vẫn vậy. Anh ấy không hề có một chút xúi liên quan nào đến mấy vụ án này đâu.”

“Sao mà anh biết?”

Tôi uống một ngụm bia. “Anh ấy nghiện rượu nặng, nghiện mà không phế, nhưng cũng tàn tạ lắm. Anh ấy viết cuốn sách ra hàng năm trong hai tháng rồi dành phần còn lại của năm để rượu chè. Mới sáu mươi tuổi mà trông như đã bảy mươi, mỗi lần chúng tôi gặp nhau Brian sẽ kể đi kể lại một câu chuyện duy nhất. Tôi không thấy anh ấy có động cơ giết người, mà kể cả có đi chăng nữa thì cũng lực bất tòng tâm. Anh ấy cũng không thể nào thực hiện thành công được. Brian còn không biết lái xe cơ, đi đâu cũng phải ngồi taxi.”

“Được rồi.”

“Cô tin lời tôi?”

“Tôi sẽ điều tra thêm, nhưng, đúng. Tôi tin anh. Tôi từng đọc sách của ông ấy, hồi thiếu niên. Ellis Fitzgerald là một trong những lý do tôi dẫn thân vào con đường thực thi luật pháp.”

“Mấy cuốn hồi đầu cũng được lắm.”

“Tôi rất thích nó, có lần tôi đọc hết cả quyển trong một ngày luôn.”

Suất hầu của chúng tôi đã ra, không lâu sau đó là đồ ăn đã gọi. Chúng tôi không tiếp tục nói về hiện trường vụ án, về Brian Murray hay bất kỳ điều gì mang tính riêng tư nữa. Chúng tôi lẳng lặng ăn, thỉnh thoảng Gwen lặp lại kế hoạch cho ngày hôm sau. Cô ấy sẽ tạt qua văn phòng FBI địa phương và điều động một chuyên viên khám nghiệm hiện trường đến kiểm tra căn nhà của Elaine Johnson. Cô ấy cũng muốn lấy lời khai của hàng xóm xem liệu có người lạ hoặc ít nhất là xe lạ nào đi qua trong khung thời gian từ vong của Elaine hay không.

“Tôi có thể xem có chuyến xe buýt nào đưa anh về Boston được không.” Cô ấy nói. “Nếu không thì tôi có thể đưa anh về nhưng chắc phải chiều muộn mới được.”

“Tôi sẽ chờ.” Tôi nói. “Trừ khi cô định ở lại thêm một đêm nữa, tôi có mang sách theo đây.”

“Một quyển khác trong danh sách?” Cô hỏi.

“Đúng vậy, tôi mang *Kế hoạch hiểm độc*”

Sau bữa tối, chúng tôi lái xe về lại khách sạn rồi đứng cùng nhau trong ánh sáng gay gắt của đại sảnh vắng tanh. “Cảm ơn vì đã đi cùng tôi lần này.” Gwen nói. “Tôi nhận ra nó khá là bất tiện cho anh.”

“Thực ra thì như thế này cũng tốt. Được trốn khỏi thành phố.”

“Đến thăm hiện trường một vụ án mạng.”

“Ừ.” Tôi nói.

Chúng tôi im lặng trong bầu không khí gượng gạo. Trong đầu tôi thoáng qua suy nghĩ không biết Gwen có cảm tình với mình hay không. Tôi chỉ hơn cô ấy tầm mười tuổi thôi, và tôi biết mình không thể nói là xấu trai. Tóc tôi giờ toàn một màu xám, thực ra là xám bạc nhưng chưa rụng mất sợi nào. Dáng người cao gầy và đường viền xương hàm rõ nét với đôi mắt màu đại dương. Tôi lùi lại một bước, cảm nhận rõ ràng bức tường trong suốt ngăn cách hai chúng tôi, bức tường đã ngăn tôi thân thiết với bất kỳ ai khác còn sống. Hẳn là Gwen cũng cảm nhận được nó, bởi vì cô ấy lên tiếng chúc tôi ngủ ngon.

Tôi quay về phòng, lấy sách ra và bắt đầu đọc.

Chương 16

Ưiều làm tôi ấn tượng nhất ở *Kế hoạch hiểm độc*, khi đọc nó lần đầu tiên hồi mới tốt nghiệp là sự quyết tâm đến rợn người của hung thủ. Edmund Bickleigh, ngay từ trang đầu tiên của cuốn sách đã muốn giết bà vợ độc đoán và bạo lực của mình. Ông ta là một bác sỹ, có cơ hội tiếp xúc với hàng loạt loại thuốc. Trong suốt nửa đầu cuốn sách, ông ta từ từ biến vợ mình thành một con nghiện morphine, bằng cách trộn lẫn trong trà của cô ta một loại thuốc gây đau đầu rồi làm dịu đi với thuốc giảm đau có chứa thành phần gây nghiện. Sau đó ông ta ngừng cung cấp thuốc, vừa đủ để người phụ nữ bắt đầu giả chữ ký của chồng mình trong đơn thuốc để có thứ thỏa mãn cơn nghiện. Người dân trong làng dần dần đều biết rằng cô ta là con nghiện. Phần còn lại thì đơn giản, một tối nọ ông ta chỉ cần cho vợ mình quá liều là xong. Không có bằng chứng nào cho thấy người chồng có liên quan đến vụ án này cả.

Tôi đọc gần xong quyển sách trong đêm đó và đọc nốt vào sáng hôm sau. Hoàn cảnh hiện tại không dễ tập trung nhưng có những đoạn trong truyện khá thú vị làm tôi bị cuốn theo. Như mọi lần, tôi nhớ lại về lần cuối cùng mình đọc nó, về tuổi trẻ của mình, về những phản ứng rất khác khi vẫn đọc cùng những câu chữ ấy. Những ngày đầu làm việc ở tiệm sách Redline trên quảng trường Harvard hồi đại học, cô Sharon Abrams, vợ của

ông chủ đã đưa cho tôi xem bản danh sách viết tay những cuốn sách ưa thích của cô, đều là sách trinh thám cả. Tôi đánh mất bản danh sách đó từ rất lâu rồi nhưng đã thuộc nó nằm lòng. Ngoài cuốn *Kế hoạch hiểm độc* ra, cô ấy liệt kê cả *Gaudy Night* và *The Nine Tailors* của Dorothy L. Sayers, *The Daughter of Time* của Josephine Tey, *Rebecca* của Daphne du Maurier, hai cuốn đầu trong bộ sách Sue Grafton, *The Ritual Bath* của Faye Kellerman, và *The Name of the Rose* của Umberto Eco dù cho cô ấy thú nhận rằng mình chưa bao giờ đọc đến cuối quyển truyện do “Cô thích phần đầu quá”. Những cuốn còn lại có cả *Bleak House* của Charles Dickens - ít nhất nó cũng mang trong mình yếu tố trinh thám.

Tôi nhớ mình đã rất xúc động khi cô ấy dành thời gian ra viết tay bản danh sách đó cho mình nên chỉ trong hai tuần tôi đã đọc hết mọi đầu sách ghi trên đó, thậm chí đọc lại cả những quyển tôi đã sớm thuộc lòng. Khi đọc *Kế hoạch hiểm độc*, tôi đã cảm thấy phấn khích trước cái nhìn nghiệt ngã của nó về nhân loại. Về cơ bản, cuốn sách là sự châm biếm sâu cay, xé toạc cái ý tưởng lãng mạn thành từng mảnh. Giờ đây đọc lại nó ở khách sạn Hampton miền Rockland, tôi cảm thấy như đọc một câu chuyện kinh dị vậy. Bickleigh, bị ám ảnh bởi một cuộc sống ông ta sẽ không thể có, giết vợ mình một cách tàn bạo và tự hủy hoại cuộc sống của mình, vĩnh viễn bị vấy bẩn bởi hành vi giết người.

Gần trưa Gwen nhắn tin cho tôi rằng muộn nhất là tám bốn giờ chúng tôi có thể lên đường quay về. Tôi nhắn lại rằng cô ấy cứ từ từ không cần phải vội. Tôi định một mình đi lang thang

vào thị trấn. Hôm đó là một ngày đầy nắng, trời cũng ấm lên một chút, tôi đã ghi nhớ đường vào thị trấn từ đêm hôm trước rồi. Sau khi trả phòng, nhờ quầy lễ tân tạm giữ hộ hành lý, tôi lững thững đi bộ về phía trung tâm thị trấn Rockland. Tôi ghé qua một cửa hàng sách nhỏ, mua một cuốn *The Hawk in the Rain* của Ted Hughes. Tôi ôm theo cuốn sách đi tới nhà hàng chúng tôi dùng bữa đêm hôm trước và ngồi trên quầy, gọi một chai bia cùng một bát canh ngao đi kèm món cuốn gì đó có màu trắng và khá mềm. Tôi đọc những câu thơ trong sách, cố gắng thanh tẩy tâm trí của mình khỏi mớ lo toan của những ngày qua. Không chỉ có sự lo lắng rằng cuối cùng Gwen sẽ phát hiện ra vai trò của mình trong cái chết của Eric Atwell và Norman Chaney, cuộc điều tra này còn đào lên những ký ức tôi đã chôn giấu về Claire và năm đầu tiên sau khi cô ấy ra đi - những ký ức tôi tưởng chừng sẽ được chôn sâu mãi mãi. Sau khi ăn xong bát canh ngao, tôi gọi thêm một chai bia nữa. Chiếc ti vi duy nhất trong quán đang chiếu lại một tập cũ của bộ phim *Cheers* trong yên lặng, một trong những tập đầu tiên với Coach và Diane.

Điện thoại của tôi rung lên trong túi quần, tôi cứ ngỡ là Gwen đang gọi để báo rằng cô ấy đã sẵn sàng để quay về, nhưng hóa ra người gọi là Marty Kingship.

“Đang nghe đây.” Tôi nói.

“Có thời gian không?”

“Có chứ.” Tôi vừa nói vừa định bước ra ngoài nhưng lại thôi vì giờ chỉ có mỗi mình tôi đang ngồi trên quầy trong khi người pha chế đang dỡ hộp mấy chai rượu vang ở rất xa chỗ tôi ngồi.

“Tôi đã xem xét về gã Chaney gì đó cho cậu rồi. Một tay ghê gớm đấy, tôi phải nói là thế.”

“Ý anh là sao?”

“Ý tôi là cậu đã nhờ tôi xem thử những ai có thể có động cơ sát hại gã đó đúng không? Thực ra làm một danh sách những người không muốn gã chết còn dễ hơn. Có vẻ gã này đã giết vợ mình đấy.”

“Có vẻ là sao?”

“Có một vụ cháy xảy ra, gã đã thoát ra được nhưng người vợ thì không. Anh vợ của Chaney đã đệ đơn tố cáo rằng Chaney đã cố tình dàn dựng vụ cháy đó và nhốt cô ấy trong phòng ngủ. Anh ta nói với nhân viên điều tra lúc đó là Margaret rằng cô em gái đang chuẩn bị ly hôn thì bị Norman biết được. Hắn ta đã nhiều lần ngoại tình và cô vợ nắm giữ bằng chứng nên sau ly hôn chắc chắn sẽ được chia tài sản nhiều hơn.”

“Họ có nhiều tiền lắm hả?”

“Cũng gọi là dư dả. Chaney sở hữu ba tiệm tạp hóa, từng bị điều tra về tội rửa tiền nhưng vụ đó cũng chẳng đi đến đâu cả.”

“Hắn rửa tiền cho ai mới được.”

“Máy đường dây ma túy ở địa phương. Chắc là hắn ta cũng từng làm gì đó không an phận nên một trong hai cửa hàng bị cướp và một nhân viên trúng đạn. Không ai nghĩ đó là trùng hợp, hắn là hành vi dẫn dắt, hoặc trả thù của băng đảng nào đó. Vụ này diễn ra chỉ sáu tháng trước thời điểm tử vong của cô vợ. Như tôi đã nói đấy, có cả mớ người muốn xử đẹp gã này, một quả táo thối đúng nghĩa.”

“Sau vụ cháy thì gã ra sao?”

“Bán hết nhà đất tài sản rồi mua một căn nhà ở thị trấn xa xôi hẻo lánh nào đó tuốt tận New Hampshire, gần mấy khu trượt tuyết ấy. Nhưng có ai đó đã tìm ra và cho gã yên giấc ngàn thu luôn. Có lẽ là tay anh vợ.”

“Sao anh lại nghĩ thế?”

“Không phải kết luận của tôi đâu, là tay cảnh sát nói chuyện với tôi nhận định như vậy. Gã bị đánh đến chết tại nhà riêng và rõ ràng có dấu vết vật lộn. Khả năng cao là vụ đó không dính dáng gì đến ma túy. Nếu như một tay buôn muốn khử gã thì chỉ cần tới nơi và bùm cái là xong việc rồi. Nhưng thủ pháp này rõ ràng là tay mơ, nên có thể là gã anh vợ đã ra tay.”

“Vậy anh ta có bị bắt không?”

“Không, gã này có bằng chứng ngoại phạm.”

“Tên của tay anh vợ đó là gì thế?”

“Nicholas Pruitt. Một giáo sư ngôn ngữ Anh ở Đại học New Essex. Tôi biết... nghe chẳng giống một tên sát nhân chút nào đúng không?”

“Còn tùy vào loại sách ưa thích của tay này nữa kìa.”

Marty bật cười. “Chính xác. Như kiểu hung thủ trong truyện của thám tử Morse vậy. Nhưng mà ngoài đời thực thì khả năng không lớn đâu.”

“Cảm ơn vì tất cả những điều này, Marty.” Tôi nói.

“Cậu đùa tôi hả? Kể từ lần tắm cuối cùng vào hôm qua đến giờ tôi mới vui như thế đấy. Mà đây chỉ mới là bắt đầu thôi, tôi sẽ để ý thêm vụ này cho cậu.”

“Thật sao, cảm ơn anh nhiều.”

Marty hăng giọng một tiếng rồi nói, “Không có ý tọc mạch đâu nhưng cậu không dính vào rắc rối hay gì đó chứ hả?”

“Không, như tôi đã kể rồi đó. FBI đến hỏi tôi về gã này, tôi chưa từng nghe tên bao giờ nhưng có vẻ gã có một bộ sưu tập tiểu thuyết trinh thám cũ, có kha khá sách đến từ tiệm Old Devils.”

“Thế mà cậu cũng tin?”

Tôi hạ giọng và cố gắng ra vẻ bình tĩnh. “Tôi không biết, Marty. Không rõ nữa. Trước khi chết Claire lại bập vào ma túy... Anh biết rồi đấy. Có thể cô ấy biết gã Norman Chaney này và họ cho rằng tôi muốn trả thù vì gã cung cấp thuốc phiện cho vợ tôi hay đại loại thế. Tôi đoán vậy, tôi không nên nhờ anh...”

“Không, không, không...” Marty vội vàng nói. “Quỷ ma bắt tội nó đi. Tôi biết cậu không có dính dáng gì đến vụ đó cả nhưng vẫn phải hỏi cho chắc cú thôi.”

“Thực lòng mà nói thì tôi đáng lẽ ra không nên lo lắng gì về vụ đó nhưng khi nghĩ rằng nó có dây mơ rễ má tới Claire thì tôi không thể nào bình tâm lại được.”

“Tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu về gã này cho cậu, nhưng chưa thấy có gì liên quan đến Claire đâu. Sẽ không có đâu, Mal, tôi chắc chắn.”

“Cảm ơn, Marty.” Tôi nói. “Thông tin của anh có ích lắm đấy. Tôi nợ anh một châu.”

“Thế thì hẹn nhau hôm nào đó sớm sớm một chút. Tôi sẽ tìm hiểu thêm một chút rồi nói với cậu luôn. Thứ tư thì sao?”

“Được đấy.” Tôi nói, và chúng tôi chốt lịch gặp nhau lúc sáu giờ ở quán Jack Crow’s.

Sau khi tôi cúp điện thoại, tay pha chế đi tới để hỏi tôi về châu bia. Tôi không gọi thêm mà hỏi mượn một chiếc bút, viết cái tên Nicholas Pruitt vào một tờ giấy ăn trên quầy. Cơ thể tôi run lên phấn khích. Có vẻ Nicholas Pruitt đúng là người mà tôi đang tìm rồi. Nếu Norman Chaney đã giết em gái anh ta thì người này có động cơ gây án thật rõ ràng, hơn nữa một giáo sư ngôn ngữ đồng nghĩa với việc anh ta có nhiều khả năng cũng quen thuộc với cuốn *Người lạ trên tàu*. Tôi cảm thấy mình đã tìm ra rồi, gã Charlie của chúng tôi.

Tôi định vào hôm hẹn với Marty sẽ dặn anh ấy thôi tìm hiểu về Chaney. Anh ấy là một sỹ quan đã về hưu, việc nhờ tìm hiểu về một vụ án chưa được phá cũng chẳng khác nào người ta treo miếng thịt trước miệng một chú chó đang đói cả. Tôi cần phải chắc chắn rằng anh ấy ngừng dính dáng vào vụ này.

Vẫn chưa tới hai giờ nhưng tôi không còn tâm trạng nào mà ngồi lâu thêm nữa. Tôi bước ra ngoài và lang thang dọc theo con phố chính của thị trấn Rockland, nhìn những căn nhà gạch cùng những cửa hàng đồ lưu niệm đóng im im lúc trái mùa du lịch, lác đác một vài nhà hàng vẫn còn đang mở. Tôi cuộn lại chiếc khăn quàng cổ và đi nhìn bến cảng được bao quanh bởi cầu tàu dài hàng dặm nhô ra ngoài biển. Trời vẫn còn rất lạnh, những tảng băng trắng đục nhô ra khỏi mặt nước. Ánh nắng nhảy nhót trên mặt nước loang loáng ngoài xa. Tôi đứng đó, mặc cho làn gió của đại dương thổi phần phật trang phục trên cơ thể mình. Điện thoại rung lên, lần này là tin nhắn của Gwen báo rằng cô ấy đã tới khách sạn và sẵn sàng để quay về. Tôi

nhấn lại là mình sẽ có mặt ở đó trong nửa tiếng và bắt đầu đi bộ trở lại.

Trên quãng đường quay về Boston, Gwen kể cho tôi về ngày hôm nay, cuộc tranh cãi với sở cảnh sát địa phương - những người không hề xếp vụ án của Elaine Johnson vào diện ưu tiên. Tuy nhiên cô ấy cũng cố gắng nhờ được một nhóm điều tra viên hiện trường và pháp y tới đo, tập trung vào chiếc còng tay và tám cuốn sách trong tủ sách ở tầng một.

Tôi hỏi cô ấy liệu mình có cơ hội xem xét những cuốn sách đó không, xem nó đến từ đâu.

“Sách được lưu trữ làm bằng chứng nhưng tôi sẽ cố chụp ảnh rồi gửi cho anh. Như vậy liệu anh có thể xác nhận được có phải sách đến từ tiệm Old Devils hay không?”

“Có thể, nếu tôi được nhìn tận mắt. Tất cả những cuốn sách từng qua tay của tiệm đều sẽ được tôi hoặc nhân viên định giá và ghi vào góc bên phải của trang đầu tiên, chỉ trừ mấy cuốn được môi giới trực tiếp qua mạng. Trong trường hợp đó thì trừ khi nó là phiên bản đặc biệt của một cuốn sách cụ thể nào đó thì tôi mới nhớ được, không thì chịu không nhận ra nổi.”

“Nhưng nếu tất cả chỗ sách đó, hoặc một vài quyển trong đó được mua ở Old Devils thì tức là...”

“Charlie là một trong số những khách hàng của tiệm.”

“Đúng vậy.”

Chúng tôi vừa qua địa phận của Maine và tiến vào New Hampshire, trời đã bắt đầu tối. Gương mặt của Gwen thỉnh thoảng sáng lên nhờ ánh đèn của xe cộ qua lại.

“Tôi quên không hỏi, có nhân chứng nào không?”

“Ý anh là sao?”

“Ý tôi là cô có tìm được nhân chứng nào nhìn thấy người lạ hoặc xe lạ bên ngoài căn nhà của Elaine Johnson vào tầm thời gian án mạng diễn ra hay không?”

“À, vụ đó hả. Không. Tôi đã lấy lời khai của người hàng xóm đã gọi điện báo về hòm thư của Elaine ấy, nhưng bà ấy không nhìn thấy điều gì bất thường cả. Nhân chứng đã cao tuổi rồi, tôi không chắc liệu bà ấy có thể nhìn thấy được người đi đường chứ đừng nói đến điều gì bất thường”

“Vậy tức là vận may không mỉm cười với chúng ta rồi.” Tôi nói.

“Tôi không ngạc nhiên. Nếu có một liên kết nào đó giữa những vụ án này, không tính đến bản danh sách của anh, thì là không vụ nào có nhân chứng cả. Không có một chút manh mối nào. Kẻ thủ ác không hề mắc sai lầm.”

“Hắn phải có điều gì đó chứ.”

“Vụ sát hại Jay Bradshaw có hung khí ở gần hiện trường”

“Người trong vụ án mô phỏng *Sát nhân A.B.C.* ấy hả?”

“Đúng vậy, bị đánh chết trong ga-ra nhà riêng. Nói một cách nào đó thì vụ này khá lạc lõng. Nó lộn xộn là một, nạn nhân có chống trả và có rất nhiều máu ở hiện trường. Trong ga-ra có rất nhiều dụng cụ, cái nào cũng có tiềm năng trở thành hung khí gây án nhưng hóa ra hung khí ban đầu lại là một cây gậy bóng chày.”

“Sao mà họ biết được là hung thủ cầm gậy tới? Lỡ nó nằm sẵn trong ga-ra rồi thì sao?”

“Thực ra là không biết chắc chắn được, nhưng mà trong căn nhà của Bradshaw chúng tôi không tìm được bất kỳ dụng cụ thể dục thể thao nào khác. Mọi dụng cụ trong ga-ra đều là dụng cụ làm mộc. Nạn nhân là thợ mộc, vì đã từng lĩnh án tù mười năm vì có ý định cưỡng hiếp trong khi đóng giá sách cho một người phụ nữ đã ly hôn. Kể từ đó trở đi anh ta không mấy khi động vào công việc. Ở mặt trước ngôi nhà luôn có tấm biển “bán dụng cụ đã qua sử dụng.” Theo như người bạn duy nhất của nạn nhân thì anh ta dành phần lớn thời gian trong ngày ở trong ga-ra. Đây là một mục tiêu dễ xơi. Cây gậy bóng chày đó là bằng chứng duy nhất không ăn khớp với mọi thứ xung quanh.”

“Nó có gì đặc biệt không?”

“Cây gậy ấy hả?”

“Đúng vậy, nó có điều gì bất thường không? Như là đồ cổ từ hồi 1950 chẳng hạn? Hay có chữ ký của Mickey Mantle?”

“Không, nó là đồ mới, thuộc về một hãng phổ thông có thể tìm thấy ở bất kỳ cửa hàng dụng cụ thể thao nào. Manh mối đó chẳng dẫn đến đâu cả, hơn nữa nó cũng không phải hung khí gây nên vết thương chí mạng. Đúng là cơ thể Bradshaw có nhiều thương tích đến từ cây gậy nhưng nguyên nhân tử vong đến từ chiếc búa tạ giáng thẳng vào đầu. Xin lỗi vì những hình ảnh tôi vừa gọi ra.”

Khi Gwen dừng xe trước cửa tiệm, cô ấy nói, “Đến nơi rồi,” rồi vội vàng bổ sung, “hay là anh muốn về thẳng nhà? Xin lỗi, tôi quên không hỏi.”

“Thế này cũng được mà.” Tôi nói. “Đăng nào tôi cũng nên kiểm tra lại một lượt, hơn nữa nhà tôi cũng đâu có xa xôi gì.”

“Cảm ơn vì đã đi cùng tôi. Ngay khi nhận được ảnh chụp mấy cuốn sách, tôi có thể gửi cho anh xem được chứ?”

“Tất nhiên.” Tôi trả lời.

Cửa hàng vẫn còn tầm mười lăm phút nữa mới đóng cửa và tôi có thể thấy Brandon ngồi sau quầy, trước mặt cậu ta là một cuốn sách đang mở. Tôi lách qua cửa trước và cậu ấy nhìn lên. “Chào sếp.” Cậu ấy nói.

“Chào Brandon.”

Cậu ấy nghiêng quyển sách ra để tôi có thể nhìn thấy bìa. Là quyển *The Cuckoo's calling* của tác giả Robert Galbraith, vừa mới đây được tiết lộ là một bút danh khác của J.K. Rowling. “Được rồi.” Cậu ta nói rồi tiếp tục vùi đầu vào cuốn sách.

“Ghé qua một chút thôi, có chuyện gì xảy ra lúc tôi không ở đây không?”

Cậu ấy kể rằng chiều hôm qua có một người phụ nữ trong lớp áo lông ghé qua mua hai trăm đô tiền sách bìa cứng và đặt chuyển phát tới địa chỉ nhà riêng ở Malibu, thêm nữa là cậu ấy cuối cùng đã sửa được cái vòi nước bị rò trong nhà vệ sinh nhân viên rồi.

“Cảm ơn.” Tôi nói.

Tôi nghe tiếng kêu meo meo rầu rĩ của Nero và cúi xuống vuốt ve nó.

“Cậu chàng nhớ anh đấy, tôi nghĩ vậy, khi anh không ở đây.” Brandon nói. Có gì đó trong lời nói của cậu ấy làm tôi cảm nhận được một cơn buồn rầu bao phủ lấy mình. Thỉnh thoảng tôi vẫn cảm thấy nó, đến rồi đi như cơn sóng. Tôi đứng thẳng lên, hơi

choáng váng. Tôi đói, tôi vừa nhận ra điều đó. Giờ cũng muộn rồi và tôi chưa ăn gì kể từ bữa trưa ở Rockland.

Tôi đi bộ về nhà lấy xe và lái sang bên kia sông tới Somerville - thị trấn tôi đã chung sống cùng với Claire. Tôi ngồi ở R.F. O'Sullivan's - một nhà hàng tôi đã nhiều năm rồi không đặt chân tới, uống Guinness và ăn một cái bánh kẹp to cỡ quả bóng mềm. Sau đó tôi tạt qua Thư viện công Somerville, lên tầng hai và tìm được một chiếc máy tính với trình duyệt web đang mở sẵn. Tôi gõ vào ô tìm kiếm cái tên mà Marty đã nói, "Nicholas Pruitt.

Anh ta không chỉ là một giáo sư ở trường Đại học New Essex mà còn là một nhà văn đã xuất bản một cuốn sách gồm nhiều truyện ngắn mang tên *Little Fish*. Tôi chỉ tìm thấy hai bức ảnh trên mạng, một cái là ảnh tác giả từ sách, một cái là ảnh chụp trộm trong bữa tiệc nào đó của khoa. Trông anh ta cũng không khác mấy so với những gì người ta hay tưởng tượng về một giáo sư ngành ngôn ngữ ở trường đại học. Dáng người cao với bờ vai xuôi, hơi có bụng và mái tóc dựng lơ thơ ở đằng trước do thường xuyên bị vuốt ngược lên. Tóc anh ta mang màu đen có sắc nâu nhưng bộ râu ngắn được tẩy thường xuyên thì lấm tấm hoa râm. Bức ảnh chụp tác giả được chụp ở góc nghiêng ba phần tư, người được chụp nhìn vào máy quay với biểu cảm như thể đang cầu mong được ai đó công nhận, như muốn nói rằng *hãy xem trọng tôi, biết đâu tôi lại là một thiên tài đấy*. Có lẽ là do tôi khắt khe nhưng đó là những gì tôi thấy. Tôi đã luôn cảnh giác với những tác giả văn học và cái cách họ bất chấp tất cả mong viết ra cái gì đó để đời. Tôi thích các tác giả trình thám và

nhà thơ hơn cũng vì lý do tương tự, họ nhận thức được rõ ràng rằng mình đang chiến đấu một cuộc chiến không thể thắng.

Trong khi trên mạng có rất nhiều thông tin về tác giả Nicholas Pruitt - có vẻ thường được gọi là Nick, đời tư của anh ta lại khá kín đáo. Độc thân hay đã kết hôn, có con cái hay không đều không thể xác nhận được chắc chắn. Điều gần với đời tư nhất mà tôi có thể tìm được nằm trên một trang mạng nơi học sinh có thể ẩn danh và đánh giá về giáo sư của mình. Phần lớn những lời nhận xét về anh ta cho thấy người này là một giáo sư tử tế dù có đôi khi chấm điểm rất chặt, chỉ có duy nhất một bình luận trái chiều là:

Thực lòng mà nói, giáo sư Pruitt làm tôi lạnh sống lưng. Ông ấy QUÁ MỨC hâm mộ quý cô Macbeth. Tôi không biết tại sao thầy lại cứ khẳng khẳng bắt chước cô ấy như vậy.

Không có gì nhiều, nhưng còn hơn là không có gì. Tôi đã xây dựng nên cả một giả thuyết có thể biến Nicholas Pruitt thành Charlie rồi. Tôi tưởng tượng rằng cô em gái Margaret của Pruitt kết hôn với Norman Chaney, hóa ra lại không chỉ đơn thuần là một kẻ biến thái mà còn sẵn sàng phạm pháp. Hắn giết vợ và thành công thoát tội. Pruitt quyết định tự mình trừng phạt Chaney nhưng biết rằng nếu làm như vậy thì anh ta sẽ trở thành nghi phạm chính. Vì vậy, ôm tâm lý cầu may rằng mình có thể thuê được ai đó giải quyết Chaney, anh ta truy cập vào trang Duckburg và nhìn thấy tin nhắn của tôi về cuốn *Người lạ trên tàu*. Là một giáo sư ngôn ngữ, anh ta không hề xa lạ gì với quyển sách đó, hiểu được những gì tôi đề nghị và chúng tôi trao đổi tên và địa chỉ. Anh ta giết Eric Atwell. Mọi thứ suôn sẻ

không chỉ khiến anh ta thoát tội thành công mà còn khơi gợi bên trong con người ấy khoái cảm khi giết người, một cảm giác quyền lực anh ta đã thèm muốn từ lâu. Khi Norman Chaney chết đi, Nicholas hẳn đang ở một nơi nào đó rất xa, tạo thành bằng chứng ngoại phạm xác đáng và chuyện đó càng làm cho cảm giác quyền lực đó rõ ràng hơn. Giết chóc làm anh ta sung sướng. Anh ta quyết tâm tìm ra người đã trao đổi mục tiêu với mình là ai, ai là người đã ra tay trừ khử Chaney. Chẳng có gì khó khăn cả, nhìn ngó một chút là biết được ngay rằng Eric Atwell từng bị phía cảnh sát coi là có liên quan đến vụ tai nạn giao thông đã cướp đi sinh mạng người vợ của Malcolm Kershaw. Không chỉ vậy, Malcolm còn làm việc ở một tiệm sách trinh thám, thậm chí từng đăng tải một danh sách về tám vụ giết người hoàn hảo trong tiểu thuyết, bao gồm cả *Người lạ trên tàu*.

Nhiều năm trôi qua nhưng Pruitt vẫn không thể nào quên được cảm giác quyền lực khi tước đi một sinh mạng khác. Mỗi một học kỳ giảng dạy về *Macbeth*, cơn khát máu trong anh ta lại lớn thêm một chút. Pruitt quyết định làm điều đó một lần nữa, giết người. Lấy cảm hứng từ danh sách tám vụ án giết người hoàn hảo, anh ta bắt đầu tìm kiếm con mồi. Thậm chí anh ta sẽ bắt chước một cách lộ liễu, để Malcolm Kershaw chú ý và hai người cuối cùng có thể gặp nhau.

Nó hoàn toàn hợp lý, lòng tôi tràn ngập phấn khích trộn lẫn nỗi khiếp đảm. Tôi cần phải gặp tay Nick Pruitt này và xem phản ứng của anh ta ra sao, nhưng đầu tiên tôi cần đọc cuốn sách của anh ta đã. Tôi đăng nhập vào Mạng lưới Thư viện Minuteman xem có ở đâu bán quyển đó không, hy vọng mình

có thể mua được ở ngay Somerville này, nhưng không có kết quả. Cũng may là còn có một bản khác ở thư viện công Newton. Giờ này thì họ đóng cửa rồi và tận mười giờ sáng mai mới mở cửa trở lại.

Chương 17

Tôi bắt đầu đọc cuốn *Bí sử* ở cửa hàng vào sáng hôm sau trong nỗi bồn chồn. Tôi mệt mỏi với việc chờ đợi, chờ thư viện công Newton mở cửa để có thể mượn được một cuốn *Little Fish* của Nicholas Pruitt, chờ Gwen liên lạc lại, chờ thông tin từ Marty Kingship về vụ sát hại Norman Chaney.

Tôi đọc đoạn mở đầu cùng chương đầu của quyển sách và ngay lập tức bị cuốn theo nỗi ám ảnh người dẫn truyện dành cho một nhóm nhỏ sinh viên tại một trường đại học hư cấu tên là Hampden. Giống như Richard Papen, tôi luôn bị thu hút bởi những nhóm người có quan hệ thân mật hay sự gắn bó thân thiết như gia đình, máu mủ. Nhưng không giống như Richard, tôi chưa bao giờ tìm thấy nơi mình thuộc về. Những gì giống với bạn bè nhất mà tôi có là những người đồng nghiệp buôn sách cổ, nhưng hầu như lần nào chúng tôi họp mặt nhau tôi cũng cảm thấy mình như một kẻ mạo danh, một kẻ lạc loài.

Ngày hôm đó trời đã ấm hơn, khắp thành phố tuyết tan ra tạo thành từng vũng lầy, kênh mương thoát nước thì đầy tràn và người ta đổ xô ra đường. Đó là một buổi sáng bận rộn với dòng khách đều đều vào ra trên sàn gỗ cứng. Ngay trước buổi trưa, tôi dặn Emily rằng mình sẽ về nhà và bảo cô ấy trông nom quầy thu ngân. Tôi lấy chiếc xe hơi sáng đỏ ở chỗ cột thu phí theo giờ rồi lái trên con đường Storrow Drive hướng về Newton

rồi vòng qua một vài con đường nhỏ hướng tới thư viện chính - một kiến trúc bằng gạch to lớn gần với Đại lộ Commonwealth. Tôi tìm được cuốn *Little Fish* trên tầng hai và ôm tập sách bìa mềm không lấy gì làm dày lắm ngồi xuống chiếc ghế da dày cộp ở góc thư viện gần khu vực đặt các tập thơ. Tôi nhanh chóng xem lướt qua mục lục những câu truyện trong sách, tìm kiếm bất kỳ thứ gì có vẻ khả nghi, tôi cho là vậy, một thứ gì đó dính dáng đến giết người, một chút ác ý nhưng hầu như những cái tên được liệt kê nếu không quá chung chung thì cũng quá mức đặc thù khó hiểu. “The Garden Party (Bữa tiệc trong vườn)”, “What Was Left After It Happened (Những gì còn lại sau mọi thứ)”, “Hence the Pyramids (Vì thế, Kim tự tháp)”, “A Platonic Kiss (Một nụ hôn thuần khiết)”. Không có gì thực sự nổi bật cả nên tôi quyết định đọc câu chuyện chủ đề của cả quyển là *Little Fish*. Tôi đọc hết một nửa thì nhận ra rằng nó không thực sự có ích. Câu chuyện kể về một sinh viên năm cuối đại học tại trường cao đẳng Bowdoin nhớ về người bố và những chuyến đi câu ở vùng Upstate New York hồi mười tuổi. Hãy trả những chú cá nhỏ về với tự nhiên - ý nghĩa của truyện dường như cộng hưởng với người dẫn chuyện. Câu chuyện không có gì ấn tượng cả. Ít nhất với tôi là thế và tôi bỏ cuộc khi mới đọc được một nửa. Tôi đọc lướt qua những câu chuyện còn lại trong sách nhưng không tìm thấy gì nhiều. Thực lòng mà nói tôi còn không biết mình đang tìm kiếm thứ gì nữa nhưng biết đâu một trong những câu chuyện trong đây sẽ tiết lộ thái độ không mấy lành mạnh của tác giả về công lý hay trả thù thì sao. Tôi lật

trang đầu của sách ra xem có dòng tri ân nào đến bất kỳ ai hay không. Và đây rồi, một câu nói đơn giản, “Gửi tới Jillian”

Tôi đứng dậy và lang thang xung quanh cho đến khi thấy một chiếc máy tính ông có người ngồi, mở trình duyệt lên và gõ vào đó cái tên Jillian cùng “Đại học New Essex”. Cái tên xuất hiện nhiều nhất là Jillian Nguyen, là một giáo sư ngôn ngữ Anh tại New Essex trước khi chuyển tới trường Cao đẳng Emerson ở ngay Boston này. Tôi ghi nhớ cái tên, quyết định sẽ liên lạc sau khi tìm hiểu được thêm điều gì đó về Nick Pruitt. Tôi lật tới cuối sách và nhìn thấy một bức ảnh chụp tác giả khác với những tấm tôi đã thấy trên mạng. Vẫn là ảnh góc nghiêng ba phần tư, rõ ràng là Pruitt cho rằng mình có một góc nghiêng khá đẹp, nhưng trong tấm này anh ta đội một chiếc mũ phớt giống như những thám tử trong dòng phim trinh thám cũ. Ngay khi nhìn thấy nó, tôi nhớ lại người đàn ông tôi nhìn thấy ở cuối phố vào tối thứ bảy đó, người đã theo dõi tôi, cũng đội một chiếc mũ giống như thế này.

Trước khi rời đi tôi lục lọi cuốn sách xem nó có thể bảo mật không. Không có gì cả, nên tôi định vào nhà vệ sinh và giấu cuốn sách vào trong áo. Nhưng thư viện khá đông người ra vào nên tôi tính cứ thế cầm sách ra ngoài như thể mình đã hoàn thành việc đăng ký mượn sách rồi vậy. Tôi không ngờ rằng họ hoàn toàn không chú ý tới nó, cũng chẳng thận trọng kiểm tra thẻ thư viện của tôi xem có ghi chép mượn cuốn sách nào của Nicholas Pruitt hay không. Tôi bước qua cảm biến, không có tiếng báo động nào vang lên và cứ thế bước ra ngoài trong buổi chiều âm ập.

Tôi quay lại cửa tiệm và gửi email cho Gwen để nhắc về ảnh chụp những cuốn sách chúng tôi đã thấy trong nhà của Elaine Johnson. Sau đó tôi cố gắng đọc thêm mấy trang của cuốn *Bí sử* nhưng không thể nào tập trung được. Cuối cùng thì tôi đi đi lại lại khắp cả tiệm, cố gắng tìm việc gì đó để làm ví dụ như sửa sang lại giá sách. Sau khi Brandon đến làm ca chiều, tôi quyết định về nhà. Dù sao hôm nay cũng là một ngày thứ ba yên tĩnh và vắng khách, còn tôi cũng đang mong ngóng nói chuyện với Gwen nữa mà nội dung cuộc nói chuyện không nên để cho người ngoài vô tình nghe được. Tôi bỏ cuốn sách vào trong túi và hỏi Brandon có ngại trông cửa hàng một mình không. Cậu ấy nhúu mày rồi nói, “Không sao, không vấn đề gì.”

“Vây được, nếu có vấn đề gì thì cứ gọi cho tôi nhé.”

“Chắc chắn rồi.”

Nhiệt độ bên ngoài lại giảm xuống làm những ụ tuyết tan giờ đóng thành băng, vỉa hè đầy những bụi đất và cả muối. Buổi chiều nay không hề âm u làm tôi nhớ ra giờ là thời điểm trong năm khi ngày dài và đêm ngắn, mặc dù mùa đông còn tiếp tục kéo dài trong ít nhất là hai tháng nữa. Thực ra cá nhân tôi không để tâm lắm, nhưng tôi có thể đọc được sự khó chịu của những người đi bộ xung quanh trên con đường trở về nhà. Trắng bệch và xám xịt, cam chịu với thành phố cũng xám xịt này và quãng thời gian dài dằng dặc phải sống chung với nồm ẩm từ giờ cho đến lúc xuân sang. Theo thói quen, tôi nhìn qua cửa sổ thủy tinh của Khách sạn Beacon Hill, nhìn vào quầy rượu ấm cúng của họ, tự hỏi liệu Brian, người đồng sở hữu tiệm Old Devils, có đang ngồi trong đó hay không. Hôm nay thì có,

anh ta mặc trên người chiếc áo quen thuộc, ngồi trên chỗ xa nhất của quầy rượu hình ô van. Tôi do dự, không biết có nên tham gia cùng hay không thì cái đầu xù xì to lớn của anh ngẩng lên và nhìn thấy tôi qua lớp kính.

“Chào Brian.” Tôi vừa nói vừa ngồi lên chiếc ghế bên cạnh anh, tò mò nhìn vào chiếc ly Martini còn một nửa trên quầy bar và cả dấu son môi trên đó nữa.

“Tess cũng tới nữa.” Anh ấy nói, và vừa dứt lời thì tôi quay lại bắt gặp Tess Murray, người vợ chung sống suốt mười năm của Brian đang bước qua đây. Nhìn lớp son môi mới đánh, tôi cho rằng cô ấy vừa mới quay lại từ nhà vệ sinh.

“Ồ, xin lỗi, Tess.” Tôi vừa nói vừa lùi lại trả chỗ cho cô.

“Không, không sao, anh cứ ngồi Chúng tôi : vui khi ở giữa cả hai có một vùng đệm, phải không Bri?” Cô ấy với lấy ly Martini của mình và tôi ngồi xuống ghế giữa hai người. Tôi ít khi thấy Tess, ít hơn nhiều so với số lần thấy Brian và việc cô ấy đi ra ngoài uống rượu cùng Brian cũng là một sự bất thường, nhất là vào buổi chiều sớm một ngày thứ ba. Tess là người vợ thứ hai của Brian, trẻ hơn anh ít nhất là hai mươi tuổi. Mọi người đều nói rằng cô ấy là trợ lý xuất bản của Brian và từ đó hai người gặp và yêu nhau, nhưng tôi biết đó không phải là sự thật. Cô ấy từng làm xuất bản, đã từng, nhưng không phụ trách Brian. Họ gặp nhau vào năm duy nhất anh ấy tham dự Bouchercon - sự kiện cho các nhà văn trinh thám diễn ra hằng năm. Anh ấy lười đi, nhưng năm đó lại lọt vào danh sách khách mời danh dự nên không đi không được.

Brian nói với tôi rằng cuộc hôn nhân của họ vẫn còn kéo dài được là nhờ Tess dành sáu tháng ở nhà riêng của họ bên hồ Longboat Key một mình, và anh ấy thì dành sáu tháng còn lại trong căn nhà ở miền đông xứ Maine mà không có cô ấy. Thỉnh thoảng họ bất ngờ đụng phải nhau ở Boston.

“Sao mà thời gian này cô lại không ở Florida thế Tess?” Tôi hỏi.

“Anh không biết tin gì sao? Brian, cho anh ấy thấy tay của anh đi.”

Tôi quay sang, thấy Brian nhắc cánh tay trái đang bị bọc kín trong dụng cụ nẹp lên, trông như cánh tay máy vậy.

“Ôi, không?” Tôi thốt lên.

“Không phải vấn đề gì lớn lao đâu.” Anh ấy nói. “Tuần trước tôi bị ngã trong lúc bước xuống từ chính cái ghế quây bar này đây. Chẳng cảm thấy gì cả trừ chút kiêu hãnh cuối cùng cũng đang rời bỏ cơ thể mình. Bác sỹ bảo nó bị gãy ở tận hai nơi liền. Cậu không biết làm một gã say xỉn một tay ở tầm tuổi này khó thế nào đâu.”

“Anh có đang viết cuốn nào không?”

“Vừa bắt đầu viết quyển mới ngay trước Giáng Sinh nhưng vẫn phải biên tập lại nữa nên giờ Tess đành phải hy sinh thôi.”

“Tôi cố khuyên anh ấy chuyển tới Florida nhưng anh biết nó như thế nào rồi đấy.” Tess nói. “Chúng tôi định gọi cho anh rủ đi làm vài ly thì anh đã ở đây rồi.”

“Cậu ấy biết phải tìm anh ở đâu mà.” Brian nói rồi uống nốt chỗ rượu trong ly của mình, luôn luôn là whiskey dòng Scotland pha với soda trong ly lowball với hai viên đá.

Tôi gọi một cốc bia Left Hand Stout và hết lời thuyết phục Brian và Tess để mình đãi họ mỗi người một ly. Brian thêm một ly rượu như thường lệ còn Tess là một ly Martini Grey Goose.

“Tình hình làm ăn thế nào?” Tess hỏi. “Tôi có hỏi Brian nhưng anh ấy chẳng bao giờ biết gì cả.”

“Vẫn như mọi khi thôi. Cũng không tệ.”

“Dòng nào đang bán chạy nhất vậy?”

Mặc dù đã không còn làm trong ngành xuất bản nữa và nghe đâu cô ấy sở hữu một cửa hàng trang sức ở Florida, nhưng người phụ nữ này vẫn thích nghe tin tức trong ngành. Nhiều người cho rằng Tess là một con ả đào mỗ thậm chí còn chẳng buồn dành thời gian cùng người chồng đã lớn tuổi, nhưng cô ấy đã luôn đối tốt với tôi. Brian cũng nhắc đi nhắc lại rằng anh ấy coi trọng cuộc hôn nhân của họ, Tess biết tôn trọng sự riêng tư của anh ấy và hiểu rằng anh ấy cần được ở một mình đến thế nào, rằng họ yêu nhau theo cách riêng.

Tôi rời đi sau hai châu bia, lúc nào cũng nhấp nhồm rằng điện thoại mình sẽ đổ chuông hoặc rung lên với tin nhắn từ Gwen. Khi hai người họ định gọi bữa tối, tôi nói rằng tôi phải đi và ở nhà có đồ nhà nấu sẵn rồi. Đây đương nhiên là một lời nói dối nhưng Brian đã ngà ngà say rồi và tôi muốn mình ra khỏi đó trước khi anh ấy bắt đầu độc thoại.

Trước khi ra ngoài, tôi hỏi, “Nghe tin gì về Elaine Johnson chưa?”

“Ai cơ?” Brian hỏi lại.

“Elaine Johnson, bà ấy từng đến tiệm mỗi ngày trước khi chuyển tới Maine. Cặp kính dày như đít chai ấy”

“À.” Brian nói và tôi ngạc nhiên khi thấy Tess ngồi bên phải tôi cũng gật đầu theo.

“Bà ấy chết rồi, đau tim.”

“Sao mà cậu nghe được tin đó thế?”

Tôi suyết nửa thì đã nói với anh ấy, thật ra là cả hai người họ, về đặc vụ Mulvey và bản danh sách nhưng chột khựng lại vì lý do nào đó.

“Một khách hàng khác kể vậy.” Tôi nói. “Chỉ nghĩ là có lẽ anh sẽ hứng thú với tin đó thôi.”

“Không mấy đáng tiếc.” Tess nói. Tôi quay sang, ngạc nhiên.

“Cô biết bà ấy sao?” Tôi hỏi.

“Chắc chắn rồi, bà ấy từng đồn tôi vào một góc để kể lể rằng Brian là một nhà văn tồi như thế nào. Khi tôi nói rằng mình là vợ của Brian thì bà ấy lăn ra cười xong hỏi tôi đã đọc sách của anh ấy trước khi đâm đầu vào cuộc hôn nhân này chưa. Chẳng bao giờ quên được.”

Brian cười mỉm. “Thực ra ấn tượng của tôi về bà ấy không tệ lắm. Giờ thì nhớ ra rồi. Có lần bà ấy kể với tôi rằng tác giả ưa thích của mình là James Crumley nên tôi nghĩ là bà ấy cũng không phải là người xấu. Elaine chuyển tới Rockland, ở Maine đúng không?”

“Sao mà anh biết được thế?”

“Emily nói, hình như thế, lần cuối cùng tôi đến Old Devils thì phải. Cô ấy để mắt tới mấy người khách hàng khó chiều giúp tôi mà.”

“Ha...” Tôi hơi khó chịu một chút vì Brian, người ba tháng mới gặp Emily một lần lại có mối quan hệ với cô ấy tốt hơn tôi.

Tess tiến tới ra cửa. Tôi không hiểu lắm tại sao nhưng khi ra tới vỉa hè cô ấy mới thổ lộ, “Cái tai nạn ngu ngốc này đã làm anh ấy thay đổi hoàn toàn. Giờ thì Brian sợ hãi mọi thứ. Từ đi lại, rời giường, bất kể thứ gì. Tôi có thể ở bên anh ấy, nhưng không làm thế mãi được. Tôi còn có cửa hàng ở Florida nữa mà có phải lúc nào chúng tôi cũng chịu được nhau đâu.”

“Có lẽ cô nên nhờ giúp đỡ.”

“Chính vậy đấy. Tôi đã nói cả trăm lần rồi nhưng anh ấy không chịu nghe. Nếu như sắp tới anh có hôm nào qua chỗ chúng tôi dùng bữa tối thì làm ơn nhắc tới vụ đó nhé? Có lẽ anh ấy sẽ cân nhắc khi nghe ai đó đề cập đến...”

“Chắc chắn rồi.” Tôi nói.

“Cảm ơn Mal, tôi rất cảm kích. Đừng hiểu nhầm nhé, tôi sẽ làm bất kỳ điều gì cho Brian, cũng như anh ấy sẽ làm bất kỳ điều gì có thể cho tôi vậy nhưng giúp anh ấy ra khỏi bốn tấm không hẳn là những gì tôi mong đợi.” Cô ấy đưa tay gài một lọn tóc đen dài ra sau tai, vươn người tới đặt lên môi tôi một nụ hôn trước khi kéo tôi vào ôm. Cô ấy đã từng làm thế rồi, ngay trước mặt Brian mà anh ấy dường như chẳng hề bận tâm.

Tess run rẩy trong lúc chúng tôi ôm chia tay. “Làm thế nào mà anh chịu được thứ thời tiết này vậy?” Cô ấy vừa nói vừa buông tay.

Trên quãng đường về nhà tôi có thể ngửi được mùi hương của cô ấy bám trên da mình. Nước hoa mùi chanh và mùi ô liu từ ly Martini.

Đêm hôm đó tôi ngồi nhai ngũ cốc đóng hộp, đọc thêm mấy trang của cuốn *Bí sử* và chờ đợi Gwen liên lạc lại. Tôi nhắn cho

cô ấy thêm một cái tin nữa trước khi đi ngủ, nói rằng tôi mong mọi chuyện vẫn ổn. Đêm đó, tôi đặt lưng xuống giường với gương mặt của Gwen hiện lên trong đầu, thay vì Claire.

Chương 18

Tiếng chuông cửa vang lên vào tầm hơn tám giờ sáng hôm sau. Lúc đó tôi đã thức dậy, thay quần áo xong xuôi và đang pha bình cà phê mới rồi. Tôi nhấn nút hệ thống liên lạc nội bộ, một giọng nam vang lên tự giới thiệu mình là Đặc vụ Berry và hỏi liệu anh ta có thể lên chỗ tôi được không. Tôi nghe hai tiếng bước chân khác nhau leo lên những bậc thang và trong khoảng thời gian đó tôi đã kịp suy nghĩ xem mình cần phải làm gì khi đối diện với các câu hỏi được đặt ra. Tôi nhanh chóng đặt ra một vài giả định, rằng họ đến để bắt mình hoặc là lấy lời khai về vụ án của Eric Atwell và Norman Chaney, cũng có thể là cả hai. Lý do Gwen không trả lời tin nhắn của tôi vào hôm trước là do tôi đã trở thành nghi phạm trong một vụ giết người.

Tôi đi tới mở cửa. Đặc vụ Berry có dáng người cao và vai hơi xuôi trong bộ vest sọc. Anh ấy giơ thẻ công tác ra cho tôi xem, tự giới thiệu bản thân một lần nữa và nói rằng mình đến từ văn phòng FBI ở New Haven. Đằng sau anh ấy là một người phụ nữ thấp hơn nhiều, cũng mặc một bộ vest. Anh ta giới thiệu cô ấy là đặc vụ Perez đến từ văn phòng Boston. Tôi mời cả hai vào nhà, nói rằng mình đang chuẩn bị pha cà phê và mời cả hai. Đặc vụ Berry nói rằng anh ấy thế nào cũng được trong khi đặc vụ Perez vẫn im lặng và nhìn ra ngoài cửa sổ.

Tôi pha cà phê và cảm thấy bình tĩnh một cách đáng ngạc nhiên. Chỗ adrenaline chạy rần rần trong người tôi kể từ lúc tiếng chuông vang lên bỗng nhiên tan biến đi mất khi hai người đặc vụ bước vào. Tôi cảm thấy nhẹ bẫng, gần như là lâng lâng khi bước qua mời họ ngồi xuống ghế sofa.

Đặc vụ Berry kéo chỗ vải trên đầu gối chiếc quần âu trước khi ngồi xuống. Anh ấy có bàn tay khổng lồ, lăm lăm đôi mắt bởi năm tháng cùng với cái đầu to lớn và xương hàm vuông vức. Người đặc vụ hắng giọng và nói, “Tôi hy vọng anh có thể làm sáng tỏ một chút về mối quan hệ của mình và Gwen Mulvey.”

“Được thôi.” Tôi nói.

“Anh có thể kể lại lần đầu tiên hai người gặp nhau không?”

“Chắc chắn rồi.” Tôi nói. “Cô ấy gọi cho tôi lúc tôi ở hiệu sách - tiệm Old Devils, nơi tôi làm việc ấy, vào thứ năm tuần trước và hỏi liệu mình có thể tới và hỏi vài câu hay không. Cô ấy vẫn ổn chứ?”

“Vậy những câu hỏi đó là gì?” Anh ấy hỏi. Đặc vụ Perez vẫn không lên tiếng nhưng lảng lạng lôi ra một quyển sổ tay gáy xoắn nhỏ nhỏ và mở nắp bút.

“Cô ấy đặt một vài câu hỏi về một danh sách tôi đã viết, một bài đăng trên trang cá nhân từ vài năm trước.”

Berry rút sổ tay của mình ra và nhìn chăm chú. “Bản danh sách được gọi là *“Tám vụ giết người hoàn hảo”* đúng không?” Tôi dường như nghe thấy một chút khinh thường trong giọng nói của anh ấy.

“Đúng vậy.” Tôi trả lời.

“Và những câu hỏi đó có liên quan như thế nào?”

Tôi có cảm giác rằng họ đã biết tất cả về cuộc trò chuyện giữa tôi và Gwen, nhưng tôi vẫn phải hợp tác trả lời mọi thứ họ muốn biết - ý tôi là tất cả những gì mà tôi đã tiết lộ với Gwen. Vì thế tôi bắt đầu giải thích rằng Đặc vụ Mulvey nhận thấy những mối liên hệ giữa bản danh sách tôi viết hồi năm 2004 và một số vụ án xảy ra gần đây. Tôi đề cập đến rằng ban đầu tôi cảm thấy những liên kết đó không hề rõ ràng, khả năng cao chỉ là trùng hợp nhưng chúng tôi đã tìm thấy tám quyển sách trong bản danh sách của mình trong nhà của Elaine Johnson ở Rockland.

“Anh có cảm thấy kỳ quặc không khi đặc vụ Mulvey ngỏ lời muốn anh đi cùng hỗ trợ trong việc điều tra của FBI? Đến thăm hiện trường một vụ án mạng?” Câu hỏi này đến từ đặc vụ Perez, câu đầu tiên mà cô ấy nói kể từ lúc tới đây. Perez nghiêng người về phía trước khi nói làm vài chỗ trên áo phòng lên căng nít, có vẻ cô ấy mới tăng cân dạo gần đây. Người phụ nữ này hẳn chỉ mới ba mươi mấy tuổi với mái tóc đen cắt ngắn, gương mặt tròn và đôi mắt to bên dưới hàng lông mày rậm.

“Tôi không thấy vậy.” Tôi nói. “Tôi cho rằng đặc vụ Mulvey thực sự tin rằng tôi là một chuyên gia về những cuốn sách đặc thù đó vì tôi đã viết nên bản danh sách và đọc hết từng cuốn trong đó. Do đó cô ấy nghĩ tôi có thể nhận ra điều gì đó bất thường ở nhà của Elaine Johnson. Hơn nữa tôi có quen bà ấy, ý tôi là tôi có quen biết với nạn nhân Elaine Johnson.”

“Vậy anh có điều tra được gì ở nhà nạn nhân không?”

“Những gì chúng tôi nhận thấy, đặc vụ Mulvey và tôi, là có bằng chứng cho thấy có người đang thực sự thực hiện hành vi

giết người dựa trên bản danh sách của tôi, và người đó có thể có liên quan đến tôi.”

“Có thể có liên quan?” Đặc vụ Berry nói, quai hàm bạnh ra.

“Elaine Johnson là người quen của tôi, một khách hàng từng thường xuyên ghé thăm tiệm. Cái chết của bà ấy phần nào thể hiện rằng tôi có liên quan, dù không trực tiếp, nhưng có thể kẻ thủ ác, dù là ai đi nữa, cũng biết tôi hoặc muốn tôi biết về những vụ án này, không ngoại trừ trường hợp muốn đổ tội cho tôi nữa.”

“Và anh đã trao đổi tất cả những điều này với đặc vụ Mulvey sao?”

“Đúng vậy, chúng tôi liệt kê ra mọi khả năng có thể xảy ra.”

Đặc vụ Berry nhìn xuống cuốn sổ. “Chỉ để xác nhận thôi, hai người có thảo luận về vụ án của Robin Callahan, Jay Bradshaw và Ethan Byrd đúng không?”

“Đúng vậy.” Tôi nói.

“Và về cả vụ sát hại Bill Manso?”

“Người bị giết gần đường tàu ấy hả?... Có, chúng tôi có bàn về vụ đó.”

“Thế còn về Eric Atwell thì sao?” Anh ấy ngẩng đầu lên nhìn tôi rồi nói.

“Chúng tôi có nói một chút về Eric Atwell vì mối quan hệ phức tạp giữa hai chúng tôi, nhưng không phải trên quan điểm là nạn nhân của chuỗi vụ án này.”

“Mối quan hệ giữa hai người ở đây là gì?”

“Eric Atwell ấy hả?”

“Đúng vậy.”

“Tôi chắc chắn rằng cô ấy có ghi chép lại mọi thứ.” Tôi nói. “Tôi không rõ sao hai người lại không thể nói chuyện hoặc tham khảo những gì cô ấy đã ghi lại.”

“Chúng tôi chỉ muốn nghe từ anh mà thôi.” Đặc vụ Perez nói. Tôi nhận thấy rằng mỗi lần cô ấy lên tiếng, đặc vụ Berry sẽ nhúc nhích một chút trên ghế sofa một cách khó chịu như thể anh ấy đang ngứa ở đâu đó mà lại ngại không dám gãi vậy.

“Trong khoảng thời gian trước khi vợ tôi mất, Eric Atwell từng có quan hệ với cô ấy, là nguyên nhân khiến cô ấy tái nghiện. Hơn nửa đêm hôm ấy vợ tôi gặp tai nạn khi lái xe trở về từ nhà riêng của Eric Atwell.”

“Và Eric Atwell đã bị sát hại đúng không?”

“Đã bị bắn, đúng vậy. Tôi nhớ rằng cảnh sát đã kết luận vụ đó là giết người cướp của. Đặc vụ Mulvey cũng không cho rằng nó có liên quan gì đến danh sách của tôi.”

“Được rồi, một câu hỏi nữa.” Đặc vụ Berry nói. “Hai người có nói chuyện về cái chết của Steven Clifton không?”

Tôi khựng lại, dờ ra một lúc. Steven Clifton là tên của gã giáo viên khoa học đã xâm hại Claire Mallory khi cô ấy còn học trung học. Tôi chưa bao giờ nghe Gwen nhắc đến gã. Tôi lắc đầu và nói, “Không, tôi không có ấn tượng gì về cái tên đó cả.”

“Một chút ấn tượng cũng không?”

“Nếu có thì tôi đã thấy quen.”

“Được rồi.” Đặc vụ Berry vừa nói vừa lật sang một trang khác trong cuốn sổ. Anh ấy không có vẻ gì là quan tâm đến việc tôi chưa từng nghe về cái tên Steven Clifton cả.

“Đặc vụ Mulvey có bao giờ nói với anh về những người cô ấy nghi ngờ là kẻ phải chịu trách nhiệm cho những vụ án này không?”

“Không” Tôi nói. “Ý tôi là đó chính là lý do cô ấy đến gặp tôi mà. Đặc vụ Mulvey đang cố tìm hiểu xem liệu có ai mà tôi biết ví như khách hàng, cựu nhân viên,... mà tôi cảm thấy nghi ngờ hay không”

“VẬY anh có nghi ngờ ai không?”

“Cũng không.” Tôi nói. “Ít nhất là tôi không thể nghĩ ra được ai. Elaine Johnson có lẽ là khách hàng lớn tuổi nhất chúng tôi từng có nhưng bà ấy rõ ràng không thể nào là hung thủ được.”

“Anh nói với đặc vụ Mulvey rằng mình hiện tại có hai nhân viên đúng không?”

“Đúng vậy, Brandon Weeks và Emily Barsamian. Chỉ còn một người nữa thỉnh thoảng mới đến làm vài ca là người đồng sở hữu với tôi, Brian Murray mà thôi.”

Cả hai người họ đều bận rộn ghi chép. Gió lùa qua cửa sổ thổi vào trong phòng. “Cô ấy vẫn ổn chứ?” Tôi buột miệng hỏi.

Đặc vụ Berry ngẩng lên nhìn tôi, bặm môi và nói, “Đặc vụ Mulvey đã bị đình chỉ công tác. Tôi phải nói với anh rằng cô ấy đã được thông báo không được phép liên hệ với anh dưới mọi hình thức.”

“Ồ. Tại sao vậy?” Tôi hỏi.

Hai người đặc vụ liếc nhìn nhau rồi Perez nói, “Tôi e rằng mình không được phép tiết lộ điều đó. Bất kỳ thông tin nào mà anh có thể cung cấp từ giờ chỉ nên được chia sẻ với tôi và đặc vụ Berry mà thôi.”

Tôi gật đầu, cả hai lại liếc nhìn nhau và đặc vụ Perez nói: “Liệu anh có sẵn lòng theo tôi đến văn phòng để làm biên bản chính thức hay không?”

Tôi theo đặc vụ Perez ra xe và tới Chelsea. Cô ấy cũng là người đặt câu hỏi trong căn phòng thẩm vấn nhỏ với thiết bị ghi âm cùng hai camera gắn trần. Chúng tôi lại bắt đầu từ đầu: nguồn gốc của bản danh sách, những cuốn sách tôi đã chọn, Gwen Mulvey và những câu hỏi cô ấy đã đặt ra. Cô ấy muốn biết tường tận về những lần chúng tôi tiếp xúc, từng chi tiết của từng cuộc hội thoại một. Đặc vụ Perez không hề nhắc lại về Eric Atwell hay Steven Clifton một lần nào nữa và điều đó làm tôi thở phào. Suốt quãng thời gian đó cô ấy trông giống như đang ôm lấy mấy tấm áo chủ bài chuẩn bị đánh ra vậy. Cuộc phỏng vấn kéo dài suốt buổi sáng, tôi cảm thấy tội lỗi một cách kỳ lạ, như thể tôi đang lừa dối Gwen Mulvey với người vụ mới này vậy, nói với cô ta mọi thứ mà chúng tôi đã từng nói. Tôi liên tục tự hỏi tại sao cô ấy lại bị đình chỉ công tác và liệu nó có liên quan gì tới bản danh sách của tôi hay những gì đang diễn ra hay không. Đến cuối buổi phỏng vấn tôi có hỏi đặc vụ Perez một lần cuối xem liệu cô ấy có thể tiết lộ điều gì về đặc vụ Mulvey hay không.

“Chúng tôi có những quy trình phải tuân thủ trong quá trình điều tra và đặc vụ Mulvey đã cố tình không chấp hành. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói.”

“Cảm ơn.” Tôi nói.

“Trước khi anh rời đi, tôi cần phải hỏi xem anh có nhu cầu được canh sát bảo vệ không?” Cô ấy vờ vờ một thứ gì đó trông

như vòng cưới trên cổ tay.

“Không, tôi nghĩ là không cần đâu.” Tôi nói, giả vờ như mình đã cân nhắc về điều đó. “Nhưng tôi sẽ cẩn thận hơn.”

“Còn một điều nữa trước khi anh đi.” Đặc vụ Perez nói. “Tôi biết rằng anh đã cung cấp bằng chứng ngoại phạm của mình cho Gwen Mulvey vào ngày Elaine Johnson tử vong nhưng tôi hy vọng anh có thể làm vậy, hoặc thử cho cả những vụ án khác nữa.”

“Tôi sẽ cố.” Tôi nói.

Cô ấy đưa tôi về nhà cùng bản danh sách ngày tháng chính xác của mấy vụ án. Robin Callahan, Jay Bradshaw, Ethan Byrd và Bill Manso. Tôi mò lên máy tính để xem lịch nhưng bất ngờ cảm thấy kiệt sức và không thể nào tiếp tục được. Tôi đứng dậy, cảm thấy choáng váng và nhận ra rằng mình chưa ăn gì cả ngày nay trừ một chiếc bánh quy mâm xôi Đan Mạch hồi sáng trong lúc lấy lời khai. Tôi vào bếp và làm hai chiếc bánh mì kẹp bơ lạc, ngấu nghiến cả hai với hai cốc sữa lớn. Đã là một rủi chiều rồi. Tin tốt là tôi có cuộc nhậu cùng với Marty Kingship ở quán Jack Crow’s Tavern lúc sáu giờ. Tôi biết anh ấy sẽ có thêm thông tin về vụ án của Norman Chaney, có lẽ là về cả Nicholas Pruitt nữa. Từ giờ đến lúc đó tôi phải tìm ra việc gì đó để làm. Giờ vẫn chưa phải lúc liên lạc với Pruitt. Tôi chợt nhớ tới phần đề tựa trong cuốn sách của anh ta: *Gửi tới Jillian*. Tôi lên mạng tìm kiếm thêm về Jillian Nguyen, đầu mối tiềm năng. Cô ấy đã từng là giáo sư trợ giảng ở New Essex, chủ yếu phụ trách các khóa học về thực hiện nghiên cứu cho sinh viên năm nhất. Ở trường Cao đẳng Emerson hiện tại thì Jillian phụ trách giảng dạy một vài

lớp văn học Anh, kiêm cả bộ môn thơ của khoa Sáng Tác. Tôi tìm thử một vài bài thơ của cô ấy và giống như phần lớn những bài thơ đương đại khác, tôi hầu như chả hiểu được mình đang đọc cái gì nữa. Tuy nhiên, có một bài thơ với tiêu đề là *Buổi chiều Chủ Nhật tại PEM* đăng trên tạp chí Undivider làm tôi chú ý. PEM là Bảo tàng Peabody Essex, ngụ tại Salem, Massachusetts - một thị trấn tiếp giáp với New Essex. Phần lớn bài thơ nói về một triển lãm liên quan tới nghệ thuật dân gian Việt Nam, nhưng có nhắc tới một “ông” nào đó là bạn đồng hành của người nói, người “chỉ thấy được những gì tiêu cực và vụn vẹo”. Tôi tự hỏi không biết nhân vật người đồng hành đó có phải là Nicholas Pruitt hay không, nếu đúng thì giờ hai người chắc đã chia hai ngả. Mù mờ như tôi còn có thể hiểu được những nhận xét không mấy tốt lành dành cho người đó trong bài thơ cơ mà.

Trên trang web chính của khoa có liệt kê số điện thoại, tôi ôm tâm lý ăn may mà bấm số bừa, vậy mà lại thực sự có người nhắc máy sau hai hồi chuông.

“Xin chào?”

“Đây có phải là số máy của Giáo sư Nguyen không?” Tôi hỏi, hy vọng mình phát âm đúng.

“Đúng rồi.”

“Chào cô, tôi là John Haley.” Tôi nói, rất tự nhiên sử dụng tên người chủ trước của tiệm Old Devils. “Tôi tự hỏi không biết mình có thể hỏi cô đôi điều về Nicholas Pruitt hay không?”

Có một thoáng ngập ngừng, tôi còn tưởng cô ấy đã cúp máy rồi nhưng sau cùng tiếng cô ấy lại vang lên. “Làm sao anh có được tên tôi vậy?”

“Tôi e rằng mình không thể nói một cách quá cụ thể về lý do muốn nói chuyện với cô ngoài việc anh Pruitt đang được xem xét mời đảm nhiệm một vị trí rất quan trọng, và vì thế chúng tôi cần đánh giá về anh ta một cách cẩn trọng.” Đến tôi là người nói ra mà tôi còn không cảm thấy mình đủ sức thuyết phục nữa là.

“Đánh giá anh ấy để làm gì mới được?”

“Hiện tại thì tôi đang ở ngay Boston, và không có nhiều thời gian để lãng phí. Liệu tôi có thể gặp cô vào chiều nay được không? Tại văn phòng hoặc ở một quán cà phê đều được.”

“Nick đã liệt kê tên tôi trong mục người chứng nhận đúng không?” Cô ấy nói.

“Tôi tin rằng anh ấy có nhắc đến tên cô, nhưng không được tính là người chứng nhận chính thức. Cô có thể tự tin nhận xét điều gì về anh Pruitt không?”

Cô ấy cười nhẹ. “Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu mình được gọi để chứng nhận hay đại loại vậy. Chà, ít nhất thì anh làm tôi tò mò rồi đấy.”

“Tôi sẽ rất biết ơn nếu chúng ta có thể gặp nhau.”

“Được thôi.” Cô ấy trả lời. “Chúng ta có thể gặp nhau chiều nay nếu anh không ngại tới chỗ tôi.”

“Không có vấn đề gì.” Tôi nói.

“Có một quán cà phê ở Downtown Crossing, quán Ladder café, anh có biết nó không?”

“Không, nhưng tôi có thể tìm đường.”

“Tôi bận việc tới tầm ba giờ, liệu ba rưỡi có ổn không?”

Chương 19

Khu vực của Boston được gọi là Downtown Crossing^[*] đó nằm ở phía bên kia của công viên Boston Common. Nó đã từng là nơi tập trung nhiều cửa hàng tạp hóa lớn mà nổi bật nhất là Filene's và Macy's mặc dù hiện tại cả hai tòa nhà đều đang trống không. Những gì còn lại từ một thời huy hoàng là những cửa hàng giày thể thao chen chúc cùng những sạp bán bánh kẹp xúc xích, một vài quán bar và nhà hàng thời thượng đã ngày đêm mong ngóng thành phố đổi tên khu vực này thành Quận Ladder suốt mấy năm nay.

Rõ ràng là quán cà phê Ladder cũng muốn góp một phần trong cuộc vận động thay đổi thương hiệu đó. Nằm kẹp giữa một cửa hiệu bán vải và một quán bar thể thao^[*], Ladder là một căn phòng hẹp dài trần cao với lối trang trí tối giản và người pha chế đẩy những hình xăm. Tôi đến sớm, gọi một ly café au lait lớn và ngồi xuống chỗ có thể nhìn ra cửa chính. Tôi cho rằng khi Jillian Nguyen tới nơi, cô ấy sẽ có rất nhiều câu hỏi tại sao tôi lại muốn hỏi thăm về gã bạn trai cũ Nicholas Pruitt. Tôi định kể ít nhất có thể, không gì hơn việc anh ta đang được xem xét vào vị trí biên tập cho một tuyển tập sắp ra mắt từ một nhà xuất bản lớn nhưng chưa có quyết định chính thức do một vài tin đồn về đời tư cá nhân của ứng viên. Nếu bị gặng hỏi tôi sẽ nói với cô ấy rằng mình là một thám tử tư được thuê để điều

tra lý lịch của Nicholas Pruitt. Hy vọng cô ấy sẽ tin và không yêu cầu kiểm tra giấy chứng nhận hành nghề.

Đúng ba giờ ba mươi phút, tôi nhận ra người phụ trông giống như những hình ảnh tôi tìm được về Jillian xuất hiện chỗ cánh cửa. Vóc người nhỏ bé, bọc trong một chiếc áo khoác phòng phồng có mũ. Cô ấy hẳn đã nhận ra cái nhìn của tôi và ngay lập tức tiến về phía này, tôi đứng lên tự giới thiệu bản thân.

“Tôi chỉ có tầm hai mươi phút thôi.” Cô ấy lên tiếng, tôi tự hỏi liệu có phải cô đã trở nên cảnh giác hơn sau khi chúng tôi ngắt cuộc gọi.

Tôi mời cô ấy một ly cà phê nhưng cô muốn uống trà thảo mộc nên tôi đứng lên xếp hàng để gọi đồ. Tôi không thể nào không liên tưởng đến Claire được vì cả hai có cùng sở thích uống trà thảo mộc ở quán cà phê làm tôi muốn phát điên khi phải trả ba đô la hoặc hơn cho một thứ thức uống không hơn gì trà túi lọc nhúng vào nước sôi.

Khi quay lại bàn, tôi nói, “Một lần nữa, tôi phải cảm ơn cô rất nhiều vì đã dành thời gian gặp mặt. Tôi biết điều này có vẻ kỳ lạ nhưng tôi được giao nhiệm vụ kiểm tra lý lịch của Nick và phải nhanh chóng có kết quả vì các nhà xuất bản muốn đưa ra quyết định ngay lập tức.”

Nghe đến cụm từ nhà xuất bản làm cô ấy nhồm dấy, không ngoài dự đoán của tôi. “Ồ, thế.”, cô ấy nói.

“Tôi thực sự không thể tiết lộ tên nhà xuất bản được nhưng anh ta đang được xem xét làm biên tập viên cho một tuyển tập lớn và dường như có ai đó đặt ra những câu hỏi về đời sống cá

nhân của người ứng viên này, họ lo ngại nó có thể ảnh hưởng tới hiệu suất công việc.”

Jillian định nhấp một ngụm trà nhưng ngừng lại và đặt nó xuống đĩa. “Anh đã nói rằng cuộc hội thoại này sẽ hoàn toàn bí mật phải không?”

“À, chắc chắn rồi.” Tôi nói. “Một trăm phần trăm, tôi thậm chí sẽ không làm biên bản hay ghi vào báo cáo.”

“Tôi đã không gặp và liên lạc với Nick trong hơn ba năm rồi, kể từ hồi tôi rời New Essex. Rõ ràng là anh đã biết tôi đã xin tòa ra lệnh hạn chế cự ly đối với anh ta, nếu không thì anh đã không ở đây để nói chuyện với tôi, đúng không?”

“Đúng vậy.” Tôi nói, rồi bổ sung thêm. “Hai người ở bên nhau bao lâu?”

Cô ấy nhìn lên trần nhà. “Không tới một năm. Ý tôi là, chúng tôi yêu nhau trong vòng không đến một năm. Tôi quen biết với anh ta từ một năm trước khi bắt đầu hẹn hò và sau khi mọi chuyện đổ bể thì tôi vẫn còn ở New Essex thêm tám sáu tháng nữa.”

“Vậy cô có thể tiết lộ nguyên nhân cô phải trình đơn yêu cầu lệnh cấm tiếp xúc không?”

Cô ấy thở dài một hơi. “Anh ta chưa bao giờ thực sự làm đau tôi về thể xác hoặc đe dọa bằng vũ lực, tuy nhiên sau khi chúng tôi chia tay, Nick cứ gọi cho tôi suốt ngày, có mặt ở mọi nơi tôi định tới và có một lần, chỉ một lần thôi, anh ta uống say và đột nhập vào nhà tôi, đấy chính là nguyên nhân chính tôi phải xin lệnh hạn chế tiếp xúc.”

“Ôi chà!” Tôi thốt lên.

“Vấn đề là... tôi vẫn cho rằng anh ta là một người đàn ông tử tế nếu không có tật nghiện rượu. Anh có biết... liệu Nick có còn uống rượu hay không? Lần cuối cùng chúng tôi nói chuyện thì anh ta kể rằng mình đã không dính vào rượu bia được một tháng rồi.”

“Tôi sẽ điều tra chuyện đó, vậy anh ta không bao giờ có hành vi bạo lực với cô đúng không?”

“Không, chắc chắn. Anh ta chỉ bám dai như đĩa thôi, coi tôi là tình yêu của đời mình.”

“Anh ta viết cuốn sách dành tặng cho cô đấy.” Tôi nói.

“Ôi lạy Chúa.” Cô ấy ôm mặt như thể đang vô cùng xấu hổ. “Tôi biết, cuốn sách đó còn ra đời sau khi chúng tôi chia tay nữa. Nghe này, tôi không hề muốn cản trở đường thăng tiến của Nick hay gây tác động xấu tới công việc mà có lẽ anh ta sẽ cần. Tôi đã có một trải nghiệm tồi tệ nhưng nếu người này ngừng uống rượu thì có thể sẽ là một nhân tuyển hợp lý đấy. Anh ta đọc nhiều và hiểu rất rộng.”

“Vậy, kể từ khi quen biết đến giờ cô không cho rằng Nick có khả năng bạo lực với bất kỳ ai phải không? Chưa bao giờ cảm thấy rằng anh ta có khả năng trả thù sau khi chia tay?”

Trông cô ấy có vẻ bối rối làm tôi tự hỏi có phải mình đã quá lỗ rồi hay không. Cô ấy há miệng định nói, rồi ngập ngừng, rồi nói, “Tôi chưa từng thấy được một mặt bạo lực của anh ta, nhưng người này... rất hứng thú với bạo lực theo góc nhìn văn học. Anh ta bị thu hút bởi những câu chuyện về báo thù. Nhưng đó... chỉ đơn thuần là trên góc độ nghề nghiệp, theo tôi biết là

thế. Anh ta thực sự là một giáo sư tiếng Anh khá điển hình đấy. Kiểu một sách.”

Tôi định hỏi thêm xem liệu Jillian có biết gì về cái chết của người em gái hoặc gã chồng cũ của cô ấy là Norman Chaney hay không. Nhưng tôi có linh cảm mình như đang đi trên miếng băng mỏng. Jillian Nguyen đang quan sát tôi như thể ghi nhớ để làm chứng sau này vậy. “Tôi biết là những câu hỏi này rất kỳ quái, tôi nói, “có vẻ như là, mà đây chỉ là chia riêng giữa tôi và cô thôi nhé, có ai đó đến khiếu nại với nhà xuất bản rằng Nicholas Pruitt đã có hành vi bạo lực.”

“Ồ” Jillian nói và nhấp một ngụm trà.

“Phía nhà xuất bản không tin vào lời buộc tội đó, cũng không tin tưởng người khiếu nại nhưng họ cũng muốn chắc chắn.”

“Ôi Chúa ơi, anh cho rằng tôi là người khiếu nại!” Jillian vừa nói vừa ngồi bật dậy.

“Ôi không, không, không” Tôi nói. “Không hề, chúng tôi có danh tính của người khiếu nại mà, giờ chỉ đơn giản là cần ai đó củng cố thêm thôi.”

“Vậy sao.” Cô ấy vừa nói vừa đặt tách trà xuống. “Xin lỗi, tôi thực sự cần phải đi rồi, hơn nữa tôi không nghĩ mình còn gì để bổ sung nữa.”

Cô ấy đứng dậy. “Cảm ơn vì những lời chia sẻ hữu ích.” Tôi đứng lên theo vào nói. Rõ ràng là tôi đã đánh mất lòng tin của cô gái này rồi nhưng vẫn muốn cố thử một lần cuối xem vận may của mình đến đâu. “Một điều cuối cùng thôi, theo như cô biết thì Nick Pruitt có sở hữu súng không?”

Cô ấy nghe vậy thì lắc đầu, trong lúc đang khoác lên mình chiếc áo to sụ. “Tôi nghĩ là không,” cô ấy nói, “trừ những khẩu súng cổ ra, nhưng tôi không nghĩ là chúng còn hoạt động được đâu.”

“Súng cổ sao?”

“Anh ta thích sưu tầm súng, không phải để bắn. Những khẩu lục ổ quay kiểu cũ, bất kỳ thứ gì giống như trong những bộ phim trinh thám cổ điển. Chỉ là sở thích mà thôi.”

Cô phục vụ đặt bia của chúng tôi xuống bàn. Một chai Stella cho Marty còn của tôi là Belhaven. Chúng tôi ngồi ở một gian riêng phía cuối quán Jack Crow’s Tavern, có cảm giác như một căn phòng bé tí tẹo gợi tôi nhớ tới những băng ghế dài ở Nhà thờ Old South.

Hai chúng tôi nhấp một ngụm bia. “Gặp nhau vui nhỉ, Marty” Tôi nói. Thực ra tôi cũng mới gặp anh ấy gần đây thôi nhưng không hiểu sao trông Marty có vẻ già hơn, mái đầu đỉnh bạc trắng trông có vẻ thưa thớt và làn da cũng lấm tấm đồi mồi. Bàn tay to với những khớp ngón tay sưng và co quắp bất thường giống như bị viêm khớp vậy.

“Tôi đã quên bếng về chỗ này rồi đấy.” Anh ấy vừa nói vừa nghiêng người ra nhìn quầy bar tấp nập. “Lần cuối cùng mình đến đây chúng ta đã có một bữa nachos ra trò với mâm cải bó xôi nhỉ.”

“Thật á?” Tôi nói. “Sao tôi không nhớ nhỉ?”

“Tôi không bao giờ quên được. Ai đời lại cho cải bó xôi vào nachos chứ?”

“À nhớ ra rồi.” Tôi nói. “Thôi hôm nay hãy bỏ qua món đó nhé, chỉ uống bia thôi.” Hai chúng tôi cụng ly.

“Anh tìm được gì mới không?” Tôi hỏi. Tôi đã suy nghĩ này giờ xem có nên nói với anh ấy rằng tôi cũng mò được một chút thông tin về Nick Pruitt hay không, đặc biệt là về bộ sưu tập súng cổ kia nữa, nhưng mà vẫn còn ngần ngại.

“Có thêm được một chút.” Marty nói. “Không biết có nên công chuyện gì không nhưng gã đó không tốt lành gì đâu. Nick Pruitt ấy”

“Không á?”

“Ừ, tay này bị bắt hai lần rồi, một lần do lái xe trong lúc say xỉn và một lần là say rượu gây rối sau khi tham gia tình nguyện vào đêm Giáng Sinh. Người ta bắt tận tay gã đang trộm một hộp nến giáng sinh mà người ta hay đem phát miễn phí ấy. Còn nữa, gã đang gánh hai cái lệnh hạn chế tiếp xúc. Chờ chút.” Anh ấy thò tay vào trong túi áo khoác len và lấy ra một sổ tay gáy xoắn và cặp kính đọc sách. “Người thứ nhất là Jodie Blackberry - ở Michigan, sau khi tốt nghiệp đại học. Cô ấy khai rằng mình phát hiện ra gã này nhìn trộm cửa sổ phòng mình và bám đuôi mọi nơi mọi lúc trong trường. Người thứ hai thì gần đây hơn nhiều, tầm ba năm trước thôi, do Jillian N-G-U-Y-E-N đệ trình. Thôi không cố phát âm tên họ người ta nữa nhé. Cũng vì lý do tựa tựa như vậy. Cô người yêu cũ nói rằng anh ta không chịu để mình yên. Gã đột nhập vào nhà cô ấy.”

“Vậy là không có tiền án bạo lực nào nhỉ? Không có gì dính dáng đến súng đạn sao?”

“Không có, nhưng thế lại hợp lý, không phải sao? Nếu như tay Nick Pruitt này muốn Chaney chết thì gã sẽ cần người khác làm điều đó. Tay này không thực sự là kẻ giết người dù rõ ràng là một gã hay nhìn trộm và nghiện rượu quắc cần câu. Hơn nữa, tôi kiểm tra bằng chứng ngoại phạm của hắn rồi, chắc như định đóng cột luôn.”

“Bằng chứng ngoại phạm trong thời gian Norman Chaney tử vong ấy hả?”

“Đúng vậy” Marty nhìn xuống sổ một lần nữa. “Đó là tháng Ba năm 2011. Nick Pruitt đang ở California tham dự buổi họp mặt gia đình. Kiểm chứng xong xuôi hết rồi, nhưng như tôi đã nói đấy, tôi không tin tay này là người có thể đánh em rể đến chết được, nhưng có thể tìm người làm chuyện đó thay mình. Cũng có thể là gã chỉ nhờ ai đó đến dẫn mặt Chaney thôi rồi người kia lỡ tay. Dù thế nào đi nữa thì gã cũng thoát án trót lọt. Tôi đoán là nếu mình thực sự muốn biết sự thật thì chỉ có cách bắt hắn tự nói ra thôi, kiểu tự thú ấy. Tôi biết thừa kiểu mấy thằng cha này, mình răn tí thôi có lẽ hắn sẽ bỏ cuộc và khai ra hết. Không gợi ý gì nhé, đang nói chơi thôi”

“Hiểu rồi.” Tôi nói. “Không, tôi chỉ cần thông tin thôi. Cảm ơn nhiều, Marty, thông tin có ích lắm.”

“Không, tôi phải cảm ơn cậu mới đúng. Tôi thực sự đã cảm thấy mình có ích, lần đầu tiên trong không biết từ bao giờ nữa. Bên FBI vẫn đang hỏi cậu về vụ án của Chaney à?”

Tôi uống một ngụm lớn, phân vân, lại một lần nữa không biết nên cho Marty biết tới đâu. “Dạo này thì không thấy nữa.”

Tôi nói. “Có vẻ là nó liên quan đến một bản danh sách tôi viết cho tiệm Old Devils từ cả trăm năm trước rồi.”

“Vậy ý hả?”

“Ừ, anh lên coi blog của tiệm bao giờ chưa?”

“Tôi còn đếch biết được cái blog là cái quỷ gì kìa. Marty nói.

“Tôi không viết nữa rồi nhưng hồi mới vào làm ở Old Devils tôi vẫn hay lên đó để viết những bài viết ngắn nhận xét về sách mới, liệt kê tác giả ưa thích, kiểu kiểu vậy. Tôi có viết một bài về tám vụ giết người hoàn hảo trong truyện trinh thám và có ai đó ở bên FBI thấy được mối liên hệ giữa bản danh sách của tôi và mấy vụ án chưa phá được diễn ra trong thời gian gần đây, nên là tôi không nghĩ là FBI sẽ quay lại đâu?”

“Bên đó hỏi cậu về vụ nào ấy?” Anh ấy nói, rõ ràng đang rất hứng thú.

“Một chuỗi mấy vụ án ở Connecticut, nạn nhân được tìm thấy trên đường tàu. Với cả họ hỏi tôi xem cái cô dẫn chương trình đó, Robin...”

“Robin Callahan, chắc chắn rồi.” Anh ấy nói. “Lão chồng làm đấy, tôi không thể tin được là tay này vẫn chưa bị bắt.”

“Anh biết về vụ đó hả?” Tôi hỏi.

“Tôi không biết, nhưng , ờ, cô ta là người đã viết quyển sách gì mà ngoại tình có ích cho hôn nhân mà, nên nghi ngờ ông chồng là hung thủ cũng hợp lý thôi, đúng không?”

Tôi bật cười. “Ồ đúng rồi nhỉ, tôi phản ứng thái quá mất rồi.”

“Tôi không biết cậu có phản ứng thái quá hay không nhưng có vẻ bọn họ thì có đấy. Bên kia hỏi cậu về cả mấy vụ án này hả?”

Tôi có thể thấy rằng Marty đang ngày càng trở nên hứng thú hơn và tôi không hề muốn lôi anh ấy vào vụ này. Anh ấy làm tôi liên tưởng đến một con cún và khúc xương, nếu mà tôi tiết lộ về kẻ bắt chước các vụ án bây giờ thì chắc chắn anh ấy sẽ bắt đầu điều tra, đã thế anh ấy còn biết đến cái tên Norman Chaney rồi.

“Bọn họ chỉ hỏi xem liệu tôi có dính dáng gì tới mấy vụ đó không thôi, Norman Chaney này, gã gì đó ở Connecticut, rồi Robin Callahan. Tôi đã phủ nhận rồi. Tôi hỏi anh về vụ của Norman Chaney vì không hiểu tại sao họ có vẻ quan tâm nhiều đến vụ đó, Thực lòng mà nói thì chắc không có gì đâu. Ít nhất tôi hy vọng là không có gì. Con gái anh vẫn sẽ đến chơi hả?”

“Cậu cho những quyển nào vào trong danh sách thế.” Anh ấy hỏi, tảng lờ câu hỏi của tôi về Cindy.

Tôi giả vờ như mình khó khăn lắm mới nhớ lại được và nói cho anh ấy tên sách và bỏ qua cuốn *Người lạ trên tàu*. Marty rút cuốn sổ tay be bé ra ghi lại như mọi khi, anh ấy lúc nào cũng mang theo để ghi lại mấy đầu sách được giới thiệu.

“*Sát nhân A.B.C.* à?” Anh ấy nói. “Nghe có vẻ thú vị đấy. Độ này tôi thích đọc truyện của Agatha Christie hơn James Ellroy. Không biết tại sao, chắc là độ này tôi mềm yếu đi rồi.”

“Dạo này anh đọc Agatha Christie ấy hả?”

“Ừ, thì cậu bảo tôi đọc còn gì? Mới đọc xong cuốn *Ten little Indians*.”

“Và rồi *chẳng còn ai* (*And Then There Were None*) chứ?” Tôi bật thốt. Đó là cái tên được dùng cho các bản tái bản sau này cho đỡ nhay cảm.

“Ồ đúng, quyển đó đó. Đây mới gọi là vụ án hoàn hảo chứ, thế mà tên sát nhân lại không chịu học theo”

“Ý ông là giết người xong rồi tự sát luôn à?” Tôi nói. Tôi không hề nhớ rằng mình đã dặn anh ấy đọc Agatha Christie nhưng chắc là do tôi quên mất thôi.

Chúng tôi gọi một cốc bia khác và nói chuyện về sách, lảng một chút sang chuyện gia đình anh ấy. Marty định rủ tôi ngồi uống thêm châu thứ ba nhưng tôi quyết định ra về. Như mọi khi, tôi thích dành thời gian ngồi với người bạn này nhưng một hồi lâu sau chúng tôi sẽ chẳng còn gì để nói cả, chỉ còn lại cảm giác buồn chán và cô đơn. Tôi luôn thấy rằng khi ở bên người khác, dù không phải là ở một mình nhưng cảm giác cô đơn lại có thể trở nên sâu sắc hơn.

“Cậu có tính làm gì về vụ Nick Pruitt không?” Anh ấy hỏi lúc tôi đang kéo khóa áo khoác.

“Không” Tôi nói. “Chắc là không, trừ khi FBI quyết định nói chuyện lại với tôi về vụ Norman Chaney. Khi đó có lẽ tôi sẽ đề cập đến anh ta, nói rằng mình đã xem xét kỹ lưỡng vụ đó và Pruitt cực kỳ khả nghi.”

“Tôi không muốn tên mình bị đề cập đến đâu.” Marty nói. “Nếu cậu không phiền.”

“Tất nhiên là không. Tôi sẽ không đề cập đến anh đâu. Kiểu như tôi chỉ tò mò thôi ấy, có một chút bối rối khi nghĩ rằng họ bằng cách nào đó lại liên hệ những vụ án này tới bản thân mình thôi.”

“Thế mà tôi cứ tưởng là cậu sẽ nói nó có liên quan đến Nero.” Marty vừa nói vừa dốc nốt chỗ bia còn lại vào miệng.

“Hả?” Tôi hỏi.

“Làm tôi tưởng là bên FBI đến với đồng câu hỏi về Norman Chaney bởi vì con mèo của cậu ở cửa hàng, Nero ấy.”

“Tại sao?” Tôi nói, cố tỏ ra bình tĩnh.

“Tôi đã đọc báo cáo rằng Norman Chaney có một con mèo, màu vàng cam giống như Nero, mất tích sau vụ án. Tôi đọc thấy... rồi nghĩ là có khi đấy chính là lý do.”

“Nghe buồn cười thế?” Tôi nói.

“Nó khá là nổi tiếng đó, Nero ấy, cậu biết không?”

“Tôi biết mà. Chắc phải một nửa số người đến tiệm chỉ là để gặp nó thôi đấy. Emily bảo tôi rằng nó có cả một trang riêng trên Instagram dù tôi chưa thấy nó bao giờ. À mà nó cũng không tới từ Vermont đâu.” Tôi cười, tiếng cười nghe thật giả tạo, ít nhất tôi thấy vậy.

“Chắc tôi sẽ ở lại làm thêm châu nữa.” Marty nói.

Tôi cảm ơn anh ấy một lần nữa và bước vào trong màn đêm. Trong lúc chúng tôi nói chuyện thì nhiệt độ bên ngoài đã tiếp tục giảm sâu. Tôi rón rén bước về nhà, cố gắng né tránh những mảng băng đen thui trên vỉa hè chật hẹp. Khi về đến đầu phố nhà mình, dù không nhìn thấy bóng dáng đang đứng trong bóng đổ của cây bồ đề khô trước cửa nhà nhưng tôi chợt có linh cảm, là cảm giác tôi hay trải qua dạo gần đây, cảm giác bị ai đó theo dõi.

Cô ấy bước ra từ trong bóng tối lúc tôi đến chỗ bậc cầu thang và nói, “Chào Mal.”

Chương 20

“**C**hào, Gwen.” Tôi nói.

“Trông anh không có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi.”

“Không ngạc nhiên lắm, hôm nay tôi có nói chuyện với hai đặc vụ FBI và họ bảo rằng cô đang bị đình chỉ công tác.”

“Anh nói chuyện với ai thế?” Cô ấy vừa nói vừa bước ra dưới ánh sáng đèn đường, hơi thở dồn dập trong đêm lạnh nhưng tôi không chắc mình muốn mời cô ấy vào nhà.

“Tay đặc vụ đến từ New Haven..”

“Berry, đúng không?”

“Nghe này. Tôi không chắc là mình nên nói chuyện với cô vào lúc này đâu.”

“À không, tôi hiểu mà. Tôi không cần gì cả đâu, nhưng ít nhất tôi muốn chúng ta có thể nói chuyện một chút, để giải thích những gì đã xảy ra. Đáng lẽ tôi đã gọi cho anh, nhưng lại không thể làm thế. Mình lên phòng được không? Hay là đi quán nào đó ngồi cũng được, miễn là không đứng hứng gió ngoài trời lạnh như thế này.”

Chúng tôi đi xuôi theo con đường đến phố Charles và được xếp một chỗ ở quán Sevens, mỗi người gọi một chai bia Newcastle Brown Ale. Gwen cởi áo khoác ngoài ra nhưng vẫn quàng chiếc khăn len dày trên cổ, gò má và đầu mũi vẫn đỏ ửng vì lạnh.

“Anh muốn tôi giải thích điều gì không?” Cô ấy nói.

“Cô thật sự bị đình chỉ công tác sao?”

“Đúng vậy. Đang chờ xem xét.”

“Tại sao?”

Cô ấy nhấp một ngụm bia rồi liếm chỗ bọt trên môi. “Khi tôi trình bày những gì chúng ta tìm được với cấp trên của mình... ờm, không phải là tìm được, mà là những giả thiết của tôi rằng có sự liên quan giữa một vài vụ án chưa phá được ở khu vực New England, tôi đã được cảnh báo không nên theo đuổi vụ đó nữa. Sai lầm của tôi là nói ra nguyên nhân tại sao tôi lại tới tìm anh từ đầu. Thực ra là... tôi biết anh từ trước rồi. Tôi biết tên anh, bởi vì ngày xưa tôi có quen vợ anh. Tôi biết Claire.

Đôi mắt cô ấy nhìn về phía tôi nhưng lại không nhìn thẳng vào tôi. “Sao cô lại biết Claire?” Tôi hỏi.

“Bởi vì cha tôi đã từng là giáo viên của chị ấy, hồi trung học, Steve Clifton.”

Tôi cần phải lựa chọn giữa việc giả ngu hay nói thật, ít nhất là phần lớn sự thật. Có lẽ là biểu cảm của cô ấy lúc này đã làm tôi muốn trung thực. Gương mặt sợ hãi của cô ấy cho thấy rằng việc nói thật với tôi cũng chẳng dễ dàng nên tôi quyết định không đáp lại bằng một lời nói dối.

“Có, tôi biết về ông ta.”

“Anh đã biết những gì?”

“Rằng ông ta đã xâm hại Claire trong suốt hai năm thời trung học. Ông ta đã hủy hoại cuộc đời cô ấy.”

“Và chị ấy kể điều đó với anh sao?”

“Đúng.”

“Chị ấy đã kể những gì? Nếu anh cảm thấy phiền thì thôi, tôi hiểu cảm giác của anh mà..” Sự ngập ngừng của Gwen làm tôi càng rõ hơn chuyện này khó khăn thế nào.

Tôi nói, “Thực ra thì chúng tôi cũng không đi sâu vào chi tiết. Cô ấy nhắc đến chuyện đó từ thời gian đầu chúng tôi yêu nhau, nói rằng cô ấy muốn tôi được biết nhưng lúc nào cũng tỏ ra nó chẳng có gì to tát cả, ít nhất khi ở bên tôi là thế.”

Gwen gật đầu. “Anh không cần kể lại chi tiết đâu, tôi hiểu.”

“Tại sao cô không mang họ của ông ta?” Tôi hỏi. “Tại sao không phải là Gwen Clifton?”

“Tất nhiên, tôi đã mang cái tên đó trong nhiều năm nhưng sau này đổi lại một cách hợp pháp theo tên mẹ tôi thời con gái.”

“Cũng có lý.” Tôi nói, rồi bổ sung. “Cô thực sự biết Claire sao?”

“Có, tôi nhớ chị ấy. Tôi nhỏ hơn Claire tầm năm tuổi nhưng chị ấy thường đến nhà tôi học giống như một vài học sinh khác của cha, nhưng tôi nhớ chị ấy nhất vì chúng tôi chơi Boggle cùng nhau suốt. Sau đó thì đến những năm tôi lên phổ thông cha đã thú nhận với tôi những gì ông ấy đã làm, một trong những cái tên ông kể có cả chị ấy.”

“Ông ta kể với cô mọi chuyện sao?”

Gwen mím môi và thở mạnh ra. “Lúc đó chị Claire đã tốt nghiệp rồi, nhưng một hoặc hai sinh viên khác đã tố cáo ông ấy về hành vi đụng chạm không thích hợp. Mọi người đều biết cả. Chúng tôi sống cùng một thị trấn nơi ông ấy dạy học, càng khó xử hơn nữa là tôi cũng theo học trường đó dù ông chưa bao giờ đứng lớp nào có tôi cả. Ông ấy đã từ chức, bị buộc phải từ chức

thì đúng hơn và chắc chắn là đã có dàn xếp về vấn đề pháp lý vì vụ này chưa bao giờ bị đưa ra tòa án. Có thể là do không có đủ bằng chứng chẳng hạn. Một tối nọ ông ấy đến phòng tôi và...”

Cô ấy đưa ngón trỏ dạy lên mắt trái trong giây lát.

“Cô không cần phải kể những điều này với tôi mà.” Tôi nói.

“Ông ấy vào phòng tôi và kể lại tên của tất cả những nữ sinh ông ấy đã từng xâm hại, bao gồm cả Claire, và nói rằng ông ấy làm thế để bảo vệ tôi, rằng ông ấy không muốn làm bất kỳ chuyện gì tồi tệ với con gái mình, nên ông ấy làm thế với những cô gái khác.” Cô ấy nhún vai và mím môi thành một nụ cười nhếch mép.

“Lạy Chúa.” Tôi nói.

“Ừ.” Cô ấy nói. “Thế nên tôi chưa bao giờ quên tên Claire. Tôi vẫn nhớ sau đó khi nghe tin về cái chết của chị ấy, tôi đã đọc cáo phó và từ đó nhớ tên người chồng góa vợ là anh.”

“Còn mối quan hệ giữa cô và cha mình thì sao?”

“Đó là lần cuối cùng chúng tôi nói chuyện với nhau. Sau đó ông ấy bỏ nhà đi, cha mẹ tôi ly hôn và tôi không gặp lại ông ấy lần nào nữa. Cha tôi đã chết, anh biết đấy.”

“Một vụ giết người có chủ đích sao?”

“Không chính thức, nhưng đúng, tôi tin là ông ấy bị giết.”

“Như thế nào? Tại sao lại thế?”

“Anh không biết sao?” Cô ấy hỏi.

Tôi nhắc chai bia lên uống dù nó đã trống không. “Cô cho rằng tôi là hung thủ?”

Cô ấy lại nhún vai và cười mím môi kiểu kỳ cục đó một lần nữa. Sắc đỏ đã biến mất khỏi mũi và gò má cô ấy, tôi lại cảm

thấy khó nhận biết biểu cảm của Gwen như mọi khi bởi vì nó quá nhợt nhạt, đôi mắt nhạt nhòa quá. “Tôi không biết nữa, Mal, nhưng lúc này tôi cũng chẳng biết mình nên tin vào điều gì nữa. Liệu anh có muốn nghe những gì tôi nghĩ không?”

“Có.”

“Thế này, Eric Atwell bị bắn chết. Tôi biết lúc đó anh đang ở nước ngoài nhưng điều đó không có nghĩa là anh không thể sắp xếp thủ tiêu ông ta. Cha tôi bị một chiếc xe tông phải khi đang đạp xe, một vụ gây tai nạn rồi bỏ chạy nhưng tôi luôn cho rằng đó là cố ý trả thù vì những gì ông ấy đã làm. Như vậy cả hai vụ đó đều có thể lý giải được động cơ của hung thủ, nhất là với người chồng của Claire Mallory.”

“Tôi phải thừa nhận rằng mình không cảm thấy tiếc cho ai trong hai người đó đâu.” Tôi nói và cố gắng nở một nụ cười mà tôi chắc chắn rằng trông cũng gượng ép không kém cô ấy.

“Thế nhưng đó là tất cả những gì mà anh thừa nhận sao?”

“Vậy Eric Atwell hay cha cô thì có liên quan gì đến bản danh sách của tôi hay những vụ án khác không?”

“Tôi không biết nữa, có lẽ là không. Sau khi cha tôi qua đời tôi đã nghĩ đến anh một lần, sau đó tôi nghe nói về cái chết của Eric Atwell và nghĩ rằng anh có lẽ có dính dáng tới vụ đó. Tôi không quan tâm, kể cả mình có đang trong quá trình đào tạo đặc vụ của FBI đi nữa. Tôi biết cha tôi đã bị giết và thực sự hy vọng rằng người đó làm vậy là có lý do thay vì chỉ vô tình gây tai nạn rồi bỏ trốn. Tôi muốn cái chết của ông ấy là để chuộc tội, vì trả thù, và tôi tin là thế. Thành thật mà nói chỉ có như vậy tôi mới có thể yên giấc vào ban đêm và tôi đã luôn nghĩ người đó

có thể là anh. Có những cô gái khác là nạn nhân của cha tôi nhưng tôi luôn nhớ tới Claire bởi vì chị ấy rất tốt với tôi. Tôi không bao giờ quên điều đó.

“Và rồi trong khi tìm hiểu về anh, tôi bắt gặp bản danh sách đó, Tôi đã ghi nhớ nó từ rất lâu rồi, trong hàng năm trời nên ngay khi nhìn những vụ án chưa có lời giải tôi ngay lập tức liên tưởng tới nó, tới *Sát nhân A.B.C.* sau khi biết về những chiếc lông vũ được gửi tới đồn cảnh sát.”

“Cô cho rằng tôi đã giết tất cả bọn họ?”

Cô ấy dịch người về đằng trước. “Ồ không, không, không hề. Tôi không biết rõ mình đã nghĩ gì nữa, thật đấy, chỉ biết rằng chắc chắn có gì đó đang xảy ra và nó có thể có liên quan đến cha tôi và anh. Tôi bị ám ảnh về nó, thậm chí đã nghĩ rằng cái chết của cha có liên quan đến *Bí sử*.”

“Tại sao lại thế?”

“Thì bởi vì, nói một cách nào đó thì ông ấy đã lựa chọn cách mình chết rồi.”

“Vì ông ta đạp xe rất nhiều?”

“Đúng thế, ông ấy lúc nào cũng đạp xe, nhất là từ sau khi ly dị và chuyển tới vùng Upstate New York. Cũng không phải tôi nói dựa theo kinh nghiệm đâu mà nó được ghi trong báo cáo của bên điều tra. Ông ấy luôn đạp xe một mình trên những con đường yên tĩnh, bị tông bởi một chiếc ô tô ngược chiều, vì vậy nên tôi mới liên tưởng tới *Bí sử*. Nếu ai đó muốn ông ấy chết thì xuống tay lúc đang đạp xe là quá dễ dàng. Trông nó sẽ giống như một tai nạn, dù là kẻ gây tai nạn đã bỏ trốn thì cũng không có vẻ giống với giết người có chủ đích”

“Cô nói tất cả những điều này với sếp hả?”

“Ban đầu thì không, tôi chỉ trình bày về bản danh sách của anh và những mối liên kết của nó tới mấy vụ án dính dáng đến chim chóc và Bill Manso ở Connecticut, rồi nói lên nguyện vọng muốn phụ trách điều tra mấy vụ đó nhưng ông ấy không đồng ý. Sau đó tôi đã phạm sai lầm và đề cập đến rằng nó có liên hệ tới cái chết của cha tôi. Chính vì thế mà tôi bị cấm điều tra thêm và các đặc vụ khác sẽ tiếp quản nếu họ cảm thấy phù hợp. Tuần trước tôi đã sử dụng ngày nghỉ phép năm để đến gặp anh, cả chuyến đi tới Rockland cũng thế. Có ai đó ở văn phòng địa phương đã liên lạc tới văn phòng chỗ tôi thay vì liên hệ trực tiếp nên tôi bị lộ và bị đình chỉ. Nếu như bây giờ mà họ biết tôi ở đây, tôi chắc chắn sẽ bị sa thải.”

“Vậy tại sao cô lại ở đây?”

“Tôi nghĩ là..” Cô ấy nói, rồi ngập ngừng. “Tôi nghĩ rằng mình nợ anh sự thật, hoặc cũng có thể là tôi đang cảnh báo anh nữa. Họ biết mọi điều tôi biết. Anh thuộc dạng tình nghi đấy.”

“Chắc cô cũng cho rằng tôi là một nghi phạm nhỉ?”

“Tôi không biết mình phải nghĩ gì bây giờ nữa. Liệu có phải anh đã giết chết Elaine Johnson không? Hay Bill Manso, Robin Callahan? Hay Ethan Byrd? Tôi không nghĩ vậy, nhưng đó chỉ là cảm giác của riêng tôi mà thôi. Tôi biết anh không nói cho tôi biết toàn bộ sự thật. Nếu phải nghĩ ra một giả thuyết thì nó nghe sẽ rất là ngớ ngẩn, nhưng tôi nghĩ là anh thuyết phục được ai đó giúp mình xử lý Eric Atwell, có thể là cả cha tôi nữa, và giờ thì người này... dù kẻ đó là ai..”

“Charlie, nhớ không?” Tôi nói.

“Đúng vậy, Charlie. Nghe này, tôi đã thức trắng mấy ngày nay rồi. Tôi muốn nói chuyện với anh, và giờ tôi đã thỏa nguyện. Tôi không thể dấn dằng tới quá trình điều tra vụ này nữa, cũng muốn cứu vãn sự nghiệp của mình nên liệu tôi có thể nhờ anh giữ bí mật cuộc gặp mặt này không?”

“Tất nhiên rồi.”

Cô ấy nhấp thêm một ngụm bia, vẫn còn ba phần tư chai nữa. “Và nếu như anh có bất kỳ liên quan gì tới cái chết của cha tôi...”

“Không hề.”

“Nếu như anh có... làm ơn hãy biết rằng đã không còn người nào còn sống trên đời này tiếc thương cho cái chết của ông ấy nữa.”

Cô ấy đột ngột đứng lên, đập cả đùi vào cạnh chiếc bàn chúng tôi đang ngồi.

“Cô không sao chứ?” Tôi hỏi.

“Tôi khỏe, chỉ kiệt sức thôi.”

“Giờ cô định làm gì?”

“Tôi sẽ lái xe về nhà và cố gắng quên đi tất cả những chuyện này.”

Tôi tiễn cô ấy ra xe, tự hỏi không biết mình có nên để cô ấy ngủ trên ghế sofa trong phòng mình không nhưng rõ ràng đó là một ý tưởng tồi tệ vì rất nhiều lý do. Hơn nữa tôi không nghĩ Gwen sẽ chấp nhận, cũng không chắc rằng mình ổn với sự hiện diện của cô ở đó. Cô ấy đã giấu tôi nhiều điều, tôi cũng không chắc rằng những lời vừa rồi hoàn toàn trung thực.

Tới chỗ chiếc Equinox đang đỗ ở gần khách sạn Flat of the Hill, chúng tôi đứng một lúc trong tiếng gió rít gào. Gwen đã bắt đầu rùng mình. “Anh vẫn đang đọc lại những cuốn sách đó sao?” Cô ấy hỏi.

“Tôi đang đọc *Bí sử* đấy.”

“Tự nhiên tên tựa sách đó gợi ra cảm giác hoàn toàn khác nhỉ?”

Tôi bật cười, “Có thể coi là vậy.”

“Anh phát hiện ra điều gì mới không?”

“Từ mấy cuốn sách ấy hả?”

“Từ bất cứ điều gì.”

“Tôi có thể chia sẻ với cô một điều này không? Nhưng cô phải cố gắng giữ bí mật hết sức có thể, trừ phi bắt buộc phải nói ra.

“Tôi đáng ra không được phép ở đây và nói chuyện với anh đâu, nên là, ờ, anh không cần phải lo về vụ đó đâu.”

“Được rồi”. Tôi nói. “Chỉ có một cái tên khả nghi thôi, tôi sẽ không nói mình tìm ra bằng cách nào đâu nhưng nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, có lẽ cô nên để ý đến một người tên là Nicholas Pruitt.”

Gwen nhắc lại cái tên một lần nữa và tôi đánh vần cho cô ấy chốt lại.

“Anh ta là ai?”

“Một giáo sư ngành Ngôn ngữ Anh. Có lẽ là không có gì đâu, nhưng...”

“Được rồi.” Cô ấy nói. “Hy vọng là anh sẽ không xảy ra chuyện gì và tôi sẽ không cần phải điều tra về gã này”

Chúng tôi chào tạm biệt, không có cái ôm, không có cái bắt tay nào. Sau đó tôi quay về căn hộ, vừa đi vừa nghĩ về mọi thứ mình vừa được nghe.

Hai mươi phút sau khi về tới nhà, mắt tôi vẫn thao láo, tôi đã cân nhắc đến việc lái xe đến New Essex và đối đầu với Nick Pruitt ngay đêm hôm đó. Tôi đã mò được địa chỉ của anh ta nhờ việc tìm kiếm trên một trang mạng kiểu như phiên bản số của cuốn danh bạ điện thoại vậy và tìm thấy địa chỉ nhà trên Zillow - một trang đăng ký giao dịch bất động sản. Nick Pruitt sống độc thân trong một căn nhà ở ngoại ô New Essex, trong một khu phố gần trường đại học. Tôi chỉ cần tới trước nhà, gõ cửa thôi. Nếu Nick là Charlie, tôi gần như chắc chắn rằng khi nhìn thấy tôi anh ta sẽ biết mọi chuyện đã đổ bể. Như thế tôi có thể chỉ cần nói chuyện, tìm hiểu những gì anh ta muốn, yêu cầu anh ta dừng tay. Nhưng nếu tôi đến vào đêm nay, ai biết được anh ta sẽ phản ứng như thế nào đây? Ai biết được liệu anh ta có đang ở một mình hay không?

Tôi quyết định lái xe tới New Essex vào sáng sớm ngày hôm sau, lượn quanh ngôi nhà, theo dõi anh ta một chút. Có lẽ tôi có thể tìm ra được điều gì đó làm lợi thế đàm phán chẳng?

Chương 21

Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường tới New Essex, tôi tạt qua Old Devils một lát. Nero đi lên từ dưới tầng hầm qua cánh cửa dành cho mèo để đón tôi như thường lệ. Nó bước đi hiên ngang, ngẩng cao đầu. Tôi bế nó lên và ôm vào trong lòng mình, gỡ gỡ dưới cằm nó. Đã nhiều lần tôi tự hỏi lòng mình rằng việc cứu nó lúc đấy có đáng không? Tôi tin là có. Tôi không biết rằng liệu có cách nào có thể cân đong đo đếm được sự hạnh phúc của một con vật hay không, nhưng tôi tin rằng nó ưa thích cuộc sống trong tiệm sách này. Tôi đặt nó xuống, nhặt mấy sợi lông mèo bám lại trên chiếc áo len. Không biết người ta có thu lấy những sợi lông mèo trong nhà của Norman Chaney ở Tickhill trong quá trình điều tra hay không? Họ có coi nó là bằng chứng quan trọng hay thừa thãi? Tôi không biết nữa.

Tôi để lại một tờ giấy với danh sách những điều cần làm cho Emily và Brandon rồi lại bước ra ngoài trong cái lạnh buổi sáng.

Hơn một tiếng sau tôi đã ở New Essex, đỗ chiếc xe xuôi theo lề đường đối diện nơi Nick Pruitt sinh sống, một ngôi nhà nhỏ hình vuông với mái nhà hai mảng. Giờ mới tám giờ sáng và tôi cảm thấy lộ liễu khi xe mình là chiếc duy nhất đỗ bên lề đường. Phố Corning hầu như chỉ có nhà dân, mỗi căn đều có đường lái xe riêng biệt, chỉ có một cửa hàng duy nhất cách đó cả trăm thước. Tôi quay đầu xe, đỗ ở đó rồi tắt máy, vẫn có tầm nhìn khá

lý tưởng về hướng nhà của Pruitt, lại có thể lấy cớ là mình chuẩn bị vào mua đồ nếu có ai đó hỏi tại sao tôi lại dừng xe ở chỗ này.

Hơi nước bắt đầu bốc lên bám trên kính xe, tôi lau một mảnh nhỏ ở dưới góc bên phải để có thể thuận lợi quan sát căn nhà trong khi ngả ghế nằm dài thườn thượt. Tôi nhấp từng ngụm cà phê từ chiếc phích giữ nhiệt mang theo. Trên lối vào căn nhà của Pruitt là một chiếc xe thể thao, có lẽ là dòng Porsche - nhưng điều đó cũng chẳng chứng minh được là gã đang ở nhà. Pruitt làm việc ở một trường đại học chỉ cách đó vài dặm nhà thôi và có thể dễ dàng đi bộ đến trường nếu sáng nay có lớp.

Trong lúc chờ đợi, tôi nhẩm lại bản danh sách của mình trong đầu, kết nối chúng với những vụ giết người đã biết. Trừ khi Gwen Mulvey đã bỏ lỡ vụ nào đó thì Charlie đã bắt chước thành công bốn quyển trong số tám vụ giết người hoàn hảo, có lẽ là năm. Vụ đầu tiên với đồng phạm là tôi, Eric Atwell và Norman Chaney - vụ tráo đổi mục tiêu như cuốn *Người lạ trên tàu*. Sau đó Charlie học theo tình tiết của cuốn *Sát nhân A.B.C.* và giết hại những người có cái tên liên quan đến chim chóc. Bill Manso bị giết bởi cùng ý tưởng trong quyển *Khoản bồi thường gấp đôi*. Elaine Johnson đã bị giết cùng cách với người vợ trong *Bầy tử vong*. Có thể nào Steven Clifton cũng đã ra đi với phương thức của *Bí sử* hay không? Làm thế nào mà Charlie lại biết về Clifton được? Nhưng mà, đương nhiên là gã có thể biết chứ. Hẳn biết về tôi, về vợ tôi thì tìm hiểu được rằng Claire Mallory có một gã giáo viên trung học phải nghỉ việc vì có hành vi

không đứng đắn với học sinh có gì khó đâu? Nghe có vẻ xa vời nhưng đâu phải là bất khả thi đâu nhỉ? Vậy là còn ba quyền nữa, ba vụ giết người. *Bí ẩn ngôi nhà đỏ, Kế hoạch hiểm độc và Chết trong làn nước* nữa. Tôi nghi ngờ một hoặc hai vụ trong số này đã diễn ra rồi nhưng cũng chỉ là nghi ngờ mà thôi.

Tầm mười một giờ, tôi bước ra khỏi xe, vươn vai cho đỡ mỏi rồi đi vào trong cửa hàng tiện lợi. Đây là kiểu tiệm tạp hóa có bán sữa và những đồ dùng cơ bản nhưng doanh thu chủ yếu đến từ vé xổ số và thuốc lá. Tôi mua một thanh ngũ cốc cùng một chai nước bụi bặm từ người đàn ông ngồi sau bàn thu ngân và trả bằng tiền mặt. Lúc quay trở lại xe, tôi nhìn thấy một người phụ nữ trẻ mặc quần bò và đi đôi boot cao tới đầu gối đang bước tới cửa chính nhà Pruitt. Tôi vừa hay ngồi vào ghế lái lúc cô ấy nhấn chuông cửa. Tôi lấy tay lau kính chắn gió để quan sát người phụ nữ kia trong lúc cô ấy đang rung chân chờ đợi. Cô ấy lại bấm chuông thêm một lần nữa, sau đó thủ gõ cửa rồi nhìn chằm chằm qua một trong những tấm kính hình chữ nhật gắn trên cửa. Hồi lâu sau, cô gái bỏ cuộc, nhìn vào điện thoại của mình rồi quay lưng đi ngược lại lối cô vừa bước đến.

Tôi ra khỏi xe và bắt đầu đi theo cô, cho rằng nếu cô gái đang muốn tìm Nick Pruitt thì tôi có thể đi theo và sẽ gặp được Nick Pruitt ngay khi cô ấy tìm thấy gã. Cô gái bước rất nhanh, có lúc gần như chạy nên tôi cũng tăng tốc. Đến cuối con phố nhà Pruitt, cô ấy rẽ vào đường Gloucester, leo lên một con đồi thấp tới trường Đại học New Essex và cuối cùng đi vào một tòa nhà hai tầng xây ở rìa khuôn viên trường. Bên dưới mái hiên là tấm biển ghi *Hội trường*. Tôi chạy tới chỗ cánh cửa đôi bằng kính,

đẩy cửa và bước vào một lối đi kiểu tiền sảnh, bắt gặp bóng dáng người phụ nữ đang dần khuất bóng ở phía xa, đôi bốt gỗ lộp cộp trên hành lang về bên trái. Một người đàn ông râu ria ngẩng đầu lên nhìn tôi từ phía sau quầy thông tin, tôi mỉm cười và gật đầu như thể đã nhìn thấy ông ta cả trăm lần rồi vậy. Tôi theo chân người phụ nữ xuôi theo hành lang rộng phủ trong ánh sáng đèn huỳnh quang. Cô ấy vừa bước vào trong cánh cửa thứ ba bên tay trái. Nhìn lên tấm biển nhỏ, tôi biết rằng cô ấy vừa vào lớp 1C. Qua lớp cửa sổ thủy tinh, tôi có thể thấy những hàng ghế cong như trong sân vận động, khoảng mười hai đứa học sinh nằm dài trên bàn học. Tôi đẩy cửa và bước vào trong, ngồi xuống hàng ghế cuối lớp. Nó là một căn phòng lớn dốc về phía trước, có sức chứa khoảng một trăm sinh viên và sáu mươi phần trăm trong số đó đã có người ngồi, theo như tôi ước lượng. Cô gái tôi đi theo này giờ đã cởi chiếc áo parka đen trên người cùng chiếc mũ len và đang đứng trên chỗ bục giảng với vẻ lo lắng.

“Thật không may,” cô ấy lên tiếng, “Giáo sư Pruitt sẽ không thể tham gia lớp học ngày hôm nay. Tôi sẽ ở đây cho đến hết tiết để trả lời những câu hỏi các em đặt ra. Nếu không có thông báo thay đổi thì tiết học vào sáng thứ Sáu vẫn sẽ diễn ra như thường lệ và bài tập về nhà môn Kỹ năng đọc cũng không có gì thay đổi cả.”

Cô ấy mới nói được một nửa thì đám sinh viên đã bắt đầu cất máy tính vào trong ba lô và mặc áo khoác lên rồi. Tôi cũng đứng dậy, nhanh chóng rời khỏi phòng và bước ra hành lang để ra bên ngoài, hy vọng rằng sự hiện diện của mình không quá rõ

ràng trong mắt bất kỳ ai. Tôi lang thang xung quanh và ngồi xuống một chiếc ghế dài nhìn ra Đại Tây Dương - một dải màu xám đen bên dưới bầu trời xám xịt như chì. Tôi ngồi đó một lúc, nhích qua nhích lại cho đến khi tìm được một góc có thể thấy được phía trước của hội trường. Đám học sinh đang tràn ra ngoài trong vội vã như sợ giáo viên của mình đột nhiên xuất hiện và cả đám sẽ mất tiêu buổi sáng được nghỉ bất ngờ.

Không khó để đoán được chuyện đã xảy ra. Pruitt không lên lớp, cũng không trả lời điện thoại và tin nhắn. Trợ giảng của gã phải chạy tới tận nhà để xem liệu tay giáo viên này có ở nhà hay không. Tôi có một linh cảm tồi tệ nhưng cố gắng dè nó xuống, cho rằng Pruitt chỉ đơn thuần là say rượu hay gì đó thôi, ít nhất thì nó cũng hợp lý với những gì Jillian Nguyen đã nói. Có lẽ Pruitt vẫn còn đang vật vã sau cơn say, có lẽ mấy chuyện này cũng không hiếm khi xảy ra nên cô trợ giảng đã quen việc đôi khi phải đến tận nhà gõ cửa giục gã đi làm.

Tôi vẫn nhìn về hướng hội trường, tò mò không biết cô trợ giảng sẽ làm gì sau khi rời tòa nhà, liệu cô ấy có quay lại nhà của Pruitt hay không? Sau đó tôi nhớ ra rằng cô ấy sẽ ở lại trong lớp cho đến khi hết tiết. Tôi đứng dậy, bắt đầu đi xuôi xuống con dốc hướng về con phố nhà Pruitt. Cơ thể tôi đang mong muốn được trở lại xe và về nhà. Chắc chắn là có chuyện đã xảy ra rồi. Trong đầu tôi bất chợt nảy ra một câu thơ - rằng *someone is dead, even the trees know it* (ai đó ra đi, đến từng ngọn cỏ lá cây cũng tỏ tường). Mất một lúc tôi mới nhớ ra đó là một câu thơ của Anne Sexton, trong một bài thơ viết về lúc một trong hai đứa sinh thành của cô qua đời, tôi nghĩ vậy. Tôi vừa đi vừa nhìn lên

hàng cây trồng hai bên đường con phố Corning. Tất cả đều khẳng khiu trơ trọi, đương nhiên rồi, chỉ là những hình hài đen đúa như vết bút chì ngang dọc vẽ trên nền trời xám xịt. Thật khó để tưởng tượng ra cảnh lá xanh um tùm khi hè đến. Phải rồi, có ai đó đã ra đi, nhưng chỉ biết thế thôi thì chưa đủ.

Đến nhà của Pruitt, tôi đi tắt qua đường lái xe, đi ngang qua chiếc xe của anh ta, đeo găng tay vào và mở chốt cánh cửa gỗ dẫn vào sân sau có hàng rào. Tuyết rơi đầy khoảng sân vuông, có một chiếc lò nướng ngoài trời nằm bên dưới tấm bạt, ngoài ra không còn gì nữa cả. Lá rụng không được gom lại tích tụ thành đồng dưới chân hàng rào phía xa đã ngả màu đen sì. Tôi leo lên ba bậc thang dẫn đến một bậc thêm nhỏ và cửa sau. Nhìn qua khung cửa sổ, tôi có thể thấy một nhà bếp sàn lót vải kẻ ca rô, xa hơn một chút là một chỗ trông giống phòng ăn với chiếc bàn dài. Cửa khóa, tôi gõ lên tấm kính, đang định đập vỡ kính cửa sổ thì nhận ra có một hàng chậu cây cũ nằm trên bệ cửa. Tôi lom khom nhắc từng chậu cây lên và tìm thấy một chiếc chìa khóa màu bạc dưới chậu cây hương thảo. Tôi nhón nó lên bằng bàn tay bọc găng kín mít, nó vừa khít vào ổ khóa cửa sau. Bước vào bên trong, tôi hô lên “Xin chào!” trong căn nhà trống trơn, chờ đợi tiếng trả lời không bao giờ tới. Tôi bước qua căn bếp gọn gàng để tới phòng ăn, chậm rãi, rón rén chờ cho đôi mắt dần thích nghi với không gian mờ tối. Tất cả rèm cửa đều được đóng kín. Từ phòng ăn tôi có thể nhìn ra được sảnh chính của ngôi nhà, tới một chiếc sofa dài. Pruitt ngồi đó, trên một đầu chiếc ghế dài, chân đặt trên sàn, tay đặt trên đùi, đầu ngả hết cổ ra sau, tựa vào đệm ghế. Anh ta đã chết, chỉ

nhìn lướt qua thôi tôi đã biết chắc chắn điều đó rồi, thân hình bất động trong khi cổ căng ra và đầu nằm ở một tư thế cực kỳ không thoải mái.

Tử trạng của Pruitt làm cho tôi khó chịu, nhưng càng làm tôi sốc nặng hơn là sự thật Pruitt không phải là Charlie. Tôi đã chắc chắn, và tôi đã nhầm. Vẫn có một khả năng rất nhỏ là Pruitt đúng là Charlie và chính mặc cảm tội lỗi sau những vụ sát nhân đó đã khiến anh ta uống rượu đến chết nhưng trong thâm tâm tôi biết sự thật không phải như thế. Pruitt đã bị Charlie giết chết, kẻ sát nhân đã đi trước tôi cả chục bước rồi.

Trong phòng có mùi rượu whiskey gay mũi, tôi nhìn thấy cái chai nằm lăn lóc trên sàn, nghiêng nghiêng về phía tấm thảm Ba Tư mỏng. Nó bắt được chút ánh sáng lọt vào phòng, vòng dây thép hình tam giác trên cổ chai lóe lên lấp lánh. Tôi nhận ra hãng rượu này, một chai whiskey Scotland, nhưng không nhớ được cái tên chính xác. Có một mùi khác nữa, một thứ mùi làm tôi nhớ tới bệnh viện. Tôi tiến lại gần hơn một chút, tới chỗ khung cửa và từ đây có thể nhìn thấy rõ ràng trên áo len của Pruitt có một vết nôn đã khô lại. Tôi sẽ không tiến vào sâu thêm trong căn phòng chứa thi thể của Pruitt nên chỉ đứng đó và quan sát xung quanh. Không ngạc nhiên khi ở đây có khá nhiều giá sách, trong góc là một chiếc ti vi màn hình phẳng khá lớn cùng một thứ trông giống như hệ thống âm thanh nổi kiểu cũ. Trên bức tường phía trên ghế sofa là một tấm áp phích quảng cáo được đóng khung về vở kịch *Câu chuyện mùa đông* (*The Winter's Tale*) của Shakespeare, bao gồm đường nét của một con gấu đội vương miện. Tôi thấy rằng

ngoại trừ chai rượu nằm dưới sàn ra thì trong căn phòng này lại không có dấu hiệu của rượu bia. Từ từ bước lùi về nhà ăn và nhà bếp, tôi nhìn xung quanh tìm kiếm nhưng không thấy một chai rượu nào. Tôi mở tủ lạnh ra, bên trong thưa thớt, có một bịch sáu lon bia ở ngăn trên cùng nhưng sau khi nhìn kỹ tôi nhận ra đây là bia không cồn. Tôi đóng tủ lạnh lại, tự hỏi liệu có đáng đi quanh nhà xem xét thêm chút nữa hay không. Ở lại thêm có thể là hành vi ngu ngốc. Tôi biết những gì đã diễn ra ở đây, đương nhiên, mặc dù chưa hoàn toàn hình dung được quá trình. Nó mô phỏng cuốn *Kế hoạch hiểm độc*. Người phụ nữ trong truyện là một con nghiện thuốc phiện tử vong do sốc thuốc quá liều, làm mọi thứ trông như tai nạn vậy. Pruitt rõ ràng đang trong quá trình cai nghiện đồ uống có cồn, nhưng bằng cách nào đó Charlie bắt anh ta uống rượu trở lại, đến mức ngộ độc chết người - ít nhất là khiến cho hiện trường trông giống như vậy.

Những âm thanh ríu rít như tiếng đế kêu bỗng vang lên khắp căn bếp làm tôi nhảy dựng, tim đập thình thịch như chạy marathon. Là chiếc điện thoại đang cắm sạc bên cạnh máy nướng bánh mì đặt trên bàn bếp đang đổ chuông. Tôi lại gần và nhìn vào màn hình, cuộc gọi đến từ Tamara Strahovski. Tôi đoán đó là tên của cô trợ giảng. Bao lâu nữa thì cô ấy sẽ gọi cảnh sát nhờ kiểm tra tình hình nhỉ? Tôi không thể nào biết được. Năm phút thôi, tôi quyết định mình sẽ nhìn lướt qua cả căn nhà xem có gì khả nghi nữa không.

Phòng bếp có hai cánh cửa, một cái dẫn vào phòng ăn nên tôi bước qua cái còn lại. Nó dẫn ra hành lang phía sau, một nhà tắm nhỏ và căn phòng có vẻ được Pruitt sử dụng làm phòng

làm việc, bên trong có một chiếc bàn, chiếc máy tính xách tay để mở và thêm nhiều giá sách nữa. Hầu hết những giá sách này chứa đầy những bản in của cuốn *Little Fish* mà anh ta đã viết. Tôi đã ghé qua nhà của Brian Murray đôi lần rồi nên tôi biết rằng tác giả sẽ có suất sách tặng mỗi lần tái bản nhưng số sách ở đây là quá nhiều. Những cuốn *Little Fish* chất đầy hai giá sách và đặt thành từng chồng trên sàn phải đến hàng trăm cuốn. Tôi không biết có phải anh ta mua sách của chính mình để tăng doanh số bán ra hay không nữa. Tôi nhanh chóng ra khỏi phòng làm việc và đi dọc theo hành lang dẫn đến cầu thang lên tầng. Tôi đi lên, nhìn vào phòng ngủ của Pruitt, lộn xộn hơn bất kỳ phòng nào bên dưới và cũng ít đồ đạc hơn. Có một đồng quần áo vương vãi trên sàn nhà, giường chiếu ngổn ngang và thêm một tấm áp phích vẽ tay khác được đóng khung trên tường, lần này là vở *Twelfth Night*. Tấm này thì dễ nhìn hơn với dòng chữ “một sản phẩm của Nhà hát Cộng đồng New Essex” và “Giám đốc sản xuất: Nicholas Pruitt”. Trước khi rời đi, tôi nhìn thấy trên mặt bàn giấy là rất nhiều những bức ảnh được đóng khung. Hầu hết trong số đó là ảnh chụp gia đình đã cũ, tôi nhận ra một tấm ảnh của Jillian Nguyen tạo dáng cùng Pruitt ở một nơi trông có vẻ như một phiên bản mô phỏng Nhà hát Globe ở London.

Tôi đi qua cửa sau và để lại chìa khóa vào bên dưới chậu hương thảo rồi lên xe trở về Boston.

Chương 22

Tôi chưa vào lại trang Duckburg kể từ năm 2010 khi dàn xếp vụ sát nhân chéo với người kia, nhưng giờ tôi nghĩ rằng mình cần phải quay lại đó xem. Nhỡ đâu tôi có thể liên lạc được với Charlie thì sao? Theo như những gì tôi nhớ thì tôi vẫn còn dấu trang của nó trên máy tính làm việc ở tiệm. Tầm đầu giờ chiều tôi đi bộ từ nhà đến Old Devils. Mỗi một cái chớp mắt, trong đầu tôi lại hiện ra hình ảnh thân thể vô hồn của Nick Pruitt bất động trên ghế sofa, đầu ngửa ra sau còn mồm thì há hốc.

Tôi đẩy cửa, Emily đang đứng sau quầy thanh toán và tôi nghe thấy giọng Brandon vang lên sang sảng trước cả khi thấy bóng người: “Thế là cả băng đều ở đây rồi.” Cậu ta đang cúi lom khom ở phía bên trái tôi, lục lọi gì đó ở mấy ngăn thấp nhất trên giá sách, chắc là để tìm quyển sách nào đó cho mấy đơn hàng đặt trên mạng.

“Chỉ một lúc thôi,” tôi nói, “xin lỗi vì dạo này để hai người tự xoay xử nhiều quá.”

“Anh đang gặp chuyện gì hả sếp?” Brandon vừa đứng dậy vừa nói, trong tay vẫn còn cầm cuốn *The Spy Who Came in from the Cold* của John le Carré.

“Thực lòng mà nói, dạo gần đây tôi không được khỏe.” Đó là lời nói dối đầu tiên nảy ra trong đầu tôi. “Chỉ là mệt mỏi và rã

rời hơn bình thường thôi, không hiểu là tại sao nữa.”

“À há, thế thì đừng đến đây lây cho bọn em nhá.” Brandon nói. “Có E và em ở đây là đủ rồi, phải không? E?”

Không có tiếng trả lời nhưng tôi nhìn thấy Emily ngẩng đầu nhìn lên từ phía sau bàn. Người khách này giờ nói chuyện cùng cô ấy không phải là khách quen nhưng cũng không phải khách mới, tôi không nhớ được tên nhưng người đó luôn tới mỗi khi Michael Connelly ra sách, giờ đang rảo bước ra phía cửa.

“Tôi có chút chuyện phải làm trong văn phòng, nhanh thôi rồi sẽ về nhà ngay, hứa đó.” Tôi nói và đi về phía sau ngay khi Brandon bắt đầu kể lể với Emily về việc mẹ cậu ấy đã từng có lần bị cảm suốt cả một năm ròng.

Nero đang nằm cuộn tròn trên ghế, nghe tiếng tôi đi vào nó liền nhồm đầu dậy xem xét rồi đuổi người nhảy xuống đất. Tôi ngồi xuống và bật máy tính lên, bỗng dưng cảm thấy lo lắng lờ đờ mình đã xóa dấu trang của trang web đó rồi. Rõ ràng đó là điều một người khôn ngoan sẽ làm nhưng may sao tôi không tốn nhiều công sức đã tìm được nó. Tôi đăng nhập, vào một mục tên là Swaps và xem nhanh năm mươi bài đăng gần nhất hoặc xa hơn một chút. Hầu hết là những việc thông thường, kiểu như việc tìm người và trả công bằng tình dục hoặc thuốc cấm, thỉnh thoảng có những ngoại lệ như một người đàn ông đang tìm cách bán bộ sưu tập giày của vợ mình (trong đó có ít nhất tám đôi của Jimmy Choos) để đổi lấy vé tham dự buổi hòa nhạc Springsteen hiện đã hết vé. Tôi không thấy bất kỳ bài nào đề cập đến *Người lạ trên tàu cả*. Không ngạc nhiên. Charlie đâu có cần liên lạc với tôi nữa vì theo một cách nào đó anh ta đã biết

chính xác tôi là ai rồi mà. Dầu vậy tôi vẫn muốn thử vận may và gửi cho anh ta một tin nhắn vì nhớ đâu Charlie cũng đang xem trang web này thì sao?

Tôi tạo một cái tên giả mới, tự gọi mình là Farley Walker và đăng lên một tin nhắn. Rằng “Gửi người hâm mộ cuốn *Người lạ trên tàu*, tôi muốn đề nghị thêm một vụ trao đổi nữa. Anh biết tôi đang nói về ai rồi đấy.” Tôi nhìn chăm chăm vào tin nhắn của mình cả năm phút sau khi đăng lên, tự hỏi không biết liệu có phản hồi nào xuất hiện ngay lúc đó không những không hề có gì xảy ra cả. Tôi thoát khỏi trang Duckburg và gõ “trường Đại học New Essex” vào thanh tìm kiếm xem có tin tức gì mới không. Tôi không ngạc nhiên khi không tìm thấy gì, ngay cả nếu người ta đã tìm thấy thi thể của Nick Pruitt thì tin tức một giáo sư từng có tiền sử nghiện rượu có vẻ đã tử vong vì ngộ độc rượu cũng chẳng phải là một tin đáng lên mặt báo, hơn nữa cũng không ai phát hiện ra thi thể nhanh vậy đâu. Trừ khi Charlie sảy chân phạm một sai lầm ngớ ngẩn nào đó, nếu không thì vụ này là một vụ án hoàn hảo, không có một nghi phạm nào để kết luận đây là một vụ giết người cả.

Tôi không tò mò về cách thức anh ta thực hiện vụ này. Có thể đoán mò rằng Charlie đã đến nhà Pruitt cùng một chai whiskey và khẩu súng để ép anh ta uống rượu, thậm chí có thể bỏ thuốc vào trong rượu nữa.

Câu hỏi lớn hơn ở đây là có phải Charlie đã nhắm tới Pruitt từ đầu hay không. Chẳng có mấy người biết được tôi muốn điều tra về Pruitt cả, có mỗi Marty Kingship và Jillian Nguyen mà thôi. Đương nhiên Pruitt có thể coi là họ hàng của Norman

Chaney và nếu Charlie đã muốn Chaney chết thì hẳn người này cũng có dây mơ rễ má tới Pruitt. Tôi bất ngờ nhớ ra quyển sách, Little Fish. Tôi bỏ quên nó ở ngay bên ngoài. Emily giờ đã về lại chỗ ngồi của mình và vật lộn với mớ đơn đặt hàng qua mạng nên tôi đi ra chỗ quầy thanh toán. Quyển sách vẫn nằm đó, ngay chỗ tôi bỏ nó lại. Tôi chợt nhớ ra rằng đây là một cuốn sách được lấy trộm từ thư viện nên vút nó bừa bãi như thế này quá là bất cần.

“À mà tối qua có người đến tìm anh đó sắp.” Brandon nói.

Tôi ngẩng đầu lên. “Ồ, vậy sao?”

“Vợ của Brian Murray tên là ... Tess... nhi, có đến tìm anh đó”

“Ồ.” Tôi nói. “Cô ấy có nhắn lại gì không?”

“Không, chỉ bảo rằng muốn tạm qua xem một chút thôi vì đã một thời gian rồi cô ta chưa đến đây. Trông mặt có vẻ hơi thất vọng vì không thấy anh ở đây. Cô ấy không thường có mặt ở Boston đúng không? Nhất là lúc trời lạnh muốn đóng băng như thế này.”

“Brian ngã gãy tay.” Tôi nói. “Hôm kia tôi tình cờ thấy họ và có vẻ là giờ cô ấy phải ở đây để trợ giúp Brian trong mọi việc.”

“Ôi trời, hài thế.” Brandon nói, dù tôi không chắc là chuyện này có hài thật không.

Tôi không quá ngạc nhiên khi biết Tess đã ghé qua tiệm, dù sao thì cô ấy cũng từng là người trong ngành mà, với tư cách là trợ lý xuất bản, hơn nữa tôi chắc chắn là việc trông nom ông chồng đôi khi khá là mệt mỏi. Dầu vậy tôi vẫn không thể thôi nghi ngờ về cái cách Tess ôm tôi chào tạm biệt vào cái hôm chúng tôi gặp nhau ở khách sạn Beacon Hill.

“Cô ấy có mua gì không?” Tôi hỏi.

“Không, nhưng mà có giúp chúng ta sắp xếp lại những đầu sách của Brian Murray.”

“Không có gì ngạc nhiên.” Tôi nói.

Trước khi rời đi tôi ghi lại đường dẫn phức tạp của trang Duckburg lên một mẫu giấy để có thể truy cập từ máy tính cá nhân ở nhà, sau đó vớ lấy cuốn *Little Fish*, bảo với Brandon và Emily rằng họ có thể phải làm thêm phần việc của tôi trong một thời gian nữa rồi về nhà. Ngoài trời đã bắt đầu có những bông tuyết bay vùn vụt trong không khí. Sắp sửa có thêm một trận bão tuyết nữa, dù không lớn lắm, dự báo tới vào đêm nay. Tôi vẫn miên man suy nghĩ về Tess Murray, về lý do cô ấy đến tiệm. Không biết Tess có nhìn thấy quyển sách của Nick Pruitt không? Và nếu đã nhìn thấy rồi thì đã sao chứ? Biết là thế nhưng không hiểu sao tôi vẫn cảm thấy có gì đó bấn khoăn.

Tôi mở khóa cửa ngoài và leo cầu thang lên căn hộ áp mái của mình. Bên trong lạnh một cách đáng ngạc nhiên, tôi phát hiện ra cửa sổ đang mở hé, mà tôi không hề nhớ là mình để cửa mở trước khi ra ngoài. Tôi đóng cửa sổ lại, ngay lập tức ôm lấy máy tính để kiểm tra trang Duckburg nhưng không có phản hồi nào cả. Tôi tìm kiếm tên Tess Murray, chợt nhận ra rằng tôi hầu như chẳng biết gì về cô ấy ngoại trừ thân phận là cô vợ trẻ của người đối tác kinh doanh Brian Murray mà thôi, đã từng là một trợ lý xuất bản nữa. Tôi tìm thấy một tài khoản trông có vẻ như thuộc về Tess trên LinkedIn dù nó không có ảnh đại diện. Trong mục công việc cũ có liệt kê tên của một trong những nhà xuất bản lớn, một doanh nghiệp có tên là Công ty xuất bản

Snyman. Tôi nhớ rằng Snyman là họ thật của Tess trước khi đổi thành Murray. Nơi làm việc hiện tại của tài khoản đó là tiệm trang sức Treasure Chest on Longboat Key ở Florida - trùng với tên cửa hàng mà Tess đang điều hành. Tôi tự hỏi không biết liệu có phải Tess rời khỏi ngành xuất bản vì mối quan hệ với Brian Murray hay không. Hồi đó chuyện tình cảm của hai người họ có thể coi là một vụ bê bối vì Brian đã rời bỏ người vợ trước để lấy Tess, cộng thêm cách biệt quá lớn về tuổi tác và nhan sắc. Ngay cả khi họ đã cưới nhau được mười năm rồi thì cô ấy vẫn bị coi là một kẻ đào mỏ.

Tôi nhớ lại một câu chuyện mình được nghe về Tess từ khá lâu, từ miệng một nhà văn trinh thám địa phương khác. Khi ấy vẫn đang làm trong ngành xuất bản và chỉ vừa mới gặp Brian lần đầu. Trong một bữa tiệc cocktail tại Thrillerfest ở Thành phố New York, khi có ai đó lên tiếng chê bai Brian về những tác phẩm trinh thám ngày càng mỏng đi theo từng năm tháng và gọi việc anh ấy vẫn dám gửi bản thảo đến nhà xuất bản là mặt dày, đó không hẳn là một nhận xét vô căn cứ, tôi nghĩ vậy, nhưng Tess đã tát người đó một cú và bỏ đi. Người kể cho tôi vụ đó dường như muốn chứng minh rằng Tess Murray là một kẻ khùng điên bất thường nhưng tôi chỉ cho rằng đó là dấu hiệu tình yêu mà cô ấy dành cho Brian. Tôi thấy cuộc hôn nhân của họ khá là êm đẹp. Kiểm tra điện thoại xem mình có lưu lại thông tin của Tess Murray hay không, tôi phát hiện hóa ra mình có cả địa chỉ email lẫn số điện thoại. Tôi gửi cho Tess một tin nhắn:

Chào Tess, Malcolm đây, lẽ đâu cô không nhận ra số này. Tôi được báo lại là cô đã đến tiệm để tìm tôi. Hai người có rảnh thì sắp xếp một buổi hẹn ăn tối nhé, tôi muốn hỏi thăm nhiều hơn về cả hai.

Tôi tắt màn hình sau khi ấn gửi tin nhắn nhưng vừa bỏ xuống thì đã có tin nhắn mới, tin nhắn phản hồi từ Tess.

Đồng ý mười tay luôn!!! Tối mai luôn nhé!!!

Tôi nhắn lại rằng tôi sẽ tới nơi và hỏi xem hẹn nhau lúc mấy giờ, tôi có cần mang gì đến không.

Bảy giờ và thân anh thôi là đủ!!!

Tin nhắn phản hồi đến rất nhanh làm tôi tò mò không biết cô ấy đã gõ chúng kiểu gì. Ngay sau mớ dấu chấm than kia cô ấy gửi kèm ký hiệu một trái tim đỏ chót.

Tôi mò ra tủ lạnh để lấy lon bia, nhìn thấy trong tủ vẫn còn trứng và pho mát nên quyết định tráng trứng cho bữa tối, dù từ lúc nhìn thấy thi thể của Pruitt hồi sáng nay đến giờ tôi không hề cảm thấy đói. Tôi đặt một loạt đĩa CD của Michael Nyman vào trong máy và cho chạy bài *The end of the Affair*. Tôi đi tráng trứng, ăn hết một nửa rồi mở thêm một lon bia nữa. Đi đến giá sách, tôi tìm thấy chỗ để những quyển sách của Brian Murray. Tôi có gần như trọn bộ, ít nhất là những cuốn gần đây vì Brian thường tổ chức ra mắt sách ngay tại tiệm Old Devils và luôn để lại một cuốn cho tôi. Những đầu sách cũ hơn tôi có phiên bản bìa mềm, gần như đủ từ những cuốn đầu tiên của bộ tiểu thuyết Ellis Fitzgerald tôi đã đọc từ năm mười tuổi. Tôi không cần phải tích cóp mua chúng từ tiệm Annie's Book Swap vì bản thân mẹ tôi đã là một người hâm mộ Ellis Fitzgerald, bà đã mua

hết những đầu sách xuất bản vào thời đó rồi. Những cuốn đầu tiên của bộ này rất hay, như một phiên bản truyện của Ross MacDonald nhưng hóm hỉnh hơn một chút vậy. Hồi đó nó khá nổi vì nhân vật thám tử là nữ, một người cứng rắn và không khoan nhượng. Brian đã nhiều lần kể cho tôi rằng ở bản thảo đầu của cuốn đầu tiên *The Poison Tree* - Ellis mang giới tính nam. Quản lý của anh ấy đã nhận xét rằng đó là một cuốn tiểu thuyết hay nhưng hơi quen thuộc với độc giả vì thế Brian đã biến nhân vật Ellis thành nữ mà không thay đổi bất kỳ nét tính cách nhân vật nào khác và doanh số rất khả quan.

Tôi lôi bản sách bìa mềm của cuốn *The Sticking Place* ra - đây là cuốn thứ năm trong bộ và cũng là cuốn đã giành được giải thưởng văn học Edgar. Người hâm mộ chia làm hai phe, một phe cho rằng đây là cuốn hay nhất trong cả bộ, phe còn lại cho rằng nó là cuốn dở nhất. Đây là cuốn sách ưa thích của tôi, nhất là khi tôi đọc nó lần đầu khi vẫn ở tuổi thiếu niên. Ở cuối cuốn sách trước đó, cuốn thứ tư mang tên *Temperate Blood* thì Ellis có một mối tình lúc hợp lúc tan với một chàng trai tên là Peter Appleman, sau này bị giết bởi thành viên một băng xã hội đen ở Boston. Trong cuốn *Sticking Place*, Ellis cuối cùng cũng trả được thù, chăm chú, cẩn thận và giết chết một cách tàn bạo tất cả những thành viên dính dáng đến cái chết của Appleman dù ít hay nhiều. Cuốn sách này có rất ít điểm tương đồng với những cuốn khác cùng bộ. Không có mấy ông khách hàng hề hươc, không có những lời nhận xét hóm hỉnh của Ellis. Nó gần với giọng văn của Richard Stark's Parker hơn.

Tôi lấy quyển The Sticking Place cùng với chai bia mới ra sô pha ngồi. Quyển sách đã được lật giở quá nhiều lần rồi, có những trang giấy chỉ trực rời ra khỏi lớp keo gáy đã vỡ. Bìa sách màu đen đã hơi nhàu, in hình một khẩu súng lục quay với ổ đạn bẻ ra ngoài để lộ sáu viên đạn. Tôi mở trang tiêu đề, không ngạc nhiên khi thấy tên mẹ tôi được viết bằng tay ở góc trên cùng bên phải - Margaret Kershaw - và ngày bà mua cuốn sách là tháng Bảy năm 1988. Lúc ấy tôi đã mười ba tuổi và con sâu trịnh thám trong tôi làm sao bỏ qua cuốn này được. Ngay khi mẹ đọc xong là tôi đã vội vớ lấy nó ngấu nghiến rồi. Tôi nhớ mẹ đã cảnh báo rằng quyển này rất bạo lực nhưng điều đó chỉ càng làm tôi háo hức đọc nó hơn thôi.

Cuốn sách được dành tặng cho người vợ đầu tiên của Brian Murray là Mary. Tôi không biết cô ấy, nhưng Brian đã có lần nhắc đến việc hầu hết những cuốn sách của anh ta đều có dòng “Dành tặng Mary” vì nếu không làm vậy cô ấy sẽ ủ rũ suốt nhiều ngày. Brian ly hôn vì nhiều lý do, nhưng một trong những ưu điểm của nó là cuối cùng anh ấy cũng có thể tự do dành tặng sách mình viết cho những người quan trọng khác trong cuộc đời mình.

Tôi bắt đầu đọc và ngay lập tức bị nó hấp dẫn. Ellis đến gặp người đứng đầu giới xã hội đen ở Boston tại một quán rượu ở Ritz, đưa cho ông ta một bản danh sách nhiều cái tên và nói. “Hoặc là ông xử lý bọn chúng một cách thích đáng, hoặc là tôi sẽ tự mình ra tay, tùy ông chọn.” Lão ta chế giễu cô ấy, bảo rằng quên cái mơ ước ấy đi và tiếp tục sống mới là điều khôn ngoan. Phần còn lại của cuốn sách là quyết tâm của Ellis trong việc trả

thù tất cả những kẻ chịu trách nhiệm cho cái chết của người bạn trai. Nó bạo lực, nhưng làm cho người ta hồi hộp. Sau mỗi lần giết người cô ấy sẽ tô son và hôn lên má người chết, để lại một dấu hôn. Quyển sách kết thúc với cảnh cô thám tử lại một lần nữa ngồi ở quán rượu, uống Chardonnay cùng gã trùm mafia giờ đang phải xin lỗi vì đã đánh giá thấp cô ấy. Cả hai đồng ý rằng cán cân đã lại thăng bằng, cô ấy đã hoàn tất việc trả thù. Khi lão hỏi cô về những dấu son thì cô ấy trả lời rằng mình làm vậy để kích thích phía cảnh sát. *“Không có gì làm họ ưa thích hơn một gã sát nhân với dấu ấn riêng. Làm họ cảm thấy mình đang ở trong một bộ phim của Clint Eastwood.”*

Tôi đọc xong quyển sách vào tầm nửa đêm, miên man suy nghĩ về dấu ấn của kẻ giết người. Cuối cùng, những vụ án của Charlie cũng tương tự như vậy, để lại thứ gì đó giống như một lời tuyên bố với thế giới rằng hắn đáng chú ý hơn nhiều so với nạn nhân. Động cơ của Charlie có thể là mong muốn trả thù, hoặc là đòi chính nghĩa được thực thi - ít nhất là trong vụ của Norman Chaney. Giờ đây gã giết chóc chỉ vì chính mình thôi, làm cả bản danh sách của tôi và chính tôi cũng bị cuốn vào. Loại người nào mới cảm thấy bản thân mình cao quý hơn nạn nhân chứ? Loại người nào mà lại ám ảnh với một bản danh sách toàn những vụ án tưởng tượng trong sách vở chứ?

Một trong những mẹo nhỏ trong viết văn mà Brian nói cho tôi là: *Khi bạn lâm vào bế tắc với một nút thắt nào đó trong cuốn sách đang viết dở, hãy lên giường đi ngủ và để phần vô thức của mình ra tay. Tôi quyết định làm thế. Biết đâu tôi sẽ có một giấc*

ngủ tử tế, thậm chí có thể tìm được câu trả lời cho mớ bong bong này nữa.

Chương 23

Tôi dành cả buổi sáng hôm sau để lật lại tất cả những cuốn sách của Brian Murray mà tôi có, thậm chí còn cố đọc lướt qua cuốn mới nhất của anh ấy là *Die a Little* nữa. Ellis Fitzgerald muốn phá một vụ án liên quan đến băng nhóm của một trường cấp ba địa phương - tình tiết lạc hậu đến nỗi tôi vừa đọc vừa cảm thấy xấu hổ. Brian không phải người thích nghiên cứu và tìm hiểu, tôi có linh cảm rằng tất cả những gì anh ấy làm để chuẩn bị viết cuốn này là ngồi xem và kết hợp những gì thấy được từ trong cuốn *Boyz in the Hood* cùng với mấy bộ phim về Michelle Pfeiffer khi cô ấy dạy lũ trẻ trong thành phố.

Vừa qua buổi trưa tôi đã nhận được cuộc gọi của Đặc vụ Perez nhắc nhở rằng tôi vẫn chưa cung cấp nơi chốn của mình trong quãng thời gian diễn ra những vụ giết người trong danh sách.

“Xin lỗi.” Tôi nói với cô ấy. “Tôi bận quá nên quên mất, chúng ta làm ngay bây giờ được không? Cô cứ đưa ngày giờ đi để tôi mở lịch xem mình làm gì vào thời gian đó nhé?”

“Được thôi.” Cô ấy trả lời.

Tôi mở lịch trên máy tính và cô ấy bắt đầu duyệt từng ngày một, đầu tiên là Elaine Johnson.

“Tôi đã gửi thông tin đó cho đặc vụ Mulvey rồi.” Tôi nói. “Lúc đó tôi đang ở London, ngày 13 tháng 9 đó, đúng không?”

“Đúng vậy.” Đặc vụ Perez nói, rồi hỏi tiếp về Robin Callahan - bị bắn vào ngày 16 tháng 8 năm 2014. Tôi không có lịch gì vào trong tuần đó cả và có thể dành cả ngày làm việc ở tiệm như bình thường. Tôi thuật lại với đặc vụ Perez và được hỏi về người có thể làm chứng xác nhận. Ngày 16 tháng 8 là thứ sáu nên tôi nói rằng hôm đó cả hai nhân viên của tôi đều đi làm và cô ấy có thể xác nhận từ họ. Kế tiếp là Jay Bradshaw, người bị đánh đập đến chết ở trong ga-ra ở Dennis. Hóa ra vụ này diễn ra vào ngày 31 tháng 8.

“Tôi bay tới London vào chủ nhật đó rồi.” Tôi nói.

“Lúc mấy giờ?”

“Chuyến bay cất cánh lúc sáu giờ hai mươi nên khả năng cao là tôi bắt đầu đi từ ba giờ.”

“Như vậy có quá sớm không?”

“Tôi biết.” Tôi trả lời. “Nhưng tôi thích đến sớm nếu có thể, thà đi sớm rồi lang thang còn hơn rảnh rang rồi đến muộn đúng không?”

Hai vụ án khác của Bill Manso và Ethan Byrd, thì tôi không có bằng chứng ngoại phạm chắc chắn, mặc dù có thể là mấy hôm đó tôi chỉ loanh quanh ở Old Devils thôi.

“Xin lỗi tôi không thể giúp thêm gì được.” Tôi nói.

“Anh đã hỗ trợ rất nhiều cho quá trình điều tra rồi, anh Kershaw. Tôi sẽ cần anh gửi lại chính xác số hiệu chuyến bay tới London nếu có thể.”

“Đương nhiên rồi.” Tôi quyết định không nhắc lại việc tôi đã gửi những thông tin đó cho Gwen Mulvey từ lâu rồi.

“Vì hỏi nhầm còn hơn bỏ sót, dù là đã lâu rồi nhưng anh có thể cho tôi biết mình đã ở đâu vào ngày 21 tháng 8 năm 2011 không?”

“Để tôi kiểm tra xem, hôm đó có xảy ra chuyện gì à?” Tôi hỏi.

“Đó là ngày Steven Clifton tử vong trong một vụ tai nạn xe cộ gần suối khoáng Saratoga Springs.”

“Cô đã nhắc đến tên của người này trước đó nhưng tôi không biết anh ta là ai cả. Đặc vụ Mulvey chưa từng nhắc tới cái tên này”

“Vụ này được ghi chép lại trong ghi chú của đặc vụ Mulvey.” Perez nói.

Tôi lần lại ngày hôm đó, định bụng bịa ra một cái gì đó nhưng cuối cùng lại nói thật, “Trên lịch của tôi không có ghi chú gì cả nhưng có lẽ hôm đó tôi đi làm như bình thường, tôi không dám chắc vì dù sao cũng lâu quá rồi.”

“Không sao đâu, anh Kershaw. Không có vấn đề gì đâu, tôi chỉ hỏi cho đúng quy trình thôi.”

“Được rồi, cảm ơn cô.”

Tôi cho rằng cuộc gọi sẽ kết thúc ở đó nhưng đặc vụ Perez hăng giọng và nói, “Tôi biết rằng mình đã hỏi anh câu này rồi, nhưng khi đặc vụ Mulvey đến tìm anh đã ngay lập tức tin rằng có mối liên kết giữa bản danh sách của mình với những vụ án này sao? Tôi muốn anh mô tả lại phản ứng lúc đó một lần nữa.”

“Ban đầu tôi không tin nhưng có thể là do tâm lý không muốn chấp nhận rằng mình lại có liên quan đến án mạng. Cảm giác đó không lấy gì làm thoải mái, cô biết đấy, khi mình viết ra một bản danh sách chết tiệt và bỗng nhiên biết rằng có ai đó

đang bắt chước để sát hại những con người bằng xương bằng thịt ngoài kia...”

“Tôi có thể lý giải được.”

“Cô ấy kể với tôi về ba vụ có liên quan đến loài chim, sau đó là chỉ ra điểm tương đồng giữa nó và cuốn *Sát nhân A.B.C.*”

“Phải cuốn sách của Agatha Christie không?”

“Chính xác, nghe có vẻ hơi khiên cưỡng, nói thật là thế nhưng vụ của Bill Manso - người chết trên đường ray tàu hỏa nghe rất giống như đang mô phỏng cuốn *Khoản bồi thường gấp đôi*, nhưng mà, như đã nói ở trên, tôi không cho rằng ở đây thực sự có mối liên kết nào. Mãi đến khi chúng tôi tìm được những cuốn sách trong nhà của Elaine Johnson tôi mới đành chấp nhận sự thật. Lúc đó thì mọi việc quá là rõ ràng rồi, không nghi ngờ gì nữa, tên sát nhân muốn tôi biết về những vụ án này hoặc muốn chĩa mũi dùi về phía tôi, tôi nghĩ vậy nhưng không chắc chắn. Chúng tôi bàn luận rất nhiều về nó, hai người chúng tôi.”

“Ai? Anh và đặc vụ Mulvey sao?”

“Đúng vậy, chúng tôi cho rằng người đó, tên Charlie này - đó là cái tên chúng tôi gán cho kẻ giết người - đang cố gắng đạt được điều gì đó và cố gắng tìm hiểu xem điều đó là gì. Cả hai đi đến kết luận rằng hắn đang cố gắng truyền tải tinh thần của vụ án gốc trong sách một cách sát nhất có thể.”

“Tôi có thể hỏi anh về một trong những ghi chú của cô ấy được không? Mulvey đã viết ra ba cái tên trong vụ án cô ấy gọi là “sát thủ chim muông” và chú thích rằng: *Ai mới là mục tiêu thực sự?* Anh có biết câu đó có nghĩa là gì không?”

“Trong cuốn *Sát nhân A.B.C.*, chuỗi vụ án đó được dàn dựng trông giống như tác phẩm của một kẻ loạn trí đang trong cơn cuồng sát. Trên thực tế thì hẳn chỉ thực sự nhắm tới một nạn nhân duy nhất thôi. Những vụ án khác chỉ đơn giản là để đánh lạc hướng”

“Vậy anh nghĩ rằng trường hợp của ba vụ án mạng liên quan đến chim muông này cũng thế sao?”

“Tôi không chắc đó là ý tưởng của một mình mình nhưng rõ ràng đây là một khả năng”

“Cũng có khả năng là tất cả những vụ án từ đầu tới giờ, tất cả những vụ dính dáng tới bản danh sách của anh chỉ là để đánh lạc hướng điều tra khỏi ý đồ thật sự của hung thủ.”

“Có thể lắm.” Tôi nói. “Đây cũng là một giả thuyết, nhưng như vậy thì kẻ thủ ác phải mạo hiểm giết quá nhiều người chỉ để che giấu một vụ án.”

“Chắc chắn rồi.” Một quãng thời gian khá lâu không một ai lên tiếng làm tôi tự hỏi là tin hiệu bị ngắt mất rồi hay đặc vụ Perez chỉ đang bận suy nghĩ thôi.

“Vậy, nếu phải đoán,” cuối cùng cô ấy cũng lên tiếng, “anh cho rằng ai trong số ba nạn nhân này mới là mục tiêu thật sự?”

“Nếu như bắt buộc phải có câu trả lời thì tôi sẽ chọn Robin Callahan vì cô ta là người nổi tiếng nhất trong số ba nạn nhân, còn lắm tai tiếng và chọc giận khá nhiều người nữa.”

“Tôi cũng nghĩ như vậy.” Cô ấy nói rồi lại lặng im một lúc. “Anh có ngại không nếu tôi gọi điện hỏi bất cứ lúc nào có nghi vấn?”

“Đương nhiên là không rồi.” Tôi nói và chúng tôi chào nhau tạm biệt rồi cúp máy.

Tôi gọi đến Old Devils, Emily nghe máy.

“Anh vẫn cảm thấy mệt hả?”

“Không tệ nhưng cũng không tốt lắm.”

“Thế ở nhà nghỉ ngơi đi, bên này vẫn ổn.

Tôi vừa định cúp máy thì chợt tò mò, đằng nào thì Emily cũng đang nghe máy rồi nên tôi có thể hỏi một vài câu.

“Tôi hỏi cô một vài cái tên xem cô có ấn tượng gì không nhé?” Tôi nói.

“Chắc là được.”

“Ethan Byrd.”

Cô ấy im lặng một lúc rồi nói, “Chưa nghe thấy tên này bao giờ.”

“Jay Bradshaw?”

“Không luôn.”

“Robin Callahan?”

“Đương nhiên là có rồi. Đây là cô phát thanh viên điên rồ bị sát hại đúng không? Tôi chắc chắn cô ta sẽ là đối tượng của một cuốn trình thám bán chạy đấy.”

“Tại sao cô lại nói cô ta điên rồ?”

“Tôi không biết nữa, chắc là vì nghe thiên hạ đồn đại đấy. Cô ả viết sách ủng hộ việc ngoại tình đúng không?”

“Đúng vậy” Tôi nói.

Sau khi gác máy, tôi tiếp tục suy nghĩ về Robin Callahan và khả năng cô ta là mục tiêu chính trong chùm vụ án liên quan đến các loài chim này. Ngay cả khi không có một nạn nhân nổi

bật như vậy thì rõ ràng Charlie cũng phải nhắm đến một người làm mục tiêu đầu tiên nếu gã muốn bắt chước mấy vụ trong *Sát nhân A.B.C.* Rõ ràng hẳn không tính sử dụng bảng chữ cái như trong sách rồi, nếu như Charlie đặt mục tiêu là Robin Callahan thì hẳn cách để xóa dấu vết hợp lý sẽ là lựa chọn thêm hai người có tên liên quan đến loài chim nữa. Cô phát thanh viên này không được lòng mọi người, ủng hộ ngoại tình và đã phá nát hai cuộc hôn nhân rồi nên nói một cách nào đó thì cô ta trở thành mục tiêu của Charlie là điều tất nhiên.

Chiều hôm đó tôi ngủ quên trên sofa, lại một lần nữa mơ mình đang bị truy đuổi như mọi khi. Ngay từ hồi còn trẻ tôi đã hay có những giấc mơ kiểu đột nhiên phát hiện ra cha mẹ, bạn bè, thầy cô mình trở thành quái vật và tôi phải chạy trốn khỏi họ. Những cơn ác mộng tồi tệ nhất là khi tôi không thể nào di chuyển được, chân nặng như chì, dính xuống mặt đất. Chiều hôm đó, trong giấc mơ, người duy nhất không truy đuổi tôi là Gwen Mulvey. Cô ấy ở bên cạnh tôi và chúng tôi cùng nhau chạy trốn khỏi kẻ sát nhân.

Khi tỉnh dậy, tôi lao vào phòng tắm với suy nghĩ rằng mình đã phát bệnh rồi. Đáng tiếc là không phải.

Tôi diện bộ đồ cho bữa tối, đóng thùng chần chu chiếc áo sơ mi ca rô màu xanh vào chiếc quần nhung tối màu, trùm chiếc áo len ưa thích ra ngoài, một chiếc áo len cổ lọ màu đen - món quà cuối cùng tôi nhận được từ Claire vào dịp Giáng Sinh trước khi cô ấy qua đời. Tôi đứng trước tấm gương lớn, trong đầu nghĩ ra cảnh mình hỏi Claire xem tôi trông ra sao.

Trông anh bảnh lắm - Cô ấy nói - lúc nào cũng đẹp trai cả.

Tôi tưởng tượng cô ấy lùa những ngón tay qua mái tóc ngắn bạc màu của tôi.

Anh phải làm gì đây? - Tôi hỏi - Phải làm gì với những vụ giết người này?

Đây là mớ lộn xộn anh gây ra mà - Cô ấy trả lời - Anh phải tự mình dọn dẹp nó thôi.

Claire thực sự đã từng nói ra những lời như thế, nhưng lúc đó là để nói về chính mình. Cô ấy nói như vậy sau khi tự thú với tôi rằng mình đã nghiện thuốc trở lại. Tôi nói rằng mình có thể giúp, nhưng cô ấy phản đối, rằng *Không, không được. Đây là mớ lộn xộn chết tiệt mà em gây ra, em phải tự giải quyết nó.* Tôi từng cho rằng nét tính cách này của cô ấy là một điều tốt, nhận ra sai lầm và tự mình thay đổi nó, nhưng bây giờ thì không còn chắc chắn như vậy nữa. Cuộc đời cô ấy là một mớ lộn xộn, nhưng cô ấy lại muốn trốn tránh phiền phức, không muốn làm bất kỳ ai khó chịu, muốn gánh chịu hết mọi tội lỗi và đổ lỗi cho chính bản thân mình. Cô ấy thà để mình chịu tổn thương còn hơn là làm tổn thương bất kỳ ai khác.

Đó là phương hướng của cuộc đời Claire, cái mong muốn trốn tránh và chạm đó cũng ngăn cô ấy để người khác chăm sóc cho mình.

Đó là mớ lộn xộn chết tiệt mà em gây ra!

Nhưng cô ấy đã sai rồi.

Chương 24

Tôi rời nhà mà không kiểm tra dự báo thời tiết, ngạc nhiên khi thấy tuyết đã bắt đầu nặng hạt. Giờ đây tuyết rơi thành từng đám dày dính vào cây cối và bụi rậm nhưng lại tan ra trên vỉa hè và mặt đường.

Trước khi đến nhà Brian ở South End, tôi tạt qua một cửa hàng bán rượu trên phố Charles và mua một chai vang Sirah nhỏ. Đi được nửa đường, tôi đổi ý và quay lại mua thêm một chai Zwack - một loại rượu thảo mộc Hungary mà mình ưa thích. Sau đó tôi đi bộ đến Old Devils - lúc này hẳn Emily và Brandon đã chuẩn bị đóng cửa rồi. Trước khi đi vào, tôi đứng ở bên ngoài trời tuyết rơi một lúc, nhòm qua cửa sổ nhìn vào thứ ánh sáng ấm áp phía bên trong. Brandon đang nói chuyện với một khách hàng và dù cho tôi không thể nào nghe được rõ từng câu từng chữ, thì bên tai tôi vẫn vang lên chất giọng trầm vang của cậu ấy. Emily đang tắt bật qua lại đằng sau quầy thanh toán. Tối thứ sáu và sáng thứ bảy thường là khoảng thời gian bận rộn đối với cả ba người chúng tôi - những nhân viên của tiệm Old Devils, cảm giác thật lạ lùng khi nhìn vào từ bên ngoài. Dù sao thì Trái Đất vẫn quay, tôi nghĩ vậy.

Tôi mở cửa ra và chào đón Brandon với chai Zwack.

“Gì thế?” Cậu ấy cao giọng lên và kéo dài ra đùa cợt.

“Quà thôi.” Tôi nói. “Độ này tôi vắng mặt nhiều quá làm hai người đầu tắt mặt tối nên lương tâm cắn rút.”

“Ờ, bạn lắm luôn đó sắp.” Cậu ấy vừa nói vừa quay lại khoe với Emily.

Tôi chào vị khách đang ở trong tiệm, một cô gái trẻ. Tôi nhận ra đây là một tác giả trinh thám địa phương đã từng đến chỗ chúng tôi đọc thử trong buổi giới thiệu sách vào năm trước nhưng không tài nào nhớ ra được tên cô ấy.

“Mọi chuyện ổn chứ?” Cô hỏi. Cô gái có cặp mắt to bị ép gần nhau trên gương mặt dài hẹp. Mái tóc dài thẳng băng để rẽ ngôi giữa làm cô ấy trông giống như một tác phẩm nghệ thuật của Edward Gorey.

“Vẫn bình thường.” Tôi nói. “Cô có gì mới không?”

Trước khi cô ấy kịp trả lời thì Brandon đã kéo Emily ra từ văn phòng phía sau và gọi tôi qua đó. “Cả cô nữa, Jane.” Cậu ấy nói. Tôi chợt nhớ ra tên của cô ấy: Jane Prendergast, tác giả của cuốn tiểu thuyết tên là *The Owl Shall Stoop*. Bọn tôi đi qua chỗ Brandon đang rót rượu ra những ly uống nước nhỏ vẫn hay để ở văn phòng phía sau.

“Đến coi sách mà cuối cùng lại thành ra ăn nhậu này.” Tôi nói với Jane.

“Cô ấy là người trong gia đình mà.” Brandon nói và Emily, giờ đang giơ ly rượu lên bất ngờ đổ mặt. Brandon nhìn cô ấy, rồi nhìn tôi rồi “Ồ” lên một tiếng kéo dài.

Emily nói, “Jane và tôi đang hẹn hò.”

Tôi nói, “Ra đó là lý do cô luôn đặt sách của Jane lên chỗ dễ thấy nhất.” Giờ thì Jane trông cũng ngượng ngùng theo luôn

làm tôi phải xin lỗi và nói rằng mình chỉ đùa thôi. Bốn người chúng tôi nâng ly. “Vì Old Devils.” Tôi nói.

Emily rùng mình và hỏi tôi Zwack là rượu gì. Tôi nói rằng mình không biết rõ nữa nhưng nó có vẻ hợp với thời tiết này, nó như thứ rượu mà một chú chó cứu hộ St. Bernard sẽ mang cho cô nếu cô bị kẹt trong vụ lở tuyết vậy. Tôi nán lại một lúc nữa nhưng không uống ly thứ hai. Đã gần bảy giờ - tối giờ đóng cửa rồi. Đáng lý ra giờ này tôi đã phải tới South End rồi nhưng bất chợt không muốn rời đi một chút nào. Tôi cảm thấy an toàn ở nơi này trong khi chẳng đoán được điều gì sẽ xảy ra tại nhà Brian và Tess nữa. Tôi nhắn tin cho Tess nói rằng mình sẽ có mặt tám bảy giờ ba mươi và giúp hai người nhân viên mẫn cán còn lại dọn hàng đóng cửa trong khi Jane loanh quanh chờ Emily xong việc.

Khi tôi đi bộ qua công viên Boston Common về hướng South End, nhiệt độ tiếp tục hạ thấp hơn nữa, tuyết đã bắt đầu đọng lại trên những con đường lát đá. Tôi đi qua hồ Frog Pond sáng trưng đang tấp nập người trượt ván để tới phố Tremont, qua đường Pike và rẽ vào South End. Dù cho thời tiết không thuận lợi, tối thứ sáu vẫn là thời điểm tấp nập người qua lại, lấp đầy những nhà hàng và quán bar. Nhà Murrays nằm trên một khu dân cư hình vòng cung, cửa trước sơn một màu xanh đậm. Tôi nhấn chuông cửa và nghe thấy tiếng vang lên từ bên trong.

“Cảm ơn, Mal.” Tess nói khi tôi đưa cho cô ấy chai rượu vang mới mua, trong lòng vẫn đang thầm nghĩ đáng lẽ ra mình nên mua cái gì đó hay hơn cho hai người. “Vào đi, ngoài này lạnh lắm, Brian đang ở trên gác pha đồ uống đó.”

Tôi đi lên chiếc cầu thang hẹp dài, trên tường chật kín những bìa sách đóng khung của bộ truyện Ellis Fitzgerald. Ở điểm cuối cầu thang, tôi bước vào một căn phòng khách lớn. Brian đang đứng nhìn trân trân vào lò sưởi, bên trong có vẻ lửa đang cháy đượm. “Chào Brian.” Tôi nói.

Anh ấy quay lại, bên tay lành lặn đang cầm một ly Whiskey. “Cậu uống gì không?” Anh ấy hỏi và tôi trả lời là mình uống gì cũng được. Từ chiếc tủ cao đến ngang hông, Brian rót rượu từ chiếc gạn bằng thủy tinh vào ly thấp rồi cho thêm một viên đá lấy từ cái xô bên cạnh. Trên bàn uống cà phê nằm giữa hai chiếc ghế sofa là chiếc khay gỗ với pho mát và bánh quy. Khi chúng tôi ngồi xuống, Brian đặt ly rượu xuống bàn để với lấy chiếc bánh.

“Cánh tay sao rồi?” Tôi hỏi.

“Sống đến tầm tuổi này rồi, hóa ra con người ta đã quen sống với hai tay. Mất một tay, dù là tạm thời, quả thật không dễ chịu chút nào.”

“Tess có thể giúp mà.”

“À ừ, đúng, cô ấy có giúp chứ, nhưng sao mà ta quên được sự thật là mình què quặt đây. Đùa thôi, có cô ấy ở đây thật tốt. Nói chuyện về cửa hàng đi, có gì bán chạy không?”

Chúng tôi nói về tình hình kinh doanh một lúc thì Tess đi từ dưới nhà lên và ngồi xuống đầu còn lại của chiếc sofa Brian đang ngồi. Cô ấy mặc tạp dề, gương mặt đỏ bừng và sáng bóng như một người vừa mới ngó vào coi thức ăn trong nồi vậy. Chú chó săn đốm của Murray có tên là Humphrey đã theo Tess vào

phòng từ nãy. Sau một hồi hít ngửi bàn tay đang chìa ra của tôi nó đã bắt đầu chúi vào khay pho mát.

“Humphrey!” Cả Tess và Brian cùng hô lên làm chú chó ngoan ngoãn ngồi xuống, đuôi đập đập xuống sàn.

“Bữa tối có gì thế?” Tôi hỏi và nghiên cứu một chút biểu cảm của họ lúc Tess trả lời. Đôi mắt cô ấy sáng bừng lên như thể hào hứng lắm, Brian thì chăm chú nhìn vợ như cách anh ấy nhìn một người pha chế rượu, có chút bất cần cho đến khi rượu trong ly đã cạn.

“Hai người có thể làm thêm một ly nữa rồi xuống ăn tối nhé.” Tess vừa nói vừa đứng lên đi xuống nhà. Cô ấy bóp nhẹ vai tôi lúc đi ngang qua rồi vỗ vào đùi mình một cái gọi Humphrey đi theo.

“Để tôi lấy cho.” Tôi cầm lấy cái ly của Brian và của mình ra chỗ tủ đựng rượu. Tôi rót tầm hai ngón tay rượu cho Brian và lấy cho mình ít hơn, cho đá vào rồi mang ra.

“Đồ ngon để mang ra sau nhé.” Brian nói. “Tôi có một chai Talisker hai mươi lăm năm tuổi ở đâu đó quanh đây.”

“Để tôi uống là lãng phí đó.” Tôi nói. “Thế này là được rồi.”

“Chà, chúng ta đang uống một chai Scotch thích hợp cho giữa tuần mà nếu tôi nhớ không nhầm thì hôm nay là thứ sáu, ít nhất là Tess bảo vậy. Cho nên là lát nữa kiểu gì cũng phải chọn thứ gì đó phù hợp hơn.”

“Đã bao giờ anh tính viết một quyển sách lúc không say chưa?” Tôi hỏi.

“Tay quản lý đã nói với tôi vài lần rồi. Chủ yếu là vì cậu ấy nghĩ tôi có thể làm điều gì đó có ích hơn thay vì lãng phí thời

gian vào rượu chè chứ không phải hy vọng có thêm người mua sách.”

“Nói trước không quên mất.” Tôi nói. “Tôi mới đọc lại cuốn *The Sticking Place* xong.”

“Sao tự dừng lại thế?” Brian hỏi nhưng nhìn nét mặt đang giãn ra kia thì chắc chắn là anh ấy rất hài lòng.

“Ngồi xem lại những cuốn anh đã viết ấy mà, tự dừng cầm tới quyển đó thì mở ra đọc thôi. Đọc một lèo đến cuối luôn.”

“À, tôi nghĩ là nói theo một cách nào đó thì Ellis chính ra nên giết nhiều hơn một chút. Tôi thích viết quyển đó lắm. Cậu biết đấy, vẫn còn có độc giả gửi thư bảo tôi rằng họ sẽ coi như nó chưa từng tồn tại, nhưng cũng có những người nói rằng đó là quyển duy nhất đáng đọc trong mớ sách tôi viết.”

“Ừ thì làm sao mà thỏa mãn tất cả mọi người được.”

“Thực tế đúng là thế. Tôi còn nhớ lúc viết cuốn đó, tôi cho tay quản lý đọc thử trước, tay quản lý hồi đó, cậu còn nhớ Bob Drachman không? Tay đó đấy. Cậu ta bảo rằng mình bị cuốn theo không thể dừng được nhưng chắc là chả ai dám xuất bản nó đâu. Ellis không phải là một kẻ giết người máu lạnh, cậu ấy bảo rằng tôi có thể mất một nửa số độc giả mình đang có. Tôi bảo mình có thể mất đi một nửa nhưng có thể thu hút được thêm gấp đôi số đó. Bod đòi tôi sửa lại bản thảo cho đỡ bạo lực hơn. Tôi thêm luôn một vụ nữa vào.”

“Anh thêm vụ nào thế?”

“Không nhớ nữa. Không, thực ra là có. Tôi nghĩ đó là vụ gã ma cô bị Ellis bỏ trong phòng đông lạnh và mặc kệ. Đúng, chính là vụ đó, bởi vì sau khi ra sách chính Bob cũng phải thừa nhận

rằng mình thích nó. Mà sao cũng được, tôi bảo cậu ta cứ gửi bản thảo đi nếu không tôi sẽ kiếm người đại diện khác, nên là cậu ta gửi nó đi. Họ xuất bản nó và bất ngờ sao, Trái Đất vẫn quay”

“Sau quyển đó thì chắc số lượng độc giả của anh phải tăng gấp đôi.”

“Cái đó thì không chắc, nhưng tôi không mất đi nhiều người lắm, lại còn hốt được một giải Edgar, còn mong gì hơn nữa.”

“Quyển đó hay thật.”

“Cảm ơn, Mal.” Anh ấy nói.

“Anh không tính viết thêm một quyển tương tự sao? Thêm một cuốn Ellis đi trả thù?”

“Không, không hẳn. Vấn đề là nhé, cậu chỉ cần làm điều đó một lần thôi, độc giả đã biết là Ellis cũng có một mặt như vậy rồi. Nhưng nếu mỗi lần mất đi một người thương yêu cô ấy lại kiểu như lên cơn cuồng sát thì đó sẽ không phải là Ellis nữa. Không, chỉ một lần thôi. Cô ấy đau khổ, cô ấy vụn vỡ, cô ấy trả thù, và rồi cô ấy biết mình không bao giờ được để một mặt tồi tệ đó kiểm soát mình lần nữa. Cơ mà tôi cũng có viết một quyển không có Ellis đó, tôi kể với cậu chưa nhỉ?”

Đương nhiên là anh ấy đã kể rồi, nhưng tôi bảo là chưa.

“À thì tôi có viết một cuốn riêng không thành bộ. Tầm một vài năm sau *Sticking Place*, tôi nghĩ thế, cũng là một cuốn về chủ đề trả thù nhưng nhân vật chính là nam. Một tay cảnh sát ở miền Nam Boston có vợ bị cưỡng hiếp và sát hại bởi một băng đầu gấu người Ai-len. Anh ta theo dấu và xử từng đứa một. Tôi viết xong trong tầm hai tuần, đọc lại nó và nhận ra mình chỉ

đang xào lại cuốn *Sticking Place* nên tôi bỏ nó vào ngăn kéo và quên luôn.”

“Anh còn giữ bản thảo đó không?”

“Lạy Chúa.” Anh ấy đưa tay lên gãi mũi. “Quyển đó từ cái hồi tôi còn sống với Mary ở Newton cơ mà, ai biết được nó có rơi đâu đó lúc chuyển nhà không cơ chứ. Nhưng tôi nhớ là mình không vứt nó đi nên chắc là chỉ đâu đó quanh đây thôi.”

“Hai người đang nói về Mary hả?” Giọng Tess vang lên từ bên ngoài. Cô ấy đã tháo tạp dề ra và hình như đã trang điểm đôi chút.

“Ừ, nhớ một chút về những ngày xưa cũ.” Brian nói. “Bữa tối đã xong chưa?”

“Mọi thứ đã sẵn sàng”

Chúng tôi đi xuống tầng trệt và dùng bữa dưới ánh nến, trên chiếc bàn ăn đặt cạnh cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Chú chó Humphrey đã được thưởng cho miếng ăn gì đó nên giờ đang bận rộn gặm cắn trong chiếc ổ ở góc phòng. Tess làm món sườn om và ba người chúng tôi đã uống hết ba chai rượu vang trước khi món tráng miệng là bánh tart clementine được mang lên.

“Cô tự làm món này ày hả?” Tôi ngạc nhiên.

“Chúa ơi, không. Tôi nấu được món mặn nhưng mù tịt về bánh trái. Ai muốn uống thêm vang đỏ không?”

“Bọn anh thì không” Brian nhìn sang tôi. “Làm thử một ly whiskey hồi nãy vừa nói đến nhé, chai Talisker.”

“Hai người uống thứ đó đi.” Tess nói. “Em uống rượu vang của em.”

“Để tôi lấy cho.” Tôi đứng lên, cúi va đánh cốp vào cạnh bàn.

“Cảm ơn, Mal, như vậy thì tốt quá. Dưới hầm rượu có đó. Bri, làm ơn nói cho anh ấy nên lấy chai nào nhé. Còn whiskey thì hình như được đặt trên gác, tôi nghĩ vậy.”

Tôi được hướng dẫn và xuống tầng hầm trước để tìm chai vang đỏ. Tôi chưa xuống dưới này bao giờ, trong nó có vẻ mới hoàn thiện một nửa, tường được lát gạch nhưng sàn chỉ mới đổ xi măng. Dọc theo bức tường là một tủ sách khổng lồ, tôi nhìn qua thì thấy rằng nó chứa đầy sách của Brian Murray, tất cả những phiên bản khác nhau kể cả phiên bản xuất bản ở nước ngoài của bộ Ellis Fitzgerald. Tôi đứng tần ngần nhìn giá sách một lúc lâu mới nhận thức được rằng mình đã quá chén. Ánh sáng mờ mờ của tầng hầm làm tôi cảm thấy như đang mơ vậy. Cuộc trò chuyện trên bàn ăn rất thú vị, Tess và Brian lấy tôi làm khán giả để trình diễn một màn khẩu chiến nửa tán tỉnh nửa nghiêm túc. Lúc tôi đang lắc lư trước giá sách, tay tôi túm vào thứ trông có vẻ như bản bìa mềm tiếng Nga của cuốn *To play the villain*. Tôi cứ nghĩ về những gì Brian nói về việc chè chén quá độ, về việc anh ấy rõ ràng rất thích viết dòng tiểu thuyết báo thù đầy bạo lực, về việc anh ấy đã viết nhưng chưa bao giờ xuất bản cuốn thứ hai kia. Tôi muốn tiếp tục chủ đề đó.

Mặt kia của tầng hầm đầy ắp những giá rượu cao tới trần nhà. Chai vang đỏ của Taylor Fladgate Tawny Port mà Brian bảo tôi có vẻ như nằm ở phía trên, bên phải. Tôi nhắc ra một vài chai trước khi tìm được đúng chai rượu mình cần và mang lên nhà, vừa đúng lúc Tess đang đặt đồng bát đĩa cao như núi vào cái bồn rửa to bự.

“Mời cô.” Tôi nói.

Tôi không hẳn là ngạc nhiên khi cô ấy cảm ơn sau khi nhận lấy chai rượu, rồi đặt nó trên mặt bàn và kéo tôi vào ôm. “Thật tốt khi có anh ở đây, Mal. Hy vọng anh cũng có một khoảng thời gian vui vẻ.”

“Đương nhiên rồi.” Tôi nói.

Cô ấy đặt bàn tay lên mặt tôi và cảm thán rằng tôi là một người ngọt ngào đến thế nào. “Lên lấy chai whiskey cho Brian đi trước khi anh ấy tỉnh lại, tôi sẽ tự mở chai vang này.”

Tôi đi lên cầu thang và bước vào phòng khách. Tất cả những gì còn lại của ngọn lửa trong lò sưởi là đôi ba cục than hồng cháy âm ỉ trong đống tro tàn. Căn phòng vẫn còn ấm. Tôi bước đến tủ rượu, cúi xuống để mở nó ra. Bên trong có khoảng chục chai, tất cả đều là whiskey nếu tôi không nhầm. Tôi tìm thấy chai Talisker và lôi nó ra. Phía sau nó là một chai rượu whiskey hình tam giác được gọi là Dimple Pinch, cùng loại với chai nằm lăn lóc dưới chân Nick Pruitt ngày hôm đấy. Tôi chắc chắn, bởi vì nó mang hình dáng rất độc đáo - với ba mặt bên, mỗi mặt hơi lõm vào một chút cùng lớp dây thép mỏng bọc bên ngoài bình. Tôi lục sâu hơn và thấy có thêm hai chai nữa giống hệt, đều chưa được mở. Đây có lẽ là rượu uống vào giữa tuần của Brian, loại rượu anh ấy đang để trong bình gạn thủy tinh bên trên.

Tôi đứng chôn chân tại đó, tay vẫn cầm chai Talisker, thầm nghĩ giá như mình không say đến mức này thì chắc đã biết tiếp theo nên làm gì. Tôi nghe có tiếng ai đó bước vào phòng, nhưng hóa ra đó chỉ là con Humphrey mà thôi, tiếng thở nặng nhọc, mê mẩn hướng tới chỗ pho mát và bánh quy trên bàn cà phê.

Chương 25

Với chai whiskey ở giữa, tôi ngồi lắng nghe Brian kể chuyện về cuối tuần nọ anh ấy say xỉn cùng Charles Willeford ở Miami. Brian biết tôi hâm mộ cuốn *The Burnt Orange Heresy* nên anh ấy kể đi kể lại câu chuyện với Willeford rất nhiều lần rồi. Mỗi lần lại thay đổi đi một chút.

Không cần là một người sành sỏi về dòng Scotch bạn vẫn có thể thấy được chai Talisker này là tuyệt phẩm. Dù vậy tôi chỉ nhấp môi chút xíu thôi, phải giữ mình tỉnh táo để còn suy nghĩ về sự hiện diện của những chai Dimple Pinch trên gác. Liệu Brian Murray có thể là Charlie không? Tôi ngay lập tức trả lời là không, chắc chắn. Anh ấy là kiểu đàn ông mạnh mẽ nhưng không thực sự biết làm nhiều thứ lắm. Không biết lái xe, không biết nấu ăn. Tôi khá chắc là anh ấy cũng chẳng tự mình sắp xếp các chuyến đi, tìm hiểu về thuế má hay cân bằng tài chính đâu. Anh ấy biết viết truyện, biết uống rượu và rất nhiều lời, nhưng chắc chắn không biết làm thế nào để lên kế hoạch rồi thực sự thực hiện một vụ giết người.

Nhưng liệu anh ấy có thể là đồng phạm được không?

Trong lúc Brian bận chú tâm vào ly rượu, tôi có thể nhìn vào trong bếp, nơi Tess đang vừa ngân nga vừa dọn dẹp. Trông cô ấy có vẻ hạnh phúc, gần như là thoải mái. Brian dừng kể và tôi

hỏi, “Anh đã đọc bài đăng tôi viết trên trang blog của cửa hàng bao giờ chưa?”

“Trang nào cơ?”

“Trang blog của cửa hàng ấy, trên trang chủ của tiệm Old Devils có đường dẫn tới trang blog mà.”

“Ồ, đúng rồi” Anh cuối cùng cũng nhớ ra. Mấy năm nay tôi đã nài nỉ Brian viết cái gì đó, dù thỉnh thoảng giới thiệu một cuốn sách nào đó, hoặc một bản danh sách những đầu sách ưa thích thôi cũng được nhưng anh ấy chưa bao giờ làm. “Vậy thì sao?”

“Anh còn nhớ bản danh sách tôi viết hồi vài năm trước, từ trước khi chúng ta mua lại tiệm sách, tên là *Tám vụ giết người hoàn hảo* không?”

Anh ấy đưa tay lên gãi xung quanh mắt, tôi cẩn thận quan sát từng cử chỉ dù là nhỏ nhất. “Bản danh sách đó thì tôi có nhớ.” Anh ấy nói. “Tôi nghĩ lần đầu tiên tôi nghe thấy tên cậu là từ bản danh sách đó đấy, mà cậu biết lúc đó tôi nghĩ gì không?”

“Không”

“Tôi nghĩ: thật không thể tin nổi, thằng cha này đích cho một quyển nào của mình vào cả.”

Tôi bật cười. “Anh nghĩ như thế thật hả?”

“Chắc chắn luôn. Kiểu gì cũng có một thời điểm trong sự nghiệp mà anh sẽ cảm thấy như bị công kích cá nhân nếu như tác phẩm của mình không nằm trong danh sách những đầu sách hay nhất hàng năm. Nhưng mà vấn đề ở đây là cậu lại không hề đề cập đến cuốn *The Reaping Season*. Ý tôi là... Chúa ơi, Mal, thế quái nào?” Anh ấy mỉm cười.

“Cuốn nào cơ?” Tôi nói. “Quyển sách có nhân vật Carl...”

“Carl Boyd, đúng rồi, nó đấy.”

Tôi có nhớ quyển đó, cũng lâu lắm rồi. Kẻ thủ ác trong truyện, Carl Boyd là một gã tâm thần muốn trả thù bất kỳ ai từng coi thường mình, tức là rất nhiều người. Nếu tôi nhớ không nhầm thì Carl là một dược sỹ. Thủ đoạn thường dùng của hắn là bắt cóc nạn nhân trước, sau đó tiêm vào người họ một lượng Sodium Pentothal hoặc thứ gì đó tương tự để bắt họ nói ra sự thật. Hắn sẽ moi ra thông tin về nỗi sợ lớn nhất của một người, bắt người đó mô tả cái chết làm cho họ sợ hãi nhất và dùng chính phương thức đó để sát hại nạn nhân. Nếu một ai đó thừa nhận rằng mình bị sợ không gian hẹp chẳng hạn, Carl Boyd sẽ chôn sống người đó trong chiếc hòm chật hẹp.

“Ơ thế quái nào mà tôi quên quyển đó được nhỉ?”

“Thế mà rõ ràng là cậu quên bếng mất đấy.”

“Thôi, dù sao nó cũng sẽ không phù hợp với bản danh sách tôi viết lúc đó dành riêng cho những vụ giết người hoàn hảo, những án chưa có lời giải.”

“Hai người đang nói chuyện gì đấy?” Tess lên tiếng, vừa nói vừa đi ra từ trong bếp, chùi đôi tay ướt vào quần.

“Án mạng,” tôi nói, đồng thời Brian cũng lên tiếng, “cả những thứ được coi là bất lịch sự như chen ngang nữa.”

“Đúng lúc lắm.” Tess nói. “Em đang tính pha một bình cà phê và muốn biết chính xác mình nên ủ bao nhiêu. Brian, vâng, em biết là anh không thích cà phê rồi.”

“Tôi có nhé.” Tôi nói.

“Bình thường hay khử bớt cafein?”

“Cho tôi loại cà phê đúng chuẩn ấy.” Tôi tự hỏi không biết phát âm từ “đúng chuẩn” của mình có gì lạ không.

Cô ấy quay lại trong bếp và Brian nói, “Thực ra là cái đó không có tồn tại đâu, thật đấy.”

“Cái gì không tồn tại cơ?” Tôi hỏi.

“Về bản danh sách của cậu ấy.” Anh ấy nói. “Không có cái gọi là vụ án hoàn hảo đâu.”

“Trong thực tế hay văn chương mới được chứ?”

“Cả hai. Có quá nhiều biến số không biết trước được, luôn luôn là vậy. Để tôi đoán coi cậu đưa quyền nào vào nhé. *Người lạ trên tàu* đúng không?”

“Đúng vậy.” Tôi nói. Nhìn Brian lúc này đang ngồi thẳng người lên, trông có vẻ bớt say xỉn đi nhiều.

“Hiển nhiên là cậu sẽ chọn quyền này rồi. Dần dần tôi nhớ lại bản danh sách đó rồi đấy, không chỉ bởi vì tôi không được góp mặt trong đó đâu, nhưng... *Người lạ trên tàu*, không có ý hạ bệ Pat Highsmith hay gì cả nhé, nhưng đó là một ý tưởng quá tồi cho một vụ án hoàn hảo. Điều gì làm cho nó tài tình? Rằng cậu nhờ một người hoàn toàn lạ mặt thay cậu giết người sao? Như thế cậu sẽ có bằng chứng ngoại phạm vững chắc? Không bao giờ có chuyện đó được luôn. Ngay từ giây phút cậu nhờ một người khác giết người thay mình, cậu đã coi như giao mình cho cảnh sát rồi đấy. Nó quá khó đoán. Nếu cậu muốn giết người thì hãy tự thân vận động. Không thể nào tin tưởng người khác trong việc sát nhân, cậu hiểu không?”

“Làm sao mà cậu biết được người đó không bao giờ khai cậu ra chứ?”

Brian bấu môi rồi hạ lông mày xuống, hàm bạnh ra.

“Thế này nhé,” anh ấy nói, “tôi không giả vờ mình là chuyên gia ngành tâm lý hay gì cả, nhưng tôi biết được một điều - điều mà tôi liên tục nhắc nhở mình trong quá trình viết sách, đó là không một ai có thể biết được trong con tim và khối óc của một người khác đang ẩn chứa điều gì.” Brian chỉ vào tim và đầu mình. “Không ai biết cả, thậm chí cả một cặp đôi chung chăn gối suốt năm mươi năm cũng thế thôi. Cậu cho rằng họ biết người kia đang nghĩ gì sao? Không có đâu, không một ai trong chúng ta biết được.”

“Thế tức là anh không biết gì về suy nghĩ của Tess bây giờ, đúng không?”

“Ờ thì.” Anh ấy nhướn mày và nhún vai. “Tôi biết được phần nào suy nghĩ của cô ấy về tối nay, nhưng mà thực ra là do cô ấy tự nói ra thôi.”

“Như thế không tính”

“Ừ, không tính. Được rồi, thế này nhé, những gì cô ấy đang nghĩ, không tính đến việc phải múc bao nhiêu muỗng cà phê mới ủ được một bình ra thì thực sự tôi không đoán được. Ờm, ngẫm lại thì như thế không đúng, thực ra là tôi có thể đoán được cô ấy đang nghĩ gì dựa theo kinh nghiệm. Có thể là giờ này cô ấy đang ngồi đếm chỗ đồ uống của chúng ta và tự hỏi đến lúc nào mình mới vùng lên bảo là đủ rồi uống ít thôi. Cũng có thể cô ấy đang nghĩ về mấy chiếc quần bò giá ba trăm đô mà cô ấy muốn mua, và cô ấy đang nghĩ về cậu đấy.”

“Ý anh là sao?”

“Kể từ sau lần gặp nhau ở quán bar hôm đấy, Tess bắt đầu liên tưởng về việc rủ cậu đến chơi và ăn tối.

“Cô ấy có ý đồ đấy.” Tôi vừa nói vừa liên tưởng về việc cô ấy muốn tôi thuyết phục Brian thuê người giúp việc.

“Tess chẳng bao giờ không có ý đồ cả.”

Giờ tôi có thể ngửi thấy mùi cà phê bay ra từ trong bếp, thứ mùi hương nồng nồng, đặng đặng mà chỉ ngửi thôi cũng có thể làm cho người ta tỉnh táo. Brian thay đổi khi nói về Tess và điều đó làm tôi bất an. Tôi đã biết anh ấy quá lâu rồi, đã nhìn thấy quá nhiều lần anh ấy say xỉn nhưng cách hành xử như bây giờ, như thể đang che giấu bí mật gì đó thì tôi mới thấy lần đầu. Brian luôn là người dốc hết tâm tư ra mỗi lần nói chuyện với tôi.

“Vậy ý đồ của cô ấy tối nay là gì?” Tôi hỏi.

“Tôi có thể lờ mờ hình dung được, nhưng như vừa nói đấy, ta không thể thực sự biết được những gì đang diễn ra trong đầu người khác đâu.”

Tôi nghe tiếng lạch cạch của đồ sứ va vào nhau nên quay đầu lại và nhìn thấy Tess đang tiến về phía này, mang theo một chiếc khay đựng hai tách cà phê cùng đường và kem. Cô ấy để một bộ đĩa tách xuống trước mặt tôi rồi ngồi xuống trong một tiếng thở dài.

“Cảm ơn.” Tôi vừa nói vừa bỏ kem vào trong tách cà phê rồi nhấp một ngụm.

“Cậu có muốn thêm một ít whiskey Irish vào trong tách cà phê đó không?” Brian bảo. “Hình như tôi có vài chai ở đâu đó quanh đây, đừng cho loại Scotch vào là được.”

“Không sao, tôi thích thế này hơn.”

“Thật á?” Tess thốt lên. “Mà này giờ hai người đang nói về chuyện gì đó.” Cô ấy vừa cho thêm kem vào tách rồi ngồi khuấy cà phê trước mặt tôi. Trên môi vẫn còn một chút màu đỏ của ly vang vừa uống, mái tóc bình thường được buông xõa xuống hai bên vai giờ đã được vén ra sau tai.

“Cậu nói đi.” Brian bảo tôi. “Tôi phải đi nhẹ phát đã.” Anh ấy đặt cái tay lành lên bàn và đứng dậy. Cả tôi và Tess đều chờ đợi nhìn xem anh ấy có thể đứng vững hay không, mọi thứ dường như có vẻ ổn.

“Anh đã nhắc gì đến chuyện tìm người giúp đỡ chưa thế?” Tess lên tiếng sau khi cả hai chúng tôi nghe thấy tiếng cửa phòng tắm đóng lại.

“Chưa, tôi chưa nói.” Tôi trả lời. “Tôi quên bég mất vụ đó.”

“À thôi không sao đâu.” Tess nói. “Dù cho hôm nay anh có nhắc tới đi nữa thì sáng mai anh ấy cũng quên hết thôi. Nhưng mà tôi tò mò lắm, này giờ hai người nói gì thế? Giọng Brian nghe gần như có chút gì đấy hào hứng”

“Anh ấy nói rằng không một ai có thể thực sự hiểu một người khác cả, và chúng ta cũng không thể biết chính xác được những gì mà người khác nghĩ.”

“Và anh đồng ý với điều đó sao?” Cô ấy vừa nói vừa thổi tách cà phê. Xung quanh môi cô ấy có mấy đường nhỏ, thường xuất hiện ở những người đã từng hút thuốc. Tôi có một chút hình ảnh mơ hồ về việc Tess hút thuốc nhưng cũng phải vài năm rồi không thấy.

“Thực ra thì, tôi đồng tình với anh ấy. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về nó, về việc chúng ta không bao giờ có thể biết được bộ mặt thật của con người. Nhưng tôi không chắc rằng mọi người đều như thế hay chỉ có mình tôi là dị biệt”

“Nếu như chỉ có mình anh nghĩ vậy thì sao?”

“Tôi cho rằng mình gặp khó khăn trong việc tìm hiểu người khác, một cách sâu sắc ấy. Tôi ổn với những mối quan hệ xã giao nhưng khi nó trở nên sâu sắc hơn thì cảm giác thân thiết sẽ dần biến mất. Đó chính là lúc tôi không thể nhận ra được con người hay những suy nghĩ thật sự của họ nữa.”

“Anh cũng cảm thấy như vậy với vợ mình sao?” Cô ấy hỏi.

“Claire?” Tôi buột miệng.

Tess bật cười. “Trừ khi anh có cuộc hôn nhân bí mật mà tôi không biết.”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc, cố nhớ xem tôi từng nói chuyện cùng với Tess về Claire bao giờ chưa, cả Brian nữa. “Câu hỏi là gì ấy nhỉ?” Tôi lên tiếng.

“Anh có vẻ không được thoải mái lắm, xin lỗi.”

“À không, không sao. Tôi chỉ chệnh choáng một chút thôi.”

“Vậy thì cà phê sẽ giúp ích đấy.”

Tôi nhấp thêm một ngụm nữa, và trong vô thức tôi nhả chữ cà phê trong miệng trở lại tách. Có thể tôi bị hoang tưởng, nhưng nếu Tess hoặc Brian muốn hại tôi thì bỏ thuốc vào trong đồ ăn thức uống là một hành động hợp lý đấy.

“Tôi gắn bó với Claire hơn bất kỳ ai trong cuộc đời mình từ trước tới nay, chỉ là có đôi khi tôi không hiểu được cô ấy.” Tôi nói.

Tess gật đầu. “Tôi cũng có cảm giác tương tự với Brian, cảm giác gẫn bó, ý tôi là thế, nhưng thỉnh thoảng anh ấy sẽ nói điều gì đó, hoặc tôi đọc được anh ấy viết điều gì đó làm tôi tự hỏi liệu mình có hiểu chút gì về con người này không? Có lẽ cảm giác đó ai rồi cũng sẽ gặp đấy. Sao hai người các anh lại nói về chủ đề này vậy?”

Tôi vừa nghĩ vừa lo lắng vì não mình đang hoạt động quá chậm chạp. “Chúng tôi bàn luận về bản danh sách tôi từng viết về những vụ giết người hoàn hảo và Brian nói rằng không thể tin tưởng để ai khác giết người thay mình được, bởi vì một người chẳng bao giờ có thể hiểu được người kia nghĩ gì đâu.”

Tess chìm đắm trong suy nghĩ một lúc rồi nói. “Chắc là nếu muốn tìm một ai đó giúp ta giết người thì nhân tuyển tốt nhất chỉ có thể là vợ hoặc chồng mình thôi nhỉ.”

“Chắc vậy.” Tôi nói. “Cô có vì Brian mà làm vậy không?”

“Tôi nghĩ là còn phụ thuộc vào việc anh ấy muốn tôi trừ khử ai nữa kìa. Nhưng tôi chắc chắn sẽ cân nhắc, tôi là kiểu vợ như vậy đó. Người ta cho rằng Brian ly hôn với Mary và lấy tôi bởi vì tôi trẻ hơn, nhưng đó không phải là tất cả. Mặc dù chúng tôi dành nhiều thời gian không ở bên nhau nhưng mối quan hệ của cả hai vẫn rất thân thiết, anh biết đấy, thân thiết hơn bất kỳ ai khác trong cuộc đời anh ấy. Đó là lòng trung thành, tôi sẽ làm mọi thứ vì anh ấy và ngược lại.”

Cô ấy rướn người về phía tôi trong lúc nói, tôi có thể ngửi thấy mùi cà phê lẫn cùng hương rượu thoang thoang trong hơi thở.

“Sao Brian lâu thế nhỉ?” Tôi nói, và cô ấy rụt lại, đầu hơi nghiêng tỏ vẻ lắng nghe.

“Tôi nghĩ là anh ấy vẫn ổn,” Tess nói, “chắc là đang để cho tôi và anh có thể nói chuyện riêng tư một chút.”

“Cô có chắc không? Có lẽ chúng ta nên kiểm tra một chút?” Tôi chợt cảm thấy lo lắng. Có lẽ là do hơi men nhưng tôi cảm thấy như mình đang trong một vở kịch vậy và đêm nay được dàn dựng để dẫn tới kết quả hiện giờ là tôi cùng Tess ngồi nói chuyện một mình bên tách cà phê.

Cô ấy chạm vào đùi tôi rồi đứng lên. “Anh nói đúng. Tôi sẽ qua đó và nhắc anh ấy đã đến giờ ngủ rồi. Nhưng anh thì nên ở lại đây, Mal ạ, tôi nói thật đấy. Trời còn sớm, đêm còn dài, chúng ta có thể qua đó và uống thêm một chút.” Cô ấy nghiêng đầu ra dấu về hai chiếc ghế dài đối diện nhau bên cạnh một giá sách khá cao, tạo thành một góc khá ấm cúng ngăn giữa phòng ăn và khu bếp mở.

“Cũng được” Tôi nói. Tess đứng lên và đi ra khỏi phòng. Tôi ngồi thừ ra, cố gắng nghĩ xem mình nên làm gì. Tiếng nhạc vẫn phát ra từ trong bếp, ca sỹ Ella Fitzgerald đang hát bài *Moonlight in Vermont*. Tôi ngồi chỗ cà phê chưa uống và nhấp một ngụm nhỏ rồi làm điều tương tự với tách của Tess. Giống như tôi, cô ấy chỉ bỏ kem vào trong cà phê thôi nhưng hương vị hai bên có sự khác biệt rõ ràng. Tôi thử đi thử lại, tự hỏi rằng có phải mình phát điên rồi không. Nếu cô ấy muốn đầu độc tôi thì từ rượu đến thức ăn có quá nhiều cơ hội. Dầu sao vẫn có khả năng Tess muốn chờ đến cuối bữa ăn mới ra tay. Tôi đứng lên, đi qua chỗ hai cái ghế và bước vào trong bếp. Tôi có thể nghe

thấy tiếng của cô ấy nói chuyện với Brian ở dưới sảnh nhưng không nghe được họ đang nói gì. Căn bếp sạch sẽ không tì vết. Tôi không biết chính xác mình đang tìm kiếm điều gì, có lẽ một thứ gì đó khả nghi có thể xác nhận nghi ngờ của tôi mà thôi. Rằng hôm nay, tôi ở đây là có lý do nào đó.

Tôi ngó qua cái bồn rửa sâu hoắm bằng thép không gỉ. Nó trống không, trên giá có nồi niêu xoong chảo và tôi nghe được tiếng ì ì của máy rửa bát đang hoạt động dù không biết nó nằm ở đâu. Bên cạnh bình cà phê đang sáng đèn đỏ là tấm thớt, bên trên nó là một khối gỗ hình trụ rất nặng. Tôi cầm lên ướm thử và cảm thấy nó có thể trở thành vũ khí. Đây hẳn là chày cán bột, dù nó khác với mọi cái chày cán bột tôi từng nhìn thấy.

“Anh đang tìm gì thế Mal?”

Tess đứng ở cửa bếp. “À, không có gì,” tôi nói, “chỉ đang chiêm ngưỡng căn bếp tuyệt vời này thôi. Brian sao rồi?”

“Ngủ rồi, ở trong phòng ngủ cho khách ở nhà dưới, hoặc như tôi hay gọi là phòng ngủ riêng của anh ấy. Anh ấy ở đó còn nhiều hơn ở trên gác nữa.”

Tôi đặt cái chày cán bột kỳ lạ kia lên tấm thớt. “Chắc tôi đi về đây.” Tôi nói.

“Anh chắc chứ”

“Ừ, tôi hơi say rồi, mà dạo này tôi ngủ không được ngon nữa nên giờ chắc tôi sẽ về nhà.”

“Tôi hiểu rồi.” Tess nói. “Dù không thích lắm nhưng đành vậy thôi. Để tôi lấy áo khoác cho.”

Tôi đứng chết trân tại chỗ trong một khoảng thời gian có vẻ dài như cả thế kỷ, rồi Tess quay lại cùng với chiếc áo khoác của

tôi. Cô ấy tiến lại gần và nói, “Nếu tôi nói rằng anh không được về thì sao?” Giọng cô ấy trở nên khác thường, nhẹ nhàng hơn, nũng nịu hơn.

Tôi giằng lấy cái áo với tay trái và dẫn về bên phải, hy vọng có thể làm cho cô ấy mất thăng bằng đủ lâu để tôi có thể chạy ra phía cửa. Tess Murray loạng choạng lùi về sau rồi ngã bịch xuống sàn gỗ cứng. “Á, anh làm trò gì thế Mal?” Tiếng la vang lên.

“Ờ yên đó!” Tôi giữ mạnh cái áo xem bên trong có giấu thứ vũ khí nào đó không, kiểu như cái chày cán bột kia vậy.

Tess lăn người sang bên để thu chân về, “Anh làm sao thế?”

Cảm giác ngờ vực bùng lên nhưng tôi vẫn nói, “Tôi biết cô đã làm gì với Nick Pruitt,” hy vọng mình chỉ cần nói một cái tên đủ to là có thể xác nhận được điều gì đó.

Cô ấy ngược mắt lên nhìn tôi, mái tóc xòa ra hai bên mặt, “Tôi không hiểu anh đang nói gì cả? Nick Pruitt là ai?”

“Cô đã giết Pruitt vào buổi tối hai đêm trước, sau khi nhìn thấy cuốn sách hẩn viết trên bàn tôi. Cô nhận ra rằng tôi đang điều tra hẩn vì mối liên kết với Norman Chaney nên quyết định ra tay trước. Cô dụ hẩn uống rượu cùng mình, loại whiskey Dimple Pinch. Có lẽ cô đã dụ hẩn uống quá chén rồi ngộ độc chết”

Tess nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt lộ rõ vẻ bối rối và nụ cười đóng băng trên gương mặt như thể sẵn sàng để bật cười khi tôi nói rằng đó là một trò đùa. “Không phải vì muốn tôi biết điều đó, biết về cô, nên hôm nay tôi mới được mời đến đây sao?”

Tess chuyển từ vẻ bối rối sang lo lắng rồi lên tiếng, “Mal, giờ tôi sẽ đứng lên nhé. Tôi không hiểu anh đang nói gì cả. Đây có phải là chuyện mà anh với Brian đã bàn trước không? Một trò đùa?”

“Cô biết đến bản danh sách của tôi.” Tôi nói.

Bản danh sách những vụ giết người.”

“Có ai đó đang dùng nó để gây án ngoài đời thực. Tôi biết nghe có vẻ khủng khiếp, nhưng tôi hoàn toàn tỉnh táo. FBI đã lấy lời khai của tôi và điều tra một thời gian rồi. Tôi đã tưởng nó có liên quan đến cô hoặc Brian.”

“Tại sao?”

“Tại sao cà phê của chúng ta có vị khác nhau? Tại sao cô lại nói rằng tôi không thể rời đi?”

Cô ấy hơi cúi đầu và cười nhẹ. “Làm ơn, kéo tôi đứng dậy đã, tôi hứa sẽ không làm hại anh đâu”

Tôi cúi xuống, cô ấy nắm tay tôi và đứng dậy. “Vị cà phê của chúng ta khác nhau vì tách của tôi được khử cafein còn của anh thì không. Còn... em nói anh không được về, bởi vì em đang quyến rũ anh.”

“Ờ...” Tôi thốt lên.

“Brian biết, ý em là anh ấy vẫn luôn biết, rằng em sẽ quyến rũ anh. Anh ấy ổn với điều đó. Dù sao thì đời sống đó của chúng em cũng kết thúc rồi. Mà giờ em sẽ ở lại Boston một thời gian... Anh ấy thích anh.” Cô ấy nhún vai. “Em... cũng thích anh.”

“Xin lỗi.”

“Đừng, không sao mà. Mọi chuyện thật ngớ ngẩn, chỉ vậy thôi. Em đang dụ dỗ anh ở lại đây đêm nay, còn anh thì nghĩ

rằng em muốn lấy mạng anh”

“Dạo gần đây tôi không có hôm nào yên giấc.” Tôi nói, tự dưng cảm thấy xấu hổ.

“Điều đó là thật sao? Về bản danh sách ấy?”

“Thật đấy.” Tôi nói. “Có ai đó đang bắt chước theo nó để giết người và tôi khá chắc rằng hung thủ có quen biết với mình.”

“Lạy Chúa, anh có muốn kể cho em nghe không? Cũng chưa muộn đến thế đâu mà.”

“Không, không phải bây giờ” Tôi nói. “Tôi thật sự nghĩ là mình nên đi. Xin lỗi vì đã đẩy cô. Tôi xin lỗi, tôi...”

“Không sao mà.” Tess nói và ôm chặt lấy tôi. Tôi đã nghĩ cô ấy sẽ thử hôn mình nhưng mọi chuyện không diễn ra như vậy. Tess lùi lại và nói. “Về nhà cẩn thận nhé, anh có cần em gọi taxi hay gì đó không?”

“Không, cảm ơn.” Tôi nói. “Lần tới chúng ta gặp nhau tôi sẽ kể chi tiết hơn về mọi chuyện, nhé.”

“Em sẽ chờ.”

Sau khi cánh cửa đóng lại sau lưng, tôi đứng lặng người một lúc. Con phố yên tĩnh, tuyết phủ lên mọi thứ. Tôi có thể nghe thấy tiếng nhạc vang lên phía xa và thấy người ta ra về từ quán bar ở ngay khúc quanh cuối đường. Tôi bước ba bước xuống vỉa hè rồi rẽ trái, nhận thấy rằng mình đang đạp lên tuyết mới mà đi, để lại những dấu chân sâu hoắm. Tôi mới đi qua được một nửa khu nhà thì đã nghe thấy những tiếng bước chân vội vã vang lên phía sau. Tôi quay lại và nhìn thấy Tess đang chạy về phía mình, không mặc áo ngoài, trong tay là một thứ gì đó.

Chắc là tôi đã rụt người lại nên cô ấy dừng chân cách tôi tầm một mét và vươn tay ra đưa cho tôi một cuốn sách.

“Em quên mất.” Giọng cô ấy có vẻ hụt hơi. “Brian rất muốn anh giữ thứ này. Đây là một tập truyện mới mà anh ấy đang viết. Đừng nói với anh ấy là em tiết lộ chuyện này nhé, nhưng tập này được dành tặng cho anh đấy.”

Chương 26

Tôi về tới nhà vào tầm một tiếng sau đó, ướt nhẹp và lạnh cóng, mệt mỏi rã rời vì phải lặn lội trên con đường dốc về nhà trong lớp tuyết mỗi lúc một dày thêm.

Tôi cởi áo khoác ra cùng với giày và tất rồi nằm vật xuống cái ghế sofa trong bóng tối. Tôi cần suy nghĩ một chút. Cũng may là chuyến đi dài trong tuyết đã giúp tôi tỉnh táo phần nào, những hình ảnh của buổi tối có phần khôi hài này với Tess và Brian bắt đầu lặp lại trong tâm trí tôi. Bây giờ nhìn lại thì việc tôi buộc tội Tess về cái chết của Nick Pruitt và những người khác thật sự lố bịch, nhưng lúc đó, tại nơi ấy, khi tôi cho rằng ca phê của mình bị bỏ thuốc thì mọi thứ dường như thật hợp lý. Tôi tự hỏi không biết giờ Tess đang làm gì. Có phải cô ấy đã đánh thức Brian dậy và kể lại mọi chuyện rồi hay không? Về cái cách tôi đẩy cô ấy ngã xuống đất và buộc tội giết người? Có phải Tess cho rằng tôi đã phát điên rồi hay không? Tôi quyết định sẽ gọi lại cho họ vào sáng mai, có lẽ là thổ lộ một chút những chuyện diễn ra trong thời gian gần đây. Tôi suy nghĩ về lời đề nghị của cô ấy, về lý do họ mời tôi đến nhà. Vào một hoàn cảnh khác, có lẽ bây giờ tôi đã ở trên giường cùng với Tess Murray rồi.

Tôi ngồi dậy, quyển sách của Brian Murray rơi từ trên đùi tôi xuống đất. Tôi bật đèn lên, nhặt lại cuốn sách và ngắm nghía nó

lần đầu tiên. Tựa sách mang tên *The Wild Air - Cơn gió hoang dã* và bìa sách giống như những cuốn khác, là hình bóng lưng của Ellis Fitzgerald đang nhìn về đâu đó, một khung cảnh nào đó, hoặc hiện trường chẳng hạn. Trên bìa cuốn sách này, cô thám tử đang nhìn về phía cái cây duy nhất trên đường chân trời, một đàn chim đang bay lên từ trên cành với một con khác nằm trên cánh đồng đầy tuyết, dường như đã chết.

Tôi mở sách ra. Tìm đến trang đề tặng, hiện tại nó đang để là “Dành tặng TK” - thường thì các biên tập viên sẽ để như vậy cho những phần sách chưa được duyệt. Tôi không biết liệu Brian có còn muốn dành tặng cuốn sách này cho tôi sau khi tôi nghĩ vợ anh ấy là kẻ giết người không nữa.

Cuốn sách bắt đầu với một đoạn hội thoại:

“Cô muốn uống gì?” Mitch hỏi

Ellis ngần ngừ. Mọi khi cô ấy sẽ trả lời rằng mình lấy một ly rượu vang - lúc nào cũng thế. Thế nhưng lần này thì khác. “Nước có ga và dâu, cảm ơn.” Ellis nói.

Tôi suy nghĩ đến việc đọc nốt cuốn sách nhưng cảm thấy mình nên nghỉ ngơi một lúc. Tôi đặt nó lên bàn, tắt đèn đi rồi nằm nghiêng trên chiếc ghế sofa, nhắm mắt. Chắc chỉ được tầm năm phút thôi, trong đầu tôi cứ không ngừng tái hiện lại những sự kiện đã diễn ra trong mấy ngày qua. Rồi tôi chợt nhớ tới tin nhắn mình để lại trên Duckburg khi cố gắng kết nối với Charlie và tự hỏi không biết đã có ai trả lời chưa. Tôi đi lấy chiếc máy tính và mang nó ra sofa, ngồi xuống và đăng nhập với cái tên giả Farley Walker. Có một chấm xanh hiện lên báo hiệu

rằng tôi nhận được phản hồi mới. Tôi ấn vào và thấy một tin nhắn duy nhất: *Xin chào ông bạn cũ.*

Tôi nhấn lại: *Anh có phải là người mà tôi đang nghĩ không?*

Mục tin nhắn này không hiển thị thời gian nên tôi không biết được mình nhận được nó từ bao giờ. Nhưng tôi vẫn đợi, nhìn chăm chăm vào màn hình. Đúng vào lúc tôi định bỏ cuộc thì có một tin nhắn mới hiện lên: *Cậu còn chẳng biết tên tôi, đúng không? Malcolm?*

Tôi nhấn lại: *Đúng là tôi không biết, vậy tại sao anh không tự giới thiệu nhỉ?*

Có lẽ tôi sẽ làm vậy, nhưng chúng ta nên vào phòng chat riêng thì hơn.

Tôi ấn nút chuyển trạng thái phòng chat sang riêng tư, tim đập thình thịch trong lòng ngực và hàm răng nghiến chặt đến đau nhức.

Tại sao? Tôi viết.

Tại sao gì cơ? Tại sao tôi tiếp tục làm những điều mà cậu đã bắt đầu sao? Tôi có câu hỏi hay hơn này, tại sao cậu lại dừng tay?

Tôi dừng tay bởi vì tôi chỉ muốn giết một người duy nhất đó thôi, và sau khi hắn chết rồi tôi đã chẳng còn lý do nào để tiếp tục giết chóc nữa cả.

Sau đó là một khoảng lặng dài làm tôi lo lắng rằng Charlie đã rời đi mất rồi. Tôi muốn nói chuyện thêm một chút. Hơn nữa, dù cho nghe có hơi ngớ ngẩn nhưng về một mặt nào đó thì chuyện này làm tôi cảm thấy an toàn, những dòng chữ còn xuất hiện trên màn hình tức là hắn ta tạm thời chưa làm gì tổn thương đến ai khác cả, chắc vậy.

Xin lỗi vì chậm trễ. Cuối cùng cũng có hồi âm.

Chỗ tôi ở bây giờ đòi hỏi phải im lặng.

Anh đang ở đâu?

Tôi sẽ nói cho cậu biết, nhưng chưa phải bây giờ. Nó sẽ phá hoại hết phần còn lại của cuộc nói chuyện này và tôi đang rất vui khi được nói chuyện với cậu.

Có một điều gì đó trong cách nói chuyện của gã làm tôi phát bực, và tôi viết:

Anh là một gã điên chết tiệt, anh biết chứ?

Một khoảng lặng nữa, và rồi:

Tôi cũng từng nghĩ vậy. Sau khi tôi giết gã Eric Atwell kia cho cậu, tôi cảm thấy tuyệt vời tới mức tưởng mình là một con quái vật. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến. Tôi bắn hấn tận năm phát, và mãi đến tận phát thứ năm hấn mới chết. Phát đầu tiên là vào bụng, đau lắm đấy, nhưng mà sau khi tôi tiết lộ tại sao hấn phải chết thì cơn đau đó được thay thế hoàn toàn bằng nỗi sợ. Tôi nhìn thấy được hấn ngọ ra điều gì đó, rằng hấn sẽ chết, hấn sắp chết. Cậu có thấy điều tương tự với Chaney không thế?

Không. Tôi trả lời.

Hấn có biết rằng mình sắp chết không?

Tôi không biết, tôi không tiết lộ gì với hấn cả.

Có lẽ vì thế mà cậu không ưa thích việc này như tôi. Có lẽ nếu cậu nhìn thấy điều đó trong mắt hấn, khi hấn biết rằng điều gì sẽ xảy ra tiếp theo và nguyên nhân tại sao, như vậy cậu mới hiểu được.

Tôi chẳng cảm nhận được một chút khoái cảm nào từ việc đó cả, còn anh thì có. Đó là điều khác biệt lớn nhất giữa chúng ta.

Đó là lý do mà tôi cho rằng chính cậu mới là kẻ điên ở đây đấy. Cậu viết một danh sách tôn vinh nghệ thuật giết người, rồi tôi quyết định thực hiện những gì bản danh sách đó đề xuất, tạo ra nghệ thuật đích thực, vậy mà cậu không thấy hợp lý ư?

Có sự khác biệt giữa văn chương và hiện thực đấy.

Không nhiều như cậu tưởng đâu. Charlie trả lời. Cả hai đều có vẻ đẹp của riêng nó và cậu biết điều đó.

Tôi đã gõ dở dòng chữ *Chẳng có thứ gì tốt đẹp khi tôi giết chết Norman Chaney* cả nhưng lại xóa nó đi. Tôi cần phải suy nghĩ kỹ hơn một chút, tôi cần gả Charlie này tin tưởng mình, để dụ hắn tiết lộ về danh tính hoặc nơi chốn của mình hiện tại.

Và tôi nhắn lại:

Chúng ta có thể gặp nhau được không?

Ồ, chúng ta đã gặp nhau rồi đấy. Tin nhắn mới đến ngay lập tức.

Lúc nào thế?

Tôi nhìn thấu ý định của cậu rồi và để tiết kiệm thời gian thì tôi nói luôn là tôi không đời nào tiết lộ mình là ai đâu. Không phải bây giờ, không phải như thế này. Vẫn còn nhiều việc phải làm lắm. Thật tuyệt vời khi cứ hết lần này đến lần khác cậu dẫn tôi đến những nạn nhân hoàn hảo. Nick Pruitt quả là ngon ăn.

Anh ta đâu có phạm tội gì đâu chứ?

Hắn có đấy, tin tôi đi. Tôi đã nghĩ là bắt hắn uống rượu tới chết hắn sẽ tốn công lắm cơ nhưng hóa ra hắn gần như tận hưởng chuyện đó. Ly đầu là khó nhất, sau đó thì tôi đưa gì hắn cũng nốc hết, trông hắn có vẻ hạnh phúc.

Chắc là tôi không thể khiến anh ra đầu thú được đâu nhỉ.

Chỉ khi cậu đi cùng tôi thôi. Y như những gì tôi hy vọng gã sẽ nói.

Đương nhiên. Tôi trả lời. Anh, tôi, chúng ta, tiết lộ toàn bộ sự thật, được chứ.

Lại một khoảng lặng nữa tưởng chừng như vô tận, tôi không biết rằng hắn đang cân nhắc hay là đã bỏ mặc tôi nữa. Mãi một lúc sau mới có hồi âm.

Nghe hấp dẫn đấy, nhưng tôi còn chưa xong việc. Cậu vừa mới cung cấp cho tôi thêm hai nạn nhân nữa mà, một người sẽ chết, và một người sẽ mất tích, y như trong vụ án Bí ẩn ngôi nhà đỏ. Cậu có thể giúp tôi một tay nếu muốn.

Sống lưng tôi lạnh toát.

Để tôi suy nghĩ đã. Tôi viết trong lúc đứng bật dậy, choàng vội tấm áo lên người, xỏ chân vào đôi tất ướt và đóng vội đôi giày. Toàn thân tôi run rẩy. Giờ hắn hẳn đã đang trên đường đến nhà của Brian và Tess rồi, có khi đã đến nơi rồi ấy chứ. Tôi vớ lấy cái điện thoại và ngay lập tức gọi cho Tess, hy vọng có thể kịp cảnh báo cô ấy đừng mở cửa cho bất kỳ ai. Không có ai nghe máy, tôi cũng không để lại lời nhắn nữa. Tôi đã tính gọi cho 911 nhưng lại thôi vì có linh cảm rằng kể cả có gọi đi nữa thì khi họ đến nơi mọi chuyện cũng đã xong xuôi cả rồi. Họ sẽ chẳng tìm được gì cả và tôi sẽ phải giải thích tại sao mình lại gọi điện báo án. Tôi tự nhủ rằng những gì mình đang làm đây là quyết định đúng đắn.

Ở bên ngoài, tuyết đã rơi dày hơn rất nhiều. Tôi đi lên chỗ đậu xe ở trên đồi. Dù đường xá trông có vẻ tồi tệ tôi vẫn nghĩ rằng mình có thể lái xe tới được South End nhanh hơn đi bộ.

Tôi đánh lái quay đầu xe và phóng nhanh từ trên đồi xuống. Lúc tôi đạp phanh, bánh xe trượt đi vì băng tuyết làm chiếc xe gần như quay ngang. Tôi nhấc chân khỏi phanh và bắt đầu nhấn nhả nhưng chiếc xe vẫn trượt đi, qua cả đèn đỏ và vào phố Charles. Tôi gồng mình chờ đợi tai nạn xảy ra nhưng may sao trên phố chẳng còn ai khác đang lái xe cả, chỉ có một vài người đang cuộc bộ thôi. Có một cặp đôi đang tròn mắt trên vỉa hè nhìn tôi suýt tí nữa thì gây ra tai nạn.

Khi cuối cùng cái xe cũng dừng lại, tôi phát hiện mình đang ở giữa đường nhưng đầu xe thì đang chĩa về gần đúng hướng phải đi. Tôi điều chỉnh tay lái và tiếp tục nhấn ga chậm rãi, tự nhủ rằng mất lái giờ này sẽ là một chuyện vô cùng tồi tệ. Nếu không phải Charlie cố tình dọa tôi thì hẳn đã xác định được mục tiêu tiếp theo rồi. Nếu tôi có thể tới đó trước thì ít nhất hai vợ chồng nhà Murray sẽ được cảnh báo. Thế như nhờ Charlie đã ở đó rồi thì sao? Có khi lúc chúng tôi nhắn tin cho nhau trên Duckburg hẳn đã ở trong nhà họ rồi. Hẳn có thể sử dụng điện thoại, như vậy có thể giải thích được những khoảng lặng và đôi chỗ lỗi từ trong tin nhắn. Tôi cố gắng đánh lạc hướng bản thân khỏi khả năng tồi tệ đó để tập trung vào lái xe. Bên ngoài kia tuyết rơi vùn vụt, đập thẳng vào kính xe. Cần gạt lau kính đang hoạt động nhưng mọi thứ vẫn bị che mờ và ở phần rìa kính đã bắt đầu đóng băng rồi. Tôi bật hệ thống ră đông lên công suất tối đa và hạ kính xe xuống để thò đầu ra ngoài nhìn đường, lái xe dọc theo lề con phố từ công viên trung tâm hướng về Arlington. Lúc tôi đến được Tremont thì kính chắn gió đã bớt mờ đi một chút. Tôi biết mình không thể đi ngược chiều vào

con đường hẹp chỗ nhà hai vợ chồng Murray được nên đã dự định bỏ xe ở góc đường ngay từ đầu và quốc bộ quãng đường còn lại. Tuy nhiên, lúc đến nơi tôi đã quyết định mặc kệ, cứ rẽ vào và xem có chỗ nào có thể quay đầu hay không.

Toàn thân tôi đau nhức. Tôi ép mình thả lỏng bàn tay đang bám chặt lấy tay lái. Con đường tôi đang đi qua gần đây không được cào tuyết tử tế làm bánh xe thỉnh thoảng lại trượt đi một đoạn. Ngay khi có thể tôi rẽ phải vài lần để quay đầu, hy vọng có thể vào đúng con phố nhà Murray. Trông có vẻ đúng, dù đường xá trong khu dân cư South End này trông không khác nhau là mấy. Tôi đi chậm lại, thò đầu ra ngoài xem mình có thể nhìn thấy cánh cửa màu xanh đánh dấu nhà của hai vợ chồng họ hay không. Đi được tầm ba phần tư con phố thì tôi phát hiện ra nó. Không giống như những căn nhà xung quanh, nhà Murray vẫn còn sáng đèn. Tôi cố gắng để không tưởng tượng ra một viễn cảnh tồi tệ khi bước vào trong nhà.

Tôi dừng xe bên cạnh trụ cứu hỏa, tắt máy và bước xuống lớp băng tuyết nhầy nhụa dày cả tắc. Tôi sang đường để tới nhà Murray, nghe tiếng ai đó hét lên rằng “Không được đỗ xe ở đó,” quay đầu lại và thấy một người phụ nữ đứng dưới ánh đèn đường cùng chú chó cách tôi tầm bốn căn nhà. Tôi vẫy tay với bà ấy và tiếp tục bước đi.

Khi đến chỗ cánh cửa, tôi bất chợt ước gì mình có một thứ vũ khí nào đó, thứ gì cũng được, thậm chí đã định quay lại xe để lấy cái vịn lốp từ trong cốp nhưng tôi không muốn lãng phí thêm một phút giây nào nữa. Cửa vẫn khóa nên tôi cố thử vừa gõ cửa vừa bấm chuông xem sao, không biết mình sẽ làm gì đây

nếu không có hồi âm. Tôi lau lớp kính trên cái cửa sổ bát giác, cố nhìn vào trong thì chợt nghe thấy tiếng bước chân vang lên từ phía trong và cánh cửa bật mở.

Chương 27

“**M**al!” Tess thốt lên, giọng hơi lạc đi, vừa nói vừa đưa tay ra tóm lấy phần trong áo khoác và kéo tôi vào nhà.

“Mọi thứ vẫn ổn chứ?” Tôi hỏi nhưng cô ấy đang bận khóa cửa rồi quay lại ép sát vào người tôi, môi ấn lên môi tôi. Tôi đáp lại cái hôn đó, một phần vì cảm thấy nhẹ nhõm khi cô ấy vẫn còn sống, một phần là vì cảm giác ấy thật tuyệt. Hơn nữa tôi cũng không muốn nói rằng mình quay lại đây vì nghĩ hai người họ đang gặp nguy hiểm. Nghe nó thật lố bịch.

Môi chúng tôi rời nhau. Tôi ôm lấy cô ấy, cảm thấy nặng nề như thể Tess đang không đứng vững. Tôi hỏi lại, “Có điều gì bất thường không?”

Cô ấy buông tôi ra, lùi lại rồi nói, “Sao anh cứ hỏi đi hỏi lại chuyện ấy thế?” Giọng cô hơi lè nhè còn mắt thì chớp liên tục.

“Chỉ là trông em... em đang say đấy hả?” Tôi nói.

“Có thể.” Tess trả lời. “Thế thì sao? Anh cũng say mà.” Cô ấy quay đi nhưng thân thể lão đảo như sắp ngã. Tôi vội lao tới và đỡ lấy cô ấy, dìu tới chỗ hai chiếc ghế dài đối diện nhau gần chỗ nhà bếp. Chúng tôi ngồi xuống.

“Em cảm thấy lạ quá.” Tess vừa nói vừa đặt tay lên vai tôi rồi dựa cả người vào. Hơi thở của cô ấy đăng đăng mùi cà phê.

“Nói cho anh nghe em đã làm gì từ lúc anh rời đi.” Tôi hỏi.

“Anh về từ lúc nào thế?”

“Tâm hai tiếng trước, chắc vậy, anh cũng không chắc lắm.”

“À ừ thì, em như con thú liếm láp vết thương của mình thôi, bởi vì, tại anh... và uống cà phê. Sau đó em cảm thấy mệt, rất mệt. Em định lên gác nằm ngủ nhưng lại đổi ý nằm chợp mắt một chút ở đây thôi. Rồi em nghe tiếng chuông cửa, và giờ thì anh ở đây”

“Có ai ghé qua không?”

“Có ai ghé qua không á? Đây á? Không. Chỉ có anh thôi. Anh muốn hôn em lần nữa không?”

Tôi rướn người tới và hôn cô ấy, hy vọng chỉ một cái hôn ngắn thôi, nhưng Tess mở miệng ra và hai chiếc lưỡi quấn lấy nhau cuồng nhiệt, hai tay siết chặt lấy tôi. Tôi vẫn mở mắt nhưng bị mái tóc trập trùng như sóng che mất tầm nhìn. Tôi ngừng hôn và kéo đầu cô ấy áp vào ngực mình.

“Thích quá.” Cô ấy nói rồi lẩm bẩm điều gì đó tôi không nghe rõ.

Chúng tôi nằm yên như thế chừng một phút. Tôi có thể cảm nhận được Tess đang dần lịm đi trong lòng mình, chìm vào giấc ngủ. Tôi cứ để yên như vậy và nhìn quanh. Mọi thứ trông vẫn y nguyên như lúc tôi rời đi. Hai ly cà phê vẫn còn nằm trên bàn ăn đối diện cửa sổ nhìn ra bên ngoài, cùng với một chiếc đèn bàn. Căn bếp được chiếu sáng bằng chiếc đèn dưới tủ treo. Căn nhà hoàn toàn yên tĩnh, dù tôi nghĩ rằng mình có thể loáng thoáng nghe thấy tiếng ngáy của Brian vang lên từ trong căn phòng ngủ dưới nhà. Tôi không chắc, nhưng đây có thể là một tín hiệu tốt, rằng anh ấy vẫn còn sống.

Tôi biết rằng Charlie đang ở đây, trong căn nhà này.

Có lẽ tối nay hắn đã theo đuôi tôi tới đây, thậm chí là chờ đợi bên ngoài trong giá lạnh lúc tôi ăn tối cùng Brian và Tess. Có thể hắn đã bám theo lúc tôi ra về, có thể hắn ở lại tìm cách đột nhập vào bên trong và cơ hội ngon ăn đã đến khi Tess đuổi theo tôi đưa cuốn sách của Brian, để lại cánh cửa đằng sau không khóa. Charlie lẻn vào bên trong, và sau đó thì sao? Hắn trốn trong nhà, và bằng một cách nào đó hắn bỏ được thứ gì đó vào trong cà phê của Tess, có thể là cùng thứ thuốc hắn đã dùng trong chai whiskey của Pruitt. Tôi không cho rằng Tess đang say, cũng không cho rằng cô ấy say hơn lúc tôi rời đi vào hai tiếng trước. Không, rõ ràng đây là biểu hiện bị đánh thuốc. Tôi vừa hay đến kịp trước khi hắn làm gì đó với Tess. Giờ thì chúng tôi đều đang ở trong căn nhà này với nhau. Charlie đang trốn ở đâu? Nếu tôi là hắn thì tôi sẽ chọn chỗ như thế nào?

Tôi nhẹ nhàng nhấc Tess ra khỏi ngực mình và đặt xuống ghế rồi đứng lên.

“Anh đi đâu thế?” Tess nói, nhưng giọng cô ấy chỉ như lầm bầm mà thôi. Cô ấy gối hai bàn tay xuống má, mắt vẫn nhắm và hơi thở trở nên nặng nề. Tôi rón rén bước vào trong bếp, ở đó có cánh cửa ngách dẫn sang hành lang tầng một và từ đó đi vào phòng ngủ nơi Brian đang nằm. Ở đó có cả tủ quần áo nữa, nếu tôi nhớ không nhầm. Tôi đến chỗ mặt bàn bếp, tìm thấy cái chày cán bột và cầm nó lên bằng tay phải. Tôi nghĩ là lấy dao sẽ tốt hơn nhưng lại thích cảm giác chắc chắn của cái chày cán bột này. Nó được làm từ một miếng gỗ cứng và nặng, rõ ràng nếu như Charlie có súng thì tôi cầm gì cũng vô dụng cả thôi nhưng

mà có còn hơn không. Cầm nó trong tay làm tôi vững tâm hơn nhiều.

Tôi định chiếm cứ căn bếp này, chỉ đứng đó thôi là có thể quan sát được chỗ cửa ngách cùng phần hành lang dẫn ra phòng ăn và phòng khách. Tôi có thể đứng đó cả đêm chờ Charlie động thủ trước nhưng đồng thời cũng lo lắng cho Tess. Bất kể cô ấy đã uống phải thứ gì đi nữa thì nó cũng có thể gây chết người giống như những gì đã xảy ra với Nick Pruitt. Bằng thứ giọng điệu tôi hy vọng là bình thường, tôi nói lớn, “Tôi biết anh đang ở đây.” Âm thanh vang vọng trong căn bếp trống trơn.

Không có gì xảy ra cả.

Tôi chờ đợi thêm tầm năm phút nữa rồi bắt đầu tự hỏi không biết có phải mình bị hoang tưởng rồi hay không. Có thể sau khi tôi rời đi Tess tiếp tục nốc rượu và bây giờ cô ấy chỉ đang say thôi. Cũng có thể Charlie đang chơi đùa với tôi, quay tôi vòng vòng và lao đến đây vô ích. Tôi từ từ quay lại phòng khách. Tess không hề động dậy, vẫn nằm cuộn tròn trên ghế, tay đặt dưới má. Tôi cúi xuống và nghe tiếng cô ấy thở đều đều. Tôi nhìn sang bên trái về hướng hành lang, biết rằng sàn nhà cũ kỹ sẽ kêu lên kéo kẹt với mỗi bước chân. Sau khi tôi đi qua nó, tôi đẩy cánh cửa dẫn vào nhà tắm, ánh sáng từ hành lang chiếu vào vừa đủ để tôi nhìn thấy nó trống trơn.

Và rồi tôi nghe thấy tiếng bước chân đằng sau lưng mình... Tôi điếng người.

Tiếng bước chân dừng lại nhưng tôi có thể nghe rõ ràng tiếng thở nặng nề. Tôi quay đầu lại, bàn tay cầm cái chày cán

bột siết chặt. Con chó săn tên Humphrey nhìn tôi khó hiểu. Tôi giơ tay trái ra, nó tiến lên ngửi ngửi vài cái rồi quay trở về phòng khách.

Tôi quay đầu lại, bấm bụng bảo mình cần đến xem Brian có ổn không, cũng để biết chắc rằng không có ai khác ở đó nữa. Sau đó có lẽ tôi có thể rời khỏi nơi đây chẳng? Có lẽ tôi không cần thiết phải ở đây?

“Tên con chó là gì thế?”

Tiếng nói vang lên từ sau lưng tôi và tôi nhận ra nó, đương nhiên rồi. Tôi quay lưng lại đối diện với người đó, đứng ở chân cầu thang, ánh sáng hắt ra từ phía sau lưng làm gương mặt chìm trong bóng tối.

Anh ấy cầm súng, buông xuôi nó ở bên người nhưng khi tôi chỉ vừa tiến lên một bước thì họng súng đã ngay lập tức chĩa về phía tôi.

Và người cầm nó, là Marty Kingship.

Chương 28

“**H**umphrey.” Tôi nói.

“Ờ...” Anh ấy đáp lại. “Như ông diễn viên ấy hả?”

“Chắc là thế, tôi cũng không biết nữa.”

“Chó chiếc chán thế đấy.”

“Công nhận.” Tôi nói. Tay kia của Marty đang cầm gì đó, và tôi phải mất một lúc mới nhìn ra được đó là một cái điện thoại di động. Trông nó thật sự lạc quẻ trên người Marty. Chúng tôi đã uống với nhau rất nhiều lần rồi, nhìn thấy nhau trong tiệm sách còn nhiều lần hơn nữa vậy mà tôi chưa từng có một chút ấn tượng nào về việc Marty cầm điện thoại di động cả. Tôi cũng chưa từng thấy anh ấy cầm súng nữa, nhưng so với khẩu súng thì trông cái điện thoại lạ lẫm hơn nhiều.

“Anh ở đây bao lâu rồi?” Tôi hỏi. “Anh đã nhắn tin qua nó đúng không? Trên trang Duckburg?” Tôi hất đầu ra hiệu về phía chiếc điện thoại.

“Ừ.” Anh ấy nói. “Không tệ đúng không? Nhắn tin với mấy ngón tay múp như chân giò này. Nè, kiếm chỗ nào đó ngồi xuống đi.” Marty vẫy khẩu súng ra hiệu. “Ra chỗ cái bàn cũng được, cậu quăng cái quái quỷ gì cậu đang cầm kia lên đó, tôi cũng không cần phải chĩa cái của nợ này về phía cậu, như thế nói chuyện cũng thoải mái hơn”

“Cũng được.” Tôi nói.

Marty quay người đi về chỗ cái bàn. Tôi hình dung mình có thể phóng tới, cầm cái chày nện một phát trước khi anh ta kịp quay người lại chĩa súng nhưng tất cả những gì tôi làm chỉ là lẻo đẻo theo sau thôi. Chúng tôi ngồi xuống bàn, cùng chỗ mà tôi và Tess đã ngồi với nhau vài giờ trước đó. Marty ngả người ra sau và để khẩu súng lên đùi.

“Mà cậu đang cầm cái gì vậy?”

“Chày cán bột thì phải.” Tôi vừa nói vừa đặt nó xuống mặt bàn.

“Cậu mang nó theo hay đến đây mới lục được đây?”

“À, nhặt được ở trong nhà đây.”

Chiếc đèn chùm trên trần vẫn đang tỏa sáng và tôi có thể nhìn thấy mặt Marty rõ hơn. Anh ấy trông không khác bình thường là mấy, da dẻ tái nhợt, đầu tóc luộm thuộm như thể đã lâu không có một giấc ngủ tử tế vậy, chỉ có đôi mắt là hơi khác một chút. Tôi muốn nói rằng nó nồng nhiệt hơn, sống động hơn, nhưng không hẳn là thế, nó giống như một đôi mắt chan chứa niềm vui. Gương mặt anh ấy lạnh tanh nhưng đôi mắt thì tràn ngập ý cười.

“Tôi cứ nghĩ cậu sẽ mang theo cái gì có sức sát thương lớn hơn cơ.” Marty nói. “Rồi tôi nhận ra đó không phải kiểu của cậu. Gọi cảnh sát chưa?”

“Rồi.” Tôi vội đáp. “Giờ này chắc họ đang trên đường tới đây rồi?”

Marty cau mày. “Thôi không lừa dối nhau nữa nhé. Nói sự thật đi, rồi chúng ta tính xem sẽ làm gì tiếp theo. Tôi biết rằng cậu đang nghĩ cơ hội duy nhất mình có là nhân lúc tôi sơ hở mà

nhảy vào không chế, nhưng không cần phải như vậy đâu. Tôi là người hiểu lý lẽ mà. Hơn nữa thành thật mà nói thì dù sao tôi cũng không còn trẻ nữa, nhưng mà, ờ, người ta hay khen những người già vẫn còn có thể đi lại bằng đôi chân của mình như thế nào ấy nhỉ?”

“Trộm vía cụ vẫn còn nhanh nhẹn lắm.” Tôi nói.

“Ồ đúng, nó đó. Tôi vẫn còn nhanh nhẹn lắm. Cậu mà tính lao lên hay đột ngột làm gì đó là ăn ngay một viên kẹo đồng vào đầu đấy nhé.”

Marty cười.

“Hiểu rồi.”

“Cảnh báo trước thế, tôi không muốn cậu nảy ra một ý tưởng ngu ngốc nào hết.”

Tôi giơ cả hai tay lên. “Tôi sẽ ngồi nguyên ở đây.” Tôi nói.

“Tốt. Tôi tin cậu. Giờ ta có thể nói chuyện được rồi. Tôi vẫn đang nghĩ về những gì cậu vừa mới nhắn về tiểu thuyết và hiện thực. Rằng bản danh sách các vụ án của cậu là hư cấu và ở đây có sự khác biệt căn bản. Tôi cho rằng cậu đúng, Mal. Nhưng mà cậu đang nhìn nhận sai hướng rồi. Tiểu thuyết tuyệt vời hơn nhiều so với thực tế. Tôi biết mà, tôi đã sống đủ lâu để hiểu được. Và cậu biết tôi học được những điều đó ở đâu không? Về tiểu thuyết ấy? Tôi học nó từ cậu đấy. Cậu dẫn dắt tôi đến với thế giới văn chương, cậu dắt tôi đến với giết chóc. Nó làm cuộc đời tôi tốt đẹp hơn. Này không biết ở đây có bia không nhỉ? Vừa làm chai bia lạnh vừa nói chuyện cũng không tệ đâu.”

“Chắc là có đấy.” Tôi nói.

Marty nhìn từ bên kia bàn vào trong bếp, nơi cái tủ lạnh to lớn nằm lù lù trong ánh sáng mờ mờ. “Cậu đi lấy vài chai được không? Liệu tôi có thể tin cậu sẽ không làm điều gì ngu xuẩn chứ?”

“Được thôi” Tôi đáp.

Tôi đứng lên và đi vào bếp trong lúc Marty chĩa súng về phía mình. Tôi đi qua chỗ hai cái ghế dài. Con Humphrey đang nằm cuộn trên chiếc ghế đối diện Tess, cả hai đều đang ngủ say sưa. Tôi mở tủ lạnh, tìm được hai chai Heineken ở tuốt đằng sau, rồi lục được cái mở nắp chai.

“Ồ, Heineken.” Marty mỉm cười lúc tôi đặt chai bia đã bật nắp xuống trước mặt anh ấy. “Niềm vui bất ngờ đấy.”

Marty nhấp một ngụm bia và tôi làm theo. Trong hoàn cảnh nào đi nữa thì vị bia lạnh vẫn rất ngon, xua đi cảm giác khô rát dính dính trong miệng tôi này giờ. “Đúng vậy, cậu đã thay đổi cuộc đời tôi hai lần Mal ạ, cậu có biết không.” Marty nói, như thể cuộc đối thoại chúng tôi bắt đầu vẫn tiếp tục diễn ra trong đầu anh ta ngay cả khi tôi đi lấy bia. “Cậu dẫn tôi đến với giết chóc, rồi cậu dẫn tôi đến với văn chương, và cuộc đời tôi trở nên tốt đẹp hơn.”

“Người dẫn anh đến với giết chóc sao lại là tôi được chứ?” Tôi nói.

Marty bật cười. “Ồ, là cậu chứ ai. Tôi là cớm nhưng điều đó không có nghĩa là tôi đã từng giết ai nhé.”

Tôi nghĩ đêm hôm đó chúng tôi đã nói chuyện suốt ba giờ, hầu hết là Marty nói còn tôi ngồi nghe. Càng nói giọng anh ấy càng khàn đặc nhưng năm tháng dường như trôi ngược lại theo

từng lời nói. Rõ ràng những gì xảy ra đã trao cho Marty sức sống mới, nhưng thế thôi là chưa đủ, anh ta còn cần ai đó công nhận nữa.

Marty kể rằng năm năm trước đây, vào năm 2010, khi mà Claire chết, anh ấy vẫn còn là một sỹ quan cảnh sát ở Sở cảnh sát Smithfield, nằm trong diện duyệt về hưu sớm và chung sống với một bà vợ lạnh nhăng. Đã có ít nhất hai lần Marty nhét nòng súng đã nạp đạn vào trong miệng mình định bóp cò vào lúc đêm khuya. Đã có lúc anh ấy muốn giết chết vợ mình trước để cô ta không thể sung sướng tận hưởng cuộc sống sau khi anh ta chết. Thứ duy nhất níu tay Marty chính là hai đứa con và ước muốn không để chúng sống với sang chấn như thế đến hết cuộc đời. Dầu vậy, không có hôm nào anh ta không nghĩ đến cái chết.

Cũng trong khoảng thời gian này anh ấy tham gia một chuyên án nhỏ triệt hạ một đường dây mại dâm nguy trang dưới mác một cửa tiệm giặt là. Đám này quảng cáo dịch vụ trên một trang mạng gọi là Craigslist, cùng với một trang khác mang tính chất chợ đen hơn là Duckburg. Marty đã theo dõi cả hai trang, có những đêm muộn anh ta tự hỏi liệu mình có nên ngoại tình không, ăn miếng trả miếng, bà ăn chả thì ông cũng ăn nem, không biết liệu có thể tìm được mối quan hệ như thế trên những trang mạng kiểu này không? Liệu làm vậy thì có thay đổi được gì không? Đây chính là lúc Marty tìm thấy tôi trên Duckburg, tìm kiếm một người đồng hâm mộ quyển *Người lạ trên tàu*. Marty chưa đọc quyển đó, lúc đó anh ta còn chưa từng đọc sách, nhưng đã từng xem bộ phim chuyển thể cùng

tên từ hồi còn bé và chưa bao giờ quên cốt truyện của nó, với những Robert Walker, Farley Granger, *tôi xử lý người anh muốn, còn anh giết người tôi cần*. Marty trả lời tôi và mọi thứ bắt đầu từ đó.

Anh ta đã muốn tôi giết hộ cô vợ, nhưng nhận ra rằng như vậy quá lộ liễu, bằng chứng ngoại phạm thôi là không đủ để anh ta trắng án. May sao vẫn còn một kẻ mà Marty muốn giết hơn so với cô vợ lằng lộn. Norman Chaney là một chủ hộ kinh doanh nhỏ ở Holyoke với ba cửa tiệm sửa chữa xe cộ kiêm tạp hóa không hề có tiếng lành về chất lượng phục vụ, nhưng lại có tiếng xấu lan xa và đều có dính líu đến băng nhóm ma túy địa phương. Cảnh sát chưa bao giờ tìm được đủ bằng chứng xác đáng để buộc tội Chaney nhưng điều tra cho thấy chắc chắn có hoạt động rửa tiền, thậm chí là buôn bán thuốc phiện ngay tại trạm. Marty chú ý đến gã này sau vụ Margaret Chaney - cô vợ đang ly thân của Norman chết trong vụ cháy. Cảnh sát địa phương thừa biết Chaney đã ra tay để ăn tiền bảo hiểm, không cần chia tài sản sau ly hôn và xử được bà vợ hờ - một mũi tên trúng ba con chim nhưng hắn vẫn thoát được và trốn đến New Hampshire. Vì vậy mà anh ấy đã dùng tên và địa chỉ của Norman Chaney để trao đổi với tôi.

Trước khi bắn chết Eric Atwell ở Southwell, Marty đã điều tra trước để chắc chắn rằng mình không giết nhầm người tốt. Đương nhiên là anh ấy nhận ra rằng Atwell là một tên khốn có tiếng với nhiều tiền án về lái xe khi say rượu hoặc tàng trữ chất cấm, cùng với một vài lệnh hạn chế tiếp xúc do bạo hành từ nhiều phụ nữ khác nhau.

Giết Atwell không phải chuyện gì khó khăn. Chỉ cần một vài ngày theo đuôi là có thể xác định được hắn sẽ đi bộ thể dục ở khu vực xung quanh vào tầm chiều muộn, đeo tai nghe và tận dụng những con đường mòn xung quanh nông trại. Marty có một khẩu súng thu được trong lúc lục soát một căn nhà bỏ hoang tầm hai năm trước, anh ấy theo chân hắn vào rừng và nã năm phát súng.

“Cậu có biết cái cảnh phim trong *Phù thủy xứ Oz* không?” Marty hỏi. “Khi mọi thứ chuyển từ đen trắng sang có màu ấy.”

“Có chứ.” Tôi trả lời.

“Tôi đã cảm thấy như vậy đấy. Cả thế giới đều thay đổi trong tích tắc và tôi đã nghĩ rằng mọi thứ cũng như vậy với cậu, sau khi tôi nghe ngóng được những gì xảy ra với Norman Chaney.

“Không hề.” Tôi nói. “À thực ra là đúng, nhưng ngược lại. Thế giới của tôi bỗng dưng mất hết mọi sắc màu.”

Marty nhú mày và nhún vai. “Thế chắc là tôi sai thật rồi. Dù sao thì tôi đã cho rằng biết đâu cậu cũng có cùng cảm giác đó và tôi nên tìm hiểu xem cậu là ai, thậm chí là gặp mặt nữa.

Không khó để tìm được tôi. Sau khi đã tìm hiểu về Eric Atwell từ trước đó, Marty cũng biết được về mối liên quan giữa Atwell và cái chết của Claire Mallory, vợ của một chủ tiệm sách ở Boston. Từ tên của tôi, Marty nhanh chóng tìm ra trang blog cùng với bài viết về tám vụ giết người hoàn hảo với *Người lạ trên tàu* nằm chình ình ở giữa danh sách. Marty đọc hết những quyển sách được đề xuất trong đó và cả một thế giới mới mở ra. Trước khi những chuyện này diễn ra, anh ta sống với một cuộc hôn nhân thất bại và không có tình yêu, đứa con trai vật lộn với

nghiện ngập còn con gái thì dù vẫn dành thời gian với mình nhưng hoàn toàn chỉ là miễn cưỡng. Nhưng giờ đây khi đã nếm mùi giết chóc, và sau đó là một thứ còn tuyệt vời hơn nữa là văn học, Marty ký đơn ly dị, chấp nhận nghỉ hưu sớm và chuyển tới Boston.

Để tiếp cận tôi.

Vào những năm 2012, anh ta bắt đầu tới những buổi đọc sách và chúng tôi làm quen với nhau. Tôi nghĩ là Marty đã tưởng chỉ cần gặp nhau và trở thành bạn bè là đủ, có lẽ dần dần chúng tôi thậm chí sẽ mở lòng với nhau về những gì đã xảy ra, về những con người chúng tôi đã vì nhau mà giết. Nhưng mọi thứ lại chẳng diễn ra như tưởng tượng. Đúng là chúng tôi đã trở thành bạn bè, nhưng thế thôi là chưa đủ. Như tôi đã nói từ trước đó, mối quan hệ của chúng tôi dần dần nhạt đi. Đó chính là khi anh ta nảy ra ý tưởng thực hiện nốt những vụ án còn lại trong bản danh sách của tôi, cho rằng so với một vài chai bia thì đó là cách thắt chặt quan hệ tốt hơn nhiều. Nói một cách khác, nếu tôi là một người bạn tốt hơn thì những người đó đã không phải chết. Hoặc cũng có thể họ chẳng nào cũng chết thôi, vì khi Marty xử lý Eric Atwell, mọi thứ giống như chai sâm-panh đã bật nắp vậy. Cái nút gỗ sẽ không bao giờ đóng kín như xưa nữa. Giờ đây có cả mớ phương thức giết người phù hợp cho sở thích mới này, Marty chỉ cần nạn nhân nữa thôi.

Hồi anh ta vẫn còn sống ở miền Tây Smithfield, trước khi bắt đầu ngoại tình cô vợ đã đọc cuốn sách của Robin Callahan về lợi ích của ngoại tình mang tên *Life is too long* (*Cuộc sống này quá dài*) được xuất bản một năm sau vụ bê bối tình ái của cô

phát thanh viên cùng gã đồng nghiệp đã có gia đình bị phanh phui. Vụ này nằm trên trang nhất các mặt báo hàng tháng trời, không chỉ bởi vì Robin Callahan là một cô ả tóc vàng xinh đẹp bốc lửa thôi đâu mà còn vì thái độ không hối cải cho rằng mình đúng của đương sự nữa. Cô ta tự xuất bản cuốn sách cho rằng ngoại tình mới là trạng thái tự nhiên và chỉ trích chế độ một vợ một chồng, rằng tuổi thọ con người đã được kéo dài ra đáng kể đến mức ở trong một mối quan hệ hôn nhân lâu dài như vậy là vô lý. Cô ta tự tổ chức các buổi tọa đàm và cuốn sách nhảy vọt lên danh mục bán chạy. Marty Kingship cho rằng cuốn sách đó chính là tác nhân cổ vũ vợ mình ngoại tình với tay nha sỹ riêng của gia đình. Tôi chắc rằng anh ta không phải là người duy nhất có ác cảm với Robin Callahan đâu, nhưng Marty đã từng giết người và thoát tội trốn lọt nên giờ đang ngứa ngáy muốn ra tay lần nữa.

Anh ta duyệt lại danh sách những vụ giết người hoàn hảo của tôi để tìm ý tưởng cho cái chết của Robin Callahan và chú ý đến cuốn *Sát nhân A.B.C.* của Agatha Christie, khi một vụ giết người cụ thể được ẩn giấu trong một chuỗi những vụ án khác để mọi thứ trông như tác phẩm của một kẻ cuồng sát tâm thần. Nếu như anh ta có thể làm điều tương tự với Robin Callahan thì sao? Có thể giết thêm một vài người khác với cái tên tương tự - liên quan đến loài chim chẳng hạn. Sau đó Marty nghĩ rằng mình thậm chí có thể để lại một sợi lông chim ở mỗi hiện trường, hoặc tuyệt vời hơn là gửi nó đến đồn cảnh sát địa phương như một lời thách thức.

Và đó là những gì anh ta đã làm – giết chết Robin Callahan tại nhà riêng sau khi dùng phù hiệu cảnh sát cũ để yêu cầu cô ta mở cửa. Marty tìm được Ethan Byrd và Jay Bradshaw lúc lục kho lưu trữ hồ sơ của cảnh sát để tìm những cái tên liên quan đến loài chim. Cậu sinh viên Ethan bị bắt vì đe dọa một nhân viên pha chế và làm rối loạn trật tự địa phương ở Lowell. Jay Bradshaw đã từng bị bắt vì tội hiếp dâm nhưng không bị kết án. Hóa ra Bradshaw dành hầu hết thời gian trong ngày bán dụng cụ làm mộc đã qua sử dụng ở nhà, nên Marty mới có thể đến vào giữa ban ngày rồi hành hung gã đến chết bằng cây gậy bóng chày mang sẵn theo người và chiếc búa tạ mượn ở hiện trường.

Ngay khi bắt đầu lên kế hoạch cho vụ án ăn theo *Sát nhân A.B.C.*, Marty đã biết rằng mình sẽ không thể nào dừng tay được cho đến khi hoàn thành cả tám vụ trong danh sách. Bill Manso là một cái tên khác anh ta tìm được trong hồ sơ của cảnh sát – một người có tiền án về việc đột nhập vào nhà hàng xóm và lấy cắp đồ lót giữa ban ngày ban mặt. Mọi chuyện diễn ra từ năm năm trước rồi nhưng Marty phát hiện ra gã này trắng án nhờ vào tờ vé tháng trên chuyến tàu điện đi tới New York. Gã cung cấp được bằng chứng là mình đang ở trên tàu vào thời điểm diễn ra vụ đột nhập. Con tàu làm Marty nghĩ tới *Khoản bồi thường gấp đôi*, một quyển sách khác trong danh sách. Đương nhiên anh ta đã đọc bản truyện rồi nhưng vẫn đi mượn bộ phim chuyển thể từ thư viện địa phương để xem lại. Marty thích bộ phim hơn, (“nó mang lại những giá trị rất mới cho Fred MacMurray” - tôi xin trích dẫn lại như vậy.) Thế là Bill Manso trở thành nạn nhân tiếp theo, bị đánh chết bằng dùi cui và bỏ

lại trên đường ray. Sau đó Marty tự mình lên tàu với trang phục giống hệt vào thời điểm thích hợp để làm giả hình ảnh Bill Manso tự mình nhảy khỏi tàu. Anh ta biết thừa là nó sẽ không thể lừa được phía cảnh sát, khám nghiệm hiện trường sẽ ngay lập tức biết được rằng Bill Manso bị sát hại ở nơi khác và đây là hiện trường giả. Ý tưởng sẽ có người phát hiện ra và bắt đầu xâu chuỗi mọi thứ rồi mời tôi làm cố vấn, hoặc bắt tôi như một nghi phạm làm cho Marty hưng phấn. Trường hợp nào xảy ra đi nữa thì tôi cũng sẽ dẫn sâu vào vụ này dù muốn hay không - đó là những gì anh ta trông đợi.

Ban đầu Marty không biết làm thế nào để tiếp cận được Bill Manso, nhưng ngay khi đến Connecticut thì mọi thứ trở nên dễ dàng hơn nhiều. Gã Manso này có thói quen tạt qua quán bar gần nhất để làm vài ly. Hễ xuống tàu là gã đi thẳng tới quán Corridor Bar and Grill lúc năm giờ ba mươi rồi loạng choạng ra về lúc mười giờ, lái xe trên quãng đường một dặm rưỡi về nơi ở. Marty xử lý gã trong bãi đỗ xe với một cây gậy ba lúc, “thuận tay hơn nhiều so với gậy bóng chày nhé, tôi nói cho cậu nghe” - anh ấy nói và quăng thi thể nạn nhân ở trên đường tàu. Ngày hôm sau anh ta lên tàu và dùng chính cây gậy sắt đó đập cửa kính giữa hai toa tàu để dàn cảnh vụ tự sát.

Bốn vụ giết người diễn ra, Marty bắt đầu thiếu kiên nhẫn. Anh ta không nói nhiều về vụ đó nhưng rõ ràng đã quyết định làm cho mọi thứ hiển nhiên hơn. Đến lúc kéo tôi vào cuộc rồi.

Giống như tất cả các khách quen khác của Old Devils, đặc biệt là những ai hay đến những buổi đọc sách của tác giả, Marty biết Elaine Johnson, đã từng bị bà ta tóm lấy vài lần để lải nhải

về cuốn nào nên đọc, cuốn nào là lãng phí thời gian, phàn nàn về cô chủ nhà thuộc giới đồng tính nữ “kinh tởm”, rằng Boston là một thành phố bản thủ khó ưa, rằng nếu không có Elaine thì tiệm Old Devils đã sập tiệm từ đời nào đời nào rồi. Rồi Elaine kể với Marty về căn bệnh tim của mình, rằng bác sỹ khuyên bà ta chuyển tới một vùng nào đó yên tĩnh hơn để đỡ ức chế.

Biết rằng Elaine Johnson sắp chuyển tới căn nhà của người chị gái đã chết ở Rockland, Maine, Marty đến đó, đột nhập vào căn nhà lúc không có ai, rồi trốn vào trong tủ quần áo với cái mặt nạ hề có cái miệng to dùng găm ghìếc lồm chồm răng nhọn trắng hếu. Khi Elaine Johnson về nhà, anh ta đã trốn kỹ và kiên nhẫn chờ đợi. Marty nghe thấy tiếng nạn nhân lằng xằng dưới nhà, không biết gì về sự hiện diện của gã. Cuối cùng, bà ta lên gác, vào phòng ngủ, đi thẳng đến tủ quần áo và mở nó ra. Tất cả những gì anh ta phải làm là đứng lên và tiến thêm một bước. Elaine bỗng chốc trắng bệch, tay túm lấy ngực và y như những gì Marty mong đợi, bà ta đã chết vì nhồi máu cơ tim.

“Sao phải để lại mấy cuốn sách đó làm gì?” Tôi hỏi.

“Tôi muốn ít nhất một lúc nào đó người ta có thể tìm tới cậu. Ít nhất là thế. Tôi biết rằng cái chết của Elaine Johnson quá tài tình, rất ít khả năng ai đó sẽ nghi ngờ đây là một vụ giết người có chủ đích nên tôi để lại mấy quyển sách để quấy đục vũng nước này lên, hy vọng có ai đó đủ thông minh để xâu chuỗi mọi thứ lại với nhau.”

“Và có người đã làm vậy thật.” Tôi nói.

“Và cậu hoảng loạn chạy đến tìm tôi nhờ giúp đỡ. Tôi chưa bao giờ nghĩ là chuyện đó sẽ xảy ra nhưng khi nó diễn ra thật tôi đã rùng mình trong vui sướng. Nghe giọng cậu thật sướng, nhất là khi cậu nhờ tôi làm gì đó.”

“Anh có thể dừng tay ngay lúc đó mà, Marty, anh đã có thứ mình muốn rồi.”

“Không, thứ tôi muốn là hoàn thiện thứ mình đã bắt đầu, nhưng tôi muốn có cậu bên cạnh. Và giờ hai chúng ta đã ở đây rồi, cậu có muốn nghe nốt đoạn sau không?”

Chương 29

“**S**au khi cậu kể với tôi về việc FBI ghé thăm, biết rằng cuối cùng cũng có người để ý đến vụ này. Một khi cậu đã dấn thân vào thì việc tìm ra tôi chỉ là vấn đề thời gian thôi, mà cũng sẽ không lâu đâu. Vì thế nên để cậu giờ thêm một chút, tôi đã đưa cho cậu thông tin về Nick Pruitt...”

Marty kể với tôi rằng Pruitt đã từng gửi đơn khiếu nại yêu cầu điều tra Norman Chaney sau cái chết của em gái mình trong vụ cháy, vì thế nên Marty đã có được đầy đủ thông tin về gã trước cả khi tôi nhờ điều tra về cái chết của Chaney rồi. Pruitt đang cai nghiện rượu với nhiều tiền án, một nhân tuyển không thể thích hợp hơn để bắt chước vụ án trong *Kế hoạch hiểm độc* trong mắt Marty. Nếu Pruitt bất ngờ tử vong vì ngộ độc rượu thì sẽ có ai nghi ngờ đây là một vụ giết người đây? Nhất là với tiền sử lạm dụng rượu bia dày đặc như thế kia.

Sau khi Marty và tôi uống với nhau ở quán Jack Crow's Tavern tối thứ tư đó, anh ta đi mua một chai scotch và mang tới cho Pruitt ở New Essex. “Gã cứ thế cho tôi vào thôi, đương nhiên là tôi có để lộ rằng mình có súng rồi. Tôi bảo rằng mình cần gã làm vài ly. Một khi đã bắt đầu, gã không thể nào dừng lại được. Thuyết phục gã uống hết cả chai rượu cũng chẳng khó khăn gì mấy. Tôi bỏ vào bên trong thêm một ít dung dịch benzos nữa cho chắc ăn.”

Anh ta cười. “Sau khi Pruitt đã là một cái xác, tôi nhận ra rằng mình có thể lái cậu sang suy nghĩ có thể Brian hoặc thậm chí là Tess Murray là hung thủ. Tôi có thành công không? Cậu có để ý đến nhãn chai rượu không?”

“Có đấy.” Tôi trả lời.

“Tuyệt vời” Marty thốt lên như thể tôi vừa khen chiếc áo len anh ta mặc vậy.

“Anh biết rõ Brian và Tess Murray đến mức nào?” Tôi hỏi.

“Tôi mới gặp Tess tối nay thôi, trong một trò chơi trốn tìm nho nhỏ quanh căn nhà này trước khi cậu tới. Tôi biết Brian khá là rõ, hỏi thăm qua ở cửa hàng thôi nhưng vài năm gần đây tôi bắt đầu có thói quen tạt qua chỗ quán rượu mà anh ta ưa thích để uống cùng mấy ly. Tôi đã thấy cậu với hai người họ vào tối thứ ba. Tôi biết Tess phải quay lại đây vì Brian bị gãy tay. Bây giờ mọi thứ đã chuẩn bị xong xuôi hết rồi, đám cảnh sát sẽ tìm thấy thi thể của Brian trong căn nhà này. Ờm để xem nào. Có lẽ với cái gổi đè lên mặt và lỗ đạn bắn xuyên qua chẳng? Còn Tess thì đã biến mất. Thậm chí chúng ta có thể giúp cô ta thu dọn hành lý nữa. Tất cả sẽ giống hệt *Bí ẩn ngôi nhà đỏ*. Một người chết, một nghi can mất tích. Tất cả những gì chúng ta cần là chỗ nào đó để giấu xác cô gái thôi.”

“Cô ấy bị làm sao thế? Tess ấy.” Tôi vừa nói vừa liếc về người phụ nữ đang cuộn mình nằm ngủ trên ghế dài, chưa hề di chuyển dù chỉ một li.

“Tôi bỏ một ít benzodiazepine vào trong ly cà phê uống dở với trong bình nữa nên cô nàng cũng uống kha khá đấy. Có thể vừa đủ để cô ta đi luôn trong giấc ngủ nhưng nếu không thì xử

lý cũng không khó lắm. Một thứ gì đó nhẹ nhàng thôi, như trùn túi ni lông lên mặt là đủ rồi.”

Tôi nghĩ rằng cả hai chúng tôi đều đã quen với tiếng ngáy đều của Brian vang lên từ phòng ngủ dưới nhà rồi, nhưng bất thành linh cả hai đều nghe thấy anh ấy cắn nhằn thành tiếng, to đến mức cả hai ngơ ngác quay sang nhìn nhau. Marty nhấc khẩu súng trên đùi lên và cảnh giác nhìn về hướng đó. “Chúng ngưng thở lúc ngủ.” Marty nói. “Chắc là anh ta không tự dừng tỉnh lại đâu nhưng mình cứ qua đó kiểm tra một chút xem sao, nhỉ?”

Anh ta đứng lên, tôi có thể nghe thấy tiếng đầu gối kêu răng rắc. “Cả cậu nữa.” Marty vừa nói vừa chĩa súng về phía tôi. Tôi cũng đứng lên.

Chúng tôi cùng nhau đi về phía phòng ngủ cho khách ở cuối hành lang. Tôi đi trước, Marty đi đằng sau. Cánh cửa vẫn để hé mở nên tôi nhẹ nhàng đẩy cửa vào. Bên trong tối om nhưng một ít ánh sáng lọt vào từ cửa sổ cũng đủ để tôi nhìn thấy Brian nằm ngửa trên giường. Tess vẫn để nguyên quần áo của anh ấy nhưng khuy quần và thắt lưng đều được cởi ra. Tôi nhìn lồng ngực anh ấy rung rung, phồng lên xẹp xuống rất gấp và lại một tiếng ngáy lớn vang lên. Tôi chả hiểu sao mà Brian vẫn còn ngủ được.

“Lạy Chúa.” Marty lên tiếng từ sau lưng tôi. “Giải thoát cho gã khốn khổ này đi nhỉ.”

Tôi quay lại ngay lúc Marty gạt công tắc đèn làm căn phòng bất ngờ sáng trưng với ánh sáng từ chiếc đèn cây. Ngay phía

trên giường của Brian là một bức tranh trừu tượng cỡ lớn với những mảng hình khối đen đỏ đan xen.

“Anh có thể dừng tay ngay bây giờ mà Marty.” Tôi nói.

“Và sau đó thì sao?”

“Tự thú đi. Chúng ta cùng nhau đi đầu thú.” Tôi biết rằng khả năng thuyết phục được Marty rất thấp, nhưng trông dáng vẻ mỗi mặt của anh ta tôi nghĩ rằng Marty cũng đã đến hồi kết của cuộc chơi rồi. Có lẽ sâu bên trong anh ta muốn mình bị bắt.

Marty lắc đầu. “Nghe mệt mỏi quá, phải trình bày lời khai với cả mớ cớ, rồi sau đó là luật sư rồi mấy tay chuyên gia tâm lý. Thà cứ tiếp tục còn dễ hơn. Chúng ta sắp xong rồi mà. *Tám vụ giết người hoàn hảo*, tám vụ án ưa thích của cậu đó Mal.

“Ưa thích trong sách vở chứ không phải thực tế, Marty ạ.”

Marty im lặng một lúc lâu, tôi nghĩ rằng tiếng thở của anh ta có phần nặng nề hơn nữa. Trong một thoáng tôi tưởng tượng ra anh ta sẽ gục xuống tại đây bởi một cơn đau tim thoáng qua nhưng cuối cùng Marty ngẩng đầu lên và nói. “Tôi phải thừa nhận rằng ý nghĩ mọi chuyện sắp đến hồi kết không được thoải mái lắm. Nên là tôi sẽ cho cậu biết mình sẵn sàng vì cậu mà làm những gì nhé. Tôi sẽ để cậu tận hưởng vụ này, tận hưởng cái chết của Brian. Bởi vì thực ra suốt từ vụ của Norman Chaney tôi đã làm hết mấy việc khó nhằn thay cậu rồi. Tôi sẽ đưa cậu khẩu súng này, cậu chỉ việc đặt cái gối lên mặt gã mà nổ súng qua nó thôi. Tôi không chắc hàng xóm có thể nghe thấy, mà có nghe thấy họ cũng sẽ nghĩ tới cái gì đó khác thôi, như một chiếc xe bị tắc ống xả hoặc đại loại vậy.”

“Được thôi.” Tôi vừa nói vừa giơ tay ra.

“Mal, tôi biết cậu đang nghĩ gì. Nếu tôi đưa súng cho cậu thì cậu có thể chĩa nó vào tôi và gọi cảnh sát. Tôi sẽ không để điều đó xảy ra đâu. Tôi sẽ lao vào và cậu phải nổ súng. Vì thế nên kiểu gì cậu cũng phải bắn ai đó vào đêm nay, tại chỗ này, hoặc là Brian, hoặc là tôi. Tôi sẽ để cho cậu lựa chọn. Nếu cậu bắn tôi thì cũng không sao cả. Tôi có một khối u tuyến tiền liệt to bằng quả bóng chày cơ. Tôi đã tới số rồi. Mấy năm gần đây được quen biết cậu và chơi trò chơi nho nhỏ này đã là món hời rất lớn rồi.”

“Với một số người thì nó không phải trò chơi gì vui vẻ cho lắm.”

“Ha, cũng đúng thật. Nhưng mà giống tôi, sâu thẳm trong lòng cậu cũng biết mấy chuyện này cũng chẳng có tác động gì quá lớn cả. Nếu tôi đưa cậu khẩu súng này và cậu cho một viên đạn xuyên qua đầu Brian thì cũng chỉ là giúp anh ta giải thoát thôi. Có lẽ cậu cũng sẽ thích cảm giác đó đấy, tin tôi đi.”

“Được thôi.” Tôi vừa nói vừa giơ tay về phía Marty.

Anh ta cười. Những gì tôi nhìn thấy trong đôi mắt đó lúc trước, thứ cảm giác hạnh phúc đó đã biến mất, thay vào đó là thứ cảm xúc của Marty mà tôi đã quen, đã từng tưởng là lòng tốt phản chiếu qua ánh mắt.

Anh ta đặt khẩu súng vào tay tôi. Một khẩu lục ổ quay. Tôi kéo cò mỏ về phía sau để lên đạn.

“Còn hai chiều đấy, không cần kéo cò lên đạn đâu.” Marty nói.

Tôi quay sang nhìn Brian Murray đang nằm mê man trên giường.

Rồi tôi nhìn sang Marty Kingship.

Và nổ súng.

Ghim thẳng một viên đạn vào giữa ngực anh ta.

Chương 30

C hương áp chót của cuốn *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd* có tiêu đề là “Toàn bộ sự thật” - chính là lúc người dẫn truyện, tay bác sỹ miền quê nọ, đồng thời là kẻ giết người tiết lộ với độc giả tất cả những gì hắn đã làm.

Tôi không đặt tên hay tiêu đề cho bất kỳ chương nào trong cuốn sách này vì nó sẽ có vẻ lỗi thời, tôi đoán vậy, và ngô nghê nữa. Tôi sẽ đặt tên cho chương vừa rồi là gì đây? Phải chăng là thứ gì đó kiểu như là “Charlie lộ diện?” Các bạn hiểu chứ? Ngô nghê quá. Nhưng mà nếu tôi đặt tên cho mỗi chương thì chương này chắc chắn sẽ tên là “Toàn bộ sự thật.”

Vào đêm vợ tôi chết, tôi đã lái xe theo đuôi cô ấy tới Southwell, tới chỗ của Eric Atwell. Đó không phải là lần đầu tôi tới đó đâu. Sau khi biết được Claire đã tái nghiện và có khả năng phát sinh quan hệ với ai đó ở Black Barn Enterprises, tôi đã lái xe qua cái nhà kho được tân trang đó đôi lần rồi, tôi nghĩ mình đã có lần lướt qua Eric Atwell nữa, trong lúc hắn đang đi bộ dọc theo con đường gần nhà, mặc một bộ đồ thể thao nỉ, vừa đi vừa đấm đấm mấy đòn đấm bốc như Rocky Balboa vậy.

Giao thừa năm ấy, Claire và tôi quyết định ở nhà. Cô ấy kể với tôi về một bữa tiệc nhỏ được tổ chức ở Black Barn nhưng giờ khi cô ấy đã ngừng dùng thuốc (ít nhất đó là những gì vợ tôi kể lại) thì chẳng có lý do gì để đến đó nữa cả. Đêm đó chúng tôi

nướng một con gà ăn mừng. Tôi làm món khoai tây nghiền còn Claire hấp một ít cải bó xôi. Chúng tôi mở một chai Vermentino cho bữa ăn và một chai nữa sau khi đã dọn dẹp xong xuôi và ngồi xuống xem bộ phim ưa thích của Claire là *Eternal Sunshine of the Spotless Mind*. Tôi thích nó, ít nhất là đã từng nhưng giờ thì chỉ nhắc đến thôi cũng làm tôi muốn mua.

Hẳn là tôi đã ngủ gật giữa chừng nên mới choàng tỉnh khi phim đã hết, hiện lên trên màn hình là bảng danh mục lựa chọn của đầu DVD. Trên chiếc bàn cà phê là tờ giấy ghi lời nhắn của Claire.

Em sẽ về sớm thôi, em hứa đấy, và xin lỗi. Yêu anh, C.

Tôi biết cô ấy đi đâu, đương nhiên rồi. Bên ngoài, chiếc Subaru đã không còn đỗ ở nơi thường lệ nữa. Tôi nhảy vào chiếc Chevy Impala của mình và lái xe tới Southwell.

Nhà Atwell đang tổ chức một bữa tiệc nhỏ khi tôi đến nơi. Có năm chiếc xe đỗ ở lối vào và hai chiếc nữa trên đường, bao gồm cả xe của Claire nữa. Tôi dừng xe cách đó tầm một trăm tám mươi mét, nép sát vào ven đường. Khu vực này của Southwell dân cư cực kỳ thưa thớt, hầu hết là những trang trại cũ, thỉnh thoảng có những bức tường đá chắn ngang cánh đồng rộng lớn và ngăn cách khuôn viên mấy chiếc biệt thự triệu đô.

Tôi rời xe, bước ra ngoài trong màn đêm lạnh giá. Bầu trời khá quang đãng. Tôi rời nhà quá vội vàng nên quần áo trên người rất phong phanh, chỉ khoác lên mình chiếc áo bò cũ trùm ra ngoài áo len mỏng và quần bò. Tôi cài cúc áo lên đến cổ, nhét tay vào trong túi và đi bộ tới chỗ của Atwell. Có một biển hiệu nho nhỏ bên cạnh hòm thư đề chữ Black Barn Enterprises. Căn

nhà sơn trắng nằm lù lù bên cạnh nhà kho. Tôi đã từng thấy nó vào ban ngày, nhà kho còn chẳng được sơn đen như cái tên của nó mà thay vào đó là một màu xám xịt, được thiết kế lại theo lối hiện đại thành một xưởng nghệ thuật trông rất ấn tượng, với cửa trước được thay bằng kính chịu lực và bên trong bày trí theo kiểu không gian công xưởng mở.

Đi dọc theo mép đường, tôi tới đủ gần để có thể thấy khu trang trại được thắp sáng bằng những chiếc đèn treo công nghiệp nhưng bên trong không có ai cả, có vẻ bữa tiệc diễn ra trong nhà. Tôi đi vòng theo phía sau nhà kho để tới cửa sau ngôi nhà và bị khung cảnh xung quanh làm cho sững sờ một lúc. Lúc đó trăng đã gần tròn và bầu trời không một gợn mây. Mảnh đất của Atwell nằm trên đỉnh đồi và từ chỗ mình đang đứng, tôi có thể nhìn thấy cánh đồng trải dài trên sườn dốc chạm tới tận hàng cây phía xa, tất cả đều tắm mình trong ánh trăng màu bạc. Tôi đứng nhìn nó một lúc, run rẩy trong chiếc áo khoác mỏng tang cho đến khi có tiếng cười bất ngờ vang lên và tôi ngửi được mùi thuốc lá bay trong không khí. Ở một góc khuất chỗ nhà kho, tôi có thể thấy khu vực thêm chìa ra trông có vẻ như là phần được xây thêm để nối nhà kho và nhà chính. Một cặp đôi tôi không quen đang đứng hút thuốc lá và cười ha hả với nhau. Nội dung cuộc hội thoại đã bị cơn gió lạnh buốt cuốn đi, không thể nghe rõ được. Tôi nhìn họ hút xong điếu thuốc và quay vào trong nhà. Sau khi tiếp cận được cửa sổ gần nhất, tôi nhìn vào bên trong.

Có rất nhiều thứ tôi không thể quên được về đêm đó, đặc biệt là những gì tôi nhìn thấy từ bên ngoài cửa sổ. Có khoảng

tầm hai mươi người đang say sưa trong căn phòng khách rộng lớn. Ở chính giữa là chiếc ghế da ngồi chật cứng những người với người. Tôi nhìn thấy Claire ngồi ở đó, mặc một chiếc váy nhung ngắn kẻ sọc và chiếc áo lụa tôi chưa bao giờ thấy. Cô ấy ngồi bên Atwell, vai kề vai, tay cầm ly sâm-panh. Nhờ ánh sáng mờ mờ trong phòng mà tôi có thể thấy được chỗ bột trắng trên mặt bàn kính, một người khách đang quỳ trên sàn nhà bọc thảm cẩn thận kẻ một đường thuốc phiện. Tiếng nhạc xập xình giống như những gì ta có thể nghe thấy trong sàn nhảy đập âm ỉ từng hồi. Đằng sau chiếc ghế là ba vị khách đang uốn éo nhảy múa. Tôi không bao giờ quên được hình ảnh của Claire đêm đó - không phải vì trang phục, cũng không phải ở cái cách cô ấy dán sát vào Atwell, để bàn tay hằn sờ soạng trên một bên đùi trần trụi. Thần thái của cô ấy, có lẽ là do ma túy, nhưng cũng có thể nhờ một thứ gì đó khác, tỏa sáng thứ hào quang của niềm vui hoang dại. Cô ấy cười, cười sảng khoái, khuôn miệng mở to quá cỡ và đôi môi bóng bẩy ướt át.

Tôi đi bộ quay lại xe, khởi động và bật máy sưởi lên mức cao nhất. Tôi đã run rẩy, và tôi đã khóc, và rồi tôi giận dữ, không ngừng dấm lên trần xe. Tôi đang tức tối vì Claire, đương nhiên, cả Atwell nữa, nhưng có lẽ tôi giận nhất là bản thân mình. Ít nhất là vào lúc đó. Bởi vì lúc đó tôi định lái xe về Somerville chờ vợ về, hy vọng cô ấy lái xe an toàn, hy vọng một ngày cô ấy sẽ lại toàn tâm toàn ý quay về bên tôi.

Chiếc xe ấm dần lên, và tôi bình tĩnh lại. Từ chỗ này tôi có thể nhìn thấy chiếc Subaru của Claire đỗ dọc bên đường và quyết định chờ đợi. Tôi biết rằng vợ mình sẽ không ở lại qua

đêm, rằng cô ấy sẽ quay về trước khi trời sáng dù phải lái xe trong đêm muộn, cũng biết mình sẽ tha thứ cho cô ấy, như cái cách mẹ tôi luôn tha thứ cho chồng, sẽ chờ cô ấy quay về bên tôi. Nhưng tôi càng ngồi lâu trong chiếc xe này, càng nghe tiếng máy chạy đều đều, cảm nhận nhiệt độ tỏa ra từ lò sưởi, tôi càng cảm thấy có một thứ gì đó trong tôi đang lớn dần lên, một thứ cảm xúc hướng về Claire. Tôi biết vợ mình là một con nghiện, rằng ở một mức độ nào đó cô ấy không thể kiềm được ham muốn của mình, nhưng tại sao cô trông có thể hạnh phúc đến thế trong căn phòng đó? Hạnh phúc và tràn đầy sức sống.

Hai giờ ba mươi sáng, tôi nhìn thấy hai bóng người xuất hiện bên cạnh chiếc xe của Claire. Trong ánh trăng, tôi thấy họ dán vào nhau, ôm ấp, âu yếm và hôn nhau say đắm. Rồi Claire mở cửa - tôi có thể nhìn thấy chiếc áo khoác mùa đông phía trên cặp chân trần bước vào trong xe còn Atwell đi bộ về nhà. Đèn phanh sáng lên, cô ấy quay đầu. Có lẽ đèn trước chiếc Subaru đã chiếu tới chỗ tôi, trong bóng đen của những cây thông, nhưng Claire có vẻ không để ý. Cô ấy tăng tốc hướng về đường Số 2.

Tôi bám theo. Claire lái rất nhanh trên con đường nhỏ nhưng một khi lên đến cao tốc cô ấy ngay lập tức tuân thủ tốc độ giới hạn. Hôm nay là đêm giao thừa, nhưng cảnh sát vẫn sẽ ra quân hàng loạt đi lòng bắt mấy tay lái xe say xỉn và việc đó làm tôi khó chịu. Dù có làm gì đi nữa, đã hít loại chất gì vào người, cô ấy vẫn đủ cẩn thận để không bị cảnh sát bắt tạt vào kiểm tra. Tôi ức chế vì biết rằng khi Claire về đến căn hộ của hai chúng tôi, cô ấy sẽ lạng lẽ lén vào trong nhà mà không đánh

thức tôi dậy, rồi chúng tôi sẽ nói chuyện vào sáng hôm sau, về những gì đã xảy ra, cô ấy sẽ khóc và nói rằng mình là một con người tệ hại rồi cầu xin được tha thứ. Vợ tôi muốn cuộc sống hai mặt này, chỉ không muốn đổi mặt và chấp nhận mong muốn đó mà thôi. Cô ấy là như thế. Tôi nhớ rằng mình đã nghĩ thà cô ấy cứ thẳng thừng bỏ tôi mà đi, thà cô ấy cứ chấp nhận là con nghiện mà đến với Eric Atwell thì có lẽ tôi còn tôn trọng cô ấy hơn bây giờ. Như vậy ít nhất chúng tôi một người sẽ không cần lừa dối, một người không thấy bị phản bội.

Có một vài chiếc xe khác trên con đường cao tốc hai làn, nhưng không nhiều lắm. Xe chúng tôi cách nhau không xa nhưng tôi không quá lo lắng, vì nếu cô ấy không nhận ra tôi ở lề đường bên ngoài nhà Atwell thì cô ấy cũng sẽ chẳng để ý thấy tôi bây giờ đâu. Tôi đã lái xe trên con đường này nhiều lần rồi, chúng tôi đang tiến gần đến một cây cầu vượt chỉ có thành chắn thấp ở hai bên. Đột nhiên tôi tưởng tượng ra việc Claire mất lái, lao ra khỏi cây cầu và đâm xuống con đường bên dưới. Chẳng suy nghĩ nhiều, tôi tăng tốc và vượt qua xe Claire ở làn bên cạnh. Trong một khoảnh khắc khi hai chiếc xe lướt qua nhau, tôi nhìn sang chỗ cô ấy nhưng chỉ thấy một bóng dáng lơ mờ trong bóng tối. Có lẽ Claire đã nhìn sang tôi, có thể không, khó mà biết được. Cô ấy đã nhìn thấy gì chứ? Có phải là gương mặt tôi khuất trong bóng đêm? Liệu cô ấy có nhận ra tôi không?

Tôi nhấn ga tiếp cận Claire nhưng vẫn ở bên làn của mình, cây cầu vượt đã ở rất gần rồi và trong đầu tôi đang tưởng tượng ra một viễn cảnh mình chỉ cần huých nhẹ chiếc xe một chút

thôi, ép sát xe mình tạt sang làn bên cạnh. Liệu cô ấy có để cho hai chiếc xe va vào nhau rồi cùng văng ra khỏi cầu không? Từ tận đáy lòng tôi biết Claire sẽ không làm thế, vợ tôi sẽ cố tránh tai nạn xảy ra, rằng nếu tôi đánh lái tạt đầu xe, cô ấy sẽ hoảng loạn và mất lái.

Và tôi làm như thế, tôi tạt đầu xe của Claire khi chúng tôi chạy song song trên cầu và cô ấy đã làm chính xác những gì tôi nghĩ, chiếc xe đâm vào thành chắn và bay ra ngoài.

Tôi về nhà và chờ đợi cảnh sát xuất hiện. Họ đến vào lúc tám giờ sáng để báo tin rằng vợ tôi đã chết. Một phần nào đó trong tôi thở phào nhẹ nhõm vì những gì mình lo lắng đã không xảy ra. Cô ấy đã ra đi rất nhanh, không hấp hối trong đau đớn dài lâu với những vết thương khủng khiếp nào đó, cũng không vô tình liên lụy đến người qua đường vô tội nào khi rơi xuống con đường bên dưới. Không có nạn nhân nào khác cả.

Thật buồn cười khi khóc thương cho người mà mình đã sát hại. Ban đầu nỗi buồn của tôi đi đôi với giác tội lỗi nặng nề. Tôi cứ không ngừng tự hỏi nếu như mình để Claire về nhà đêm ấy thì chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? Có lẽ vợ tôi sẽ xin tôi đăng ký cho mình vào trại cai nghiện, rằng cô ấy đã tới đáy sâu cuộc đời rồi và chỉ muốn khá hơn chẳng? Cũng có thể cô ấy sẽ chứng nào tạt ấy đổi tình lấy thuốc ở chỗ Atwell và tôi sẽ để vợ mình làm thế. Tôi sẽ quần quăn chờ đợi, hy vọng cô ấy thay đổi.

Việc đọc nhật ký của Claire cũng giúp tôi phần nào. Nó khiến cho Eric Atwell trở thành kẻ ác lớn nhất trong câu chuyện của Claire và tôi. Tìm cách giết chết hắn ta giúp tôi vượt qua nỗi đau đớn tột cùng và tạo cơ hội để thời gian chữa lành

phần còn lại. Tôi vẫn chưa hoàn toàn vượt qua được nó nhưng mọi thứ dần trở nên dễ dàng hơn. Tôi mua lại cửa hàng cùng Brian và nhấn chìm mình vào trong công việc. Dù tôi đã ngừng đọc tiểu thuyết trinh thám vì mỗi quyển đều có sự hiện hữu quá lớn của bạo lực và cái chết, tôi vẫn có đủ tri thức để giúp đỡ cho khách hàng của mình. Tôi thích bán sách, và tôi giỏi điều đó. Chỉ thế thôi là đủ rồi.

Chương 31

C huông điện thoại vang lên và chuyển sang hộp thư thoại. Tôi nhấn nút ngắt cuộc gọi, vừa định đập vỡ điện thoại thì nó lại rung lên. Cuộc gọi đến từ Gwen.

“Chào.”

“Có chuyện gì thế?” Cô ấy hỏi.

“Cô chưa nghe tin gì sao?”

“Tin gì mới được.”

“Có một người chết ở Boston tên là Marty Kingship, anh ta chính là Charlie, là Charlie mà chúng ta tìm kiếm. Chính người này đã giết Robin Callahan, Ethan Byrd và Jay Bradshaw, sát hại Bill Manso và Elaine Johnson, nạn nhân mới nhất là Nicholas Pruitt ở New Essex, Massachusetts cách đây chỉ một đêm trước.”

“Từ từ đã nào.” Cô ấy nói. “Giờ anh ta ở đâu? Anh nói rằng người này đã chết rồi sao?”

“Tôi vừa mới gọi 911 và cung cấp địa chỉ cho họ, giờ chắc bên cảnh sát đang trên đường tới nơi rồi.”

“Ai đã giết hắn?”

“Chính tôi. Vào tầm đêm qua, rạng sáng hôm nay. Charlie định giết Brian cùng Tess Murray và dàn xếp hiện trường giống với vụ án trong *Bí ẩn ngôi nhà đỏ*”

“VẬY GÃ Marty Kingship này thực sự là ai mới được.”

“Anh ta từng là một sỹ quan cảnh sát ở Smithfield, Massachusetts, đã nghỉ hưu và sống ở Boston. Đây cũng là hung thủ sát hại Eric Atwell. Marty làm vậy vì tôi, chính tôi đã sắp đặt vụ giết người đó. Đó chính là khởi đầu của mọi chuyện. Đó là lỗi của tôi, thật sự, tôi châm ngòi cho mọi thứ. Marty là một kẻ điên, nhưng tôi mới là mối lửa.”

“Anh thật sự cần phải chậm lại một chút, Mal. Giờ anh đang ở đâu, tôi có thể tới đó được không?”

Tôi đã thực sự nghĩ tới chuyện đó, dù chỉ trong một giây phút ngắn ngủi thôi tôi đã muốn được gặp lại Gwen một lần nữa, nhưng làm vậy thì cuộc đời tôi sẽ chấm dứt sau song sắt nhà lao. Từ rất lâu trước đây tôi đã quyết định rằng mình sẽ không để chuyện đó xảy ra bằng mọi giá rồi.

Tôi nói, “Xin lỗi, nhưng không. Tôi không thể nói chuyện quá lâu được. Ngay sau khi chúng ta cúp máy tôi sẽ hủy chiếc điện thoại này. Chỉ năm phút thôi, hãy hỏi tất cả những gì cô muốn biết.”

Tôi có thể nghe thấy một tiếng hít vào rất rõ ràng vang lên từ đầu dây bên kia. “Anh có bị thương không?” Cô hỏi.

“Không, tôi ổn.”

“Anh đã biết ngay từ đầu rồi đúng không?”

“Marty sao? Không, tôi không biết. Tất cả mọi thứ đều được lên kế hoạch trên mạng, chúng tôi không trao đổi danh tính với nhau. Anh ấy tìm ra được tôi là ai, rồi đến bản danh sách và bắt đầu sử dụng nó. Tôi chỉ vừa mới biết được vào tối qua thôi. Tôi chắc chắn sẽ nói với cô nếu biết mọi chuyện sớm hơn.”

“Anh nói rằng Nicholas Pruitt đã chết, đó là cái tên anh đưa cho tôi vào lần cuối cùng chúng ta nói chuyện đúng không?”

“Tôi cứ ngỡ Pruitt là gã Charlie của chúng ta, nhưng không phải. Anh ta chết vì uống rượu và dùng thuốc quá liều, thuốc gì thì tôi không biết. Hãy kiểm tra nhà của Kingship, bằng chứng có lẽ nằm ở đó đây.”

“Lạy Chúa.”

“Nghe này, khi cô nói chuyện với người phụ trách điều tra vụ án này, cứ nói rằng tôi đã gọi và cung cấp tất cả những thông tin này nhé. Đừng nói về lần gặp cuối cùng của chúng ta ở Boston, tôi muốn cô được phục chức và trở lại ngành một lần nữa.”

“Tôi không chắc điều đó có ích đâu.”

“Tôi nghĩ là có, cô sẽ được nhận ít nhiều công lao vì đã tìm ra được mối liên hệ giữa bản danh sách và những vụ án mạng đó. Hãy trao cho họ những thông tin mà chưa ai biết cả. Marty đã giết Eric Atwell với khẩu súng lấy được từ hiện trường một vụ án khác. Nói với họ rằng bọn tôi gặp nhau trên một trang web ẩn danh tên là Duckburg. Cô sẽ ổn thôi.”

“Tôi có nhiều câu hỏi lắm.”

“Tôi phải đi rồi, xin lỗi, Gwen.”

“Tôi có thể hỏi anh một câu cuối cùng được không?”

“Đương nhiên rồi.” Tôi đã biết trước điều cô ấy định hỏi rồi.

“Vụ án của cha tôi rốt cuộc là sao? Có phải Marty đã giết Steve Clifton?”

Chắc tôi đã ngần ngừ một vài giây nên cô ấy phải bổ sung, “Hay là chính anh đã ra tay? Tôi cần phải biết.”

“Sau khi Claire... sau khi vợ tôi qua đời, tôi đã rất khổ sở, không thể nào nhớ được những gì diễn ra trong khoảng thời gian một năm. Tôi có những giấc mơ tồi tệ, tràn ngập cảm giác tội lỗi và có lẽ tôi đã uống quá nhiều.”

“Được rồi.” Cô ấy nói.

“Và trong quãng thời gian đó, tôi có giấc mơ này lặp đi lặp lại, đôi khi tôi không biết đó là mơ hay thực sự là ký ức.” Thời tiết ở nơi này đang lạnh cóng, nhưng tôi có thể cảm thấy được mồ hôi tuôn ra chảy xuống gáy mình ngay bây giờ. “Trong giấc mơ đó, tôi đã lái xe tông vào cha cô rồi xuống để kiểm tra xem ông ta ra sao. Đương nhiên là không ổn rồi, nhưng Clifton còn sống, bò lết đi với nửa trên còn nửa người dưới bất động. Tôi báo danh tính của mình, cả nguyên nhân tại sao tôi lại ở đó và đứng nhìn ông ta vật vã rồi chết đi.”

“Được rồi, cảm ơn.” Tôi không nhận ra được cảm xúc trong giọng nói của Gwen lúc này.

“Đến giờ tôi vẫn cảm thấy nó như một giấc mơ.” Tôi nói. “Mọi chuyện đều có cảm giác như một giấc mơ.”

“Anh chắc chắn không thể gặp tôi được sao? Tôi có thể lái xe tới đó, có thể tới một mình.”

“Không!” Tôi nói. “Xin lỗi, Gwen, tôi không thể, tôi không nghĩ mình sẽ chịu được cuộc sống trong tù đâu.”

“Tôi đã nói là sẽ tới một mình mà!”

“Còn tôi thì không muốn trả lời thêm bất cứ một câu hỏi nào nữa. Tôi không muốn sống lại quá khứ như những ngày qua nữa. Tôi có được những năm tháng này đều là do may mắn cả,

dầu vậy từ trong thâm tâm tôi biết nó sẽ chẳng thể kéo dài được bao lâu. Xin lỗi, tôi không thể gặp em nữa, không thể nào.”

“Anh có lựa chọn mà.” Gwen nói.

“Tôi không có, thực sự không có, dù em có nghĩ gì đi nữa. Năm năm qua... không một đêm nào tôi không có những giấc mơ tồi tệ. Tôi có thể sống tiếp bởi vì bản năng sinh tồn níu giữ tôi lại, nhưng trong cuộc sống đó đã không còn niềm vui. Tôi đã thôi sợ hãi, nhưng mệt mỏi quá rồi.”

Tôi nghĩ rằng mình nghe thấy tiếng thở dài vang lên từ trong ống nghe.

“Anh còn điều gì muốn nói nữa không?” Gwen hỏi.

“Không còn gì nữa.”

“Được, những gì anh nói đều là sự thật sao?”

“Đúng vậy” Tôi nói. “Tôi tin những gì mình nói với em là sự thật”

Chương 32

Claire Mallory

Eric Atwell

Norman Chaney

Steven Clifton

Robin Callahan

Ethan Byrd

Jay Bradshaw

Bill Manso

Elaine Johnson

Nicholas Pruitt

Marty Kingship

Đây là tên của những người đã chết, tên thật, chỉ trừ Marty Kingship mà thôi.

Tôi không biết tại sao mình lại đổi tên anh ấy khi viết lại câu chuyện này. Có lẽ vì anh ấy có con, và giống như mọi đứa trẻ khác trên thế gian này, chúng vô tội trước tội lỗi của người làm cha mẹ. Cũng có thể anh ấy là người duy nhất đáng chịu trách nhiệm cho những gì đã xảy ra. Đương nhiên bao gồm cả tôi nữa.

Thật là buồn cười khi tôi chỉ vừa mới nhận ra rằng Marty Kingship có tên viết tắt giống hệt tôi. Kiểu như trùng hợp vậy. Tôi cho rằng những độc giả sắc sảo ngoài kia có người sẽ cho

rằng ngay từ đầu đã chẳng có Marty Kingship nào cả, rằng chỉ có một Malcolm Kershaw này mà thôi, rằng chính tôi đã thực hiện tất cả những vụ giết người đó. Đáng tiếc là không phải vậy. Nếu điều đó là sự thật thì quyển sách này sẽ có một cái kết tài tình hơn nhiều.

Sự thật là tôi chịu trách nhiệm cho tất cả những gì đã xảy ra. Marty là người ra tay nhưng tôi mới là nguyên nhân...

Tôi chính là điểm khởi đầu của mọi thứ.

Đó chính là sự thật, tôi đã phạm tội mà không hề hay biết, nhưng những điều tôi nói là sự thật, hãy tin tưởng vào điều đó.

Giờ đây tôi đang ở Rockland, Maine.

Sau khi nổ súng kết thúc cuộc đời Marty Kingship (anh ấy trông gần như hạnh phúc khi chạm vào dòng máu đang thấm qua lớp áo len, rồi rùng mình một lần cuối cùng và chết), điều đầu tiên tôi muốn làm là đến chỗ Brian Murray. Anh ấy đã tỉnh khi tiếng súng vang lên, đương nhiên rồi, đã ngóc đầu dậy và lẩm bẩm thứ gì đó. Tôi ngồi xuống bên cạnh và nói rằng đó là tiếng của một chai sâm panh bị bục nắp. Anh ấy lăn qua một bên và tiếng ngáy lại vang lên.

Sau đó, tôi kiểm tra Tess, Humphrey đã không còn nằm trên chiếc ghế sofa đối diện cô ấy nữa. Nó nghe thấy tiếng súng và chạy biến. Marty đã đúng, “Chả hiểu chó bảo vệ kiểu gì mà làm ăn chán thế.”

Tess vẫn còn thở và đang nằm nghiêng nên nếu có nôn ra đi nữa thì mọi chuyện cũng ổn thôi, không thể nào bị sặc hay ngạt thở được. Như thế tôi sẽ không cần gọi 911 gấp làm gì cả. Tôi sẽ gọi, sớm thôi, nhưng tôi muốn có thêm một chút thời gian nữa.

Tôi quay lại căn hộ của mình và nhét đồ dùng vào trong ba lô. Một ít quần áo rét, đồ vệ sinh cá nhân cùng với bức ảnh của Claire mà tôi thích nhất. Nó được chụp vào kỳ trăng mật của chúng tôi, trong hai tuần mưa ngâu ở London, hai tuần tuyệt vời nhất trong cuộc đời tôi. Trong ảnh chúng tôi ngồi trong quán rượu, Claire đối diện với tôi bằng một nụ cười nửa miệng. Tôi không biết cô ấy có thích bị chụp hình không nhưng nét hạnh phúc vẫn còn hiện rõ.

Tôi nghĩ mình sẽ tới tiệm Old Devils một lần cuối cùng để chào tạm biệt Nero, nhưng như thế sẽ tốn thứ thời gian mà tôi không chắc mình có. Tôi cần phải báo cảnh sát về thi thể trong nhà của Brian và Tess Murray. Đương nhiên là càng sớm càng tốt vì Tess cần sớm đào thải chỗ thuốc an thần trong máu ra ngoài, nhưng tôi cũng không muốn Brian bị đánh thức quá sớm và chứng kiến thi thể đang nằm trong phòng ngủ của mình.

Bầu trời bắt đầu sáng hơn khi tôi lái xe tới New Hampshire. Tôi tạt vào một cửa tiệm tạp hóa mở cửa 24/7 nằm bên đường cao tốc có chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt. Tôi mua đủ đồ ăn đóng hộp và bia cho một tuần. Sau khi chất mớ đồ vào cốp xe xong xuôi đâu đấy tôi mới gọi điện cho cảnh sát, trình báo thông tin cá nhân và thông báo về thi thể người đàn ông ở số 59 phố Deering, Boston. Sau đó tôi gọi cho Gwen, khi cô ấy gọi lại chúng tôi có cuộc nói chuyện đã được viết ở phía trên. Sau khi cúp máy, tôi đập nát chiếc điện thoại với hòn gạch tìm được trong bãi đổ và ném những mảnh vụn của nó vào trong thùng rác bên ngoài cửa hàng. Nếu họ có thể định vị được tôi thì cũng

sẽ chỉ biết được tôi đi về phía Bắc thôi, mà có biết được thì tôi cũng chẳng cần phải lo lắng về điều đó.

Phía Bắc thành phố tuyết rơi thưa hơn nhiều. Vẫn có một lớp màu trắng phủ trên mọi thứ, nhưng phần lớn là băng chứ không phải tuyết. Những lúc bình minh như thế này bầu trời giống như một bàn cờ của những đám mây mỏng. Cả thế giới dường như không màu.

Tôi đến Rockland vào tầm giữa buổi sáng, định bụng trốn đâu đó chờ trời tối nhưng cuối cùng lại quyết định mạo hiểm. Chỉ có một ngôi nhà khác nhìn ra được chỗ căn nhà cũ của Elaine Johnson và tôi hy vọng rằng bất cứ ai sống ở đó cũng sẽ không dành cả buổi sáng để nhìn ra ngoài cửa sổ. Từ lần cuối cùng đến nhà của Elaine, tôi đã để ý thấy cái ga-ra đơn của căn nhà được mở và bên trong trống trơn. Xe của Elaine, một chiếc Lincoln gổ sét có lẽ quá công kênh để nhét vừa giờ đã bị băng đóng kín bên ngoài lối vào. Tôi ngay lập tức tìm thấy căn nhà nằm không xa đường Số 1, về số rồi giữ tốc độ vừa đủ để xe không bị sa lầy. Tôi chạy vòng qua chiếc xe, vào trong ga-ra, tắt máy, ra ngoài và nắm lấy tay cầm gổ sét của nó để đóng cửa lại. Tôi đã nhìn lướt qua con phố, nhìn tới căn nhà hình hộp với mái ngói và khói bếp nghi ngút. Tôi khá mừng vì mặt trước căn nhà không hướng ra mặt đường. Hy vọng rằng không có ai nhận ra cánh cửa gara để ngỏ giờ đã đóng xuống. Tôi phá một tấm kính từ cửa sau để thò tay vào mở khóa. Khi đã khuôn hết đồ đạc trong xe vào bên trong, tôi kiếm một miếng bìa dày và dùng băng dính để vá lại chỗ vỡ. Lò sưởi vẫn còn chạy dù bộ điều nhiệt được đặt ở mức dưới sáu mươi độ. Lạnh, nhưng vẫn

nằm trong ngưỡng chịu đựng được. Tôi lấy đồ ăn của mình ra và đặt bia vào bên trong tủ lạnh, bên cạnh những thứ đồ còn lại của Elaine gồm toàn pho mát và trái cây đóng hộp. Có một chiếc ghế dài trong phòng khách mang kiểu dáng cổ điển với chân gỗ lưng ghế thấp. Tôi quyết định đó sẽ là chỗ ngủ của mình và mò lên gác tìm chăn đệm. Trong chiếc tủ quần áo ở phòng ngủ lớn có chăn ga sạch. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ được là hình ảnh Marty trong chiếc mặt nạ chú hề nhảy xổ ra khỏi tủ quần áo dọa Elaine Johnson chết khiếp. Tôi không ưa người phụ nữ này, nhưng bà ấy không đáng phải chịu cái kết kinh hoàng như vậy. Khi trở lại phòng khách, tôi quyết định sẽ không bao giờ đặt chân lên lầu trên nữa.

Đã bốn ngày trôi qua và tôi vẫn còn ở đây, đang viết dở những dòng này, trên bản thảo này, ăn thịt bò đóng hộp với xúp cà chua. Bia đã hết nhưng tôi tìm được vài thùng lớn rượu vang Gallo ở dưới hầm để uống dần.

Tôi dành phần lớn thời gian còn lại của mình để đọc sách trên chiếc ghế khá thoải mái kê bên cửa sổ vào buổi sáng, còn lúc tối trời tôi nằm trên ghế dài trùm kín chăn và đọc sách nhờ ánh sáng đèn pin. Tôi đang đọc lại sách trinh thám, không chỉ bởi vì đó là loại sách duy nhất ở đây mà còn vì tôi không còn nhiều thời gian nữa nên muốn xem lại những quyển mình ưa thích. Tôi thấy rằng mình vẫn khoái nhất những cuốn sách đã đọc từ hồi còn nhỏ. Những cuốn tiểu thuyết của Agatha Christie, Robert Parkers, bộ *Fetch* của Gregory Mcdonald. Tôi đọc một lèo cuốn *When the Sacred Ginmill Closes* của Lawrence Block và bật khóc khi tới những dòng cuối cùng.

Nếu ở trong căn nhà này có nhiều sách thơ hơn thì tuyệt, tôi chỉ tìm được một tuyển tập những bài thơ của Mỹ xuất bản vào năm 1962 nhưng may sao vẫn có thể viết lại một vài bài thơ mình ưa thích dựa vào trí nhớ. *Winter Nightfall* của Sir John Squire, *Aubade* của Philip Larkin, *Crossing the Water* của Sylvia Plath, ít nhất một nửa số khổ thơ từ bài *Elegy Written in a Country Churchyard* của Thomas Gray.

Ở đây không có mạng và tôi cũng chẳng có điện thoại.

Tôi chắc chắn rằng cảnh sát đang ráo riết truy tìm tôi, người đã giết Marty Kingship, người có đáp án cho một chuỗi những vụ án mạng tưởng chừng chẳng có gì liên quan ấy. Tôi không biết liệu Gwen có thể giúp đỡ họ đến đâu, có lẽ cô ấy đã tường thuật lại toàn bộ cuộc nói chuyện điện thoại cuối cùng của chúng tôi rồi, bỏ qua cuộc gặp đêm ấy ở Boston sau khi bị đình chỉ công tác nữa. Tôi tự hỏi không biết cô ấy có nghĩ ra được nơi tôi lần trốn không, cho đến giờ vẫn chưa có ai tới gõ cửa căn nhà này.

Còn nhiều câu hỏi chưa có lời giải, ngay cả Gwen chắc cũng vẫn còn băn khoăn nhiều thứ nữa. Có lẽ vì thế mà tôi ngồi đây viết lại những dòng hồi ký này. Tôi muốn làm sáng tỏ mọi chuyện, kể lại toàn bộ sự thật. Nhật ký của Claire đã bị thiêu hủy, nhưng không phải là toàn bộ. Thực ra tôi đã giữ lại một trang, có lẽ vì muốn có bằng chứng gì đó chứng minh rằng cô ấy đã yêu mình, một thứ gì đó được chính cô ấy viết lại.

Đó là nhật ký của một ngày mùa xuân năm 2009 và đây là những gì cô ấy đã viết.

Mình chẳng viết mấy về Mal trong những trang giấy này, cả về niềm hạnh phúc anh ấy mang lại cho mình nữa. Mình về muộn và anh ấy vẫn luôn chờ đợi ở đó, trên chiếc ghế dài. Nhiều lần anh ấy ngủ gật, với quyển sách đang mở đặt trên ngực. Tối hôm qua, khi bị mình đánh thức, yêu thương vẫn tràn đầy trong mắt anh. Mal nói rằng anh ấy mới đọc được một bài thơ mà có thể mình sẽ thích.

Mình quả thực thích nó, thậm chí là yêu nó nữa. Bài thơ của Bill Knott và mình sẽ viết lại nó ở đây để không bao giờ quên đi. Bài thơ mang tên Goodbye.

*If you are still alive when you read this,
close your eyes. I am
under their lids, growing black.*

Tạm dịch:

*Nếu bạn đang sống khi đọc những dòng này,
hãy nhắm mắt lại. Tôi là
dưới tấm màn ấy, đang tối dần đi.*

Tôi còn nói dối điều gì nữa không?

Không biết đây có phải là lời nói dối không hay chỉ đơn giản là lãng quên nhưng giờ tôi nhớ ra lúc mình giết Norman Chaney ở Tickhill, tôi đã mô tả rằng mình để mặt gã nằm đó sau khi bị siết cổ tới chết. Nhưng thực tế là sau khi kiểm tra thấy không còn mạch đập, tôi hẳn phải hoảng sợ lắm nên mới vớ lấy xà beng và đập túi bụi vào mặt gã. Tôi sẽ không miêu tả những gì còn lại sau khi mọi thứ xong xuôi, nhưng tôi đã ngồi phịch xuống sàn và tưởng rằng mình sẽ không bao giờ đứng lên được nữa, không bao giờ có thể là chính mình được nữa. Lúc đó

chính Nero đã cứu tôi. Nó cho tôi một lý do để đứng dậy và chạy trốn. Tôi nghĩ mình đã làm mọi thứ nghe như thể tôi mới là người cứu Nero nhưng thực tế là ngược lại. Thật sáo rỗng, tôi biết, nhưng sự thật đôi khi là như thế.

Khi kể với Gwen về giấc mơ rằng mình đã giết Steven Clifton, những gì tôi nói cũng là sự thật. Đó là sự thật mà tôi biết. Tôi thực sự không nhớ được nhiều những gì xảy ra trong năm tiếp theo sau cái chết của Claire (sau khi tự mình chèn xe cô ấy xuống vực, có thể nói là vậy), nhưng còn nhớ rõ ràng giấc mơ đó, giấc mơ mình lái xe đâm Clifton. Có những khoảnh khắc tôi có thể nhớ được rõ ràng từng chi tiết, nhưng chỉ là những đoạn ngắn ngắt quãng mà thôi.

Steven Clifton đã hoảng loạn, gương mặt ông ta tái nhợt và nhợt nhòa. Nó giống với Gwen. Có lẽ sau cùng nó cũng không phải là một giấc mơ đâu.

Điều cuối cùng tôi muốn ghi lại ở đây là vào đêm tôi và Marty nói chuyện ở nhà hai vợ chồng Murray, cái đêm anh ấy tiết lộ mọi thứ ấy, tôi đã hỏi về bình luận được để lại trên trang blog của tiệm Old Devils dưới cái tên Doctor Sheppard. Anh ấy lộ rõ vẻ bối rối khi được hỏi.

“Bác sĩ Sheppard ấy” Tôi nói. “Nhân vật kẻ giết người trong cuốn *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd*.”

Giờ nghĩ lại thì có khi tôi chính là người đã để lại cái bình luận đó. Như tôi đã nói, có nhiều đêm trong suốt những năm này tôi không phân biệt nổi đâu là thực, đâu là mơ nữa. Claire, gương mặt cô ấy trong bóng đêm, quay sang và nhìn tôi ngay trước khi tôi chèn chiếc xe rơi xuống vực. Norman Chaney và

những gì còn lại của gã tung tóe trên sàn nhà ở Tickhill. Sự xóc nảy của chiếc xe khi thân thể của Steven Clifton bị đâm trong cái nóng nực mùa hè. Đôi khi bia có thể giúp tôi làm dịu đi mọi thứ, nhưng cũng có thể tôi đã uống quá nhiều nên đã tự để lại cho mình một bình luận trên bài viết “*Tám vụ giết người hoàn hảo*” trong lúc mơ hồ.

Và nếu đó thật sự là tôi, thì mọi thứ giống như điềm báo vậy. Tôi đang đọc lại cuốn *Vụ ám sát ông Roger Ackroyd* đây, sau khi tìm thấy nó lẫn trong chồng sách trong góc phòng ăn. Đây là một phiên bản bìa mềm bỏ túi với hình Ackroyd gục trên ghế, con dao thò ra ở phía sau lưng. Quyển đó khá buồn tẻ, thực sự, cho đến khi bạn đọc đến hai chương cuối cùng. Tôi đã nhắc đến chương áp chót với tiêu đề là “Toàn bộ sự thật” rồi đấy.

Chương cuối cùng có tên là “Apologia” và nó chính là thứ khiến bạn nhận ra rằng từ đầu đến giờ thứ mình đang đọc hóa ra lại là bức thư tuyệt mệnh.

Ngoài trời tuyết đang rơi và cơn gió đập rầm rầm vào cửa sổ căn nhà. Tôi mạo hiểm nhóm lửa lò sưởi, sẽ không có ai để ý một chút khói giữa cơn bão tuyết lớn như thế này đâu.

Ngồi bên ngọn lửa với một ly rượu vang làm cho người ta thấy thật thoải mái. Cuốn sách cuối cùng mà tôi đọc là *Và rồi chẳng còn ai*. Nó là cuốn sách ưa thích của tôi, ít nhất là một trong những cuốn ưa thích, nếu không muốn nói là thích nhất, lại rất phù hợp với hoàn cảnh hiện giờ.

Tôi sẽ viết ở đây rằng mình sắp được ở bên Claire một lần nữa rồi, sớm thôi, nhưng thực ra tôi không hề tin vào mấy chuyện nhảm nhí đó. Khi chúng ta chết đi, ta trở thành hư vô,

thứ hư vô đó đã tồn tại trước khi ta ra đời, và giờ ta trở về trong vòng tay vĩnh hằng của nó. Nhưng nếu đó là nơi có Claire, trong u tối, trong hư vô, vậy thì đó cũng là nơi tôi nên ở.

Kế hoạch của tôi là khi cơn bão đã qua và xe cào tuyết đã làm xong nhiệm vụ. Tôi sẽ nhét đầy chiếc áo khoác mùa đông của mình với mớ chặn giấy thủy tinh nặng trĩu trong cái tủ ở phòng khách. Khi đêm xuống tôi sẽ đi tới trung tâm Rockland, đi ra cầu cảng, đi qua cầu tàu kéo dài một dặm với chức năng như đê chắn sóng cho Cảng Rockland. Tôi sẽ đi đến cuối con đường, và cứ thế đi tiếp. Tôi không háo hức chờ mong được đắm mình trong dòng nước lạnh giá đó, nhưng tôi nghĩ mình sẽ không cảm thấy cái lạnh lâu đâu.

Tôi sẽ chết đuối, và điều đó làm tôi cảm thấy một chút hài lòng khi theo một cách nào đó, nó sẽ thỏa mãn một trong những vụ án trong bản danh sách tám vụ giết người hoàn hảo kia - cuốn *Chết trong làn nước* của MacDonald. Có lẽ họ sẽ lẩn cán không biết đây có thực sự là một vụ tự sát hay không, cũng có thể xác của tôi sẽ không bao giờ được tìm thấy, nhưng dù thế nào đi nữa thì thật tuyệt khi biết rằng mình sẽ để lại một bí ẩn trên cõi đời này.

Lời cảm ơn

Annie's Book Swap, Danielle Bartlett, James M. Cain, Angus Cargill, Agatha Christie, Anthony Berkeley Cox, Caspian Dennis, Bianca Flores, Joel Gotler, Kaitlin Harri, Sara Henry, David Highfill, Patricia Highsmith, Tessa James, Bill Knott, Ira Levin, John D. MacDonald, A. A. Milne, Kristen Pini, Sophie Portas, Nat Sobel, Virginia doba Stanley, Donna Tartt, Sandy Violette, Judith Weber, Adia Wright, và Charlene Sawyer.